mưa

Guy de Maupassant
Somerset Maugham
Jack London
John Steinbeck
Charles Dickens
Lâm Ngữ Đường

Nguyễn Hiến Lê
dịch

Tập truyện ngắn

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HIẾN LÊ
Tuyển dịch và Giới thiệu

MƯA

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời nói đầu

Năm 1963 chúng tôi cho in quyển tập gồm tám truyện ngắn ngoại quốc nhan đề là Những truyện thương tâm, hai năm sau tuyệt bản.

Năm 1966 ông Giản Chi rút ra một truyện - truyện Kiếp sống thừa, *cho vào* Tuyển tập Lỗ Tấn; *và năm ngoái chúng tôi lại rút ra một truyện nữa - truyện* Trời biết đấy nhưng còn đợi - *cho vào phần phụ lục bộ* Chiến tranh và Hòa bình *của Léon Tolstoi.*

Để thay hai truyện đó, chúng tôi đưa vô bốn truyện khác đều dịch từ lâu:

– Người chỉ huy *của John Steinbeck*
– Một cuộc ráp *của John Steinbeck*
– Người báo hiệu *của Charles Dickens*
– Lão Râu Quăn *của Đỗ Quang Đình*

Nhan đề cũ không còn hợp nữa, chúng tôi đổi lại là Mưa.

Vậy tuyển tập mới này gồm cả thảy mười truyện của sáu danh sĩ Pháp, Anh, Mĩ, Trung Hoa.

Sáu danh sĩ, mỗi nhà có một bút pháp riêng, nhưng kĩ thuật đều là cổ điển - cổ điển theo cái nghĩa trái với kĩ thuật trong loại «tân tiểu thuyết" (nouveau roman) của Pháp ngày nay; và tuy có nhà không nói ra nhưng chắc chắn đều nghĩ như

Tolstoi: "Chỉ vì tánh cách không vị lợi mà nghệ thuật mới được thiên hạ tôn sùng" *và đều chủ trương như Somerset Maugham:* "Cứ sáng tác cho nghệ thuật, làm vui người đọc người nghe rồi (...) độc giả thông minh sẽ tự rút ra được một bài học".

Mười truyện ngắn, mỗi truyện một vẻ; truyện thì mỉa mai cay độc, truyện thì bình dân mà lại chua xót, truyện thì buồn man mác, truyện thì mơ màng hoặc rùng rợn, khung cảnh cũng rất thay đổi: từ một khách sạn ở Pháp thế kỉ XVIII hoặc một tửu lầu ở Trung Hoa thế kỉ thứ VII, tới cảnh dông tố kinh hồn trên Thái Bình Dương, cảnh một cái đầm trong veo, nên thơ mà huyền ảo giữa một khu rừng ở Apia, cảnh một đám sương mù uốn khúc bò lên từng đợt từ một vũng lầy hôi hám ở Mĩ...

Nhưng truyện nào cũng rất hấp dẫn, hễ đã bắt đầu đọc là không thể ngừng được nữa, tình tiết rất đột ngột, kết cấu hầu hết bất ngờ, vì chúng tôi nghĩ một truyện hay thì trước hết phải có những đặc điểm đó đã. Nhiều truyện đọc xong làm cho chúng ta miên man suy nghĩ về những yếu đuối, mâu thuẫn, những đau khổ, chiến đấu của con người, chiến đấu với thiên nhiên, với số mạng, với kẻ khác và cả với bản thân mình nữa; và chúng ta phải nhận rằng triết lí không phải chỉ nằm trong các bộ luận thuyết khô khan mà còn tiềm tàng trong các truyện ngắn dài bất hủ của nhân loại. Danh sĩ nào cũng là một triết nhân. Chính nhờ có một nhân sinh quan đẹp, một bút pháp cao mà họ mới được hậu thế trọng vọng.

Sài Gòn ngày 15-4-1969
Dịch giả

GUY DE MAUPASSANT

Độc giả ít ai còn lạ với Guy de Maupassant (1850 - 1893) nên chúng tôi không cần phải giới thiệu nhiều. Ông với Honoré de Balzac (1799 - 1850) là hai tiểu thuyết gia Pháp ở thế kỉ trước được Âu, Mĩ, mà có lẽ cả thế giới khâm phục nhất.

Anatole France bảo "*nghệ thuật viết truyện của ông hoàn toàn: mạnh mẽ, uyển chuyển mà cân xứng*". Léon Tolstoi khen ông là "*đã đạt được những chỗ thâm áo yên lặng của đời người*". Còn những tiểu thuyết gia Anh như Joseph Conrad và William Somerset Maugham đều nhận rằng "*tài kể truyện của ông thì không ai bằng*"; nhất là Maugham coi ông như bậc thầy của mình, chịu phục rằng nhiều truyện ngắn của ông, không dư mà cũng không thiếu một chi tiết, đem ra kể thì bất kì ai nghe cũng phải mê.

Tác phẩm của ông gồm non hai chục cuốn vừa truyện ngắn, truyện dài (không kể một tập thơ). Nhiều nhà phê bình đồng ý rằng truyện dài hay nhất của ông là *Une Vie*

(*Một đời sống*); còn truyện ngắn xuất sắc nhất là *Boule de Suif* mà chúng tôi dịch là *Thùng Nước lèo*. Chính truyện ngắn này đã được nhà xuất bản Seghers lựa trong tập *Les Vingt meilleures nouvelles franaises* (1956) và nhà Pocket Library trích và ca tụng trong tập: *The great short stories of De Maupassant* (1955).

Trong khoảng bốn chục trang, tác giả kể cho ta nghe một bi hài kịch thời chiến tranh Pháp - Phổ (1870). Nhân vật gồm gần đủ các giới trong xã hội Pháp thời đó: giới quí phái, giới con buôn trọc phú, giới cách mạng, giới cần lao… nhân vật chính là một gái điếm, mà hạng người còn có liêm sỉ giữ được chút thiên lương lại chính là ả gái điếm đó chứ không phải là bọn thượng lưu như ta tưởng.

Ông không giảng luân lí, không dựng một triết lí, không phân tích tâm lí, cơ hồ như cũng không có một thắc mắc nào cả, chỉ kể chuyện một cách rất khách quan, không thương cũng không ghét, mà rất có nghệ thuật, tình tiết xảy ra tự nhiên, đoạn trước gợi đoạn sau, đoạn sau giảng thêm đoạn trước, thành thử câu truyện rất nhất trí, mạnh mẽ, đầy đủ mà hấp dẫn, đọc không thấy chán. Đọc xong ai cũng thấy một vị chua chát và có cảm tưởng rằng tác giả nhìn xã hội bằng một cặp mắt tinh quái, ngạo đời, nhưng không tàn nhẫn.

Riêng chúng tôi, chúng tôi thấy có vài nét hơi đậm, mạnh và bén thật, nhưng kém phần tế nhị; có lẽ đó là một tật chung của tuổi trẻ vì ông viết chuyện đó hồi mới ngoài

hai mươi. Những tác phẩm hồi sau giọng đằm hơn; khi đã từng trải nhiều, lòng trắc ẩn của ông mới hiện rõ, như trong truyện dài *Une Vie* chẳng hạn.

Dù sao, văn mỗi tuổi cũng có vẻ đẹp riêng của nó, và *Thùng Nước lèo* vẫn đáng là "*một trong những bi hài kịch hay nhất của hậu bán thế kỉ trước*"(1).

(1) Saintsbury - một phê bình gia nổi tiếng của Anh (1845 - 1933) chuyên phê bình văn học Anh và tiểu thuyết Pháp.

THÙNG NƯỚC LÈO

BOULE DE SUIF[1]

Luôn mấy ngày liền, những mảnh tàn quân đã đi qua châu thành. Không còn phải là một bộ đội nữa mà chỉ là một bầy ô hợp tán loạn. Râu thì dài và bẩn, quân phục thì rách rưới, họ uể oải tiến, chẳng cờ xí, chẳng kỉ luật gì cả. Hết thảy đều có vẻ mệt đừ, không suy nghĩ, quyết định được gì nữa, chỉ do thói quen mà bước, chứ hễ ngừng lại là té quị liền vì kiệt sức. Nhiều nhất là bọn bị động viên, hạng người vốn hiếu hòa, yên nhiên hưởng lợi tức đó mang không nổi cây súng; rồi tới bọn dân quân nhỏ bé, nhanh nhẹn, dễ hoảng hốt mà cũng dễ hăng tiết, sẵn sàng chiến đấu mà cũng sẵn sàng đào tẩu; xen vào những bọn đó có vài tên lính chánh qui, quần cụt đỏ đã mệt đừ, còn sót lại sau một trận lớn; một số lính pháo thủ ủ rủ sắp hàng với những bộ binh hỗn tạp đó; và thỉnh thoảng người ta thấy cái nón bóng loáng của một kị binh nặng nề bước mà theo không kịp bọn phóng viên nhanh nhẹn.

---

(1) Chính nghĩa là *"cục mỡ bò tròn vo"*, thứ mỡ để làm nến - Trỏ một người mập, tròn.

Tới phiên những đoàn nghĩa dũng quân đi ngang qua, tên thì rất oai hùng: "*Đội trả thù Chiến bại - Đội Công dân của Nhà mồ - Đội Chia phần chết*", mà vẻ mặt thì y như tụi ăn cướp.

Chủ soái của họ, xưa kia buôn nỉ hay buôn lúa, bán mỡ bò hay bán xà bông, do hoàn cảnh mà thành chiến sĩ, nhờ có nhiều tiền hay có bộ râu mép dài mà được phong làm sĩ quan, mình đeo đầy khí giới, bận đồ nỉ, gắn lon, bàn cãi oang oang về những trận đồ, phách lối khoe khoang rằng chỉ có mình là đưa vai ra để chống đỡ nước Pháp hấp hối; nhưng đôi khi họ sợ ngay những lính của họ, bọn đầu trộm đuôi cướp, thường can đảm ghê gớm, phá phách và trụy lạc.

Tụi Phổ sắp vô thành Rouen, người ta bảo vậy.

Đội dân quân, hai tháng nay, thận trọng dò xét trong những cánh rừng bên cạnh, có khi bắn lầm vào lính gác của mình, và mới nghe thấy tiếng động của một con thỏ con ở trong bụi là đã lắp đạn sẵn sàng chiến đấu rồi, bây giờ cũng đã giải tán, ai về nhà nấy. Khí giới của họ, quân phục của họ, tất cả những khí cụ sát nhân của họ trước kia làm cho các cây trụ trên quốc lộ trong một khu rộng ba dặm ở chung quanh phải bở vía, bỗng biến đi đâu mất hết.

Những người lính Pháp cuối cùng mới qua con sông Seine để theo đường Saint-Sever, Bourg Achard mà tới Pont Audemer, và ở cuối đoàn, viên tướng tuyệt vọng, vô phương mưu tính cái gì được với bọn tàn quân rời rạc đó, đành bước theo họ, giữa hai sĩ quan hầu cận. Vì chính ông

cũng ngơ ngác trong cuộc tan rã lớn lao của một dân tộc quen thắng trận mà rồi thua một cách tai hại mặc dầu khét tiếng hùng dũng.

Rồi thì một không khí trầm lặng, chờ đợi, hoảng hốt, bao phủ khắp châu thành. Nhiều ông trọc phú[1] buôn bán riết rồi hóa ra bụng bự, mất cả khí lực y như một tụi hoạn, lo lắng run rẩy đợi kẻ thắng tới, chỉ sợ chúng cho những cây tiêm nướng thịt và những con dao phay là khí giới thì có mà bỏ mạng với chúng.

Đời sống như ngưng lại; tiệm thì đóng cửa, mà đường phố thì không có tiếng người. Thỉnh thoảng một thường dân thấy cảnh tĩnh mịch đó, đâm hoảng, nép vào chân tường mà chạy.

Đợi chỉ thêm lo, nên người ta mong kẻ thù tới phắt đi cho rồi.

*

Buổi chiều sau cái ngày quân Pháp rút đi, vài tên kị binh Phổ, không biết ở xó nào chui ra, vội vã băng qua châu thành. Rồi một lát sau một đám đen từ dốc Sainte-

(1) Nguyên văn là bourgeois. Tiếng này cũng như tiếng genileman của Anh không thể dịch ra tiếng Việt được, vì nước mình không có giai cấp nào giống giai cấp bourgeois thời trung cổ ở Pháp, vả lại tiếng đó có tới bốn, năm nghĩa. Theo nghĩa trong truyện này chúng tôi dịch là trọc phú, tuy chưa đúng hẳn, nhưng còn hơn tiếng trưởng giả mà nhiều người thường dùng.

Catherine tiến xuống trong khi hai đợt sóng xâm lăng xuất hiện trên những con đường Darnetal và Boisguillaume. Cùng một lúc, tiền quân của ba đội đó hợp nhau lại ở Thị Sảnh, và do tất cả những đường phố chung quanh, quân Đức ập tới, trải ra trên đường, bước chân gõ nhịp nhàng vang động.

Trong khi những hiệu lệnh hô lớn bằng một giọng lạ tai, ồ ồ dội lên giữa hai dãy nhà như bỏ hoang, thì sau những cánh cửa sổ khép, có những cặp mắt rình ngó bọn người thắng trận, bọn người do "quyền chiến tranh" mà được làm chủ châu thành, chủ tài sản và sinh mạng. Ở trong căn phòng tối tăm vì đóng kín, dân chúng hoảng sợ như gặp thiên tai, những cuộc biến chuyển tàn hại của trái đất mà kẻ nào khôn lanh, mạnh mẽ tới mấy cũng đành thúc thủ. Vì mỗi lần mà trật tự bị đảo lộn làm mất sự an toàn, mà luật lệ của loài người và của vũ trụ không còn che chở được cái gì nữa, mà mọi sự đều bị một sức tàn bạo vô ý thức chi phối, thì cái cảm giác đó lại hiện lên. Một cuộc động đất đè bẹp cả một dân tộc dưới những ngôi nhà sụp đổ; một trận lụt cuốn thây những người nông dân với thây những con bò hay những cây xà nhà bứt lìa nóc, hoặc một đội quân thắng trận tàn sát những kẻ dám chống cự lại, lùa bọn tù binh đi, rồi nhân danh lưỡi kiếm mà cướp bóc, và cảm ơn một vị Thần nào đó bằng tiếng đại bác; những cái đó đều là những tai ách khủng khiếp làm cho người ta chưng hửng, hết tin ở lẽ công bình của Thượng đế, hết tin ở sự che chở của Trời và ở lẽ phải của loài người như trong sách thường dạy.

Kế đó những toán người đi gõ cửa từng nhà và biến mất vào trong nhà. Sau khi chiếm đất rồi tới lúc đóng quân. Bổn phận của kẻ thua là phải tỏ ra ân cần với kẻ thắng.

Được ít lâu, sự hoảng sợ lúc đầu đã qua, sự yên tĩnh trở lại. Trong nhiều gia đình, sĩ quan Phổ ăn chung một bàn với chủ nhà. Vài kẻ cũng có giáo dục, tỏ vẻ nhã nhặn mà thương hại cho nước Pháp và bảo rằng không muốn dự cái chiến tranh này, nó tởm lắm. Người ta mang ơn họ đã có thiện cảm với mình, vả lại, biết đâu chừng, sau này chẳng có lúc cần sự che chở của họ. Vị nể họ thì có thể xin bớt được vài miệng phải nuôi. Đã hoàn toàn ở trong tay họ rồi thì làm mất lòng họ làm chi? Hành động như vậy không phải là can đảm mà là táo bạo - Mà các ông trọc phú ở Rouen không còn cái tật táo bạo như hồi xưa, hồi châu thành đó rạng danh vì những cuộc chống cự anh dũng nữa - Sau cùng người ta tự nhủ rằng - và đây là cái lí do tối thượng người ta rút được trong phép lịch sự của Pháp - miễn là ra ngoài đường đừng tỏ ra thân mật với lính ngoại quốc, còn ở trong nhà thì có thể lễ phép với họ được. Ra ngoài, thì là người lạ, mà ở nhà thì cứ vui vẻ chuyện trò; và người Đức mỗi buổi tối lại ngồi sưởi nán thêm một lúc ở bên lò sưởi chung.

Đến ngay châu thành cũng lần lần có vẻ bình thường trở lại. Người Pháp vẫn chưa ra đường nhưng lính Phổ thì lúc nhúc ngoài phố. Với lại, bọn sĩ quan khinh kị bận đồ xanh, tuy ngạo nghễ kéo lê thanh gươm trên mặt đường, nhưng đối với bọn dân chất phác, coi vẻ cũng không

khinh họ gì quá lắm, không khó chịu gì hơn bọn sĩ quan truy kích mà năm trước, từng giải khát ở những quán cà phê này.

Nhưng trong không khí vẫn có cái gì, một cái gì tế nhị và bí mật, một không khí lạ, chịu không nổi, như có một mùi gì nó lan ra, mùi xâm lăng. Nó đầy trong các tư gia, trong các công trường, làm cho thức ăn mất vị và người ta có cảm tưởng đi du lịch ở đâu xa lắm, tại những bộ lạc dã man và nguy hiểm.

Tụi thắng trận đòi tiền, rất nhiều tiền. Dân châu thành luôn luôn phải trả; với lại người ta giàu có mà. Nhưng một thương gia càng giàu có, thì lại càng đau khổ vì phải hi sinh của cải khi thấy đồng tiền kiếm ra được vào tay kẻ khác mất.

Tuy nhiên theo dòng sông đi xuôi xuống phía dưới châu thành độ vài ba dặm, về phía Croisset, Dieppedalle hoặc Biessart, những người chèo thuyền hay đánh cá thường kéo lên được ở đáy sông xác một tên Đức bận quân phục; đã trương ra, bị đâm hay đập, liệng đá bể đầu hay từ trên cầu cao xô xuống dòng nước. Bùn sông vùi lấp những cuộc trả thù tối tăm, man rợ, âm thầm đó, nó nguy hiểm hơn những cuộc chiến đấu giữa thanh thiên bạch nhật mà lại không có tiếng vang của danh vọng.

Vì luôn luôn có những người Đại đởm căm thù kẻ ngoại quốc mà sẵn sàng chết cho một lí tưởng.

Sau cùng, thấy bọn xâm lăng mặc dầu bắt châu thành

phải phục tòng một kỉ luật sắt, nhưng không có những hành động ghê tởm mà người ta phao lên trong cuộc tiến binh đắc thắng của họ, nên dân chúng bạo dạn lên và bọn thương gia lại thấy cần phải buôn bán, không thể ngồi không được. Vài người có những mối lợi lớn mắc kẹt ở Havre còn do quân đội Pháp chiếm, và họ muốn đi theo đường bộ tới Dieppe rồi xuống thuyền ra hải cảng đó.

Người ta làm quen với sĩ quan Đức, vận động xin viên tướng tổng tư lệnh một giấy phép xuất hành.

Một chiếc xe lớn bốn ngựa đã được giữ trước cho cuộc hành trình đó, mười người đã ghi tên ở nhà chủ xe, và người ta định sáng thứ ba, khởi hành khi còn tối đất để cho dân chúng khỏi bu lại coi.

*

Từ mấy bữa nay, đất đóng giá, cứng ngắc, và vào khoảng ba giờ chiều hôm thứ hai, những đám mây đen từ phương Bắc đùn về rồi tuyết đổ liên tiếp suốt buổi tối và ban đêm.

Bốn giờ rưỡi sáng, hành khách họp nhau ở sân khách sạn Hotel de Normandie để lên xe.

Họ còn ngái ngủ, quấn mền mà vẫn rét run. Trong bóng tối người ta không thấy rõ mặt nhau; người nào cũng bận những bộ áo lạnh dầy cộm và nặng nề, coi y như là những ông mục sư bụng bự lượt bượt trong bộ áo thầy tu vậy. Nhưng có hai người nhận được nhau, rồi một người

thứ ba tiến lại, họ trò chuyện với nhau.

Một người nói: - Tôi dắt nhà tôi theo.

– Tôi cũng vậy.

– Mà tôi cũng thế.

Người thứ nhất nói thêm:

– Chúng tôi sẽ không trở về Rouen nữa và nếu tụi Phổ tiến lại Havre thì chúng tôi sẽ qua Anh.

Khí chất giống nhau nên dự tính của họ cũng giống nhau.

Nhưng sao vẫn chưa thắng xe kìa? Một ngọn đèn nhỏ - do một tên giữ ngựa cầm - thỉnh thoảng ở trong một cái cửa tối om hiện ra rồi lại biến ngay vào trong một cái cửa khác. Ở phía sau nhà có tiếng chân ngựa dậm đất, nhưng nghe không vang vì đất phủ rơm, rồi có tiếng đàn ông nói với ngựa và chửi thề. Tiếng lục lạc leng keng báo rằng người ta lấy bộ cương ra, rồi tiếng đó rung lên, trong trẻo, đều đều, nhịp nhàng theo bước chân ngựa, thỉnh thoảng ngưng một chút rồi thình lình khua động trở lại, tiếp theo là tiếng đục đục của những móng sắt dậm trên mặt đất.

*

Đột nhiên cửa khép lại. Mọi tiếng ngưng hẳn. Bọn trọc phú lạnh cóng, đứng im, cứng ngắc, không nói năng gì cả.

Một bức màn tuyết trắng bất tận, liên tục rớt xuống

đất, lấp lánh; mọi vật đều mất hình, phủ một lớp bụi như bọt nước đá; và trong cảnh tĩnh mịch của thành phố yên lặng, bị vùi dưới mùa đông, người ta chỉ nghe thấy tiếng sột soạt mơ hồ, chập chờn, không có tên để gọi, của tuyết rơi; nó là một cảm giác hơn là tiếng động, nó là sự xen trộn của những vật rất nhỏ và nhẹ đầy cả không trung, khắp cả mặt đất.

Người đàn ông mang cây đèn hiện ra, tay cầm đầu dây kéo một con ngựa; con vật buồn rầu, miễn cưỡng bước. Người đó ghìm con ngựa ở sát càng xe, cột lại, loay hoay một lúc lâu ở chung quanh để thắng cho được chắc, vì một tay mắc cầm đèn rồi, chỉ có một tay là rảnh. Khi người đó quay lại kiếm con ngựa thứ nhì thì nhận thấy rằng hành khách đứng im, tuyết đầy người, bèn bảo: "Tại sao không lên xe mà ngồi, ít nhất cũng khỏi phải hứng tuyết".

Có lẽ họ không hề nghĩ tới, nay có người nhắc, họ mới ùa lên xe. Ba người đàn ông để cho vợ ngồi trong cùng rồi leo lên theo; những bóng mờ mờ tùm hụp khác lẳng lặng lên chiếm những chỗ còn lại.

Sàn xe phủ đầy rơm, chân họ lún xuống. Những bà ngồi ở trong có đem theo lồng ấp nhỏ bằng đồng, đốt thứ than hóa học lên rồi thì thầm kể những tiện lợi của thứ lồng ấp đó cho nhau nghe, lặp lại những điều mà ai nấy biết thừa rồi.

Sau cùng xe đã thắng xong, sáu con ngựa chứ không phải bốn, vì phải kéo nặng. Một tiếng ở ngoài hỏi vô: "Mọi người lên xe cả rồi chứ?" Có tiếng ở trong đáp:

"Rồi". Thế là khởi hành.

*

Xe tiến chậm, chậm quá, từng bước một. Bánh xe lún xuống tuyết; thùng xe rắc rắc, rên rỉ; ngựa trượt chân thở phì phì; và chiếc roi lớn của người đánh xe, kêu đôm đốp hoài, bay tứ phía, cuốn lại rồi bung ra như một con rắn tong teo, thình lình quất vào một cái mông ngựa tròn, làm cho con vật phải lấy gân mà gắng sức.

Ánh sáng lên lần lần mà không hay. Tuyết không đổ nữa. Một hành khách, dân Rouen chính cống, so sánh tuyết đổ với một trận mưa bông gòn. Một ánh sáng đục lọc qua những đám mây lớn, đen và nặng, làm cho cảnh đồng quê trắng xóa càng thêm phần rực rỡ; đây đó hiện lên một hàng cây lớn đóng giá hoặc một mái nhà tranh phủ tuyết.

Trong ánh sáng ảm đạm của bình minh, hành khách trên xe nhìn nhau.

Ở trong cùng, chiếm những chỗ tốt nhất, vợ chồng Loiseau, buôn rượu ở đường Grand-Pont, đương thiêm thiếp ngủ.

Trước kia làm tài phú cho một nhà buôn, nhà buôn này phá sản, Loiseau mua lại cửa tiệm mà làm giàu. Hắn bán rất rẻ những thứ rượu rất tồi cho các tiệm bán lẻ ở nhà quê và trong giới quen biết thân hay sơ, người ta đều coi hắn là một tên bợm quỷ quyệt, một dân Normand chính cống, mưu mô, vui tính.

Hắn nổi danh xoáy đến nỗi một buổi tối nọ ở quận, ông Tournel, một nhà đặt ngụ ngôn và vè có giọng cay độc và tế nhị, được nhiều người trong miền biết tiếng, khi thấy các bà các cô buồn ngủ cả, mới đề nghị chơi trò "*Loiseau bay*"(1) rồi danh từ đó bay khắp các phòng khách ở quận, lan ra tới tỉnh, làm cho dân trong tỉnh cười sái hàm suốt một tháng trời.

Loiseau còn có tài khôi hài, thanh nhã và tục tĩu, đủ giọng, và nhắc đến tên hắn thì ai cũng phải bảo:

– Thằng cha đó thật tức cười!

Nhỏ con mà bụng tròn như trái banh, mặt đỏ, râu mép lốm đốm hoa râm.

Mụ vợ cao lớn, cương quyết, to tiếng, quyết định mau, trông nom sổ sách tiền nong trong cửa hàng, nhờ mụ mà cửa hàng hoạt động và vui vẻ.

Bên cạnh cặp đó, là lão Carré-Lamadon, đàng hoàng hơn, ở trong một giới sang trọng hơn, được trọng vọng, có địa vị trong nghề buôn bông, làm chủ ba hãng dệt, được thưởng Tứ đẳng Bắc đẩu bội tinh và là nghị viên quận hạt. Trong suốt thời Empir(2). Lão cầm đầu phe đối lập có thiện

(1) *Loiseau vole* mà cũng có nghĩa là "Loiseau xoáy" - Vole có nghĩa là bay, hoặc ăn cắp. Lại có thể hiểu nghĩa là "chim bay" nữa, và khi nghe nói, người ta không phân biệt được hai tiếng Loiseau (tên người) loiseau (con chim).

(2) Tức Second Empire, thời Nã Phá Luân đệ tam cầm quyền, từ 1852 đến 1870. Truyện này tả xã hội Pháp trong chiến tranh Pháp Phổ năm 1870

chí, đả kích bằng những khí giới lễ độ - như lão nói - mục đích duy nhất là để cho chính quyền có muốn mua chuộc hắn thì phải trả một giá đắt. Mụ Carré-Lamadon trẻ hơn ông chồng nhiều, là niềm an ủi cho những sĩ quan con nhà sang trọng phải đổi đến đóng ở Rouen.

Đối diện với chồng, mụ ta nhỏ xíu rất dễ thương, rất xinh xắn, thu hình trong bộ áo cầu, não nuột ngó phía trong thảm hại của chiếc xe.

Ngồi bên cạnh mụ là ông bà bá tước Hubert de Bréville một trong số những gia đình quí phái kì cựu nhất ở Normandie. Ông bá tước già, rất sang trọng, tướng mạo vốn đã hơi giống vua Henri IV lại được ông rán tô chuốt cho càng giống hệt. Theo một truyền thuyết vẻ vang cho gia đình ông thì vua Henri IV hồi xưa có làm cho một bà trong giòng Bréville mang bầu rồi ông chồng của bà đó nhờ vậy được phong bá tước, làm thống đốc một tỉnh.

Bá tước Hubert là bạn đồng viện với lão Carré Lamadon, thay mặt cho đảng Orléan ở trong tỉnh. Tại sao mà ông ta lại cưới con gái một chú chủ tàu nhỏ ở Nanter, thì tới bây giờ vẫn là chuyện bí mật. Nhưng bà bá tước có vẻ sang trọng tiếp khách rất khéo, có kẻ đồn rằng bà được một người con của vua Louis Phillipe[1] để mắt tới, thành thử tất cả giới quí phái trong miền rất niềm nở với bà mà phòng khách của bà nổi tiếng nhất tỉnh, khó khăn mới được vô cái nơi độc nhất mà người ta còn giữ được

---

(1) Trị vì từ 1830 đến 1848.

thái độ phong nhã thời cổ đó.

Gia tài của gia đình Bréville, gồm toàn bất động sản, theo thiên hạ kháo nhau, lợi tức được tới năm trăm ngàn đồng mỗi năm.

Sáu người đó, ngồi ở phía trong cùng chiếc xe. Đó là khu của giới có lợi tức, của bọn người lương thiện, có quyền hành, theo tôn giáo và sống có qui tắc.

Do một sự ngẫu nhiên kì dị, đàn bà ngồi chung cả một ghế; và bên cạnh bà bá tước có hai bà Phước đương lần tràng hạt lầm rầm tụng *kinh Lạy cha* và *kinh Kính mừng*. Một bà Phước đã già, mặt rỗ như tổ ong. Bà kia rất nhỏ yếu, mặt mũi xinh mà bệnh hoạn, ngực lép như người ho lao bị đức tin tàn phá đục rỗng phổi, thứ đức tin nó tạo nên những kẻ cảm tử vì đạo.

Trước mặt hai bà Phước đó là một người đàn ông và một người đàn bà mà mọi người đều chăm chú ngó.

Người đàn ông là Cornudet biệt danh "dân chủ" mà ai cũng biết hắn là ông kẹ của hạng tôn tưởng. Từ hai chục năm nay, hắn nhúng bộ râu đỏ và rậm vào những cốc rượu tại khắp tiệm cà phê dân chủ. Hắn cùng với anh em và bạn bè đã ăn hết cái gia sản khá lớn của cha hắn bán mứt để lại, và hắn nóng lòng đợi Chính phủ Cộng hòa thành lập để nhận một địa vị xứng đáng cho bỏ cái công hắn uống bao nhiêu là rượu dân chủ rồi. Ngày mùng bốn tháng chín[1], có lẽ do một trò khôi hài, hắn tưởng được chức chủ quận, nhưng khi hắn tới nhậm chức, thì chỉ có

những tùy phái là làm chủ phòng giấy, họ lại không chịu nhìn nhận hắn và hắn đành rút lui. Thực ra thì hắn tốt bụng, không làm hại ai, thích giúp đỡ người khác, hắn tổ chức sự cự địch một cách hăng hái không ai bì. Hắn sai đào hầm trong các cánh đồng, hạ những cây nhỏ trong các khu rừng bên cạnh, đặt bẫy trên khắp các nẻo đường và khi quân thù sắp tới, khoái chí về những công trình dự bị của mình, hắn vội vàng rút về châu thành. Bây giờ hắn nghĩ nên lại Havre để giúp ích cho quốc gia được nhiều hơn, vì ở đó sắp có những cuộc phòng bị cần thiết nữa.

Còn người đàn bà, một ả trong bọn gái điếm, cũng nổi tiếng, vì còn trẻ mà đã mập, cho nên người ta gọi ả là *Thùng Nước Lèo*. Nhỏ mà tròn vo, toàn những mỡ, ngón tay húp lên, thắt eo ở những đốt, y như chuỗi dồi ngắn ngủn vậy, da láng bóng, căng thẳng, ngực vĩ đại nhô ra dưới lớp áo; vậy mà coi ả vẫn gợi tình, lắm kẻ đeo đuổi ra phết, vì vẻ tươi tắn của ả làm cho người ta ưa nhìn. Mặt ả như một trái táo đỏ, một nụ mẫu đơn hàm tiếu; và trong cái mặt đó, phía trên, đính một cặp mắt đen nhánh, đẹp lạ, thăm thẳm dưới hàng lông mi dài; phía dưới nở một cái miệng có duyên, nhỏ, cặp môi ươn ướt sẵn sàng đón những cái hôn và hàm răng nhỏ nhắn, trắng bóng.

Người ta bảo ả còn có nhiều đức rất quí nữa.

Khi các bà trong giới lương thiện nhận ra được ả, thì tiếng thì thầm lan đi, người ta nói nhỏ với nhau những

---

(1) Ngày 4-9-1870, có một cuộc cách mạng ở Pháp.

tiếng "điếm" "nhục nhã trơ trẽn", tuy là thì thầm mà lớn đến nỗi ả phải ngẩng đầu lên. Rồi ả ngó chung quanh, vẻ khiêu khích bạo dạn làm cho mọi người tức thì im bặt, cúi đầu xuống chỉ trừ có Loiseau là liếc ả, lòng phấn khởi.

Nhưng rồi ba bà lại tiếp tục truyện trò với nhau; có con điếm đó, họ bỗng thấy thân mật với nhau hơn lên. Hình như họ nghĩ rằng trước mặt cái đồ bán trôn vô sỉ đó, hạng có chồng con tử tế như họ phải đoàn kết lại với nhau; vì ái tình hợp pháp bao giờ cũng khinh bỉ thứ ái tình tự do.

Ba ông cũng vậy, thấy Cornudet thì, vì bản năng bảo tồn mà thân nhau hơn, nói chuyện với nhau về tiền nong bằng một giọng khinh khi kẻ nghèo. Bá tước Hubert kể những tai hại do tụi Phổ gây ra, bò thì bị ăn cắp, mùa màng thì mất mát, ông ra vẻ một ông lớn mười lần triệu phú, bị phá phách như vậy mà không hề núng, có cùng lắm là chỉ khó chịu trong một năm thôi. Lão Carré-Lamadon, mà kĩ nghệ bông lung lay nhiều, đã gởi sáu trăm ngàn quan qua Anh, cũng như người ta để dành một trái lê phòng lúc khát vậy. Còn Loiseau thì đã thu xếp để bán cho Quân nhu cục của Pháp hết số rượu xấu còn ở trong hầm, thành thử chính phủ thiếu hắn một số tiền vĩ đại mà lần này đi Havre hắn hy vọng sẽ được lãnh.

Cả ba người đều nháy nhau, thân mật. Tuy giai cấp khác nhau mà cũng như anh em với nhau nhờ có đồng tiền cùng ở trong cái giới của bọn người giàu có, bọn người thọc tay vào túi quần lúc lắc những đồng tiền vàng cho kêu lẻng kẻng mà nghe.

*

Xe chạy chậm tới nỗi hồi mười giờ sáng vẫn chưa đi được bốn dặm. Đàn ông phải xuống xe ba lần để leo dốc. Người ta đã bắt đầu lo, vì định ăn cơm ở Tôtes mà cái điệu này thì không mong gì tới đó trước khi tối trời được. Ai nấy đều ngó xem có cái quán nào trên đường không khi xe bị lầy trong một đống tuyết và phải mất hai giờ mới thoát ra được.

Đói quá, trí óc người ta mụ đi, mà không thấy bóng một cái quán tồi, một cái tiệm rượu nào cả, bọn chủ quán chủ tiệm đã hoảng hốt tạm dẹp nghỉ khi hay tin tụi Phổ và tụi lính Pháp chết đói sắp tới.

Bọn đàn ông chạy vô các trại ở bên đường để mua thức ăn, nhưng đến bánh mì cũng không có, vì dân quê nghi ngại đã giấu hết cả rồi, sợ các ông lính không có gì ăn, thấy có cái gì là cướp cái đó.

Khoảng một giờ chiều Loiseau kêu rằng kiến bò bụng quá rồi. Ai nấy cũng ở trong tình trạng của hắn đã từ lâu: và nhu cầu ăn mỗi lúc một tăng đã làm im bặt câu chuyện. Thỉnh thoảng có người ngáp dài, tức thì người khác ngáp theo; mỗi người thay phiên nhau, tùy theo tính tình, cách xử thế và địa vị trong xã hội của mình mà mở miệng ra hoặc kêu răng rắc hoặc kín đáo yên lặng hơn trong khi đưa vội bàn tay lên che cái lỗ miệng hoác có hơi thở bay ra.

Thùng Nước Lèo cúi xuống nhiều lần như để kiếm cái

gì ở dưới củng. Ả do dự một giây, ngó các người chung quanh rồi lặng lẽ ngẩng lên. Mặt mọi người xanh xao và nhăn nhó. Loiseau bảo giá có khúc đùi thịt muối lúc này thì ngàn quan hắn cũng mua liền. Mụ vợ ra dấu như để phản đối, rồi bình tĩnh lại. Hễ nghe nói đến tiêu phí phạm là luôn luôn mụ đau khổ, mụ không hiểu được những lời nói đùa về chuyện đó.

Ông bá tước bảo:

– Tôi thấy khó chịu trong người, tại sao tôi quên không nghĩ tới việc mang theo thức ăn chứ?

Ai cũng tự trách mình như vậy.

Cornudet có một bầu đầy rượu rum; hắn mời mọi người; ai nấy lạnh lùng từ chối. Chỉ có Loiseau chịu uống hai giọt thôi; khi trả bầu, hắn cảm ơn.

Vậy mà cũng đỡ chứ, nóng người lên mà khuây đói được. Nhờ có rượu hắn hóa ra vui tính và đề nghị hành động như bọn người ở trên chiếc tàu nhỏ trong bài hát: là làm thịt hành khách nào mập nhất. Lời nói bóng bảy về *Thùng Nước Lèo* đó làm chướng tai những người có giáo dục. Không ai đáp; chỉ một mình Cornudet mỉm cười. Hai bà Phước đã ngưng tụng kinh, bàn tay đút sâu vào cổ tay rộng, họ ngồi yên, mắt kiên quyết cúi xuống có lẽ để dâng nỗi khổ mà Chúa bắt họ chịu.

Sau cùng, lúc ba giờ chiều, xe qua một cánh đồng mênh mông bất tận, xa xa không thấy làng xóm gì cả, *Thùng Nước Lèo* vội vàng cúi xuống, kéo dưới băng ra

một rổ lớn phủ chiếc khăn trắng.

Trước hết ả lấy trong rổ ra một cái đĩa sứ nhỏ, một cái chén đẹp bằng bạc rồi một cái bát sành lớn chứa hai con gà giò đã cắt sẵn từng miếng, ướp trong thịt đông; người ta còn thấy trong rổ nhiều món ngon khác nữa: ba-tê, trái cây bánh kẹo, đủ cho ba ngày đi đường mà khỏi phải ăn ở các quán trọ. Bốn cổ chai ló ra khỏi các gói thức ăn. Ả lấy ra một cánh gà rồi nhỏ nhẹ ăn với một thứ bánh nhỏ mà ở Normamdie người ta gọi là bánh "*Nhiếp chính*".

Ai nấy đều trố mắt ngó ả. Rồi mùi thức ăn tỏa khắp, làm cánh mũi phồng lên, nước miếng chảy ra, mà hàm thì đau thắt lại ở phía dưới tai. Lòng khinh bỉ của các bà đối với con điếm đó hóa ra dữ tợn, như là họ muốn giết ả, hoặc liệng ả xuống đường, trong tuyết, liệng cả chén, rổ và các thức ăn theo ả nữa.

Nhưng Loiseau thì hau háu nhìn cái bát sành thịt gà.

Hắn bảo:

– Khéo quá, bà khéo dự phòng hơn chúng tôi. Có những người chu đáo không quên một việc gì cả.

Ả ngẩng lên ngó hắn:

– Xin mời ông… Nhịn từ sáng đến giờ, chịu sao nổi.

Hắn ngả đầu chào:

– Vâng, tôi chịu không nổi nữa, thú thực vậy, bà cho phép thì tôi không từ chối. Gặp hoàn cảnh nào, theo hoàn cảnh nấy, phải không bà?

Rồi liếc xung quanh một lượt, hắn nói thêm:

– Những lúc như lúc này, gặp được người tốt bụng thực quí hóa quá.

Hắn trải một tờ báo ra cho khỏi dơ quần, lấy ra một con dao con luôn luôn bỏ theo trong túi, cắm mũi dao vào một đùi gà còn láng những thịt đông, rồi lấy răng xé, nhai, vẻ khoan khoái lộ rõ đến nỗi trong xe phát ra tiếng thở dài não nuột.

Nhưng *Thùng Nước Lèo* giọng ngọt ngào và khiêm tốn mời hai bà Phước ăn chung với mình. Cả hai bà đều nhận lời liền, lầm bầm ít lời cảm ơn rồi chẳng kịp ngẩng mắt lên nữa, bắt đầu ăn rất nhanh. Cornudet cũng không từ chối lời mời của ả, thế là cả bốn người trải báo lên đùi, làm thành như một cái bàn ăn vậy.

Miệng mở ra, khép lại liên tiếp, nuốt, nhai, ngốn một cách dữ tợn. Ngồi trong góc, Loiseau làm việc rất hăng, khuyên nhỏ mụ vợ nên bắt chước mình. Mụ chống cự một lúc lâu, rồi sau khi thấy ruột thắt lại, mụ chịu thua. Lúc đó người chồng mới vui vẻ hỏi "bà bạn đồng hành nhã nhặn của họ" cho phép hắn được tặng vợ một miếng nhỏ không.

Ả mỉm cười chìa cái bát sành ra:

– Dạ được, xin ông cứ tự nhiên.

Khi mở chai rượu vang thứ nhất, người ta hơi lúng túng: chỉ có mỗi một cái chén. Đành chùi qua nó đi rồi chuyền tay nhau vậy. Chỉ có Cornudet, có lẽ là muốn lịch

sự với ả, đặt môi đúng vào cái chỗ còn ướt môi của ả.

Thấy chung quanh mình người ta ăn uống, mùi thức ăn tỏa ra ngạt ngào, ông bà bá tước De Bréville và ông bà Carré-Lamadon, chịu không nổi các cực hình ghê tởm mà người ta gọi là cực hình Tantale đó[1].

Thình lình người vợ trẻ của nhà công nghiệp thở dài làm cho mọi người quay lại; mụ ta trắng nhợt như tuyết, mắt nhắm lại, đầu cúi xuống; xỉu rồi. Ông chồng hoảng hốt cầu cứu mọi người. Ai nấy luýnh quính, chỉ có bà phước già là đỡ đầu mụ ta lên, dí vào môi chiếc chén bạc của *Thùng Nước Lèo*, cho uống vài giọt rượu. Thiếu phụ kiều diễm đó cựa cậy, mở mắt ra, mỉm cười, tuyên bố bằng một giọng sắp chết rằng đã thấy dễ chịu lắm. Nhưng để khỏi xỉu một lần nữa, bà Phước buộc mụ uống đầy một ly rượu vang và bảo:

– Tại đói đấy chứ có gì đâu.

Lúc đó *Thùng Nước Lèo* thẹn thò, lúng túng, nhìn bốn hành khách nhịn đói kia, lắp bắp:

– Trời ơi! Tôi đâu dám; nhưng nếu các ông các bà không chê…

---

(1) Theo thần thoại Hy Lạp, Tantale là vua Lydie. Khi các vị thần trên Trời xuống Lydie, Tantale đem dọn thịt con của mình mời các vị đó ăn để thử xem các vị đó có thiêng không. Vì vậy thần Zeus đày Tantale xuống Âm ty, bắt chịu cực hình luôn luôn đói và khát, hễ nước sông gần tới miệng Tantale thì lại rút ra, trái cây gần tới tay Tantale thì cành cây lại đưa bổng lên, không hớp mà uống được, không hái mà ăn được.

Ả ngưng bặt, sợ xúc phạm họ. Loiseau nói vào:

– Khéo khỉ lắm! Trong những trường hợp như vầy; đều là anh em với nhau cả, phải giúp đỡ lẫn nhau chứ. Thôi đi các bà, đừng làm khách nữa, nhận đi mà! Đêm nay chắc gì đã có nhà để trú chân. Xe mà chạy cái điệu này thì sợ trưa mai vẫn chưa tới Tôtes.

Người ta còn do dự, không ai dám lãnh cái trách nhiệm "vâng".

Nhưng ông bá tước giải quyết ngay vấn đề. Ông quay lại ngó cô ả mập và thẹn thò nọ, rồi giọng rất quí phái, ông bảo:

– Chúng tôi xin nhận lời, cảm ơn bà.

Chỉ có bước đầu là khó khăn. Đã liều rồi thì người ta cứ phăng phăng tới, gần hết rổ thức ăn. Chỉ còn một cái ba-tê gan, một cái ba-tê sơn ca, một miếng lưỡi hun khói, những trái lê Crassane, một ổ bánh ngọt thơm Pont L'Evêque, những chiếc bánh bông lan, một chén đầy dưa chuột và hành ngâm dấm, vì ả ưa đồ sống như mọi người đàn bà khác.

*

Không lẽ ăn của ả mà không nói chuyện với ả. Cho nên phải chuyện chớ, mới đầu còn giữ kẽ, sau thấy ả biết điều, lễ phép, người ta hóa tự nhiên hơn. Bà De Bréville và mụ Carré-Lamadon, rất lịch thiệp, tỏ vẻ lễ nhượng một cách nhã nhặn. Nhất là bà bá tước có cái thái độ hạ cố dễ

thương của những bà rất quí phái mà không có sự tiếp xúc nào có thể làm hoen ố được, rõ ra con người lịch sự. Còn cái mụ cao lớn Loiseau tâm hồn cục cằn, vẫn ương ngạnh, nói thì ít mà ăn thì nhiều.

Tất nhiên người ta nói về chiến tranh. Người ta kể những chuyện kinh khủng của tụi Phổ, những hành động anh hùng của Pháp, và bọn người chạy trốn này đều khâm phục sự can đảm của những người ở lại. Rồi tới những chuyện tư, và *Thùng Nước Lèo* thành thực cảm động - bọn gái điếm khi tả những cơn giận dữ tự nhiên của mình, thường có giọng hăng hái như vậy - kể những nguyên do bắt ả phải rời Rouen:

– Mới đầu em tưởng có thể ở lại được. Nhà có đầy thức ăn. Thà chịu nuôi mấy thằng lính còn hơn là bỏ xứ mà không biết đi đâu. Nhưng khi em thấy tụi Phổ đó thì em chịu không nổi nữa! Chúng làm cho em dóa lên; và em đã tủi nhục khóc suốt ngày. Em mà là thân nam nhi thì phải biết! Đứng ở cửa sổ em ngó chúng và chị ở của em ghì tay em lại cho em khỏi liệng đồ đạc vào đầu vào cổ chúng. Rồi có đứa lại ở nhà em; em nhảy lại bóp cổ đứa thứ nhất. Bóp cổ chúng cũng không khó gì hơn bóp cổ những kẻ khác! Và nếu không có một đứa nắm tóc em kéo lại thì em đã bóp chết thằng đó rồi. Rồi sau em phải trốn đi. Gặp được cơ hội, em thoát thân liền nên mới có ngày hôm nay.

Người ta khen ả lắm. Người ta mến ả, có ai đâu mà gan như ả. Cornudet vừa nghe vừa mỉm cười tán thưởng,

đại lượng như một sứ đồ, một Linh mục nghe tín đồ ca tụng Chúa vậy, vì tụi dân chủ râu dài này nắm độc quyền ái quốc cũng như bọn khoác áo thầy tu nắm độc quyền tôn giáo. Rồi tới phiên hắn thuyết bằng một giọng khoa trương học trong những tờ bố cáo dán đầy tường; cuối cùng là một đoạn hùng hồn đả kích kịch liệt "tên bợm Badinguet"(1).

Thùng Nước Lèo tức thì nổi giận vì ả vào phe Bonaparte. Đỏ gay như trái anh đào, ả bất bình, lắp bắp:

– Để các ông lên thay họ đi coi! Có mà loạn! Chính các ông đã phản người ta! Nếu bọn đểu giả các ông mà lên cầm quyền thì thiên hạ phải bỏ xứ mà đi.

Cornudet thản nhiên mỉm cười một cách ngạo nghễ, tự cao, nhưng người ta cảm thấy rằng hắn sắp văng tục nếu ông bá tước không xen vô tuyên bố một cách có uy thế rằng tất cả những ý kiến thành thực nào cũng đáng tôn trọng, và nói mãi ả mới chịu dịu xuống. Bà bá tước và mụ chủ hãng dệt, thuộc bọn người đàng hoàng nên trong thâm tâm vốn ghét Chính thể Cộng hòa mà chẳng cần suy nghĩ gì; vốn ưa như mọi người đàn bà, những Chính phủ lòe loẹt, độc tài, thành thử dù không muốn mà cũng có thiện cảm với cô gái điếm biết tự trọng nọ, vì tình cảm của ả giống với tình cảm của hai bà.

Rổ thức ăn đã nhẵn. Mười người ăn, làm gì mà chẳng

---

(1) Biệt danh mà một số người tặng cho Nã Phá Luân đệ tam.

hết; người ta tiếc rằng sao rổ không lớn hơn chút nữa. Câu chuyện cũng tiếp tục thêm một lát, nhưng từ khi ăn xong thì chuyện cũng nguội dần.

Đêm đổ xuống, lần lần hóa tối mò; trong lúc tiêu hóa người ta càng thấy lạnh, và cô ả mập như vậy mà cũng run lên. Bà De Bréville cho ả mượn cái lồng ấp mà than đã thay nhiều lần từ sáng, và ả nhận liền vì chân muốn cóng rồi. Mụ Carré-Lamadon và mụ Loiseau đưa lồng ấp của mình cho hai bà phước.

Người đánh xe đã thắp đèn. Người ta thấy rõ một đám hơi nước ở trên mông đẫm mồ hôi của những con ngựa buộc bên gọng xe; và hai bên đường, tuyết như trải lần ra dưới ánh sáng phản chiếu di động của các ngọn đèn.

Trong xe tối om, không phân biệt được gì nữa; nhưng thình lình giữa *Thùng Nước Lèo* và Cornudet có một cử động; và mắt Loiseau soi bói, trong bóng tối, thấy Cornudet, né vội ra một bên như bị thoi ngầm một cái mạnh.

Phía trước, ở trên đường đã hiện ra những đốm lửa nhỏ. Sắp tới Tôtes. Xe đã chạy 11 giờ, kể thêm 2 giờ cho ngựa nghỉ ăn lúa bốn lần, hết thảy là 13 giờ. Xe vô thị trấn rồi ngừng trước khách sạn Hôtel du Commerce.

*

Cửa xe mở ra. Một tiếng động quen thuộc làm mọi hành khách giật mình: tiếng bao gươm cà trên mặt đất. Rồi có một tiếng tên Đức la cái gì đó.

Xe đã ngưng hẳn rồi mà không ai xuống như sợ hễ ra khỏi xe là bị giết. Rồi người đánh xe hiện ra tay cầm một cây đèn thình lình rọi vào tới phía trong cùng, ánh sáng chiếu trên hai hàng đầu người lố nhố, ngơ ngác, miệng há hốc, mắt trợn trừng, vừa ngạc nhiên vừa hoảng hốt.

Đứng bên người đánh xe, trong ánh sáng, là một sĩ quan Đức, trẻ mà rất cao, tóc hung hung, bộ quân phục khít người như một thiếu nữ bận coóc-xê, chiếc nón lưỡi trai dẹp đánh xi bóng láng, chụp nghiêng trên đầu, có vẻ một anh bồi trong khách sạn Anh. Râu mép hắn dài quá mức, cứng, vuốt nhọn và đâm ngang ra mỗi bên, ở đầu là một sợi nhỏ xíu, hung hăng, không rõ tới đâu là hết; bộ râu đó như đè nặng ở hai mép, kéo xệch hai bên má ra, làm cho môi có một nếp nhăn hạ xuống.

Hắn nói tiếng Pháp, mời hành khách xuống xe, giọng lơ lớ cứng ngắc:

– *Xuộng xe cho, xuộng hệc*.

Hai bà Phước tuân lệnh trước nhất, những thánh nữ đó vốn nhu mì, quen mọi sự khuất phục rồi. Rồi tới ông bà bá tước, vợ chồng nhà công nghiệp Loiseau ra sau, đẩy mụ vợ to lớn ra trước. Mới đặt chân xuống đất, vì khôn khéo hơn là vì lễ phép, hắn đã chào ngay "*kính chào ông*". Viên sĩ quan Đức xấc láo như những kẻ có đủ quyền sinh sát, chỉ ngó hắn mà không thèm đáp.

Thùng Nước Lèo và Cornudet mặc dầu là ngồi gần cửa mà bước xuống sau cùng, nghiêm trang ngạo mạn trước mặt kẻ thù. Ả rán tự chủ và bình tĩnh; còn lão "dân

chủ" thì bàn tay run run, bi thảm, hành hạ bộ râu dài, hung hung của mình. Họ muốn giữ vẻ đàng hoàng, vì biết rằng trong những cuộc gặp gỡ như vậy, mỗi người lãnh một chút trách nhiệm thay mặt cho xứ sở của mình, cả hai đều bất bình vì thái độ mềm mỏng của những bạn đồng hành, ả thì rán tỏ ra dũng cảm hơn những bà đứng bên, những bà trong giới lương thiện; còn lão nọ thì thấy rằng mình phải làm gương cho người, tiếp tục, bằng thái độ, cái sứ mệnh kháng chiến mà lão đã bắt đầu thi hành khi đào phá đường để cản địch.

Người ta vô nhà bếp rộng lớn của lữ quán và viên sĩ quan Đức bảo trình giấy phép của viên tướng tư lệnh, trong đó có ghi tên, tướng mạo và nghề nghiệp của mỗi hành khách hắn ngó mỗi người rất lâu, so sánh xem có đúng với những lời ghi không.

Rồi thình lình hắn bảo: "*Tược*", rồi biến mất.

*

Lúc đó người ta mới khoan khoái. Lại đói nữa, bảo nấu xúp. Phải nửa giờ mới nấu xong; và trong khi hai người ở gái có vẻ lăng xăng về món xúp thì họ đi coi phòng. Các phòng đều ở trong một hành lang dài, phía cuối có một cái cửa ra vào lắp kính ghi số.

Sau cùng người ta mới ngồi vào bàn ăn thì chủ quán đích thân vô. Trước kia lão buôn ngựa, người mập, bị bệnh suyễn, thở phì phì, khàn tiếng, đờm khò khè trong

họng. Ông thân lão truyền cho lão cái tên Follenvie.

Lão hỏi:

– Ai là cô Elisabeth Rousset?

Thùng Nước Lèo giật mình, quay lại:

– Tôi.

– Thưa cô, viên sĩ quan Phổ muốn nói chuyện với cô ngay bây giờ.

– Nói chuyện với tôi?

– Vâng nếu cô phải là cô Elisabeth Rousset.

Ả lo lắng, suy nghĩ một giây, rồi từ chối hẳn:

– Phải, nhưng tôi không đi.

Chung quanh ả có vẻ xôn xao, ai nấy bàn tán, hỏi nhau tại sao có lệnh đó. Ông bá tước lại gần:

– Bà lầm rồi, bà từ chối như vậy có thể gây ra những nỗi khó khăn ghê gớm chẳng riêng cho bà mà cho cả những bạn đồng hành của bà nữa. Không nên chống cự lại với những kẻ mạnh hơn mình. Bà cứ đi đi, chắc chắn không có gì nguy hiểm đâu, có lẽ chỉ là còn thiếu một nghi thức nào đó thôi.

Mọi người đều nói vào, người ta năn nỉ ả, hối thúc ả, thuyết giáo ả và sau cùng thuyết phục ả; vì ai nấy đều sợ ả mà bướng thì sinh ra nhiều sự rắc rối. Ả bảo:

– Vì các ông các bà mà tôi phải nghe lời đấy!

Bà bá tước nắm tay ả:

– Và chúng tôi cám ơn bà.

Ả đi ra người ta đợi ả về rồi mới ăn.

Người ta buồn rầu vì tại sao viên sĩ quan Đức không gọi mình mà lại gọi cô ả dữ tợn, nóng nảy đó, và nghĩ thầm nếu tới phiên mình phải gọi thì sẽ trả lời những câu hèn hạ ra sao.

Nhưng độ mười phút, ả trở về, hổn hển, đỏ mặt lên, giận đến nghẹt thở. Ả lắp bắp:

– Quân chó má, quân chó má!

Mọi người vội vàng hỏi, nhưng ả làm thinh; vì ông bá tước hỏi gặn quá, ả đáp rất nghiêm trang:

– Không, chuyện đó không liên quan gì tới các ông các bà cả, tôi không thể nói được.

Người ta ngồi chung quanh một liễn xúp cao ngào ngạt mùi thơm bắp cải. Mặc dù có vụ kinh hãi đó, bữa cơm cũng vẫn vui. Rượu tần ngon, cặp Loiseau và hai bà Phước uống thứ đó cho rẻ tiền. Những người khác đòi rượu vang; Cornudet đòi rượu bia. Hắn có một lối đặc biệt để mở nút ve, làm cho rượu xùi bọt lên, rồi cầm nghiêng cái ly mà ngắm, soi lên ánh đèn để ngó kĩ màu rượu. Khi hắn uống, bộ râu dài, một màu với thứ rượu quí của hắn, run run lên như cảm động vì âu yếm; mắt hắn lác đi không rời ly rượu một chớp, và hắn có vẻ làm tròn cái nhiệm vụ độc nhứt, mà trời giao cho hắn đó. Trong đầu hắn, hắn đã hòa hợp, liên kết với nhau hai cái đam mê nó ám ảnh hắn suốt đời: rượu bia và Cách mạng; và nhất định là hắn

không thể uống cái này mà không nghĩ cái kia.

Vợ chồng Follenvie ngồi ăn ở cuối bàn. Người chồng thì rên như một cái đầu máy bể, khò khè trong ngực, thành thử không vừa ăn vừa nói được; mụ vợ trái lại không lúc nào ngớt miệng. Mụ kể tất cả những cảm tưởng của mụ khi tụi Phổ tới; kể chúng làm cái gì, nói những gì; mụ rất ghét chúng trước hết vì tốn tiền cho mụ, sau nữa vì mụ có hai người con trai trong quân đội. Mụ nói nhiều nhất với bà bá tước, lấy cái việc hầu chuyện một bà quí phái làm vinh hạnh lắm.

Rồi mụ hạ giọng để kể những điều khó nói, và người chồng thỉnh thoảng ngắt lời:

– Im miệng đi, mụ Follenvie.

Nhưng mụ chẳng thèm nghe, cứ tiếp tục.

– Thưa bà, tụi nó chỉ ăn khoai và thịt heo, rồi lại thịt heo và khoai. Mà đừng tưởng là chúng sạch nhé.

– Không đâu! Vô phép bà, chúng bậy bạ ra khắp chỗ. Và nếu bà thấy chúng luyện tập hằng giờ, hằng ngày; chúng nhóm lại trong một cánh đồng; rồi đi tới đi lui, quay bên rày, quay bên kia. Nếu chúng cày ruộng hoặc đắp đường ở xứ của chúng thì cũng đỡ! Nhưng thưa bà, không, tụi nhà binh đó không ích lợi gì cho ai cả! Dân chúng phải nuôi họ để họ học cách tàn sát! Tôi chỉ là một người đàn bà thất học, nhưng thấy họ hủy hoại thể chất mà cứ dậm chân từ sáng tới tối như vậy, tôi tự nhủ: Khi có những người phát minh được biết bao nhiêu điều để giúp ích nhân loại, thì tại sao có những kẻ chịu khó nhọc

để làm hại người như vậy! Nghĩ mà coi, có gì khả ố bằng cái việc giết người không, dù là giết tụi Phổ hay tụi Anh, tụi Ba Lan, tụi Pháp? Ai làm hại mình mà mình trả thù, thì mình có lỗi và chính phủ xử mình; nhưng khi người ta tận diệt con trai chúng ta như giết bầy thú, giết bằng súng, thì lại là tốt vì ai giết được nhiều thì được thưởng huy chương. Thật là tôi không còn hiểu chút gì nữa.

Cornudet lớn tiếng:

– Chiến tranh là dã man khi người ta tấn công một xứ láng giềng yên ổn; nhưng nó là một bổn phận thiêng liêng khi người ta bảo vệ tổ quốc.

Mụ chủ quán cúi đầu xuống;

– Phải, khi tự vệ thì lại khác; nhưng tất cả những ông vua tự ý gây chiến, thì có nên đem giết cả đi không?

Cặp mắt Cornudet bừng lên:

– Hay ! Một nữ công dân đáng khen lắm.

Lão Carré-Lamadon suy nghĩ lung. Mặc dầu vốn tôn sùng những tướng tá nổi danh, lão thấy mụ nhà quê đó có lương tri, và lão nghĩ: bao nhiêu cánh tay ở không, tốn kém tai hại đó; bao nhiêu sức lực phải nuôi báo cô mà chẳng sản xuất được gì cả đó, nếu đem dùng vào những công trình kĩ nghệ lớn lao cần hằng thế kỉ mà chưa xong, thì có phải là lợi cho quốc gia biết bao không.

Nhưng Loiseau đã đứng dậy, lại nói thầm với chủ quán. Lão này cười, ho, khạc; bụng bự của lão dội lên dội xuống, khi nghe Loiseau khôi hài, và lão hỏi mua sáu

thùng nhỏ rượu vang, giao vào mùa xuân khi nào tụi Phổ đã đi hết.

Mới ăn xong, ai nấy đi ngủ liền vì mệt lữ.

Nhưng Loiseau vì đã để ý nhận xét, cho vợ đi nằm rồi, mới đi lại phía cửa lúc thì ghé tai lúc thì ghé mắt vào lỗ khóa để rán tìm ra được cái gì mà hắn gọi là "bí mật của hành lang".

Khoảng một giờ sau hắn nghe có tiếng sột soạt, vội vàng ngó, và thấy *Thùng Nước Lèo* bận cái áo choàng bằng vải xanh viền ren trắng. Ả cầm một cái giá đèn, tiến về phía cuối hành lang, chỗ có con số lớn. Nhưng ở bên cạnh, một cánh cửa hé mở và vài phút sau, ả trở về thì Cornudet bận quần tuột dải đeo, đi theo ả. Họ nói nhỏ với nhau rồi ngừng lại. Ả như cương quyết ngăn không cho hắn vô phòng. Khổ tâm thay, Loiseau nghe không rõ gì cả: nhưng sau cùng họ lớn tiếng, và lão bắt được vài lời. Cornudet hăng hái năn nỉ.

Hắn bảo:

– Thì có làm sao, cô điên hả?

Ả đáp giọng bực tức:

– Không được, ông ơi, có những lúc không làm những chuyện đó được; với lại, ở đây mà làm vậy thì xấu hổ lắm.

Hắn không hiểu, hỏi tại sao.

Ả càng tức, lớn tiếng:

– Tại sao ư? Ông không hiểu tại sao ư? Khi có tụi Phổ

ở trong nhà, biết đâu chừng, ngay ở phòng bên cạnh?

Hắn làm thinh. Hạng đĩ đó mà cũng ái quốc, biết mắc cỡ, có kẻ thù ở bên thì không chịu ân ái. Thái độ đó chắc đã đánh thức cái phong thể suy nhược của hắn, vì sau đó, hắn chỉ ôm ả hôn thôi, rồi rón rén về phòng mình.

Loiseau bừng bừng lên, rời lỗ khóa, nhảy nhót trong phòng, hai chân đập vào nhau, chụp cái nón vải vào đầu, giở tấm "ra" phủ bộ xương cứng ngắt của mụ vợ, hôn mụ, đánh thức mụ dậy hỏi:

– Yêu anh không cưng?

Rồi thì cả nhà hóa tĩnh mịch. Nhưng chẳng bao lâu từ một phía nào đó, không biết là từ hầm rượu hay từ cái trang, phát ra một tiếng ngáy mạnh, độc điệu, đều đều một tiếng ồ ồ và kéo dài, khừ khừ như tiếng nồi súp-de sôi sùng sục vậy.

Lão Follenvie đã ngủ.

*

Vì đã định tám giờ sáng hôm sau, khởi hành nên người ta họp nhau ở trong bếp; nhưng chiếc xe - mà cái mui vải đỡ cả một nóc tuyết - đứng trơ trọi giữa sân, không có ngựa, cũng không có người đánh xe. Người ta đi kiếm tên này ở chuồng ngựa, ở chỗ chứa rơm, ở chỗ để xe mà không thấy. Mọi người bèn quyết định đi lùng khắp thị trấn. Họ ra chỗ công trường, mà phía sau là nhà thờ; hai bên là những căn nhà nhỏ có lính Phổ. Người lính thứ nhất

họ thấy đương gọt khoai. Người thứ nhì ở xa hơn, đương cọ rửa một tiệm hớt tóc. Một người nữa râu kín tới mắt ôm một đứa nhỏ đương khóc, ru nó ở trên đùi để dỗ nó nín; và những mụ nhà quê to lớn mà chồng ở trong "quân đội chiến đấu" ra dấu cho những kẻ thắng trận ngoan ngoãn đó, bảo làm việc này việc khác: bửa củi, đổ nước nóng lên bánh, xay cà phê: một người lính giặt cả quần áo cho chủ nhà, một bà cụ tàn tật nữa.

Ông bá tước ngạc nhiên hỏi một người phụ thủ ở trong nhà thờ bước ra. Con chuột già của giáo đường này đáp:

– Tụi đó không độc ác đâu; người ta bảo chúng không phải là người Phổ. Chúng ở một xứ nào xa hơn nữa, tôi không biết ở đâu; chúng đều để vợ con lại ở nhà, chúng đâu có ham chiến tranh. Tôi chắc rằng vợ con chúng ở nhà cũng đương khóc chồng và cha; ở xứ họ cũng như ở xứ mình, dân chúng thật điêu đứng. Ở đây, lúc này, người ta chưa đến nỗi khổ lắm, vì tụi lính đó không làm hại gì ai cả mà chúng cũng làm mọi việc như ở nhà chúng vậy. Thưa ông, cùng nghèo khó với nhau cả thì phải giúp đỡ lẫn nhau chứ… Chỉ các ông bự mới gây chiến thôi.

Cornudet thấy kẻ thắng và kẻ bại mà lại hòa hợp thân mật với nhau, tỏ vẻ bất bình, rút về quán trọ, không ra đường nữa. Loiseau nói đùa: "Họ sinh sản lại". Carré-Lamadon nghiêm trang hơn: "Họ sửa sang lại". Nhưng vẫn không thấy tên đánh xe. Sau cùng người ta tìm thấy hắn trong một quán cà phê, đương thân mật nhậu nhẹt với tên lính thị vệ của viên sĩ quan. Ông bá tước lớn tiếng hỏi:

– Đã ra lệnh cho chú thắng xe hồi tám giờ sáng, chú quên ư?

– Phải, nhưng rồi sau tôi lại nhận được lệnh khác.

– Lệnh ra sao?

– Lệnh không được thắng xe.

– Ai ra lệnh đó cho chú?

– Viên chỉ huy Phổ.

– Tại sao?

– Tôi không biết. Lại mà hỏi ổng. Người ta cấm tôi thắng xe và tôi không thắng xe. Đó, có vậy thôi.

– Chính viên sĩ quan bảo chú như vậy?

– Không, chủ quán truyền lệnh xuống cho tôi.

– Bao giờ?

– Tối qua, khi tôi sắp đi ngủ.

Ba người đàn ông trở về, lo ngay ngáy.

Họ muốn gặp chủ quán Follenvie nhưng chị ở bảo ông chủ bị bệnh suyễn, bao giờ cũng mười giờ sáng mới dậy. Và ông chủ còn cấm ngặt không được đánh thức trước giờ đó, trừ khi có hỏa tai.

Họ lại muốn gặp viên sĩ quan, nhưng vô phương, mặc dầu hắn cũng ở trong quán, vì chỉ có Follenvie là được phép gặp hắn về những vấn đề dân sự. Họ đành phải đợi vậy. Phụ nữ về phòng làm những việc lặt vặt hoặc nói chuyện tầm phào. Cornudet ngồi dưới lò sưởi cao, lửa

cháy ngùn ngụt ở bếp. Hắn bảo đem xuống cho hắn một chiếc bàn nhỏ, một chai bia, rồi hắn đốt ống điếu. Ống điếu đó được bọn dân chủ coi trọng ngang với hắn, hình như người ta cho rằng nó đã phụng sự Cornudet tức thị cũng là phụng sự quốc gia. Nó rất đẹp, bằng đá bọt, sái thuốc đóng đen, đen bằng răng chủ nhân của nó, nhưng nó thơm, cong lại, bóng láng, tay hắn cầm quen rồi và có nó thì diện mạo của hắn mới đủ bộ. Hắn ngồi yên, lúc thì ngó ngọn lửa trong lò, lúc thì nhìn bọt rượu bia viền miệng ly: và mỗi lần hớp xong, thì hắn lại khoan khoái lùa những ngón tay dài, gầy vào mớ tóc nhờn của hắn, đồng thời hít những bọt rượu bám ở râu mép.

Loiseau lấy ý rằng ngồi hoài tê chân, nên đi chào khách tại các quán rượu nhỏ ở trong miền. Ông bá tước và lão chủ xưởng dệt nói chuyện chính trị, tiên đoán về tương lai nước Pháp. Một ông thì tin ở giòng họ D'Orléans, một ông thì tin ở một vị cứu quốc còn mai danh nào đó, một vị anh hùng sẽ xuất đầu lộ diện khi nào mọi sự đều thất vọng: một Du Guesclin, một Jeanne D'arc biết đâu chừng? Hoặc một Nã Phá Luân đệ nhất khác nữa… À! Nếu hoàng tử mà không còn nhỏ như vậy! Cornudet nghe họ, mỉm cười, như một người đã biết rõ vận mạng rồi. Khói thuốc ống điếu của hắn tỏa ra, thơm cả nhà bếp.

Đồng hồ gõ mười giờ, Follenvie hiện ra. Người ta vội vàng hỏi, thì lão chỉ lặp đi lặp lại lời này hai ba lần mà không thay đổi một tiếng:

– Sĩ quan bảo tôi như vầy: "Ông Follenvie, ông phải

cấm người ta ngày mai thắng xe cho những hành khách đó. Không có lệnh của tôi thì họ không được đi. Nghe chưa? Có bấy nhiêu thôi".

Rồi người ta muốn gặp mặt sĩ quan. Ông bá tước sai người mang lên cho hắn một tấm thiếp trên đó lão Carré-Lamadon đã ghi thêm tên và tất cả những chức tước của mình. Sĩ quan Phổ nhắn rằng ăn cơm trưa xong, nghĩa là khoảng một giờ, hắn sẽ bằng lòng cho hai người đàn ông đó vô nói chuyện.

Các bà ló mặt ra, mặc dầu lo lắng nhưng ăn cũng được vài miếng. *Thùng Nước Lèo* có vẻ đau và bối rối lạ.

Họ vừa uống cà phê xong thì tên lính hầu vô gọi họ. Loiseau nhập bọn với hai người kia; người ta muốn lôi Cornudet đi theo nữa cho thêm phần long trọng nhưng hắn dương dương tuyên bố rằng nhất định không liên lạc gì với tụi Đức. Và hắn lại xuống bếp ngồi dưới lò sưởi, gọi một chai bia nữa.

Ba người đàn ông lên gác, được dẫn vô căn phòng đẹp nhất của quán. Viên sĩ quan nằm dài trên ghế bành, chân gác lên lò sưởi, hút một ống điếu dài bằng sứ, khoát một cái áo mặc trong nhà đỏ rực mà chắc hắn đã xoáy được trong căn phố bỏ trống của một người trọc phú quê mùa nào. Hắn không đứng dậy, cũng không chào, không ngó họ. Đúng là thói thô bỉ của tụi quân nhân thắng trận.

Một lát sau hắn mới hỏi:

– *Cạc ông muộng gì*?

Ông bá tước đáp:

– Thưa ông chúng tôi muốn khởi hành.

– Không.

– Ông cho phép tôi hỏi lí do gì vậy?

– *Lị do là tôi không muộng*.

– Thưa ông, tôi kính cẩn thưa ông hay rằng vị tướng tư lệnh của ông đã cho phép chúng tôi đi lại Dieppe; và tôi nghĩ rằng chúng tôi không làm cái gì để cho ông phải nghiêm khắc với chúng tôi như vậy?

– *Tui không muộng. Có phậy thui. Thui cạc ông ti xuộng*.

Cả ba cúi đầu chào rồi rút lui.

Buổi chiều hôm đó thật thảm hại. Không sao hiểu nổi tính tình bất thường của thằng cha Đức này cả; và mọi người đều có những ý nghĩ rất lạ lùng. Người ta họp trong bếp, bàn cãi hoài, tưởng tượng những việc khó tin. Hắn muốn giữ họ làm con tin chăng - nhưng để làm gì vậy? - Hay là dẫn đi làm tù binh? Hay là bắt cóc họ để đòi một số tiền chuộc rất lớn? Nghĩ tới điều đó, ai nấy kinh hoảng. Người nào giàu nhất lại càng sợ nhất, nghĩ rồi đây phải trút cả từng bao đầy vàng vào tay thằng săng đá ngạo nghễ đó để chuộc mạng mình. Họ moi óc để kiếm những lời nói dối sao cho xuôi tai, kiếm cách giấu của cải đi, làm bộ nghèo, rất nghèo. Loiseau tháo dây chuyền đồng hồ đeo tay giấu vào túi. Đêm xuống họ càng thêm lo. Đã lên đèn rồi mà còn phải đợi hai giờ nữa mới tới bữa cơm tối, mụ

Loiseau đề nghị chơi vài ván bài để tiêu khiển. Mọi người biểu đồng tình. Chính Cornudet cũng lịch sự dụi ống điếu đi, ngồi vào bàn.

Ông bá tước trang bài, chia bài, *Thùng Nước Lèo* ăn ngay ván đầu, rồi ham chơi, người ta quên lo. Nhưng Cornudet thấy rằng cặp Loiseau thông đồng với nhau để ăn gian.

Sắp ăn cơm thì lão Follenvie bước vô, bảo, giọng đặc những đàm:

– Sĩ quan Phổ cho hỏi cô Elisabeth Rousset đã đổi ý chưa?

Thùng Nước Lèo tái mét, đứng yên; rồi thình lình tía tai, ả giận muốn nghẹt thở, không thốt được nữa. Sau cùng ả xổ ra:

– Ông bảo cái thằng Phổ bợm bãi, dơ dáy, thằng Phổ chó chết đó rằng không khi nào tôi bằng lòng; ông nghe rõ chưa, không khi nào, không khi nào, không khi nào!

Lão chủ quán mập đi ra. Người ta bu lại hỏi ả, năn nỉ ả hé cho biết có điều bí mật gì vậy, thằng Phổ đó gọi ả lên làm gì vậy. Mới đầu ả không chịu nói, sau giận quá, ả la lên:

– Nó muốn cái gì? Nó muốn, nó muốn ngủ với tôi! Mả mẹ nó!

Ai nấy đều rất bất bình nên không thấy chướng tai, Cornudet dằn mạnh cái ly lên bàn, làm bể ly. Tiếng bể đó là tiếng mạt sát quân săng đá thô bỉ, đê tiện kia, là một

luồng phẫn nộ, một sự đoàn kết để đề kháng, để kêu gọi mỗi người hy sinh một chút cho ả. Ông bá tước vẻ ghê tởm tuyên bố rằng tụi đó cư xử y như bọn dã man thời ăn lông ở lỗ. Nhất là các bà, đối với *Thùng Nước Lèo*, có thái độ thương hại cương quyết mà âu yếm. Hai bà Phước tới bữa cơm mới ló ra, cúi đầu xuống không nói gì cả.

Khi cơn giận đã nguôi, người ta mới ngồi ăn, nhưng nói ít: ai nấy nghĩ ngợi liên miên.

Các bà về phòng sớm; còn các ông vừa hút thuốc vừa đánh bài các-tê, người ta mời lão Follenvie chơi, để khéo léo hỏi lão xem có cách nào thắng sự kháng cự của tên Phổ đó không. Nhưng lão chỉ nghĩ đến ván bài, chẳng nghe gì cả, cũng chẳng đáp gì cả; luôn luôn nhắc:

– Chơi đi chứ, mời các cụ.

Lão chú ý tới nỗi quên cả khạc, thành thử có tiếng kéo nhị trong ngực lão. Phổi lão khò khè đủ điệu của bệnh suyễn từ những âm trầm, đục cho tới những âm ồ ồ mà cao như tiếng gà trống mới tập gáy.

Khi mụ vợ buồn ngủ quá rồi lại nhắc lão, lão cũng không chịu bỏ cuộc. Rồi mụ phải lên lầu một mình, vì mụ là con người "ban mai", hễ mặt trời mọc thì thức dậy; còn lão là con người "ban đêm", luôn luôn sẵn sàng thức thâu canh với bạn bè. Lão lớn tiếng nói với theo: "Để ly lòng đỏ trứng với nước đường ở gần lửa cho tôi nhé". Khi người ta thấy không gợi được của hắn chút gì cả, người ta tuyên bố tới giờ đi ngủ và ai về phòng nấy.

*

Hôm sau người ta dậy sớm, hy vọng một cái gì và nóng đi hơn hôm trước nữa, nghĩ tới nông nỗi phải ở lại thêm một ngày trong cái quán nhỏ ghê tởm này mà phát sợ.

Nhưng hỡi ơi! Ngựa vẫn ở chuồng, mà tên đánh xe thì mất dạng. Không biết làm gì, người ta dạo chung quanh cỗ xe.

Bữa cơm trưa mới tẻ làm sao! Người ta như có vẻ lạnh lùng với *Thùng Nước Lèo*. Vì sau một đêm suy nghĩ sự phán đoán của người ta đã hơi thay đổi. Bây giờ đây, người ta gần như oán con điếm đó sao đêm trước không lén lút lại kiếm thằng Phổ đi, như vậy có phải là các bạn đồng hành, khi bừng mắt dậy được ngạc nhiên một cách thú vị không. Giản dị quá đi! Mà ai biết đâu đấy? Ả nhắn với tên Phổ đó là ả thương tình những bạn đồng hành mà nhận lời, thế là vẫn giữ được thể diện cho ả. Đối với ả, quan trọng gì cái thứ đó!

Nhưng không ai dám thú những ý nghĩ đó ra.

Buổi chiều, buồn đến chết đi, ông bá tước đề nghị đi dạo quanh làng. Ai nấy bận áo cho thật ấm rồi cả bọn đi ra trừ Cornudet - lão thích ngồi sưởi hơn - và hai bà Phước vì hai bà suốt ngày không ở nhà thờ thì lại nhà Cha sở.

Mỗi ngày mỗi thêm lạnh, lạnh buốt mũi và tai, chân đau quá, hễ bước một bước thì thấy nhức nhối; khi ra tới cánh đồng, nhìn cảnh mênh mông trắng toát ảm đạm ghê

gớm, mọi người vội trở về ngay, tâm hồn cóng lại, lòng thắt lại.

Bốn bà đi trước, ba ông đi sau, cách xa xa một chút.

Loiseau hiểu rõ tình trạng, thình lình hỏi không biết cái "con điếm đó" bắt họ phải ở lại cái xó xỉnh này bao lâu nữa. ông bá tước luôn luôn nhã nhặn, bảo không thể buộc một người đàn bà hy sinh một cách khổ tâm như vậy được; bà ta muốn hay không là tùy ý. Lão Carré-Lamadon nói rằng nếu quân Pháp quay trở lại tấn công theo đường Dieppe, vì có tin đồn như vậy, thì hai bên chắc chắn sẽ gặp nhau ở Tôtels, không sai được. Ý đó làm cho hai ông kia lo lắng.

Loiseau bảo:

– Hay là đi bộ mà trốn.

Ông bá tước nhún vai:

– Trốn làm sao được? Tuyết như vầy? Lại thêm bận bịu các bà nữa. Với lại thế nào chúng cũng đuổi theo, chỉ nửa phút là tóm lại được, dẫn về làm tù binh, tụi lính Đức tha hồ mà hành hạ.

Đúng; ai nấy làm thinh.

Các bà nói chuyện về y phục; nhưng có chút gượng gạo, cơ hồ họ không đoàn kết với nhau nữa.

Thình lình ở đầu đường viên sĩ quan xuất hiện. Thân hình cao lớn, thắt eo trong bộ quân phục, nổi bật lên nền tuyết ở chân trời: hắn đi, đầu gối dang ra, đúng cái đặc

biệt của bọn quân nhân muốn giữ cho đôi giày đánh bóng khỏi bị dơ.

Khi đi gần tới các bà, hắn cúi đầu chào, còn bọn đàn ông thì hắn chỉ khinh bỉ ngó, bọn này cũng giữ thể diện, không thèm ngã nón, mặc dầu Loiseau hơi đưa tay lên nón muốn chào.

Thùng Nước Lèo đỏ mặt tía tai, còn ba bà kia, thấy nhục quá: để cho thằng săng đá đó bắt gặp đi chung với con điếm mà nó đe đối xử một cách suồng sã tới mức đó!

Rồi người ta bàn tán với nhau về hắn, về dáng điệu, vẻ mặt của hắn. Mụ Carré-Lamadon đã quen nhiều sĩ quan, sành sỏi lắm, bảo thằng tướng đó coi cũng được đấy; mụ tiếc rằng hắn là người Đức chứ nếu là người Pháp thì mặc đồ khinh kỵ binh vào, hắn sẽ bảnh trai ra phết và không thiếu gì phụ nữ mê hắn.

Về quán rồi, họ không biết làm gì. Họ sinh ra chua chát với nhau vì những chuyện chẳng có nghĩa lý gì cả. Bữa cơm tối lặng lẽ; họ ăn vội rồi về phòng, hy vọng ngủ được để giết thì giờ.

*

Sáng hôm sau họ dậy, mặt mũi bơ phờ, lòng bực tức. Các bà gần như không nói năng gì với *Thùng Nước Lèo*.

Có tiếng chuông nhà thờ làm lễ rửa tội. Ả có một đứa con gởi một gia đình nông dân ở Yvetot nuôi giùm. Mỗi năm chỉ gặp con có một lần mà cũng chẳng bao giờ nhớ

tới nó; nhưng bây giờ nghĩ tới đứa nhỏ sắp được rửa tội kia, thình lình ả thấy yêu mến đứa con của ả quá chừng và nhất định đi dự lễ.

Ả vừa mới đi ra là mọi người ngó nhau, kéo xích ghế lại nhau, vì người ta cảm thấy rằng thế nào cũng phải quyết định một cái gì. Loiseau nảy ra một ý: đề nghị với sĩ quan Đức giữ một mình *Thùng Nước Lèo* lại thôi, còn những người khác thì cho đi.

Lại nhờ chủ quán nói giùm, nhưng chủ quán vừa mới lên đã xuống liền. Tên Đức đó hiểu bản tính con người lắm, đuổi lão đi. Hắn định giữ cả bọn lại cho tới khi nào ý muốn của hắn được thỏa mãn mới thôi.

Lúc đó, cái bản chất thô lổ đê tiện của mụ Loiseau mới bộc lộ:

– Chúng ta chịu chết già ở đây à? Cái nghề của nó, của cái con điếm ấy, là làm cái việc đó với bất kì thằng đàn ông nào, thì tôi tưởng nó không có quyền từ chối thằng này mà ưng thằng khác. Tôi hỏi các bà nè, ở Rouen nó gặp thằng nào cũng ngủ với thằng đó, cả với những thằng đánh xe. Vâng thưa bà, cả với thằng đánh xe ở quận! Tôi biết rõ vì thằng đó mua rượu ở tiệm tôi mà. Và bây giờ đây, lúc chúng mình gặp bí, nó có thể giúp chúng mình được thì nó lại ỏng ẹo, cái thứ đĩ thập thành ấy!… Tôi thấy ông sĩ quan ấy cư xử đàng hoàng lắm. Có lẽ ông ta phải nhịn từ lâu; bọn ba chúng ta đây, chắc ông ta thèm lắm chứ. Nhưng không, ông ta chỉ đòi cái thứ của trăm thằng kia thôi, còn những đàn bà có chồng thì ông ta biết

kính trọng. Thử nghĩ coi, ông ta làm chủ mà. Chỉ cần bảo: "*Tôi muốn*" là ông ta và lính ông ta có thể bắt ép chúng ta cả rồi.

Hai bà kia hơi rùng mình. Cặp mắt của bà Carré-Lamadon sáng lên càng tăng vẻ đẹp của bà, và mặt bà hơi lợt, tưởng chừng như đã bị viên sĩ quan cưỡng ép rồi vậy.

Bọn đàn ông bàn bạc ở xa xa, lúc đó lại gần. Loiseau nổi quạu, muốn cột tay cột chân cái con "khốn nạn" đó mà đem dưng cho kẻ thù. Nhưng ông bá tước tổ tiên ba đời, đã làm sứ thần, mà cử chỉ ngôn ngữ ra con nhà ngoại giao lắm, nghĩ nên khôn khéo thì hơn. Ông bảo: "Phải dụ cô ta mới được".

Thế là người ta âm mưu với nhau.

Bọn đàn bà ngồi sát lại nhau, người ta nói nho nhỏ, người ta cùng bàn bạc, mỗi người đưa một ý kiến. Đàng hoàng lắm. Nhất là các bà kiếm được những lời thanh nhã, những tiếng tế nhị rất hay để nói về những cái tục tĩu nhất. Họ giữ gìn lời nói nên một người lạ có nghe cũng không sao hiểu được. Nhưng sự e lệ của hạng người đàn bà sang trọng chỉ là một lớp mỏng phủ bên ngoài thôi, họ hoan hỉ nghe những chuyện dâm ô đó, thâm tâm thích mê đi, như cá gặp nước vậy, vầy vọc ái tình một cách khoái lạc như một tên đầu bếp tham ăn nấu nướng cho mọi người khác vậy.

Thế là họ vui vẻ trở lại câu chuyện, vì họ thấy nó ngộ quá đi. Ông bá tước nói đùa vài câu hơi bạo, nhưng

ông ta khéo nói thành thử người ta chỉ mỉm cười thôi. Tới phiên Loiseau cũng chêm vào vài câu tục tĩu hơn, nhưng không ai gượng cả; và mọi người đều nghĩ về cái ý mà mụ Loiseau đã nói toạc ra: "Đã là cái nghề của nó, của cái con điếm đó thì tại sao nó lại từ chối thằng này mà ưng thằng khác?" Mụ Carré-Lamadon, con người dễ thương, hình như còn nghĩ rằng ở vào địa vị mụ thì mụ thấy thằng đó còn đáng ưng hơn thằng khác.

Người ta dự bị cẩn thận cuộc phong tỏa như để bao vây một cái đồn vậy. Mỗi người đồng ý về nhiệm vụ của mình, về những lý lẽ mình sẽ đem ra chống đỡ, những hành động mình phải làm. Người ta định kế hoạch tấn công, định mưu mô, cách đột kích ra sao, để bắt cái thành trì sống đó phải tiếp kẻ thù tại chỗ.

Cornudet đứng ở xa, hoàn toàn không liên quan gì đến vụ đó.

Mọi người chăm chú đến nỗi không nghe thấy tiếng *Thùng Nước Lèo* trở về.

Ông bá tước "suỵt" nhẹ, họ ngẩng cả lên. Ả đã đứng đó rồi. Thình lình người ta yên lặng, hơi lúng túng, không hỏi gì ả cả. Bà bá tước quen phép xã giao hời hợt bề ngoài lên tiếng:

– Coi lễ rửa tội có vui không?

Ả còn cảm động, kể lại hết, từ nét mặt đến cử chỉ, đến cả cái vẻ của nhà thờ nữa. Rồi ả thêm:

– Thỉnh thoảng cầu kinh, thấy nhẹ người lắm.

Nhưng cho tới bữa tối, các bà chỉ tỏ vẻ ân cần với ả thôi để ả tin mình mà dễ nghe lời khuyên của mình.

Khi ngồi ăn, người ta mới bắt đầu vào đề. Mới đầu là nói chuyện bâng quơ về đức tận tâm vị tha người ta kể những gương cổ nhân: Judith và Holoppherne(1), rồi chẳng có lý do gì cả, nhảy qua Lucrèce với Sextus(2), rồi Cléopâtre(3) ăn nằm với tất cả các tướng soái thù địch của nàng, làm cho họ thành nô lệ nàng hết. Rồi họ kể bướng một chuyện do những đầu óc triệu phú ngu dốt của họ tưởng tượng ra, kể rằng đàn bà La Mã lại Capoue quyến rũ Annibal(4), bọn sĩ quan và những đội dũng binh của ông. Người ta kể tên tất cả những người đàn bà đã ngăn được quân xâm lăng, đem thân mình làm một bãi chiến trường, một phương tiện để thống trị, một khí giới và tên những phụ nữ đã dùng những cái vuốt ve anh dũng của

(1) Theo kinh Cựu Ước, Judith là một trang nữ kiệt Do Thái góa chồng ở thành Béthulie. Holopherne, tướng Assyrie bao vây thành đó. Nàng vô trại Holopherne, dùng kế mỹ nhân, phục rượu Holopherne chặt đầu hắn, rồi nửa đêm trở về Béthulie. Sáng hôm sau quân Do Thái treo thủ cấp Holopherne lên cửa thành. Quân Assyrie sợ, mở vòng vây, bỏ chạy, bị giết rất nhiều.

(2) Lucrèce, tiết phụ La Mã thời cổ, bị Sextus làm nhục, đâm cổ tự tử do thảm kịch đó mà chế độ cộng hòa mới thành lập ở La Mã (510 tr. tây lịch).

(3) Cléopâtre, nữ hoàng Ai Cập, rất đẹp, quyến rũ được những tướng La Mã đã xâm chiếm Ai Cập như César, Antoine, nhưng sau không quyến rũ được Octavien, nàng để cho rắn độc cắn mà tự tử.

(4) Annibal, tướng Carthage, đem quân qua đánh La Mã tới đâu thắng đó, chiếm được Capoue, gặp mùa đông, tạm đóng quân lại. Theo truyền thuyết quân lính của ông vui thú mấy tháng tại Capoue, mà mất nhuệ khí. Nhưng truyền thuyết không nói rằng phụ nữ La Mã lại Capoue

mình để thắng những kẻ thù ghê tởm, mà hy sinh trinh tiết của mình cho sự tận tâm, sự trả oán.

Người ta còn nói bóng bảy về một phụ nữ Anh nọ, con nhà rất sang trọng chịu tiêm vào người một thứ bệnh truyền nhiễm ghê gớm để đổ bệnh cho Bonaparte, nhưng Trời xui khiến làm sao, đến giờ hẹn hò nguy hiểm đó, Bonaparte bỗng mệt không tới được nên thoát chết.

Người ta kể tất cả những chuyện đó bằng một giọng nghiêm trang, ôn tồn, thỉnh thoảng mới cố tình tỏ ra hăng hái để kích thích sự ganh đua.

Cứ nghe họ thì người ta có thể tin rằng chức vụ duy nhất của người đàn bà ở cõi trần này là luôn luôn hy sinh phó thác liên tục tấm thân cho cái động cỡn của tụi săng đá.

Hai bà Phước hiền hậu cơ hồ như không nghe gì cả, đăm đăm chiêu chiêu, còn *Thùng Nước Lèo* thì làm thinh.

Cả buổi chiều ngày hôm đó người ta để cho ả suy nghĩ. Nhưng đáng lẽ gọi ả là "bà" như trước thì người ta chỉ gọi là "cô" thôi, không ai hiểu tại sao; có vẻ như người ta muốn hạ ả xuống một bực trên một cái thang danh dự mà ả đã leo được, để cho ả thấy địa vị xấu hổ của mình.

Lúc dọn món canh, lão Follenvie lại vô, lặp lại câu hôm trước:

– Sĩ quan Đức cho hỏi cô Elisabeth Rousset đã đổi ý kiến chưa?

Ả đáp cụt ngủn:

– Không.

Bữa cơm tối, cuộc đồng minh đã suy yếu. Loiseau lỡ lời mất ba câu. Mọi người đấm hông để tìm những thí dụ mới nhưng không ra, thì bà bá tước, có lẽ không suy nghĩ trước, mơ hồ thấy cần phải ca tụng Tôn giáo, bèn hỏi bà Phước lớn tuổi nhất về sự nghiệp các vị Thánh. Nhiều ông Thánh có những hành động mà chúng ta cho là tội lỗi: nhưng Giáo đường dễ dàng xá cho hết, khi những hành động đó có mục đích làm vẻ vang cho Chúa, hay làm phúc cho người khác. Lý đó mạnh đấy; bà bá tước lợi dụng liền. Rồi, hoặc là do một sự đồng tình ngấm ngầm, một sự chiều lòng che đậy mà những kẻ bận áo tu hành thường tỏ ra rất xuất sắc; hoặc là do đần độn một cách may mắn, ngu xuẩn mà lại giúp được người, bà Phước già ủng hộ được cuộc âm mưu đó rất nhiều. Người ta tưởng bà e lệ, thì bà tỏ ra bạo dạn, nói nhiều, hăng hái. Bà không luýnh quính mà dò dẫm, quỷ biện; thuyết của bà đanh thép; đức tin của bà không do dự; lương tâm của bà không ngần ngại. Bà cho sự hy sinh của Abraham(1) là tự nhiên, vì nếu có lệnh trên ban xuống thì bà sẽ giết cha và mẹ tức thì; và theo ý bà, không có gì mà không đẹp lòng Chúa miễn là ý chí đáng khen. Bà bá tước lợi dụng ngay uy quyền thiêng liêng của kẻ đồng lõa bất ngờ đó, hỏi bà câu này có ý như mong bà chú giải định lí luân lí: "Mục đích biện hộ cho phương tiện" mà khuyến thiện người nghe!

---

(1) Một trưởng lão Do Thái sẵn lòng hy sinh con là Isoac cho Chúa. Sắp giết con thì một vị thiên thần cản lại, vì Chúa chỉ muốn thử lòng ông thôi.

– Vậy thưa bà, theo ý bà Chúa cho rằng con đường nào cũng tốt, và Chúa sẽ tha thứ hành động nếu lý do trong sạch?

– Thưa bà, còn ngờ gì điều đó nữa? Một hành động tự nó xấu xa, thường khi hóa ra đáng khen nếu khi làm, người ta nghĩ đến một mục đích cao cả.

Và họ tiếp tục như vậy, khám phá ra những ý chí của Chúa, đoán trước những quyết định của Người, buộc Người lưu tâm tới những việc mà thực ra chẳng liên can gì tới Người cả.

Tất cả những lời đó đều che đậy, khôn khéo, kín đáo. Nhưng mỗi lời của thánh nữ đội mũ vải kia làm thủng một lỗ lớn trong sự chống cự, sự bất bình của ả giang hồ. Rồi câu chuyện đổi chiều một chút, người đàn bà đeo tràng hạt thòng thòng đó nói về những giáo đường của thánh hội của mình, về nữ viện trưởng của mình, về bản thân mình, về bà bạn dễ thương ngồi gần mình, tức bà Phước thân ái Saint-Nicéphore. Người ta mời hai bà lại Havre để săn sóc hàng trăm lính bị đậu mùa trong các nhà thương. Bà tả những bệnh nhân thống khổ đó, kể những chi tiết về bệnh của họ. Và trong khi hai bà mắc kẹt ở giữa đường vì tư ý của tên Phổ này thì một số đông người Pháp thiếu sự săn sóc của hai bà mà có thể chết được. Bà chuyên môn săn sóc quân nhân; bà đã qua Crimée, qua Ý, qua Áo; và nghe bà ta tả những trận bà đã dự, người ta bỗng thấy rằng bà là một vị nữ tu hành có chiêng có trống, trời sinh để theo bộ đội, lượm những lính bị thương trong sự hỗn độn

của chiến tranh, và còn hơn một viên chủ soái nữa, bà chỉ nói một tiếng là bọn lính vô kỉ luật vào phép hết, đúng là một *bà Phước Thình thùng thình* rất tốt, mà mặt rổ chằng chịt y như một khu đất bị bom đạn tàn phá vậy.

Bà nói xong, không ai nói thêm nữa, kết quả có vẻ tốt quá rồi.

Ăn cơm xong người ta về phòng ngay.

*

Sáng hôm sau, đợi trễ trễ một chút người ta mới xuống phòng khách.

Bữa cơm trưa yên lặng. Để cho hạt giống gieo hôm trước có thì giờ đâm mầm rồi ra trái chứ.

Bà bá tước đề nghị buổi chiều đi dạo một lúc; và ông bá tước khoác tay *Thùng Nước Lèo*, đi chậm lại phía sau, như đã định trước.

Ông nói với ả bằng một giọng thân mật, như cha nói với con, nhưng hơi khinh khỉnh một chút, giọng mà bọn người nghiêm trang thường dùng với hạng gái điếm. Từ địa vị cao trên thang xã hội, từ chỗ tôn kính không ai chối cãi được, ông ngó xuống, gọi ả là "cháu à". Ông vô thẳng ngay đề:

– Vậy ra cháu muốn để các bà ở lại đây, chịu chung với cháu tất cả những sự tàn nhẫn nó sẽ xảy ra sau khi quân đội Phổ thua trận ư? Sao cháu không chịu chiều lòng một chút như cháu vẫn thường làm trong đời cháu đấy?

Ả làm thinh.

Ông ta ngọt ngào, lý luận, đập vào tình cảm. Vẫn giữ được cái thái độ "ông bá tước" mặc dầu là nếu cần, cũng biết tỏ ra nịnh đầm, khéo khen, nhã nhặn; ông tán tụng công của ả đối với mọi người, mọi người sẽ mang ơn ả lắm; rồi đột nhiên ông vui vẻ gọi ả bằng em:

– Này em, hắn có thể khoe rằng đã được hưởng một bông hoa đẹp mà ở quê hương hắn không dễ gì tìm ra được.

Ả vẫn làm thinh, tiến lên kịp bọn đi trước. Về tới quán, ả vào phòng riêng liền, không trở ra nữa. Lo lắng cực độ. Không biết ả sẽ làm gì đây? Nếu ả mà vẫn ương ngạnh thì thật là rắc rối!

Tới giờ ăn cơm tối; đợi ả mà ả không ra. Lão Follenvie vô, báo rằng cô Rousset khó ở và xin đừng đợi cô nữa. Mọi người vểnh tai ra nghe. Ông bá tước lại gần chủ quán:

– Xong rồi chứ?

– Vâng.

Vì lịch sự, ông không nói gì với các bạn đồng hành cả, chỉ gật đầu ra dấu thôi. Tức thì mọi bộ ngực thở phào ra một cách nhẹ nhàng, vẻ hoan hỉ hiện trên các bộ mặt. Loiseau la lớn:

– Trời đất quỷ thần ơi! Nếu quán này có săm banh thì tôi đãi bà con một chầu liền.

Mụ Loiseau lo ngay ngáy khi thấy chủ quán trở vô

với chai rượu. Bỗng nhiên người ta hóa ra ồn ào, dễ thổ lộ tâm can; lòng đầy một nỗi vui phóng đãng. Ông bá tước hình như nhận thấy rằng mụ Carré-Lamadon có duyên đáo để, ông chủ hãng dệt khen sắc đẹp của bà bá tước. Câu chuyện ồn ào, vui vẻ; nhiều câu hóm hỉnh lạ.

Thình lình Loiseau nét mặt lo lắng, đưa tay lên, la:

– Im!

Mọi người nín thinh, ngạc nhiên, đã gần đâm hoảng. Rồi hắn ngóng tai, đưa cả hai tay ra, làm dấu "suỵt" ngước mắt lên trần, lại nghe ngóng, sau cùng giọng tự nhiên, bảo:

– Chư vị cứ yên tâm, mọi sự như ý.

Mới đầu không ai hiểu là nghĩa gì, nhưng rồi mọi người mỉm cười.

Độ mười lăm phút sau, hắn làm lại trò hề đó, như vậy mấy lần trong buổi tối: hắn làm bộ như gọi ai ở tầng trên, dặn dò người đó những câu bóng bảy mà hắn quen dùng trong nghề chào hàng của hắn. Lúc đó hắn làm bộ buồn rầu, thở dài: "Tội nghiệp cô ả"; hoặc nổi dóa lên càu nhàu: "Thằng Phổ mạt kiếp!". Đôi khi, đúng cái lúc không ai nghĩ tới nữa thì giọng vang lên, hắn la mấy tiếng liền: "Thôi! Thôi!" rồi thêm, như tự nói với mình: "Miễn là mai còn thấy mặt ả: đừng làm chết con người ta, thằng khốn nạn!".

Những lời pha trò ấy tuy đểu giả, mà chẳng làm ai phật ý cả, người ta còn thấy thú vị nữa, vì sự bất bình cũng

tùy thuộc hoàn cảnh như mọi cái khác mà cái không khí tạo ra ở chung quanh họ đã đầy những tư tưởng tục tĩu rồi.

Tới lúc ăn tráng miệng, chính các bà cũng có những lời bóng bảy hóm hỉnh, kín đáo. Mắt sáng lên vì người ta uống rượu đã nhiều. Ông bá tước, cả những lúc phóng túng vẫn giữ được vẻ nghiêm trang, kẻ cả, nảy ra một ý hay, so sánh cảnh của họ lúc đó với hồi cuối đông ở bắc cực, và nỗi vui của họ không khác gì nỗi vui của bọn đắm tàu mà thấy được con đường về phương nam.

Loiseau hăng lên, đứng dậy tay cầm ly săm banh:

– Tôi xin cạn ly để mừng sự giải thoát của chúng mình.

Mọi người đều đứng lên; hoan hô hắn. Cả hai bà Phước nữa, nể lời mời mọc của các bà kia, cũng bằng lòng nhúng môi vào ly săm banh mà từ hồi cha sinh mẹ đẻ chưa hề được nếm. Các bà ấy bảo rằng giống nước chanh có bọt, nhưng mà ngon hơn.

Loiseau tóm tắt lại tình hình:

– Không chó chiếc pianô ở đây, để mình phổ một khúc chơi nhỉ.

Cornudet không thốt một lời, không có một cử động có vẻ đăm đăm suy nghĩ những vấn đề rất nghiêm trang, và thỉnh thoảng giận dữ kéo bộ râu dài của hắn như muốn cho nó dài thêm ra. Sau cùng, khoảng nửa đêm, lúc sắp chia tay, Loiseau lảo đảo, thình lình vỗ vào bụng hắn, lúng búng hỏi:

– Tối nay bác không vui à? Không nói gì hết, sao vậy, công dân?

Cornudet ngẩng ngay đầu lên, liếc mọi người một lượt, mắt long lanh, dữ tợn:

– Tôi bảo cho hết thảy mọi người nghe này, các người mới làm một việc ô nhục!

Hắn đứng dậy, ra cửa, lặp lại một lần nữa: "Ô nhục!" rồi biến mất.

Mới đầu họ như bị xối nước lạnh, Loiseau chưng hửng, đứng ngây ra, nhưng rồi hắn định thần lại được, thình lình ôm bụng mà cười, bảo:

– Nho xanh quá, bồ ơi, xanh quá[1].

Vì không ai hiểu gì cả, hắn mới kể những "bí mật trong hành lang" cho nghe. Thế là cả bọn lại nhao nhao lên dữ dội. Các bà vui đến hóa điên. Ông bá tước và lão Carré-Lamadon cười đến chảy nước mắt. Làm sao mà tin được?

– Sao! Chắc chắn không? Hắn muốn…

– Tôi đã bảo rằng tôi thấy tận mắt mà.

– Và ả đã từ chối…

– Vì có thằng Phổ đó ở phòng bên cạnh.

---

(1) Điển lấy ở trong một bài ngụ ngôn của La Fontaine. Con chồn thấy giàn nho muốn leo lên ăn, nhưng không được, bỏ đi, chê là nho xanh, không thèm.

– Có lẽ nào?

– Tôi thề với ông.

Ông bá tước cười ngất, nhà kĩ nghệ thì hai tay ôm bụng. Loiseau tiếp tục:

– Các ông hiểu chứ, tối nay, hắn oán cô ả lắm, oán lắm.

Rồi cả ba lại cười, cười đến hết hơi, đến mệt đừ.

Tới đó người ta chia tay nhau. Nhưng mụ Loiseau, bẩm tính hay châm chọc, khi lên giường nằm, bảo chồng rằng cái con ranh Carré-Lamadon cay nghiệt đó, cả buổi tối vừa cười và vừa bực tức.

– Mình biết không, bọn đàn bà, khi mà đã say mê tụi quân nhân thì họ bất chấp, là Pháp hay là Phổ, được tuốt. Có đáng thương tâm không, hỡi Trời!

Và cả đêm đó, trong bóng tối của hành lang, có tiếng chạy qua chạy lại, như run rẩy, để ý lắm mới nhận ra được như những hơi thở rất nhẹ, có tiếng chân rón rén, tiếng rắc rắc rất nhỏ. Và khuya lắm người ta mới ngủ, chắc vậy, vì dưới cánh cửa có những tia sáng lọt ra lâu rồi mới tắt. Rượu săm banh báo đời như vậy: người ta bảo nó làm cho khó ngủ.

*

Hôm sau mặt trời mùa đông sáng sủa, tuyết chiếu rực rỡ. Chiếc xe lần này mới thắng sẵn, đợi trước cửa trong khi một bầy bồ cầu trắng, ưỡn cổ trong bộ lông xù, mắt

hồng hồng điểm một chấm đen ở giữa, đủng đỉnh len lỏi giữa đám chân sáu con ngựa, kiếm ăn trong những đống phân bốc hơi rải rác trên đất.

Tên đánh xe khoác một chiếc áo da cừu, đương ngồi ở ghế đốt một ống điếu; tất cả các hành khách tươi cười bảo gói mau các thứ ăn để dùng khi đi đường.

Chỉ còn đợi *Thùng Nước Lèo*. Sau cùng ả ló ra.

Ả có vẻ hơi băn khoăn, xấu hổ; rụt rè tiến lại phía các bạn đồng hành; bọn này cùng quay mặt đi một lượt như không thấy ả. Ông bá tước nghiêm trang nắm tay bà vợ kéo xa ra, sợ dây cái đồ dơ dáy đó.

Cô ả đứng lại, ngạc nhiên; rồi gom hết cả can đảm lại, ả chào mụ chủ hãng dệt, giọng nhỏ nhỏ, kính cẩn: "Kính chào bà". Mụ gật nhẹ đáp lại một cách vô lễ, rồi lườm ả, như ả đã xúc phạm đến trinh tiết của mụ. Ai nấy ra vẻ lăng xăng, và người ta đứng xa ả như trong cái củng của ả có nhiễm độc. Rồi người ta ùa lên xe; ả lên sau cùng, lại ngồi vào chỗ cũ của mình.

Người ta làm bộ không thấy ả, không biết ả: mụ Loiseau ngồi ở xa khinh bỉ ngó ả, nói nho nhỏ với chồng:

– Cũng may mà em không phải ngồi gần nó.

Chiếc xe nặng nề chuyển bánh và cuộc hành trình lại tiếp tục.

Mới đầu không ai nói gì cả. *Thùng Nước Lèo* không dám ngước mắt lên. Ả vừa bực tức với họ, vừa xấu hổ đã nhượng bộ, để cho bọn giả đạo đức xô ả vào cánh tay tên

sĩ quan Phổ mà bị nhơ nhuốc vì những cái hôn của hắn.

Nhưng rồi bà bá tước phá tan sự im lặng khó chịu đó đi, quay về phía mụ Carré-Lamadon hỏi:

– Bà quen bà D'Etrelles chứ?

– Vâng, bà ấy là bạn thân của tôi.

– Con người nhã nhặn quá!

– Lịch sự lắm! Đúng là giới thượng lưu, hiểu biết rộng mà nghệ sĩ tới chân răng kẽ tóc; hát rất hay mà vẽ tuyệt khéo.

Lão chủ hãng dệt nói chuyện với ông bá tước, và tuy các cửa kính rung động rầm rầm, người ta cũng lõm bõm bắt được những tiếng: "*Vé - tới hạn - tiền thưởng - trả góp*".

Loiseau đánh bài tay đôi với vợ nhờ đã thó được một cỗ bài cũ của chủ quán, nhầy mỡ vì đã năm năm cọ trên những mặt bàn ăn lau không kĩ.

Các bà Phước hiền hậu cầm chuỗi hạt lòng thòng ở dây lưng lên, cùng làm dấu thánh với nhau rồi thình lình môi họ mấp máy, mỗi lúc một mau, thì thầm tụng kinh, thỉnh thoảng lại hôn một chiếc mề đay, làm dấu lại, rồi lại lầm rầm đều đều, liến thoắng.

Cornudet ngồi yên nghĩ ngợi.

Đi được ba giờ đường, Loiseau dẹp cỗ bài lại, bảo:

– Đói rồi.

Mụ vợ với một gói cột dây gai, lấy ra một miếng thịt

bò nguội. Mụ cẩn thận cắt thành những lát mỏng mà cứng, rồi hai vợ chồng cùng ăn.

Bà bá tước bảo:

– Chúng mình ăn nhé?

Người ta đồng ý và bà mở những gói thức ăn sắp chung cho hai gia đình. Thức ăn để trong một chiếc liễn dài, nắp có một con thỏ bằng sứ để tỏ rằng ở trong có món ba-tê thỏ bổ và ngon, có những làn mỡ trắng chảy qua đám thịt thỏ màu nâu, trộn với nhiều thứ thịt khác băm nhỏ. Một khúc Gruyère, gói trong một tờ nhật trình mà hai chữ "Tin vặt" như in lên mặt phó mát nhờn nhờn.

Hai bà Phước hiền hậu mở một khoanh xúc xích hăng mùi tỏi; còn Cornudet đút một lần cả hai tay vào túi áo choàng may như cái bao, moi ra một bên bốn cái trứng luộc, một bên một miếng vỏ bánh mì. Hắn lột vỏ trứng liệng xuống lớp rơm ở dưới chân, rồi ngoạm vào trứng, làm rớt những miếng lòng đỏ nhỏ lên bộ râu của hắn, thành thử bộ râu như lốm đốm những ngôi sao.

Thùng Nước Lèo khi thức dậy, vội vàng và hoảng hốt không kịp nghĩ tới gì cả: ả ngó bọn đó thản nhiên ăn mà nổi xung, muốn nghẹt thở. Ả giận sôi lên, nghiến răng lại, rồi mở miệng ra tính chửi cho họ một tràng, chửi cái thái độ của họ, nhưng ả uất quá, cổ nghẹn lại, thốt không được.

Chẳng ai ngó tới ả, nghĩ tới ả. Ả thấy bị tụi lương thiện vô lại đó khinh bỉ, họ đã bắt ả hy sinh rồi gạt bỏ ả ra, như một vật dơ dáy, vô ích vậy. Và ả nghĩ tới rổ lớn

thức ăn đầy những món ngon mà họ nghiến ngấu, nghĩ tới hai con gà giò bóng nhẫy những thịt đông, tới những miếng ba-tê những trái lê và bốn chai rượu vang của ả; rồi nỗi giận của ả thình lình nguôi xuống, như một chiếc dây căng quá mà đứt, ả rưng rưng muốn khóc.

Ả gắng sức ghê gớm, lấy gân rán nuốt lệ như con nít, nhưng lệ cứ trào lên, lóng lánh ở mí mắt rồi hai giọt lớn chảy ra, từ từ lăn trên má. Những giọt sau chảy nhanh hơn, như nước từ một phiến đá rỉ ra, rồi rớt đều đều trên bộ ngực căng tròn của ả. Ả ngồi ngay, mắt đăm đăm, mặt nghiêm và lợt lạt, hy vọng người ta không thấy mình khóc.

Nhưng bà bá tước nhìn thấy và ra dấu cho chồng hay. Ông chồng nhún vai như muốn nói: "Biết sao được, đâu phải lỗi của tôi". Mụ Loiseau mỉm cười đắc thắng và thì thầm: "Nó tủi thân mà khóc".

Hai bà Phước hiền hậu lấy giấy gói khúc xúc xích còn lại rồi lại tiếp tục tụng kinh.

Cornudet để tiêu hóa mấy quả trứng, duỗi chân cà khêu dưới chiếc ghế dài trước mặt, ngửa lưng, khoanh tay, mỉm cười như mới tìm được một trò khôi hài thú vị, bắt đầu huýt gió điệu *La Marseillaise.*

Các vẻ mặt sa sầm lại. Chắc chắn là họ không ưa điệu hát bình dân đó. Họ bực mình, quạu quọ, muốn tru lên như chó nghe tiếng phong cầm man rợ vậy. Hắn thấy thế càng huýt già không ngừng miệng. Thỉnh thoảng hắn lại hát nho nhỏ những câu này:

Hỡi Thần ái quốc thiêng liêng,

Hãy dắt và đỡ cánh tay trả thù của chúng tôi.

Hỡi Thần Tự do, Thần Tự do yêu mến,

Hãy chiến đấu với những kẻ bênh vực Người!

Xe chạy nhanh hơn, vì tuyết cứng hơn; và cho tới khi đến Dieppe, suốt mấy giờ ngồi xe đằng đẵng buồn tẻ, trong tiếng lộc cộc gập ghềnh, hắn tiếp tục huýt, cả tới lúc đêm đổ xuống rồi tối mịt, hắn cũng vẫn ngoan cố huýt một cách dữ tợn, huýt hoài điệu đều đều đó để trả thù, buộc bọn người mệt nhọc và bực tức kia phải theo bài hát từ đầu đến cuối, mà nhớ lại những lời hắn nhấn vào mỗi nhịp.

Còn *Thùng Nước Lèo* thì vẫn khóc; thỉnh thoảng một tiếng nấc, mà ả không nén được, phát ra ở giữa hai đoạn ca, trong đêm tối.

SỢI DÂY CHUYỀN
LA PARURE

Nàng vào hạng thiếu nữ xinh đẹp, có duyên, mà Trời như bắt sanh lầm vào một gia đình công chức tầm thường. Nàng không có hồi môn, không có hy vọng không có phương tiện nào để được người ta biết, hiểu, yêu, để được một người giàu có sang trọng cưới làm vợ; và nàng đành phải kết duyên với một thầy kí ở bộ Quốc gia Giáo dục.

Nàng ăn bận giản dị vì không có gì để trang điểm và nàng khổ sở như kẻ tụt địa vị; vì đàn bà không có giai cấp, không có huyết thống: cái nhan sắc, cái kiều diễm của họ thay cho dòng dõi, môn phiệt của họ. Chỉ có cái tinh anh bẩm sinh, cái bản năng thanh nhã và cái tinh thần uyển chuyển của họ là định đẳng cấp cho họ thôi và làm cho những thiếu nữ thường dân ngang hàng với những bà quí phái nhất.

Nàng đau khổ hoài vì nghĩ rằng mình đáng được hưởng tất cả những cái thanh nhã, những cái xa xỉ. Nàng đau khổ vì nỗi căn nhà nghèo nàn, tường vách tồi tàn, ghế thì cũ mà vải thì xấu. Tất cả những cái đó, một người đàn bà khác trong giới của nàng không nhận thấy đâu, nhưng

(1) Nguyễn Hiến Lê dịch, nhan đề là Kiếp người (nhà xuất bản Văn học).

nàng thì thấy đau khổ, phẫn uất. Trông thấy con ở nhỏ miền Bretagne giúp những việc nhà bần tiện cho mình, nàng đâm ra hối tiếc chua xót và mơ mộng cuống cuồng. Nàng nghĩ tới những tiền sảnh lặng lẽ, tường căng những vải hoa của phương Đông, trưng bày những chúc đài cao bằng đồng đen, có hai người hầu to lớn thiêm thiếp ngủ ở những chiếc ghế bành rộng trong cái không khí nặng nề của lò sưởi. Nàng nghĩ tới những phòng khách lớn ghế phủ lụa cổ, những bàn tủ thanh nhã bày những bảo vật vô giá, và tới những phòng khách nhỏ, xinh xắn, lịch sự, thơm tho rất hợp với những câu chuyện tâm sự vào hồi năm giờ chiều giữa những bạn trai thân thiết, những người danh tiếng và sang trọng mà người đàn bà nào cũng thèm muốn được họ chú ý tới.

Bữa cơm tối, khi nàng ngồi xuống, đối diện người chồng, trước cái bàn ăn tròn trải một chiếc khăn ba ngày rồi chưa thay, rồi thấy chồng mở nắp liễn xúp ra, vẻ hoan hỉ, bảo: "A! Có món thịt bò hầm! Thú tuyệt, không còn món nào bằng…", thì nàng nghĩ tới những bữa cơm tối sang trọng, dĩa muỗng đều bằng bạc bóng loáng, tường treo những bức thảm, vẽ hình những nhân vật thời cổ và những con chim kì dị ở giữa một rừng toàn những cảnh tiên; nàng nghĩ tới những món tuyệt ngon dọn trong những chén đĩa cực đẹp, những lời tình tứ thì thầm bên tai làm cho người nghe mỉm cười một cách bí mật, trong khi nhai thịt hồng hồng của con hương ngư hoặc cánh của con đa đa.

Nàng không có trang phục, không có đồ trang sức,

không có một chút gì cả. Mà nàng lại chỉ thích những cái đó; nàng cảm thấy rằng mình đáng được hưởng những cái đó. Nàng muốn được người ta thích, người ta ước ao mình, người ta xiêu lòng vì mình, người ta cho mình là hiếm, là quí; nàng muốn quá chừng đi.

Nàng có một người bạn gái giàu, quen từ hồi ở nhà tu, mà nàng không muốn lại thăm nữa vì mỗi lần lại thăm về là nàng đau khổ. Và nàng khóc suốt mấy ngày liền, khóc vì buồn bã, ân hận, thất vọng, khổ sở.

Rồi một buổi chiều, chồng nàng ở sở về, vẻ hãnh diện, chìa một bao thư lớn cho nàng bảo:

– Này em, có cái này tặng em.

Nàng xé vội bao thư, rút ra một tấm thiếp in, đọc mấy hàng này:

"*Ông Bộ Trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục và bà Georges Ramponneau kính mời ông bà Loisel tối thứ hai 18 tháng giêng, lại dự dạ hội tại Bộ phủ cho thêm phần long trọng*".

Người chồng tưởng nàng sẽ hoan hỉ, không ngờ nàng tức giận liệng tấm thiếp xuống bàn, lẩm bẩm:

– Dùng làm gì cái thứ đó?

– Sao vậy, em? Anh cứ nghĩ rằng em sẽ vui lòng. Em chả bao giờ đi dự hội lần nào cả, thì đó là một cơ hội, một cơ hội tốt! Khó nhọc vô cùng mới xin được tấm thiếp đó. Ai cũng muốn có một tấm; nhưng hiếm lắm, hạng thư kí dễ gì mà được. Tối đó em sẽ gặp tất cả giới quan trường.

Nàng ngó chồng vẻ giận dữ, rồi gắt gỏng bảo:

– Anh muốn em bận cái áo nào để đi dạ hội đó?

Chàng quên phứt điều đó, nên ấp úng:

– Thì bận cái mà khi đi coi hát em vẫn bận đó. Anh thấy nó được lắm,…

Chàng đương nói thì ngừng bặt, ngạc nhiên, hoảng hốt thấy vợ mình khóc.

Hai giọt lệ lớn từ từ lăn từ đuôi mắt tới mép; chàng lắp bắp:

– Em làm sao vậy? Làm sao vậy?

Nhưng nàng nghiến răng thắng được nỗi khổ, vừa lau nước mắt trên má, vừa bình tĩnh đáp:

– Không sao hết. Nhưng không có áo thì em không thể dự dạ hội đó được. Thôi, anh đem tấm thiếp đó cho ông bạn đồng sự nào mà người vợ có quần áo sang trọng hơn em.

Chàng chán nản. Rồi bảo:

– Em Mathilde, một chiếc áo coi được có thể bận trong những dịp khác, và rất giản dị, thì tốn khoảng bao nhiêu, em?

Nàng suy nghĩ vài giây, tính toán, đoán trước xem nên xin chồng chừng bao nhiêu để khỏi bị anh chàng tằn tiện đó quyết liệt từ chối hoặc hoảng hốt kêu trời là đắt.

Sau cùng nàng ngập ngừng đáp:

– Em cũng không biết rõ nữa, nhưng có bốn trăm

quan thì có lẽ đủ.

Chàng hơi tái mặt, vì chàng đã để dành đúng số tiền đó, tính mua một cây súng để mùa hè tới, gặp ngày chủ nhật, cùng bạn bè ra cánh đồng Nanterre bắn chim sơn ca.

Nhưng chàng cũng nói:

– Được. Anh cho em bốn trăm quan. Nhưng rán may một cái áo cho đẹp nhé.

Ngày hội đã gần tới, áo may xong rồi, mà cô Loisel vẫn có vẻ buồn rầu, bồn chồn lo lắng. Một buổi tối chồng nàng hỏi:

– Em làm sao đấy? Ba ngày nay coi kì cục quá.

Và nàng đáp:

– Em buồn vì không có một món nữ trang nào, không có lấy một hạt ngọc để đeo. Có vẻ tồi tệ quá. Em gần như không muốn đi dự dạ hội đó nữa.

Chàng bảo:

– Cài hoa thiệt cũng được mà. Mùa này, như vậy là nhã. Mười quan thì được hai ba bông hồng tuyệt đẹp.

Nàng không tin lắm.

– Không…. Giữa đám các bà các cô giàu sang, mà mình có vẻ nghèo khổ, thì thấy nhục lắm.

Người chồng bỗng la lên:

– Em thật là đần! Lại thăm chị bạn của em, chị Forestier, xin chị ấy cho mượn ít nữ trang. Hai người thân với nhau lắm, mượn được mà.

Nàng vui quá, thốt lên:

– Phải đấy. Thế mà em không nghĩ ra.

Hôm sau nàng lại thăm bạn, kể lể nỗi khổ tâm của mình.

Cô Forestier lại tủ gương, lấy ra một cái hộp tư trang lớn, đem lại, mở ra, bảo cô Loisel:

– Đó, tùy ý chị lựa.

Nàng thấy những chiếc vòng, rồi một chuỗi ngọc trai, rồi một chiếc thánh giá kiểu Venise, vòng ngọc chiếc nào chiếc nấy làm khéo quá. Nàng đeo thử rồi ngắm trong gương, do dự, không muốn rời ra, không muốn trả lại. Nàng vẫn hỏi:

– Chị còn món nào khác không?

– Có. Chị cứ kiếm đi. Em không biết chị muốn thứ nào.

Thình lình nàng kiếm được một cái hộp xa tanh đen, trong để một chuỗi kim cương cực đẹp; tim nàng đập vì thèm muốn quá sức. Tay nàng run run cầm lên. Nàng đeo ra ngoài chiếc áo cổ cao, và đứng ngây người ra mà ngắm mình.

Rồi nàng ngập ngừng, lo lắng, hỏi:

– Chị cho em mượn chiếc dây chuyền này nhé? Em chỉ mượn món đó thôi.

– Cố nhiên là được rồi, chị cứ đeo đi.

Nàng nhảy lên, bá cổ, ôm bạn, vui như điên, rồi đeo

bảo vật đó mà chạy tuốt về nhà.

Ngày hội tới. Cô Loisel thành công. Nàng đẹp nhất, lịch sự, duyên dáng, tươi cười, vui quá là vui. Người đàn ông nào cũng ngó nàng, hỏi tên nàng, đòi được giới thiệu với nàng. Tất cả các tùy viên ở Bộ muốn được khiêu vũ với nàng. Ông Bộ trưởng cũng để ý tới nàng.

Nàng say sưa khiêu vũ, hăng hái, thích mê đi, chẳng nghĩ ngợi gì cả, chỉ cảm thấy sự thắng lợi của nhan sắc, thấy cái rực rỡ của sự thành công, thấy như có một đám mây hạnh phúc ở chung quanh mình, gồm những lời tôn sùng, những vẻ ngưỡng mộ, những niềm khao khát dậy lên, và cái đắc thắng hoàn toàn nhất, êm đềm nhất đối với lòng phụ nữ đó.

Nàng ra về vào lúc bốn giờ sáng. Từ hồi nửa đêm, người chồng đã ngủ ở một phòng khách nhỏ vắng vẻ với ba ông nữa mà các bà vợ cũng ham vui như nàng.

Chàng khoát lên vai vợ chiếc áo mà chàng mang theo để bận ở ngoài đường, chiếc áo tầm thường trong đời sống hằng ngày, so với chiếc áo khiêu vũ sang trọng thì càng thấy nó tồi tàn. Nàng cảm thấy vậy, muốn trốn đi để cho các bà khác bận những chiếc áo lông đắt tiền khỏi nhận thấy.

Nhưng Loisel giữ nàng lại:

– Hãy khoan. Ra ngoài lạnh, rồi phải cảm bây giờ. Để anh kêu một chiếc xe ngựa.

Nàng không nghe, vội vàng xuống cầu thang. Khi họ

xuống tới đường, không gặp một chiếc xe nào cả, phải đi kiếm thấy chiếc xe nào ở xa cũng kêu với lại.

Họ thất vọng, run lẩy bẩy đi xuôi về phía sông Seine. Mãi về sau họ mới gặp trên bờ sông một chiếc xe cũ kĩ, chạy ban đêm, mà ở Paris người ta chỉ thấy xuất hiện vào những giờ khuya, như thể chúng xấu hổ vì cái vẻ tồi tàn của chúng mà không dám chạy ban ngày.

Xe đưa họ về tới cửa nhà ở đường Martyrs, và họ buồn bã lên thang về phòng. Đối với nàng, thế là hết. Còn chàng thì nghĩ rằng mười giờ sáng đã phải đi lại Bộ làm việc rồi.

Nàng đứng trước gương, cởi bỏ chiếc áo ngoài mà nàng đã khoác lên vai, để tự ngắm lại một lần nữa trong trang phục rực rỡ. Thình lình nàng la lên. Cái chuỗi kim cương đeo ở cổ đâu mất rồi?

Người chồng đương thay quần, hỏi:

– Cái gì đó?

Nàng kinh khủng quay lại, đáp:

– Em đã… đã… không còn cái dây chuyền của chị Forestier nữa.

Chàng đứng phắt ngay dậy, cuống cuồng:

– Thế nào?… Sao?… Vô lý!

Rồi họ kiếm trong các áo dài, nếp áo choàng, kiếm trong các túi áo, kiếm khắp. Mà không thấy.

Chàng hỏi:

– Em chắc chắn là còn đeo nó khi khiêu vũ ra chứ?

– Vâng. Em còn rờ thấy nó khi qua phòng trước của Bộ mà.

– Nhưng nếu đánh rớt ở ngoài đường thì đã nghe thấy tiếng rơi rồi. Chắc rớt ở trên xe.

– Vâng. Chắc vậy. Anh có ghi số xe không?

– Không. Còn em, em có nhìn số xe không?

– Không.

Họ sửng sốt ngó nhau. Sau cùng Loisel lại bận quần áo lại, bảo vợ:

– Anh trở lại quảng đường mà mình đã đi bộ để xem có tìm thấy không.

Rồi chàng đi ra. Nàng vẫn bận chiếc áo dự dạ hội đó mà ngồi xuống ghế dựa, mệt mỏi không còn sức lại giường nằm nữa, không suy nghĩ gì cả mà phòng cũng không đốt lửa.

Khoảng bảy giờ sáng, người chồng về, kiếm không thấy.

Chàng lại sở Cảnh sát, lại các tòa báo, lại các hãng xe nhỏ, bất kì đâu có chút hy vọng, chàng cũng tới, hứa sẽ thưởng một số tiền nếu ai bắt được mang trả lại.

Nàng chờ đợi suốt ngày hôm đó, vẫn chưa bớt hoảng hốt trước cái tai nạn ghê gớm ấy.

Chiều tối Loisel trở về nhà, má hóp xuống, mặt xanh nhợt: chẳng có tin tức gì cả.

Chàng bảo:

– Phải viết cho chị bạn của em, bảo rằng lỡ làm gẫy cái khóa, và đương đem đi sửa. Như vậy có thì giờ để xoay xở.

Rồi chàng đọc cho nàng viết.

Một tuần lễ sau, họ hết hi vọng rồi.

Và Loisel già đi đến năm tuổi, chàng bảo:

– Phải mua chiếc khác thường chứ.

Hôm sau, họ tìm địa chỉ ghi ở trong cái hộp chứa chiếc dây chuyền đó rồi theo địa chỉ ấy mà tìm lại cửa hàng bán châu báu.

Chủ tiệm mở sổ sách ra coi, bảo:

– Thưa bà, tôi không bán chuỗi hột xoàn đó, chắc là tôi chỉ bán cái hộp không thôi.

Rồi họ đi hết tiệm kim hoàn này tới tiệm kim hoàn khác. Nhớ lại chiếc dây chuyền cũ. Kiếm một sợi dây chuyền giống như vậy. Cả hai đều buồn rầu, lo lắng đến gần hóa đau.

Họ thấy trong một tiệm ở Palais-Royal, một chuỗi hột xoàn mà họ cho rằng như in chuỗi cũ. Giá bốn mươi lăm ngàn quan. Chủ tiệm bằng lòng để lại với giá ba mươi sáu ngàn.

Họ năn nỉ chủ tiệm đợi họ ba ngày nữa, đừng bán cho ai. Và họ đưa thêm điều kiện này là nếu trước cuối tháng hai, họ tìm được chiếc dây cũ thì họ sẽ đem trả tiệm chiếc

dây mà họ mua và chủ tiệm sẽ hoàn lại cho họ ba mươi bốn ngàn quan.

Loisel có được mười tám ngàn quan của cha để lại. Số tiền thiếu phải đi vay.

Chàng hỏi vay người này ngàn quan, người kia năm trăm quan, chỗ này năm đồng[1], chỗ kia ba đồng. Chàng phải làm giấy nợ, kí những cam kết tai hại, hỏi tiền những kẻ cho vay nặng lãi, giao thiệp với mọi hạng chủ nợ. Chàng làm hại hết cái đời của chàng, cứ kí liều, không biết có giữ được lời kí kết hay không, rồi hoảng hốt, lo lắng về tương lai, lo cho cái cảnh khốn đốn tối tăm sẽ tới, cái nông nỗi phả chịu tất cả những thiếu thốn về thể chất và tất cả những hành hạ về tinh thần. Chàng đem số tiền ba mươi sáu ngàn quan chồng cho chủ tiệm kim hoàn rồi cầm chuỗi hột xoàn mới về.

Khi cô Loisel mang chiếc dây chuyền trả cô Forestier, cô này cằn nhằn bảo:

– Sao chị không đem lại sớm hơn? Tôi có lúc phải đeo nó.

Nàng sợ bạn sẽ mở hộp ra coi, nhưng cô Forestier không mở. Nếu bạn mở ra thấy cái dây chuyền này khác thì sẽ nghĩ làm sao nhỉ? Sẽ trách móc làm sao nhỉ? Có lẽ cho nàng là quân ăn cắp chăng?

Cô Loisel chịu sống cảnh nghèo khổ ghê gớm. Nhưng bỗng nhiên nàng an phận với tất cả hùng tâm. Phải trả món nợ kinh khủng đó. Thì nàng sẽ trả. Nàng cho người ở thôi việc; đi mướn chỗ khác: một cái gác xép ở sát mái nhà.

Nàng làm hết những công việc nặng nhọc trong nhà, hết những công việc gớm ghiếc ở trong bếp. Nàng rửa chén, móng tay hồng hồng của nàng cà riết vào những đồ sành nhờn mỡ và vào đáy những cái xoong mà mòn đi. Nàng chà xà bông những quần áo dơ, những chiếc sơ-mi, những mảnh giẻ rồi đem phơi trên một chiếc dây thừng, mỗi buổi sáng nàng đem rác xuống đường rồi xách nước lên, cứ lên được hết mỗi từng lại phải nghỉ để thở. Rồi ăn bận như một thường dân, nàng xách giỏ đi lại tiệm trái cây, tiệm tạp hóa, tiệm thịt, bị nguyền rủa mà vẫn trả giá từng xu để bảo vệ cái số tiền bần tiện của nàng.

Tháng nào cũng phải trả những món nợ cũ rồi kí những món khác để xin gia hạn, cho có thì giờ.

Chồng làm việc cả buổi tối, giữ thêm sổ sách cho một nhà buôn, và nhiều khi, ban đêm phải chép giấy má để kiếm năm xu một trang.

Đời sống đó kéo dài mười năm.

Hết mười năm, họ trả hết nợ, trả cả vốn lẫn lời, những số lời nặng chồng chất lên nhau.

Bây giờ cô Loisel có vẻ già rồi. Cô đã thành một người đàn bà khỏe mạnh, thô kệch, như những người đàn bà vất vả trong những gia đình nghèo. Tóc bù xù, váy xốc xếch, tay đỏ lên, cô nói lớn tiếng, dội nước để cọ sàn. Nhưng thỉnh thoảng, khi chồng ở sở, cô ngồi gần cửa sổ và nhớ cái buổi tối, cái buổi khiêu vũ mà cô rất diễm lệ, được người ta rất hoan nghênh hồi trước đó.

Nếu cô không đánh mất chiếc dây chuyền đó thì đời

cô sẽ làm sao nhỉ? Biết đâu chừng? Phải, biết đâu chừng? Đời người thật kì cục, thay đổi mau làm sao! Chỉ một việc nhỏ mọn cũng đủ làm hại hoặc cứu vớt mình được.

Rồi một bữa chủ nhật nọ, nàng đi dạo một vòng ở Champs-Elysées để nghỉ ngơi sau một tuần lễ mệt nhọc, thì thình lình nàng thấy một thiếu phụ dắt một đứa con. Chính là cô Forestier, vẫn trẻ, vẫn đẹp, vẫn có duyên như trước.

Cô Loisel cảm động. Lại hỏi thăm bạn không? Lại chứ. Bây giờ đã trả hết nợ rồi thì kể hết cho bạn nghe chứ ngại gì?

Nàng tiến lại.

– Chị Jeanne, mạnh giỏi chứ?

Cô kia không nhận ra nàng, ngạc nhiên thấy bà đó gọi mình thân mật như vậy. Cô ta lắp bắp:

– Nhưng… thưa bà!… Tôi không biết… Có lẽ bà lầm chăng?

– Không. Em là Mathilde Loisel đây mà.

Cô bạn bật lên một tiếng.

– Trời!… Tội nghiệp chị Mathilde, sao chị thay đổi quá vậy!…

– Vâng, em đã phải trải qua nhiều nỗi vất vả lắm, từ cái ngày em không lại chị nữa; bao nỗi khốn khổ chị ơi,… mà tại chị đấy!…

– Tại em… Sao thế?

– Chị còn nhớ cái sợi dây chuyền kim cương mà chị cho em mượn đi dạ hội ở Bộ Quốc gia Giáo dục không?

– Nhớ? Thế rồi sao?

– Rồi em đánh mất nó.

– Đâu có! Chị trả lại em rồi mà.

– Em đã đem lại trả chị chiếc khác y hệt đấy. Và mười năm nay trả nợ mới xong. Chị lạ gì, chúng em có của cải gì đâu, trả món nợ đó không phải là dễ… Nhưng thôi, trả xong rồi, và em bằng lòng lắm.

Cô Forestier ngừng lại.

– Chị nói rằng chị đã mua một sợi dây chuyền hột xoàn khác để đền sợi của em ư?

– Vâng. Chị không nhận ra, phải không? Hai chiếc y hệt nhau.

Nàng mỉm cười, vui vẻ một cách tự đắc và ngây thơ.

Cô Forestier rất cảm động, nắm lấy hai tay bạn.

– Trời ơi! Tội nghiệp chị quá, chị Mathilde! Nhưng chiếc của em là đồ giả mà. Đáng giá nhiều lắm là năm trăm quan!…

MƯA

Đã gần tới giờ đi ngủ và sáng hôm sau người ta sẽ trông thấy bờ. Bác sĩ Macphail đốt thuốc hút, rồi nghiêng mình ra ngoài mạn tàu, tìm chòm sao chữ thập ở phương Nam. Sau hai năm ở ngoài mặt trận - ông đã bị một thương tích lâu lành - ông vui vẻ được nghỉ ngơi yên tĩnh nhất là mười hai tháng tại Apia, và ngay chuyến đi này đã làm cho ông khoan khoái rồi. Vì hôm sau có nhiều hành khách xuống Pago-Pago, nên tối hôm đó người ta tổ chức một cuộc khiêu vũ, và tiếng dương cầm e é còn vang trong tai ông. Nhưng ở trên boong tàu, thì đã yên lặng. Cách chỗ ông đứng chừng vài bước, bà Macphail nằm trên chiếc ghế dài, đương trò chuyện với ông bà Davidson. Ông tiến lại phía đó, ngồi vào một chỗ sáng, lột nón ra. Người thấy đầu ông hơi sói, tóc hung hung đỏ, mặt có tàn nhang cũng hung hung; ông khoảng tứ tuần; gầy, mặt choắt, có vẻ tỉ mỉ, hơi gàn; ông nói giọng Tô Cách Lan, nhỏ nhẹ bình tĩnh.

Cặp Macphail và cặp Davidson - một gia đình truyền giáo - thân với nhau - không phải vì tình thanh khí mà vì gặp nhau hằng ngày ở trên tàu. Họ có một điểm gần nhau

là cùng ghét hạng hành khách ngày đêm đánh bạc và uống rượu trong phòng hút thuốc.

Trong số hành khách, ông bà Davidson chỉ làm quen với ông bà Macphail, điều đó làm cho bà Macphail hãnh diện; mà bác sĩ Macphail, nhút nhát chứ không ngây thơ, cũng hơi cảm động về thịnh tình của cặp Davidson. Nhưng vốn có óc dị nghị, nên ban đêm, trong phòng riêng, bác sĩ thường chỉ trích ông bà Davidson.

Bà Macphail vừa chải kĩ mớ tóc mượt, vừa kể:

– Bà Davidson tự hỏi nếu không có vợ chồng mình thì không biết làm sao chịu nổi chuyến đi này. Bà ta bảo rằng khắp trên tàu, ông bà chỉ muốn làm quen với tụi mình thôi.

– Anh lại cứ nghĩ rằng một nhà truyền giáo đâu phải là một nhân vật quan trọng gì mà khó tính đến thế!

– Không phải là khó tính. Em hiểu lòng bà ta lắm. Ông bà ấy mà phải tiếp xúc hạng người thô lỗ ở trong phòng hút thuốc thì chịu sao nổi?

Bác sĩ cười ngạo:

– Vị sáng lập ra tôn giáo của họ không chấp nhất tới như vậy.

Bà vợ đáp:

– Em đã van mình biết bao lần rồi, rằng đừng đem tôn giáo ra mà giễu. Anh Alec à, em không ưa cái tính đó đâu. Anh chỉ nhận thấy mặt trái của kẻ khác thôi.

Bác sĩ đưa cặp mắt xanh lại liếc nhìn bà vợ, và làm thinh. Sống chung với nhau, ông đã kinh nghiệm rằng muốn cho yên thân thì nên nhịn vợ một chút. Ông thay quần áo xong trước, leo lên cái giường treo trên cao rồi lấy sách ra đọc để dỗ giấc ngủ.

*

Sáng hôm sau, khi ông lên trên boong thì tàu đã tới sát bờ. Ông chăm chú ngó. Sau đường viền trắng như bạc ở bãi biển, nổi lên những ngọn đồi cây cối um tùm. Trong bụi dừa rậm và xanh mọc lan tới gần bờ nước, ẩn hiện những chòi lá của thổ dân; và đây đó một ngôi nhà thờ nhỏ ló ra rực rỡ trắng. Bà Davidson tiến lại, đứng bên cạnh bác sĩ. Bà bận đồ đen, cổ đeo một dây chuyền vàng, đầu dây lủng lẳng một chiếc thánh giá xinh xinh. Bà nhỏ con; tóc đen, không bóng, chải, vén kĩ; mắt lồi sau một cặp kính kẹp mũi, không gọng. Mặt dài như mặt ngựa, nhưng không có vẻ đần mà trái lại, có vẻ rất lanh lợi, linh hoạt như con chim. Nhất là tiếng nói the thé, sang sảng, không uốn giọng của bà làm cho ai cũng để ý tới. Nó đập vào tai ta một điệu đều đều, tàn nhẫn như tiếng động một cái máy khoan, đến bực mình.

Cặp môi mỏng của bác sĩ rán nhoẻn ra:

– Tới đây, bà có cảm giác là tới nhà rồi chứ?

– Những đảo san hô của chúng tôi thấp hơn miền này. Đây là đất hỏa sơn. Còn phải đi biển mười ngày nữa mới tới.

Ông Macphail vui tính, bảo:

– Trong miền này thì đảo san hô với đất hỏa sơn cũng là kế cận nhau cả, như phố trên phố dưới, ở xứ mình.

– Ông nói cũng hơi quá, nhưng quả thật là ở miền biển Nam này, quan niệm về không gian có hơi khác. Vậy lời của ông cũng không sai hẳn.

Bác sĩ Macphail thở dài nhẹ nhàng.

Bà Davidson nói tiếp:

– Đáng mừng là chúng tôi không phải truyền giáo ở đây. Nghe nói miền này công việc khó khăn lắm. Những tàu cập bến làm cho dân chúng láo nháo cả lên; lại thêm có một quân cảng nữa, ảnh hưởng tai hại tới thổ dân. Trong khu vực chúng tôi, không có những khó khăn ấy. Tất nhiên có một vài con buôn, nhưng chúng tôi rán kìm họ được, nếu họ kháng cự thì chúng tôi sẽ làm cho họ chịu không nổi mà phải tự ý đi nơi khác.

Sửa cặp kính lại, bà ta ngó quanh đảo, vẻ tàn nhẫn.

– Ở đây công việc của nhà truyền giáo thật là vô vọng. Tôi không ngớt cảm ơn Chúa đã tránh cho vợ chồng tôi phải chịu sự thử thách đó.

Khu truyền đạo của ông Davidson gồm một nhóm cù lao ở phía bắc Samoa; vì đảo nọ cách xa đảo kia nên ông dùng ghe máy, đi hằng ngày đường, để bà ở tại tổng hành dinh chỉ huy giáo hội. Nghĩ tới cái lối chỉ huy đắc lực của bà mà bác sĩ rùng mình.

Bằng một giọng không có sức nào át nổi, bà mà mạt

sát sự trụy lạc của thổ dân, làm cho ta ghê tởm kịch liệt mà thấm thía. Cái lối thẹn thùng của bà thật cũng lạ. Ngay từ hồi mới quen nhau, bà đã rỉ tai bác sĩ:

– Ông ạ, hồi chúng tôi tới đảo, tục lệ cưới hỏi của họ nó chướng làm sao ấy, đến nỗi tôi không dám tỏ cho ông nghe. Nhưng rồi tôi sẽ kể cho bà nghe rồi bà kể lại cho ông.

Thế là hai bà, bà Davidson và bà Macphail, xích ghế lại gần nhau, nghiêm trang nói chuyện với nhau khoảng hai giờ đồng hồ. Bác sĩ Macphail đi bách bộ qua lại cho khí huyết lưu thông, bắt nghe được lời thì thầm liến thoắng thao thao bất tuyệt của bà Davidson; thấy vợ há hốc miệng ra, nước da nhợt nhạt, ông biết rằng bà khoái nghe câu chuyện ghê tởm đó lắm. Ban đêm, trong phòng riêng, bà vợ hổn hển kể lại hết cho chồng nghe.

– Thế nào? Tôi nói có đúng không? Có bao giờ ông được nghe những chuyện gớm ghiếc như vậy? Làm sao mà tôi dám kể thẳng cho ông nghe được! Mặc dầu ông là bác sĩ.

Rồi bà ta dò xét nét mặt của Macphail xem câu chuyện có gây kết quả như mình muốn không.

– Ông hiểu được rằng hồi mới tới, chúng tôi lợm giọng chứ? Ông tưởng tượng giùm tôi, trong khắp các làng xóm, không làm sao kiếm được một thiếu nữ ngoan.

Bà ta nói tiếng "ngoan" đó bằng một giọng nghiêm khắc ngụ một ý nghĩa riêng.

– Vợ chồng tôi suy nghĩ kĩ rồi quyết định rằng việc đầu tiên phải là cấm ngặt khiêu vũ. Dân bản xứ họ mê cái đó lắm.

Bác sĩ Macphail đáp:

– Hồi trẻ, tôi cũng không ghét môn khiêu vũ.

– Tối qua, nghe ông rủ bà nhảy một bản tôi cũng đã đoán được rằng ông không ghét môn đó. Trong chỗ vợ chồng cũng vui vui. Trong cái nhốn nháo như vậy, đừng nên chen chân với họ làm gì!

– Thế nào là nhốn nháo?

Bà Davidson lườm bác sĩ sau cặp kính mũi mà không trả lời, cứ tiếp tục:

– Trong giới người da trắng thì khác, nhưng tôi đồng ý với nhà tôi khi ông chồng đứng bên mà ngó người khác ôm vợ mình mà nhảy. Tôi thì từ hồi cưới tới giờ, không hề nhảy lấy một bước. Mà cái lối khiêu vũ của dân bản xứ khác hẳn. Nó không những trái luân thường mà còn đưa tới sự trụy lạc nữa. Thật là nhờ Trời, chúng tôi đã diệt được rồi. Có nói mà không ngoa rằng tám năm nay, trong khu vực của chúng tôi, không có một người nào khiêu vũ nữa.

Tàu đã tới bờ, bà Macphail lại nhập bọn. Thình lình tàu quẹo rồi chậm chậm tiến vô. Hải cảng rộng đủ chứa cả một hạm đội; chung quanh là những ngọn đồi xanh, cao, dựng đứng lên. Dinh của quan Thống đốc ở cửa biển, dưới ngọn gió ngoài khơi thổi vào, giữa một khu vườn. Ngọn

cờ đầy ngôi sao và sọc ngang phấp phới nhè nhẹ. Tàu chạy ngang hai ba nhà quan cư xinh xắn, một sân quần vợt, rồi ghé bờ, bên cạnh nhiều kho hàng. Bà Davidson lấy tay chỉ một tàu buồm đậu cách đó hai ba trăm thước, bảo sẽ đáp tàu đó đi Apia. Thổ dân ở khắp nơi trong đảo ùa lại, ồn ào, vui vẻ hoặc để coi, hoặc để bán hàng cho những hành khách đi Sydney. Họ đem lại những trái khóm, những nải chuối lớn, những thứ vải tapa, những kiểu chuỗi dây răng cá mập, vỏ ốc, chén kava, và những kiểu xuồng chiến nhỏ xíu. Lính thủy Mĩ ăn bận đàng hoàng, sạch sẽ, râu mới cạo, mặt sáng sủa, đi đi lại lại như một nhóm công chức. Trong khi phu khuân đồ của họ lên bờ, ông bà Davidson và ông bà Macphail nhìn đám đông. Ông bác sĩ nhận xét những mụn lở lóet ghê tởm không sao lành được, mà đa số trẻ em và thanh niên bản xứ mắc phải. Cặp mắt nhà nghề của ông sáng lên khi ông thấy - lần ấy là lần đầu - những con bệnh mắc chứng da sùi lên như da voi chân tay họ sưng vù, to lớn nặng nề dị thường. Đàn ông và đàn bà đều quấn cái lava-lava.

Bà Davidson nói:

– Thứ y phục đó thật sỗ sàng. Nhà tôi bảo phải cấm ngặt thứ đó mới phải. Những kẻ chỉ quấn mỗi một miếng khăn đỏ ở bụng thay cho quần áo thì còn có tinh thần đạo đức, luân lí gì nữa.

Bác sĩ Macphail lấy khăn thấm mồ hôi ở trán đáp:

– Nó hợp với khí hậu chứ.

Khi họ lên bờ, ánh nắng đã oi ả mặc dầu lúc đó còn sớm. Chung quanh là đồi, thành thử Pago-Pago khuất gió.

Bà Davidson nói tiếp, giọng như xé tai người ta:

– Trong những cù lao của chúng tôi, chúng tôi đã cấm tuyệt cái lava-lava. Chỉ còn vài người già cả bận nó thôi; còn đàn bà thì bận áo choàng mà đàn ông thì bận quần và áo nịt. Ngay từ hồi mới tới, nhà tôi đã tuyên bố như vầy trong một tờ thuyết trình: "Ngày nào mà con trai trên mười tuổi vẫn không bận quần thì ngày đó đạo Ki tô vẫn chưa gọi là thắng được trên những đảo này".

Nhưng cặp mắt nhanh như cắt của bà Davidson đã ngó những đám mây đen đương ùn lên ở cửa biển. Đã bắt đầu có vài giọt mưa.

Bà khuyên:

– Nên kiếm chỗ trú mưa thôi.

Họ theo đám đông chạy lại một cái xưởng lợp bằng tôn uốn, và mưa đổ xuống như trút nước. Được một lúc ông Davidson lại. Khi ở dưới tàu, mặc dầu đối đãi với ông bà Macphail một cách rất lễ độ, ông ít giao du hơn bà vợ, chỉ đọc sách. Ông ít nói, gần như lầm lì, vì đạo bác ái mà gắng sức tỏ ra vui tính, chứ bản tính ông kín đáo, gắt gỏng là khác nữa. Bộ dạng kì dị: rất cao mà gầy, chân lêu nghêu, má hóp, gò má nhô, môi dày, có vẻ đa dục, trái hẳn với nước da nhợt nhạt của ông. Tóc để rất dài. Mắt đen, sâu hoắm, trong thấy mà ghê; bàn tay tuyệt đẹp mà có vẻ mạnh mẽ lạ. Đặc biệt nhất là nhìn ông, ta có cảm giác rằng

ông cố nén một ngọn lửa bừng bừng trong nội tâm. Cảm giác đó làm cho ta khó chịu. Không thế nào thân mật với con người như vậy được.

Ông lại báo tin không may. Bệnh sởi, một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm thường làm cho dân Kamaka chết, đương phát ở đảo, và một thủy thủ trên chiếc tàu chạy Apia mà họ sẽ đáp, đã mắc bệnh đó. Người ta đã chở bệnh nhân lên bờ, đợi hết thời gian kiểm dịch; nhưng ở Apia người ta đánh điện tới cấm tàu vào bến cho tới khi biết chắc là bệnh không phát ra ở tàu nữa mới thôi.

– Thế là chúng ta phải ở lại đây ít nhất là mười ngày.

Bác sĩ Macphail bảo:

– Ở Apia người ta cần tôi gấp mà.

– Gấp cũng phải chịu. Nếu dưới tàu không có người nào mắc bệnh nữa, thì tàu mới được phép chở những hành khách da trắng đi, còn những người bản xứ thì phải đợi ba tháng nữa.

Bà Macphail hỏi:

– Ở đây có khách sạn không?

Ông Davidson mỉm cười:

– Tuyệt nhiên không.

– Thế làm sao bây giờ?

– Tôi mới nói với ông Thống đốc. Trên bãi biển, một nhà buôn có phòng cho mướn: tôi đề nghị hễ ngớt mưa một chút, chúng ta lại đó coi liền. Đừng hòng có tiện nghi

đâu đấy. Miễn có được một cái giường để nằm và một cái mái để che là quí rồi.

Nhưng mưa vẫn chưa muốn ngớt và họ đành khoác áo mưa, che dù, đi đại. Thực ra không phải là một thành phố, chỉ có một dãy công sở, vài cửa hàng, rồi phía sau là ít nhà lá của thổ dân lúp xúp trong đám dừa và chuối. Đi độ năm phút thì tới ngôi nhà họ kiếm. Nhà bằng cây, có hai từng, từng nào cũng có hiên rộng, mái lợp tôn uốn. Chủ nhà là một người lai tên là Horn, vợ là người bản xứ chung quanh là một bầy con còn nhỏ da ngăm ngăm; họ mở một cửa tiệm ở từng dưới bán đồ hộp và vải. Phòng cho mướn không có đồ đạc gì cả. Phòng của ông bà Macphail chỉ có mỗi một cái giường tồi tàn, với một cái mùng rách, một cái ghế khập khiễng và một cái bồn rửa mặt. Họ ngó quanh mà ngán ngẩm. Mưa vẫn không ngớt.

Bà Macphail bảo:

– Em chỉ lấy ra những đồ cần thiết thôi nhé?

Bà đương mở va-li thì bà Davidson nhanh nhẹn bước vô, không có vẻ gì buồn bực về cảnh tồi tàn của phòng. Bà ta khuyên:

– Trước hết, bà lấy kim chỉ mà vá ngay cái mùng lại đi, bà ạ; không có thì đêm không thế nào nhắm mắt được đâu.

Bác sĩ Macphail hỏi:

– Muỗi dữ vậy kia à?

– Mùa này là mùa muỗi mà. Tới Apia, trong những

buổi tiếp tân của ông Thống đốc, ông sẽ nhận thấy rằng người ta đưa cho mỗi bà một cái áo gối để bao chân cho khỏi bị muỗi đốt.

Bà Macphail thở dài:

– Nếu ngớt mưa cho mình được một lúc nhỉ! Trời có nắng lên, tôi mới vui dọn dẹp lại cái phòng này được chứ.

Đợi cho hết mưa thì còn lâu, Pago-Pago là nơi mưa nhiều nhất trên Thái Bình Dương. Cái vịnh này, những đồi kia, đều giữ mưa lại. Đương giữa mùa mà.

Bà ta nhìn hết ông Macphail tới bà Macphail cả hai đều đứng trơ trơ mỗi người một nơi như kẻ mất hồn, rồi cắn môi suy nghĩ. Cái cặp nhu nhược này thấy họ mà bực mình. Bẩm tính hoạt động, bà Davidson thấy tay ngứa ngáy, phải lăng xăng, dọn dẹp lại căn phòng giúp họ.

– Đâu, đưa cho tôi kim chỉ đi. Tôi vá mùng lại cho trong khi bà mở va-li lấy đồ. Bữa cơm trưa vào lúc một giờ đấy nhé. Còn bác sĩ thì xuống bến xem người ta có đặt những đồ đạc cồng kềnh của ông vào một chỗ khô ráo không. Ông còn lạ gì dân bản xứ này nữa, chúng có thể xếp đại nó ở giữa trời lắm.

Ông Macphail lại khoác áo mưa xuống thang. Ở cửa, Horn đương nói chuyện với người thủy thủ trưởng và một cô hành khách đi hạng nhì mà bác sĩ đã gặp nhiều lần ở dưới tàu. Thủy thủ trưởng, nhỏ bé, nhăn nheo, dơ dáy lạ lùng ngã đầu chào ông khi ông đi qua, và nói:

– Cái bệnh sởi thật là tai hại. Bác sĩ đã mướn được

phòng rồi?

Macphail thấy giọng đó hơi sỗ sàng, nhưng vốn rụt rè nên không tỏ ra vẻ bực mình.

– Phải, chúng tôi đã mướn được phòng ở trên lầu.

– Cô Thompson cũng phải tới Apia với ông. Nên tôi dắt cô ấy lại đây.

Vừa nói vừa lấy ngón tay cái chỉ một ả đứng bên cạnh. Khoảng hai mươi bảy tuổi, mập, thô, ả bận áo dài trắng và đội một chiếc nón lớn cũng trắng. Bắp chân mập mạp của ả đeo vớ sợi, lòi ra khỏi đôi giày cổ cao bằng da dê sơn trắng bóng. Ả cười tình với bác sĩ, rồi nói, giọng khàn khàn:

– Thằng tướng này đòi cứa cổ em đấy, cái phòng khốn nạn đó mà đồng rưỡi một ngày.

Người thủy thủ trưởng nói:

– Tôi bảo chú rằng cô ấy là bạn thân của tôi. Cô ấy không thể trả trên một đồng; thôi thì nhận cái giá đó đi.

Chủ tiệm mập mạp, bình tĩnh mỉm cười, ngọt như mía:

– Ông Swan à, nếu vậy thì tôi rán làm vui lòng ông. Để tôi bàn với nhà tôi xem, có thể được thì hạ giá một chút.

Cô ả Thompson nói:

– Thôi đi, đừng giở trò khỉ ra nữa. Quyết định phắt đi. Tôi trả chú một đồng một ngày đấy, không thêm một trinh.

Macphail mỉm cười, thấy cô ả trơ trẽn trả giá như vậy, ông ta phục quá. Ông thuộc vào hạng người không trả giá, thà chịu hớ chứ không muốn cò kè thêm bớt. Chủ tiệm thở dài.

– Nể lời ông Swan quá; vâng thì tôi nhận.

Cô ả đáp:

– Ừ, biết điều đấy. Thôi vô! Tôi đãi các người một chầu rượu. Có thứ huýt-ki chính hiệu trong cái xắc này đây. Anh Swan, đem giùm vô. Bác sĩ nữa, vô cho vui.

– Thôi, cảm ơn. Tôi còn phải đi xem hành lý của tôi ra sao.

Nói xong Macphail đi ra đường; mưa ở ngoài biển hắt vào; bờ bên kia mù mịt.

Ông ta gặp hai ba người bản xứ bận lava-lava, che cây dù lớn. Họ uyển chuyển, cử động khoan thai, đi đứng ngay ngắn. Khi đi ngang qua ông, họ mỉm cười chào bằng ngôn ngữ của họ.

Tới bữa, ông trở về tiệm. Bàn ăn đã dọn trong phòng khách, một phòng để trưng bày chứ không phải ở, buồn tẻ, hôi hám, chung quanh tường bày những hàng ghế bành ngay ngắn, rất có thứ tự; giữa trần thòng xuống một cây đèn treo mạ vàng, bao giấy lụa vàng để che ruồi. Ông Davidson vắng mặt. Bà Davidson giảng:

– Nhà tôi lại thăm ông Thống đốc; chắc ăn cơm trong dinh.

Một thiếu nữ bản xứ bưng ra một đĩa bò. Ít phút sau, chủ nhân vô phòng soát lại xem còn thiếu cái gì không.

Bác sĩ Macphail bảo:

– Ông Horn, ông mới thêm một khách trọ phải không?

– Cô ta chỉ mướn phòng thôi ạ, cơm nước tự lo lấy.

Horn liếc nhìn hai bà khách vẻ khúm núm:

– Tôi để cô ấy ở từng dưới, như vậy khỏi có sự chung chạ mà phiền đến hai bà.

Bà Macphail hỏi:

– Có phải cô ta cũng ở tàu lên không?

– Thưa bà vâng, đi hạng nhì ạ. Cô ấy tới Apia để làm chân thu tiền nào đó.

– Vậy ư?

Khi chủ nhà ra, Macphail nói:

– Ăn một mình trong buồng thì chắc buồn lắm.

Bà Davidson hỏi:

– Nếu là một hành khách hạng nhì thì như vậy cũng là chuyện thường. Ai đấy nhỉ?

– Lúc tôi ở dưới nhà, người thủy thủ trưởng dắt cô ta lại. Tên cô là Thompson.

Bà Davidson hỏi:

– Phải cô ả tối hôm qua khiêu vũ với hắn không?

– Có lẽ. Tôi cũng không biết rõ. Chắc đúng như vậy.

Bà Davidson nói:

– Hạng hư thân mất nết.

Rồi họ nói qua chuyện khác. Ăn xong, mệt mỏi vì sáng hôm đó dậy sớm, họ chia tay nhau, về phòng riêng nghỉ ngơi.

*

Sáng hôm sau, trời vẫn xám, mây vẫn thấp, nhưng không mưa, họ dạo chơi trên con đường lớn mà người Mĩ xây dọc bờ vịnh.

Khi về tới nhà thì ông Davidson cũng mới về. Ông bảo:

– Có lẽ chúng ta phải ở lại đây đến nửa tháng. Tôi đã bàn cãi với ông Thống đốc, ông ấy bảo không có cách nào khác.

Bà Davidson ngó chồng, vẻ ái ngại nói:

– Nhà tôi nóng về khu vực để làm việc lắm.

Davidson đi đi lại lại trong hiên, nói tiếp:

– Chúng tôi vắng mặt một năm rồi; tôi ngại rằng dưới sự chỉ huy của các mục sư bản xứ, giáo hội không còn giữ được kỉ luật nữa. Phải nhận rằng họ tốt, sùng đạo, sợ Chúa; đức tin thành thật của họ có thể làm cho nhiều người tự cho là ngoan đạo ở xứ mình phải mắc cỡ. Nhưng họ thiếu nghị lực một cách thảm hại. Họ chống cự được một lần, hai lần thôi, không thế nào kiên nhẫn hơn được.

Dù họ là người đáng tin cậy tới mấy, mà giao cho họ thay mình thì rồi thế nào cũng có chỗ hỏng.

Ông ta nói xong, đứng lại. Thân hình gầy mà cao, cặp mắt sáng ngời trong một gương mặt xanh xao, có vẻ uy nghi lắm. Tấm lòng thành thực hiện rõ trong cử chỉ hăng hái, giọng nói trầm trầm, sang sảng.

– Tôi tin rằng bổn phận tôi vạch rõ. Phải hoạt động, hoạt động gấp. Nếu cây mà đã mục rồi thì phải cưa đi liệng vô lửa.

Tối hôm đó, họ không ăn cơm mà uống trà và ăn bánh ngọt. Trong phòng khách nghiêm trang, các bà ngồi đan, bác sĩ thì hút thuốc; còn nhà truyền giáo thì kể cho họ nghe hoạt động của mình trên các đảo.

– Hồi chúng tôi mới tới, thổ dân không có quan niệm về tội lỗi, phạm tất cả những giới luật của Thiên Chúa mà không ngờ. Nhiệm vụ khó khăn nhất của tôi là dạy cho họ hiểu thế nào là điều ác.

Ông bà Macphail biết rằng ông Davidson đã truyền giáo năm năm ở quần đảo Salomon trước khi gặp bà ấy. Hồi đó bà truyền giáo ở Trung Hoa. Họ về xứ sở nghỉ phép và gặp nhau ở Boston, trong một cuộc hội nghị các nhà truyền giáo. Họ cưới nhau rồi được phái tới miền này luôn cho tới ngày nay.

Trong khi chuyện trò với ông Davidson, ông bà Macphail có cảm giác con người đó bất khuất, can đảm lạ lùng. Vừa truyền giáo, vừa làm y sĩ, ông phải đi tới

đảo này đảo khác bất kì lúc nào. Mùa mưa, trong những cơn dông tố, ngồi trong một chiếc thuyền đánh cá voi còn nguy thay, mà người ta thường lái chiếc ca-nô lại đón ông đi. Hễ có người bị tai nạn hay đau ốm, thì không khi nào ông do dự. Trên mười hai lần rồi, ông phải chống cự với sóng gió, ở giữa biển, ban đêm; và nhiều lần bà vợ tưởng mình đã thành quả phụ.

Bà ta kể:

– Thỉnh thoảng tôi năn nỉ ông ấy đừng đi, hoặc đợi cho bớt sóng gió rồi hãy đi, nhưng vô ích! Nghị lực sắt đá, hễ đã quyết định thì không có gì ngăn cản được.

Davidson lớn tiếng:

– Làm sao mà tôi có thể bảo thổ dân họ tin ở Chúa được nếu chính tôi, tôi không làm gương cho họ? Trong cơn nguy mà họ cho gọi tôi thì họ biết rằng thế nào tôi cũng tới, trừ phi là một việc ngoài sức của con người. Thử nghĩ coi, Chúa có lẽ nào bỏ tôi không khi tôi làm việc cho Ngài? Ngài mà ra lệnh thì gió sẽ dậy, sóng sẽ gầm.

Macphail vốn nhút nhát. Không thế nào ông ta quen được tiếng đạn vèo vèo trên miệng hầm; và khi ở tiền tuyến, có lần ông gắng tự chủ cho tay khỏi run, đến nỗi mồ hôi chảy ròng ròng trên trán, làm mờ cả cặp kiếng. Cho nên nhìn nhà truyền giáo, ông hơi rùng mình, bảo:

– Tôi ước sao có thể nói rằng không hề biết sợ một cái gì.

Davidson bẻ ngay:

– Tôi ước sao ông có thể nói rằng ông tin Chúa.

Tới đó, ông ta nhớ lại những buổi đầu tiên hai vợ chồng sống ở quần đảo.

– Đôi khi vợ chồng tôi ngó nhau mà nước mắt ròng ròng trên má. Làm việc không ngừng suốt ngày suốt đêm mà cơ hồ không kết quả. Không có nhà tôi thì không biết tôi đã ra sao. Khi tôi mềm lòng, chán nản, nhà tôi làm cho tôi can đảm, tin tưởng lại.

Bà Davidson e lệ cúi mặt xuống, cặp má hốc hác bỗng ửng lên một chút. Tay bà run run. Không nói năng gì cả.

– Không có ai giúp chúng tôi cả. Cô độc trong cảnh tối tăm cách cả ngàn cây số mới có người đồng hương. Mỗi lần thấy tôi tuyệt vọng thì nhà tôi ngừng may vá, mở Thánh Kinh ra đọc cho tới khi nào sự bình tĩnh trở lại tâm hồn của tôi như giấc ngủ trở lại cặp mi em bé thì mới thôi, lúc đó gấp kinh lại, nhà tôi bảo: "Dù họ không muốn thì ta cũng cứ cứu họ". Và mạnh mẽ tin trở lại ở Chúa, tôi đáp: "Phải, nhờ Chúa phò hộ, anh sẽ cứu họ, anh phải cứu họ".

Ông ta lại đứng bên cạnh bàn như đứng trước một cái giá đặt kinh.

– Bản chất của họ trụy lạc quá rồi, đến nỗi không thế nào giảng cho họ thấy cái trụy lạc của họ được. Những hành động mà họ cho là tự nhiên thì chúng tôi phải biến đổi thành tội lỗi; chẳng những sự gian dâm, nói dối, ăn cắp, mà ngay như sự lõa lồ; thói khiêu vũ, không lại nhà thờ, cũng là tội lỗi. Tôi đặt ra cái luật rằng đàn bà mà để

hở ngực, đàn ông mà không bận quần là có tội.

Bác sĩ Macphail ngạc nhiên hỏi:

– Làm cách nào vậy?

– Dùng cách phạt tiền. Tất nhiên chỉ mỗi một cách làm cho người ta hiểu rằng một hành động nào đó là tội lỗi; cách đó là cách phạt họ nếu họ làm hành động đó. Vậy tôi phạt tiền họ nếu họ không tới nhà thờ, nếu họ khiêu vũ hoặc ăn bận không đứng đắn. Tôi đặt ra một tà-ríp; tội nào cũng phải chuộc bằng tiền hay bằng công. Rốt cuộc họ hiểu.

– Có khi nào họ không chịu nộp phạt không?

– Làm sao có thể như vậy được?

Bà Davidson mím đôi môi, tiếp lời chồng:

– Dám chống cự ông Davidson thì phải là gan cóc tía.

Bác sĩ ngó ông bạn, vẻ suy nghĩ. Tuy thấy chướng tai mà còn do dự chưa dám chỉ trích.

– Ông đừng quên rằng tới nước cùng, tôi có thể đuổi họ ra khỏi giáo đường nhé!

– Họ sợ hình phạt đó ư?

Ông Davidson xoa tay nhè nhẹ mỉm cười:

– Vô phương bán dừa, và đi chài về hết chia phần. Gần chắc chắn là chết đói. Họ sợ lắm chứ!

Bà Davidson góp ý:

– Sao mình không kể chuyện Fred Ohlson cho ông

bà nghe?

Nhà truyền giáo nhìn bác sĩ bằng cặp mắt nẩy lửa:

– Fred Ohlson là một con buôn Đan Mạch lập nghiệp ở đảo từ lâu. Nhờ buôn bán, hắn khá giàu và thấy chúng tôi tới, hắn không vui. Hắn quen làm mưa làm gió, mua dừa của thổ dân muốn trả ra sao thì trả, có khi trả bằng hàng hóa, có khi trả bằng rượu huýt-ki. Vợ hắn là người bản xứ, mà hắn công nhiên lừa vợ. Lại thêm cái tật say sưa. Tôi cho hắn cơ hội sửa tính, nhưng hắn không nghe lại còn cười ngạo tôi nữa.

Khi nói những lời cuối cùng đó, giọng Davidson trầm hẳn xuống, rồi ông ta ngừng một hai phút. Người ta đoán có cái gì kinh khủng sắp xảy ra.

– Trong hai năm, hoàn toàn phá sản, công lao cóp nhặt trong một phần tư thế kỉ tiêu tan hết. Bị áp đảo, sau cùng hắn phải lại tôi, thảm hại như một tên hành khất, năn nỉ tôi cho hắn giấy tàu về xứ ở Sydney.

Bà Davidson nói:

– Phải thấy cái bộ mặt của hắn lúc đó! Xưa kia khỏe mạnh đẹp đẽ, bệ vệ, dõng dạc, bây giờ nhận không ra nữa, tay chân run lẩy bẩy. Hắn đã hóa thành một ông già, mau quá!

Davidson chăm chú ngó trong bóng tối. Mưa lại đổ. Bỗng có tiếng ở nhà dưới đưa lên, ông ta quay lại ngó vợ, như có ý hỏi "Cái gì vậy?". Một chiếc máy hát phát ra một điệu ồn ào như nghẹt mũi, chướng tai.

Ông ta hỏi:

– Cái gì vậy?

Bà vợ sửa lại cặp kính kẹp mũi.

– Có một cô hành khách hạng nhì mướn phòng ở dưới nhà. Có lẽ tiếng hát ở phòng đó phát ra.

Họ yên lặng nghe. Rồi có tiếng người khiêu vũ. Rồi âm nhạc ngưng bặt, tiếng nút chai nổ bốp bốp, trong khi tiếng cười nói vang lên.

Bác sĩ Macphail bảo:

– Chắc cô ta đãi tiệc từ biệt bạn bè dưới tàu. Tàu nửa đêm nhổ neo thì phải?

Ông Davidson làm thinh. Rồi ngó đồng hồ, hỏi vợ:

– Mình về phòng chứ?

Bà ta đứng dậy, gấp đồ đan lại, đáp:

– Vâng, về.

Bác sĩ hỏi:

– Giờ này mà đi ngủ, e sớm chăng?

Bà Davidson đáp:

– Chúng tôi còn phải đọc kinh. Bất kì ở đâu, chúng tôi cũng đọc một chương Thánh kinh trước khi đi nằm, đọc hết những lời chú giải nữa ông ạ, rồi lại bình luận với nhau cho thấu nghĩa. Một cách luyện tinh thần rất công hiệu.

Hai cặp vợ chồng đó chia tay nhau. Ở lại trong phòng,

vợ chồng bác sĩ ngồi im một lát, rồi chồng bảo vợ:

– Anh muốn đi kiếm cỗ bài đánh chơi vài ván.

Bà vợ chăm chú ngó chồng, do dự. Câu chuyện của gia đình nhà truyền giáo làm cho bà không được yên lòng; bà không dám thú với chồng rằng bà ngại họ trở lại lắm, thấy mình đánh bài sẽ coi mình ra sao. Ông chồng trở vô với cỗ bài; bà nhìn ông chơi một mình mà nơm nớp sợ. Ở nhà dưới, cuộc chè chén say sưa vẫn tiếp tục.

*

Sáng hôm sau, trời hơi đẹp, cặp Macphail tìm cách tiêu khiển cho qua cái nửa tháng ngồi không ở Pago-Pago này.

Họ xuống bến, mở rương lấy ít cuốn sách ra. Ông chồng lại thăm bác sĩ giải phẫu, giám đốc bệnh viện thủy quân và được dẫn đi coi các phòng ở bệnh viện.

Lại chào ông Thống đốc mà không gặp, để thiếp lại. Giữa đường gặp cô Thompson. Macphail giở nón chào, cô ta vui vẻ, ồn ào đáp lễ "Chào bác sĩ". Cô ả cũng bận chiếc áo dài trắng như hôm trước. Đôi giày cao gót, láng, để hở cặp giò mập mạp đó, trong cái khung cảnh này mới chướng mắt làm sao!

Bà Macphail nói:

– Ở cái xứ này mà ăn bận như vậy, coi sao được? Con người thô bỉ!

Về đến nhà, thấy cô ả đương chơi dưới mái hiên với

một đứa trẻ da sạm.

Macphail nói nhỏ với vợ:

– Trò chuyện với cô ta vài câu; cô ta lẻ loi ở chốn này; mà mình làm ra vẻ như không thấy, cứ làm lơ thì không nhã.

Bà Macphail cũng hay e lệ, nhưng luôn luôn chiều ý chồng, nên hỏi cô Thompson một câu vớ vẩn:

– Hình như chúng ta ở trọ một nhà với nhau.

Cô ả đáp:

– Thật là tệ hại, há! Chui rúc trong cái chuồng ngựa này; vậy mà họ còn bảo tôi may lắm mới kiếm được một căn phòng đấy. Không lẽ mà mình đi ở cái chòi của tụi bản xứ; chứ lại đó như tụi khác còn hơn. Tại sao mà họ không cất khách sạn nhỉ?

Họ nói với nhau vài câu nữa. cô Thompson nói bô bô, miệng quai ra chỉ mong có người để kể lể, nhưng bà Macphail không biết nói gì thêm, bảo:

– Thôi, tôi phải lên phòng.

*

Tối hôm đó, tới bữa cơm, Davidson đưa tin:

– Có hai anh lính thủy ở trong phòng con đó. Nó làm quen họ cách nào nhỉ?

Bà Davidson nói:

– Chắc ả không khó tính lắm.

Cả bọn đều mệt mỏi vì suốt ngày ở không.

Macphail thở dài:

– Phải ở đây tới nửa tháng, không biết rồi tình trạng chúng mình sẽ ra sao?

Nhà truyền giáo đề nghị:

– Phải lập chương trình cho mỗi ngày. Tôi sẽ bỏ ra vài giờ để học, ít giờ để tập thể dục, bất kì mưa nắng - mùa mưa thì đợi nắng làm sao được? - thì giờ còn lại thì tiêu khiển.

Macphail nhìn bạn, không có vẻ tin lắm. Chương trình đó nặng quá đối với ông. Trong khi họ ăn món thịt bò - nhà bếp chỉ biết nấu có mỗi món đó - thì máy hát lại vang lên.

Khách khứa của cô Thompson cùng lớn tiếng hát một bản đương được thiên hạ hoan nghênh, nhưng rồi giọng oang oác của cô ả lấn át hết. Họ la hét, đùa giỡn.

Hai gia đình rán tiếp tục chuyện trò, nhưng rồi cũng phải chú ý tới tiếng li cụng nhau, tiếng ghế lết trên sàn. Chắc có thêm khách tới.

A, một dạ hội rồi đây.

Hai ông đương bàn cãi với nhau về y khoa thì bà Macphail bỗng chen vô:

– Không hiểu cô ta có chỗ đâu mà chứa bấy nhiêu người?

Óc bà ta đã vơ vẩn đâu đâu. Davidson nhăn mặt lại. Mặc dầu đương nói chuyện về y khoa mà trí não ông cũng hướng về phía dưới. Thình lình trong khi bác sĩ tả vài chứng bệnh mà ông có dịp nhận xét trên mặt trận Flandre, thì nhà truyền giáo đứng phắt ngay dậy, thốt một tiếng lớn.

Bà Davidson hỏi:

– Cái gì đó, mình?

– Hiển nhiên rồi! Sao mà mình không nghĩ tới chứ? Con đó ở Iwelei ra mà!

– Vô lý!

– Nó đáp tàu ở Honolulu. Rõ ràng quá rồi. Và nó kiếm ăn ở đây. Ở đây!

Ông ta dằn mạnh vào hai tiếng cuối, vẻ khinh bỉ.

Bà Macphail hỏi:

– Iwelei là cái gì?

Cặp mắt sâu hoắm của Davidson nhìn trừng trừng bà Macphail, giọng ông ta vang lên vì ghê tởm:

– Cái xóm quỷ ở Honolulu, xóm bình khang. Một vết dơ trên nền văn minh của chúng ta.

Iwelei ở đầu tỉnh. Từ hải cảng đi vào những ngõ hẻm, trong bóng tối, qua một cái cầu lung lay, tới một đại lộ vắng vẻ đầy ổ gà, rồi thình lình vô một khu có đèn sáng trưng. Hai bên đường có những xưởng sửa xe hơi, những quán cà phê rực rỡ, mà quê mùa, ồn ào tiếng đờn, tiếng

ca, những tiệm hớt tóc và tiệm bán thuốc hút. Không khí có cái gì như kích thích, chờ đợi khoái lạc.

Con đường lớn đó chia xóm Iwelei làm hai, mỗi bên có những con đường ngang nhỏ. Quẹo vào những con đường này là thấy hàng dãy nhà, nhà nào nhà nấy xinh xắn, đẹp đẽ, sơn xanh, cách nhau bằng những lối đi rộng và thẳng. Cái vẻ đều đặn, xinh đẹp, ngăn nắp đó mà lại tiết ra một cái gì cho ta cái cảm giác ghê tởm; vì không ở đâu mà sự mua son bán phấn lại tổ chức có hệ thống như ở đây. Chỉ có ít ngọn đèn rải rác trên những lối đi, thành thử nếu ánh đèn trong nhà không chiếu qua cửa sổ thì ngoài đường sẽ tối tăm. Đàn ông dạo tới dạo lui, ngó những ả ngồi ở cửa sổ đương thêu thùa hoặc đọc sách, làm bộ không để ý đến khách qua đường. Đàn ông cũng như đàn bà thuộc đủ dân tộc: nào là người Mĩ, nào là những lính thủy ghé bến, tụi lính tình nguyện trên chiến hạm, say mèm, rồi tụi săng đá da trắng và da đen đóng đồn trên đảo, bọn Nhật Bản đi từng nhóm hai, ba người, bọn Hạ Uy-Di, bọn Trung Hoa áo dài lượt bượt, bọn Phi Luật Tân đội những chiếc nón kì cục; hết thảy đều lầm lũi, như ngạt thở. Tình dục sao mà tẻ.

Davidson hống hách quát tháo:

– Ổ trụy lạc ô nhục trâng tráo nhất trên Thái Bình Dương. Đã bao lâu nay, các nhà truyền giáo mạt sát sự đồi bại đó và sau cùng báo chí trong miền cũng phải lên tiếng. Mà ty cảnh sát không chịu diệt. Họ viện lẽ rằng không sao tránh được cái xấu xa đó, vậy thì tốt hơn là dồn vào một

khu cho dễ kiểm soát. Sự thực là họ ăn tiền. Đúng vậy, những chủ quán cà phê, tụi ma cô và chính tụi điếm nữa hối lộ họ. Nhưng rồi rốt cuộc họ cũng phải hành động.

Macphail nói:

– Tôi có đọc tin trên báo *Honolulu*.

– Đúng ngày chúng tôi tới thì xóm Iwelei với tất cả cái tội lỗi, cái ô nhục của nó bị diệt hẳn. Toàn dân khu đó bị đưa ra tòa… Tại sao mà tôi không nhận ngay ra được con điếm đó kia chứ?

Bà Macphail bảo:

– Bây giờ nghe ông nói tôi mới nhớ rằng cô ta xuống tàu vài phút trước khi tàu chạy. Lúc đó tôi đã nhận thấy cô ta có vẻ không lương thiện.

Vẫn giận dữ, Davidson la:

– Làm sao mà nó dám tới đây, kìa? Tôi không khi nào tha thứ điều đó.

Rồi ông ta rảo cẳng bước ra cửa.

Bà Macphail hỏi:

– Ông định làm gì vậy?

– Bà muốn tôi làm cái gì nữa bây giờ? Phải làm ngưng cái đó lại chứ. Tôi không để cho chúng nó biến cái nhà này thành… thành…

Ông ta kiếm một tiếng để khỏi làm hai bà mắc cỡ. Cảm xúc làm cho mắt ông sáng ngời, nước da đã tái lại tái thêm.

Bác sĩ nói:

– Hình như có ba bốn người đàn ông ở dưới đó. Xuống lúc này e có khinh suất chăng?

Vị cố đạo lườm bác sĩ, vẻ khinh bỉ, rồi chẳng nói chẳng rằng, chạy ra khỏi phòng.

Bà vợ bảo:

– Ông chưa biết tính nhà tôi, không có sự nguy hiểm nào về bản thân mà có thể ngăn cản ông ấy được trong khi thực hành nhiệm vụ.

Bà ta ngồi, tay chắp lại vì khích thích mạnh, lưỡng quyền cao đỏ ửng lên, rán nghe xem cái gì xảy ra ở dưới. Cả ba người đều lắng tai. Thấy tiếng Davidson xuống cầu thang bằng cây rồi mở cửa. Thỉnh thoảng tiếng ca ngưng bặt nhưng máy hát vẫn ồ ồ một bản thô lỗ. Có tiếng Davidson vang lên, tiếp ngay là tiếng một vật nặng rớt xuống. Âm nhạc ngừng. À, thì ra ông đã gạt cái máy xuống sàn. Rồi có tiếng Davidson với tiếng the thé của cô Thompson; sau cùng là tiếng ồn ào, như có nhiều người cùng gào hét một lúc, bà Davidson thở dài, hai bàn tay nắm chặt lại. Macphail nhìn hết bà nọ đến bà kia, không biết nên làm gì. Ông không muốn xen vào chuyện đó, nhưng có lẽ hai bà mong ông xuống chăng? Rồi như có cuộc ẩu đả. Tiếng động bây giờ rõ ràng hơn. Ông Davidson đã bị họ hất ra ngoài rồi chăng? Cửa đóng lại cái rầm. Yên lặng một chút, rồi có tiếng ông Davidson leo cầu thang, trở về phòng.

Bà Davidson bảo:

– Tôi đi kiếm nhà tôi.

Bà ta đứng dậy, đi ra.

Bà Macphail dặn:

– Nếu tôi giúp được bà việc gì thì bà kêu tôi nhé.

Khi bạn đã đi khỏi, bà nói:

– Em mong rằng ông ấy không bị thương.

Bác sĩ hơi gắt:

– Khi không ông ấy xen vô làm cái gì chứ?

Họ yên lặng ngồi xuống. Được vài phút tiếng khiêu khích của máy hát làm họ giật mình. Có những giọng khàn khàn ngạo nghễ hát một bài tục tĩu.

Hôm sau bà Davidson xanh xao, mệt nhọc. Bà than là nhức đầu. Vẻ bà già đi, sọm lại. Bà kể chuyện với bà Macphail rằng cả đêm ông chồng không ngủ được, trằn trọc ghê gớm rồi năm giờ sáng xuống phố. Họ hất một ly rượu bia vào ông làm cho quần áo ông bê bết. Nghĩ đến cô Thompson mắt bà Davidson sáng lên; bà bảo:

– Con đó sẽ chua xót hối hận rằng đã dám coi thường ông Davidson. Lòng ông ấy rất tốt, sẵn sàng an ủi giúp đỡ mọi người; nhưng đối với tội lỗi thì ông rất nghiêm khắc, và khi cơn giận chính đáng của ông đã bùng lên thì thật là ghê gớm.

Bà Macphail hỏi:

– Ông nhà tính làm gì đây?

– Tôi không biết, nhưng tôi không ở vào địa vị con đó.

Bà Macphail rùng mình. Trong thái độ quyết tín đắc ý ấy có cái gì rất đáng sợ. Vì hôm đó hai bà có việc cùng đi với nhau, nên họ song song xuống cầu thang. Ngang qua cửa phòng để ngỏ của cô Thompson họ thấy cô bận một cái áo ngủ dơ dáy, đương nấu nướng cái gì trên lò.

Cô ta nhanh nhẩu:

– Mạnh giỏi? Sáng nay ông Davidson đã bớt chưa?

Họ làm thinh bước qua, mặt vênh lên, như không trông thấy ả.

Tiếng cười chế nhạo vang lên, làm cho họ đỏ mặt. Bà Davidson thình lình quay lại:

– Sao chị dám ăn nói với tôi như vậy hả? Chị mà chửi tôi thì tôi đuổi chị ra khỏi nơi này, nghe!

– Này, tôi có mời ông Davidson lại chơi với tôi không mà ông ấy tới?

Bà Macphail vội nói nho nhỏ:

– Kệ nó, đừng đáp.

Khi đi xa rồi, không còn nghe gì được nữa, họ mới ngừng lại. Bà Davidson giận dữ gần như nghẹt thở:

– Quân này cả gan thật, cả gan thật!

Khi trở về nhà, họ gặp cô ta mặt đồ rất bảnh, dạo ở bến. Chiếc nón rộng lớn, hoa rực rỡ, có vẻ khiêu khích. Đi ngang, cô ả gọi họ, giọng đùa cợt, làm cho hai bà ngượng

chết đi, và hai người lính thủy Mĩ thấy vậy, cười ngạo. Về tới nhà thì mưa lại bắt đầu đổ.

Bà Davidson cười cay chua:

– Bộ đồ vía của nó sẽ hư hết.

Giữa bữa cơm trưa thì ông Davidson về, ướt như chuột lột, nhưng không chịu thay quần áo. Im lặng, rầu rĩ, ông ta chỉ nuốt vài miếng rồi chăm chú nhìn những hạt mưa nghiêng nghiêng. Bà vợ kể chuyện hai lần gặp ả Thompson ông cũng không đáp, chỉ cau mày một chút, tỏ rằng có nghe.

Bà Davidson đề nghị:

– Mình nghĩ có nên nói với chủ tiệm đuổi nó ra khỏi nhà này không? Không thể để cho nó chửi chúng mình được.

Macphail hỏi:

– Bảo cô ta đi đâu bây giờ?

– Lại ở với tụi thổ dân ấy.

– Thời tiết như vầy mà ở trong chòi thì bất tiện lắm.

Nhà truyền giáo nói:

– Tôi đã ở chòi nhiều năm.

Khi đứa ở gái bưng món ăn xen thường ngày, tức món chuối chiên lên, Davidson quay lại, bảo nó:

– Xuống hỏi cô Thompson lúc nào cô ấy có thể tiếp tôi được.

Đứa ở e lệ cúi đầu rồi đi ra.

Bà Davidson hỏi:

– Tại sao mình lại muốn thăm nó?

– Anh có bổn phận phải nói với cô ta. Anh không muốn hành động trước khi cho cô ta cái cơ hội cuối cùng để cải tà qui chính.

– Mình không biết nó mà. Nó chửi mình cho mà xem.

– Thì cô ta cứ chửi. Cứ khạc nhổ vào mặt tôi này. Linh hồn của cô ta bất diệt, và anh phải gắng hết sức tìm đủ mọi cách để cứu vớt linh hồn đó.

Tiếng cười ngạo mạn của con điếm vẫn văng vẳng bên tai bà Davidson.

– Nó sa đọa quá rồi.

– Sa đọa quá đối với lòng từ bi của Chúa ư?

Cặp mắt ông bỗng sáng lên và giọng ông hóa ra êm ái, uyển chuyển:

– Không khi nào! "Khi một kẻ tội lỗi sa xuống thấp hơn cái hạ tầng của Địa ngục, thì tình yêu của Chúa Ki tô cũng tới kẻ đó được".

Đứa ở trở lên với câu trả lời:

– Cô Thompson gởi lời chào Cha Davidson; cô ấy sẽ vui lòng tiếp người, miễn là người đừng lại phá trong những giờ làm việc của cô ấy.

Nghe lời nhắn đó, ai nấy im lặng, không khí lạnh lẽo.

Bác sĩ mím môi để khỏi mỉm cười sợ làm chướng mắt bà vợ: lời lẽ khiêu khích như vậy mà cho là vui được!

Tới cuối bữa không ai nói với ai nửa lời. Rồi các bà đứng dậy, lấy kim chỉ ra. Từ đầu chiến tranh, bà Macphail đã đan vô số khăn bao mũi và lúc này bà đương đan một cái khác. Chồng bà đốt ống điếu. Ngồi lì ở chỗ cũ, ông Davidson ngó mặt bàn, vẻ suy nghĩ lung. Sau cùng ông đứng dậy, lẳng lặng đi ra. Họ nghe thấy tiếng ông xuống cầu thang và giọng khiêu khích của cô Thompson: "Mời vô!" khi ông ta gõ cửa. Một giờ sau ông ta mới trở ra.

Macphail ngó mưa trút. Thần kinh ông chịu không nổi nó nữa rồi. Ở bên Anh mưa lặng lẽ, nhẹ nhàng rớt xuống đất; ở đây mưa tàn nhẫn, đến phát ghê; người ta tưởng đâu như trong mưa có cái ranh mãnh của những sức man dã của hóa công. Không phải là một trận mưa rào, mà là một cơn lụt, một cơn hồng thủy nó đập vào nóc tôn như tiếng búa đều đều, không ngớt, làm cho người ta hóa điên lên! Quả thực là có sự cuồng nộ trong cái mưa đó. Thỉnh thoảng người ta muốn gào lên, bảo nó ngừng đi nhưng rồi khốn khổ, thất vọng, người ta ngồi phịch xuống, uể oải như là gân cốt bỗng sụm xuống.

Khi Davidson trở về, Macphail quay lại, và hai bà đều ngẩng đầu lên.

– Tôi đã thử đủ cách, đã khuyên nó cải tà qui chính. Con quỉ!

Ông ta ngưng nói. Bác sĩ thấy mắt ông ta tối lại và vẻ mặt xanh xao hóa cứng rắn, nghiêm khắc.

– Bây giờ thì tôi sẽ vung cây roi mà Chúa Ki tô đã dùng để trục xuất bọn đổi tiền và bọn sét-ti ra khỏi Đền của Đấng Tối Cao.

Ông ta mắm môi, cau cặp mày đen, đi đi lại lại trong phòng.

– Nó có chạy trốn đến chân trời thì tôi cũng đuổi theo đến cùng.

Thình lình ông ta quay lại rồi chạy ra khỏi phòng. Người ta lại nghe thấy ông xuống cầu thang.

Bà Macphail hỏi:

– Ông ấy làm gì thế này?

– Tôi không biết.

Bà Davidson gỡ cặp kính kẹp mũi để lau.

– Khi nhà tôi làm việc cho Chúa thì không khi nào tôi hỏi han gì cả.

Nói xong rồi thở dài.

– Bà làm sao vậy?

– Nhà tôi không biết giữ sức, kiệt sức mất thôi.

Người chủ nhà cho bác sĩ hay kết quả đầu tiên của Davidson. Macphail đương đi ngang cửa tiệm, thì Horn bước ra bắt chuyện, vẻ mặt lo lắng dữ.

– Cha Davidson trách tôi sao lại cho cô Thompson mướn phòng, nhưng trước kia tôi đâu có biết cô ấy là ai. Có kẻ nào lại mướn phòng thì tôi chỉ cần biết kẻ ấy trả nổi

tiền phòng hay không. Mà cô ta đã trả trước một tuần.

Bác sĩ không muốn liên lụy vào vụ đó.

– Nghĩ cho cùng thì ông là chủ nhà. Ông cho chúng tôi ở trọ là may cho chúng tôi rồi.

Horn dò xét bác sĩ, vẻ nghi ngờ. Macphail bênh vực Davidson tới cái mức nào? Rồi hắn ngập ngừng, tiếp:

– Tất cả các nhà truyền giáo đều vào phe với nhau. Khi các ông ấy tấn công một con buôn nào thì chỉ còn cách là đóng cửa tiệm rồi bỏ xứ.

– Ông ấy có yêu cầu ông đuổi cô ta đi không?

– Không, miễn là cô ta có thái độ đàng hoàng. Ông ấy bảo không muốn tỏ vẻ bất công với tôi. Tôi đã hứa không cho cô ấy tiếp khách nữa. Tôi mới bảo cô ấy đây.

– Cô ta nghĩ sao?

– Cô ta chửi vào mặt tôi.

Chủ nhà lúng túng vụng về trong chiếc quần trắng cũ. Cô Thompson này khó xử quá.

– Có lẽ cô ta sẽ dời chỗ. Không được tiếp khách nữa thì ở đây làm cái gì, phải không ông?

– Cô ta đi đâu bây giờ, vô ở trong một cái chòi nào đó ư?

Vả lại lưỡi tầm sét của nhà truyền giáo đã bổ xuống thì có người thổ dân nào dám chứa cô ta nữa?

Bác sĩ nhìn mưa.

– Đợi trời tạnh làm gì, hoài công!

Tối hôm đó trong phòng khách, Davidson kể hồi ức ở trường Trung học. Nhà nghèo, ông ta phải làm đủ các việc kì cục trong các vụ nghỉ để có tiền ăn học.

Dưới nhà yên lặng. Cô Thompson ngồi một mình trong căn phòng nhỏ. Bỗng có tiếng máy hát. Cô vặn lên để khiêu khích mà cũng để có vẻ bớt cô liêu, nhưng chẳng có ai đó để ca, thành thử nghe nó buồn như một tiếng kêu gọi chới với. Davidson không để ý tới. Thản nhiên, ông tiếp tục câu chuyện dài ông đương kể. Máy hát vẫn chạy. Cô Thompson thay đĩa hoài. Hình như cảnh tịch mịch ban đêm làm cho cô ta chịu không nổi. Không khí oi bức và nặng nề. Ông bà Macphail chợp mắt không được. Nằm cạnh nhau, mắt mở thao láo họ nghe tiếng muỗi vo ve đến bực mình ở ngoài mùng.

Bà Macphail thì thầm:

– Cái gì vậy?

Bên kia bức vách, có tiếng ai đều đều, hăng hái, khẩn khoản. Tiếng ông Davidson. Ông ta lớn tiếng cầu nguyện cho linh hồn cô Thompson.

*

Hai ba ngày trôi qua. Bây giờ gặp nhau ngoài đường cô Thompson không chào hoặc mỉm cười với họ một cách thân mật mỉa mai nữa, mà làm bộ như không thấy, mũi hếch lên trời, môi bĩu, mặt nhăn nhó, bự phấn.

Chủ nhà cho ông Macphail hay rằng cô ta rán kiếm

chỗ khác để ở mà không ra. Đêm đêm, cô lại quay cho hết loạt đĩa của mình, nhưng rõ ràng là cái vui đó giả tạo. Điệu giật giật thê thảm vang lên như một hành khúc tuyệt vọng vậy.

Đêm chủ nhật, khi ả bắt đầu cho máy chạy thì ông Davidson nhắn chủ nhà bảo ả ngưng lại tức thì vì hôm đó là ngày của Chúa. Người ta gỡ dĩa ra. Căn nhà lại tịch mịch trở lại, chỉ còn nghe tiếng mưa lộp độp đều đều trên mái tôn.

Hôm sau chủ nhà kể lại với ông Macphail:

– Tôi ngờ rằng cô ta hoang mang. Cô ta không rõ thâm ý của ông Davidson ra sao và đâm hoảng.

Cũng buổi sáng hôm đó, Macphail đã gặp cô Thompson, ngạc nhiên vì vẻ mặt cô ả trước kia vênh váo bây giờ đã thay đổi hẳn. Y như một con vật bị tróc nã. Horn liếc mắt nhìn bác sĩ:

– Chắc ông cũng không ngờ rằng ông Davidson đương nghĩ một mưu sâu nào chứ?

– Không. Tôi không biết chút gì hết.

Câu hỏi đó làm cho Macphail ngạc nhiên. Chính ông ta cũng có cảm tưởng rằng Davidson hoạt động gì đó bí mật, như dệt một cái lưới chung quanh cô ả, kiên nhẫn, tỉ mỉ dệt, để đợi lúc cơ hội đến, xiết chặt lại.

Horn tiếp tục:

– Ông ấy có nhờ tôi bảo cô ta rằng bất kì giờ nào, nếu cần điều gì thì cứ cho hay, ông ấy sẽ tới liền.

– Cô ta trả lời ra sao?

– Không đáp gì cả. Tôi không đứng lại lâu, nhắn xong thì đi ra liền. Cô ta có vẻ như muốn khóc.

Bác sĩ nói:

– Cảnh cô độc đó chắc làm cho cô ta chịu không nổi. Với lại, ai mà chịu nổi những trận mưa này - giọng ông bực tức khi thốt câu đó - Mưa hoài mưa hủy, không chịu ngừng sao, ở cái địa ngục này!

– Mùa này thì ngày nào cũng mưa. Mưa tới gần tám thước nước mỗi năm. Tại địa thế như vậy. Ông thấy không, cái vịnh này thu hút hết cả mưa ở Thái Bình Dương về đây.

Bác sĩ rủa:

– Cái vịnh mắc dịch!

Quạu quọ, ông ta gãi mấy nốt muỗi đốt. Sau cơn mưa, mặt trời chói lọi thì không khí nóng nực, ẩm thấp, ngạt thở y như trong một cái nhà kính để trồng cây. Người có cảm giác lạ lùng rằng cái gì cũng phát triển mạnh mẽ một cách man rợ. Thổ dân mà ai cũng nhận là bẩm tính vui vẻ, ngây thơ mà lúc đó cũng có cái vẻ hung ác. Coi những mớ tóc nhuộm, những hình xăm trên mình họ, ta thấy sợ, và nghe tiếng họ đi lon-ton, chân không ở sau lưng ta, ta bất giác quay lại, hoảng hốt tưởng đâu như con dao dài họ thu trong tay sắp cắm phập vào giữa hai bả vai của ta. Sau cặp mắt mở rộng ra kia, có những ý tưởng hắc ám gì đây? Họ làm ta nhớ tới hình những người Ai Cập cổ đục ở trên

tường các đền đài, mà chung quanh là cái không khí sợ của cái dĩ vãng thăm thẳm.

Ông Davidson đi đi về về. Ông ta bận việc lắm, nhưng ông bà Macphail không biết làm gì. Horn kể chuyện với bác sĩ rằng ông Davidson ngày nào cũng lên thăm Thống đốc. Một lần, ông ta ám chỉ những cuộc thăm viếng đó:

– Ông Thống đốc có vẻ là một người cương quyết mà xét cho kĩ thì mới thấy ông ấy nhu nhược.

Macphail mỉa mai:

– Nghĩa là không làm theo ý của ông đưa ra chứ gì?

Nhà truyền giáo không mỉm cười.

– Tôi yêu cầu ông ấy làm tròn bổn phận. Cần gì phải lí luận về bổn phận nữa? Chỉ cho người ta thấy cũng đủ rồi.

– Nhưng về điểm đó, ý kiến có thể mỗi người một khác.

– Nếu chân một người bị chứng hoại thư, mà người ta do dự không chịu cưa đi, thì ông có bực mình không?

– Bệnh hoại thư là một sự kiện.

– Thế còn cái ác không phải là một sự kiện à?

*

Nhưng rồi người ta cũng thấy ngay công việc làm của Davidson. Họ mới ăn cơm trưa xong, còn ngồi ở bàn, chưa về phòng riêng, mặc dầu hai bà và viên bác sĩ cần phải

nghỉ trưa vì trời nóng nực quá. Davidson không có cái thói bạc nhược đó. Thình lình cửa mở ra và cô Thompson vô. Nhìn quanh một lượt rồi cô ta tiến lại phía Davidson.

– Đồ chó ghẻ, đi mách lẻo cái gì với ông Thống đốc đấy, hở? Cô ta lắp bắp vì giận quá, muốn hóa điên. Yên lặng một chút. Rồi vị cố đạo kéo ghế:

– Ngồi chơi, cô Thompson? Tôi đương muốn nói chuyện với cô đây.

– Thì nói đi, đồ chó hoang!

Cô ta xổ ra một hơi những lời chửi kịch liệt và tục tĩu. Davidson nghiêm nghị nhìn cô ta một cách chăm chú.

– Lời chửi của cô không làm động lòng tôi đâu, cô Thompson, nhưng cô phải nhớ rằng có hai bà này nữa.

Cô ả uất quá, thút thít. Mặt cô ta nổi gân lên, tím lại, như nghẹt thở.

Bác sĩ hỏi:

– Có chuyện gì vậy?

– Một thằng tướng lại bảo tôi rằng chuyến tàu sau thì phải dông.

Mắt Davidson sáng lên, nhưng vẻ mặt vẫn thản nhiên.

– Cô có thể tin rằng trong trường hợp như vậy, ông Thống đốc cho phép cô ở lại đây sao?

Cô ả gào lên:

– Là tại ông. Tôi biết rồi, ông đừng chối. Tại ông hết.

– Tôi chối làm cái gì? Đúng vậy, tôi đã nói cho ông Thống đốc hiểu rằng chỉ có mỗi một hành động hợp với bổn phận của ông ấy.

– Ông không để yên cho tôi được ư? Tôi có làm hại gì ông đâu?

– Nếu cô làm hại tôi thì không khi nào tôi lại thù cô.

– Vậy ra ông tưởng rằng tôi ham ở lại cái nơi khốn khổ, chợ chẳng ra chợ, quê chẳng ra quê này ư? Tôi đâu phải là dân rừng rú?

– Vậy thì cô phàn nàn về cái gì?

Cô ả hét lên một tiếng rồi chạy ra.

Im lặng một lúc. Rồi Davidson nói:

– Hay tin ông Thống đốc đã hoạt động, tôi thấy nhẹ người. Ông ta nhu nhược, do dự. Lấy lẽ rằng cô ta chỉ ở đây có nửa tháng rồi đi Apia, mà Apia thuộc về địa phận của Anh, ông ta bảo chuyện đó không liên can gì tới ông ta hết.

Thình lình, ông đứng lên, đi bách bộ trong phòng.

– Thấy những nhà cầm quyền trốn trách nhiệm, tôi nghĩ mà gớm! Nghe họ nói thì ta tưởng rằng cái ác, một khi giấu kín nó đi, thì không còn là cái ác nữa. Xã hội mà có người như con đó, đủ là cái ô nhục rồi, đem nó tặng cho một đảo khác, đâu phải là một giải pháp? Sau cùng tôi phải dùng một cách quyết liệt.

Mày ông ta cau lại, cằm nhô ra, vẻ cương quyết.

– Cách quyết liệt là làm sao?

– Hội truyền giáo của chúng tôi không phải là không có uy quyền trong giới Washington. Tôi cho ông Thống đốc hiểu rằng nếu có lời kêu nài về sự cai trị của ổng thì không có lợi gì cho ổng hết.

Yên lặng một lúc, bác sĩ hỏi:

– Bao giờ cô ta phải đi?

– Thứ ba tuần tới có một chiếc tàu ở Sydney ghé đây rồi đi San Francisco. Nó phải đi chuyến đó.

Tính ra còn năm ngày nữa. Hôm sau Macphail ở nhà thương về không biết làm gì - buổi sáng nào ông cũng đến đó - tới cầu thang thì chủ nhà gọi giật ông lại:

– Xin lỗi bác sĩ, cô Thompson đau. Mời ông vô coi mạch giùm cho cô ấy.

– Được.

Horn dắt ông ta vô phòng cô Thompson. Bận chiếc áo dài trắng, đội chiếc nón lớn có hoa, cô ta ngồi không trong một chiếc ghế, uể oải, mắt đăm đăm. Macphail nhận thấy làn da vàng úa, bèo nhèo sau lớp phấn, vẻ mắt kém tinh thần, chán nản.

– Tôi hay tin cô khó ở.

– Thực ra tôi không đau gì cả. Tôi nói vậy để muốn gặp ông. Người ta bắt tôi phải cuốn gói xuống chiếc tàu Frisco tuần tới.

Cô ta nhìn bác sĩ, mắt có vẻ sợ sệt. Bàn tay cô ta mở

ra, nắm lại như bị bệnh thần kinh. Chủ tiệm đứng ở cửa, nghe.

Bác sĩ nói:

– Tôi đã hay tin đó.

Cô ả nuốt nước bọt.

– Lúc này mà phải về Frisco thì không tiện cho tôi. Chiều hôm qua tôi lại thăm ông Thống đốc nhưng người ta không cho tôi vô. Thầy thư kí bảo tôi phải theo lệnh là xuống tàu. Vì tôi cần gặp mặt ông Thống đốc, nên tôi đứng đợi trước tư dinh của ông, rồi khi ông ở trong bước ra, tôi níu ông lại. Thấy rõ rằng ông ấy không muốn nói chuyện với tôi, nhưng tôi nhất định không buông ông ra và cuối cùng ông bảo nếu Cha Davidson bằng lòng thì ông ấy cũng không ngăn cản gì cả, sẽ để cho tôi ở lại đây, đợi chuyến tàu Sydney.

Cô ta ngừng rồi lo lắng nhìn bác sĩ.

Bác sĩ nói:

– Tôi không biết có thể giúp cô được việc gì.

– Đây! Tôi nghĩ rằng có lẽ ông sẵn lòng nói giúp tôi với ông ấy. Nếu ông ấy để cho tôi ở lại đây thì tôi sẽ thề rằng không làm gì bậy bạ. Tôi sẽ không ra khỏi nhà này, nếu ông ấy muốn. Chỉ có nửa tháng thôi mà.

– Để tôi hỏi ông ấy xem.

Horn nói:

– Ông ấy sẽ từ chối. Ông ấy muốn cô cuốn gói thứ ba

tuần tới. Cô nên chịu vậy đi.

– Ông nói dùm với ông ấy rằng ở Sydney, tôi kiếm việc làm được, công việc lương thiện. Tôi xin như vậy đâu phải là quá.

– Tôi sẽ gắng sức.

– Ông trả lời ngay cho tôi hay nhé? Tôi phải quyết định, không được cách này thì xoay cách khác.

Macphail không ưa cái lối vận động đó, và có lẽ do bản tính, ông dùng một cách gián tiếp. Ông kể lại câu chuyện cho bà vợ, bảo bà nói với bà Davidson. Thái độ của ông Davidson có vẻ độc tài quá, cho cô ả đó ở lại Pago-Pago nửa tháng nữa có hại gì đâu chứ? Macphail không ngờ kết quả trái hẳn ý mình. Nhà truyền giáo gặp ông, nói thẳng ngay:

– Nhà tôi bảo rằng con Thompson đó đã kể lể gì với ông.

Bị tấn công trực tiếp như vậy, bác sĩ phản kháng lại theo cái lối của những người nhút nhát bị kẻ khác dồn vào góc tường. Ông ta nổi giận, mặt đỏ gay.

– Cô ta đã hứa sẽ không làm gì bậy trong khi ở đây, thì đi Sydney hay đi San Francisco cũng vậy chứ khác gì? Sao mà ngược đãi người ta một cách tàn nhẫn vậy?

Davidson ngó bác sĩ trừng trừng:

– Tại sao nó không muốn trở về San Francisco?

– Tôi không hỏi nên không biết. Theo tôi, đèn nhà ai,

nhà ấy tỏ.

Lời đáp đó có vẻ thiếu lịch sự.

– Ông Thống đốc ra lệnh hễ có chiếc tàu nào rời bến là trục xuất nó liền. Đó là bổn phận của ông ấy, tôi không muốn can thiệp vào. Nó ở đây là một cái nguy hiểm cho thành phố này.

– Đích thị là áp chế.

Hai bà ngó bác sĩ, lo ngại có sự xung đột. Nhưng thái độ của Davidson làm cho họ vững lòng: ông ta mỉm cười, ngọt ngào:

– Bác sĩ, tôi rất tiếc rằng ông nghiêm khắc với tôi như vậy. Xin ông tin rằng nghĩ tới kẻ khốn khổ đó, lòng tôi như thắt lại: tôi chỉ rán làm tròn phận sự của tôi thôi.

Bác sĩ không đáp. Bực tức, ông ta nhìn ra cửa sổ. Lần này trời mới tạnh. Bên kia vịnh, những chòi lá của thổ dân nép trong bụi cây.

Ông ta bảo:

– Được lúc hết mưa, tôi đi chơi đây.

Davidson âu sầu cười gượng, nói thêm:

– Bác sĩ đừng giận tôi vì tôi không làm vừa lòng bác sĩ được nhé. Tôi mến bác sĩ lắm, bác sĩ trách tôi, tôi buồn lắm đấy.

Macphail đáp liền:

– Ông có đủ lòng tự ái để có thể vui vẻ nghe lời chỉ trích của tôi mà.

Davidson cười:

– Đập nhau rồi đó.

Thấy lời vô lễ của mình chẳng có kết quả gì, Macphail hơi ngượng, xuống thang. Cô Thompson đứng rình ở bên cửa hé mở:

– Sao, ông đã nói giùm cho chưa?

Lúng túng, ông không dám ngó thẳng cô ta, đáp:

– Nói rồi, ông ấy không chịu nghe. Tôi buồn cho cô.

Cô ả khóc, mặt tái đi, vẻ sợ sệt. Thấy vậy Macphail thương hại, nảy ra một ý:

– Chưa tuyệt vọng hẳn. Người ta đối đãi với cô như vậy là một sự nhục nhã. Tôi lại nói thẳng với ông Thống đốc.

– Ngay bây giờ?

Macphail gật đầu. Mặt cô ả tươi lên.

– Vậy thì quí hóa quá. Nếu ông xin giùm thì chắc chắn tôi được ở lại và suốt thời gian ở lại, tôi sẽ không làm gì bậy bạ nữa.

Macphail không hiểu có cái gì thúc đẩy mình can thiệp với Thống đốc giùm cho cô ả. Ông thản nhiên với chuyện của cô Thompson nhưng Davidson đã làm cho ông nổi giận. Cơn giận của ông bao giờ cũng âm ĩ trong lòng.

Ông lại thăm ông Thống đốc tại tư dinh. Thống đốc là một sĩ quan trong thủy quân, cao lớn, đẹp trai, râu mép

đen cắt thành hình bàn chải, bận quân phục trắng rất đàng hoàng.

– Tôi lại thăm ông về vụ một thiếu phụ ở chung nhà trọ với tôi. Tên cô ta là Thompson.

Thống đốc mỉm cười:

– Tôi bắt đầu ngán việc đó rồi. Tôi đã cho cô ta hay là thứ ba tuần tới phải xuống tàu, không có cách nào khác.

– Tôi muốn xin ông cho phép cô ta ở lại đây đợi chuyến tàu ở San Francisco lại, như vậy cô ta sẽ có thể đi Sydney. Tôi đảm bảo cho hạnh kiểm cô ta.

Viên Thống đốc vẫn mỉm cười, nhưng mắt ông chớp chớp rồi vẻ mặt hóa nghiêm trang.

– Tôi muốn giúp bác sĩ lắm, nhưng lệnh đã ra thì phải giữ.

Macphail rán trình bày trường hợp một cách hợp lí nhất, nhưng bây giờ thì nụ cười đã tắt hẳn trên môi viên Thống đốc. Ông này buồn bực nghe, cặp mắt xa xăm; Macphail cảm thấy rằng có gắng sức cũng vô ích.

– Làm cho một người đàn bà nào phải buồn khổ tôi cũng ân hận lắm; nhưng trường hợp này không thể làm khác được, thứ ba cô ấy phải xuống tàu.

– Có cái gì mà cần phải như vậy?

– Xin lỗi bác sĩ, tôi chỉ trình bày lý do của tôi với cấp trên của tôi thôi.

Macphail xoi bói nhận xét ông ta.

Davidson đã chả có lần nói bóng bẩy về vài cách dọa dẫm nào đó ư? Thái độ viên Thống đốc có vẻ lúng túng lạ.

Macphail tức giận, lớn tiếng:

– Davidson là một tên mật thám đê tiện!

– Giữa chúng mình với nhau, bác sĩ, tôi có thể nói rằng tôi không có thiện cảm với ông ta lắm; nhưng tôi phải nhận rằng ông ta có lý khi ông ta chỉ cho tôi rằng một người đàn bà như cô Thompson ở một nơi mà lính tráng trà trộn với thổ dân như nơi này, là một điều tai hại.

Nói xong, đứng dậy; bác sĩ cũng phải đứng dậy theo.

– Xin lỗi ông, tôi có hẹn. Ông cho tôi gửi lời chào bà nhà.

Macphail gầm mặt xuống mà đi. Ông ta biết rằng cô Thompson đợi mình. Không muốn thú thật sự thất bại của mình, ông ta đi cửa sau, lẻn lên cầu thang như giấu giếm một cái gì.

*

Tới bữa cơm tối, thái độ hai ông trái ngược hẳn nhau; Macphail thì im lặng, ngượng nghịu, còn Davidson thì vui vẻ, hoạt bát. Macphail tưởng chừng như trong mắt Davidson có những tia sáng vui vẻ của kẻ thắng trận. "Hắn có biết mình lại can thiệp với ông Thống đốc mà thất bại không nhỉ? Nhưng hắn làm cách nào mà biết được? Năng lực của hắn có cái gì đáng ghê sợ".

Sau bữa cơm, viên bác sĩ thấy Horn ở ngoài hiên, tiến

lại, như để chuyện trò.

Chủ tiệm thì thầm:

– Cô ta muốn biết ông đã gặp ông Thống đốc chưa?

– Gặp rồi, mà ông ấy cũng không chịu nghe. Tôi hết phương rồi. Tội nghiệp cho cô ấy.

– Tôi cũng biết trước như vậy. Họ đâu dám chống cự với các nhà truyền giáo.

Davidson lại gần nhã nhặn hỏi:

– Các ông nói chuyện gì với nhau đó?

Chủ tiệm khúm núm đáp:

– Dạ! Tôi mới nói rằng các ông bà còn phải ở đây ít nhất là một tuần nữa mới có thể đi Apia được.

Nói xong rồi đi. Hai ông kia trở vô phòng khách. Sau mỗi bữa cơm, ông Davidson nghỉ ngơi chừng một giờ. Một lúc sau, có tiếng gõ nhè nhẹ, rụt rè ở cửa.

Bà Davidson lên tiếng the thé:

– Cứ vô.

Cửa vẫn khép. Bà ta đứng dậy, ra mở. Cô Thompson hiện ra ở bậc cửa, bộ dạng hoàn toàn thay đổi. Mất hẳn cái vẻ xấc láo, ngạo mạn các bà mấy hôm trước khi gặp nhau ngoài đường, chỉ còn cái vẻ sợ sệt, tán đởm, mớ tóc thường vấn một cách cầu kì, bây giờ xõa xuống gáy. Y phục thì lôi thôi, dép thì vẹt gót, mặt đầy nước mắt, cô ta thập thò ở cửa không dám vô.

Bà Davidson hỏi sẵng:

– Muốn gì hở?

Giọng nghẹn ngào, cô ả đáp:

– Thưa bà, tôi muốn thưa chuyện với ông nhà, không biết được không ạ?

Nhà truyền giáo đứng dậy, tiến lại, ân cần đáp:

– Vô đi cô Thompson. Tôi giúp cô được việc gì đây?

Cô ta bước vô:

– Tôi ân hận rằng hôm trước đã thất lễ với ông. Hôm ấy chắc tôi say ạ. Xin ông tha thứ cho ạ.

– Ồ! Có gì đâu… Cái lưng của tôi đủ rộng để chịu được vài lời xấc láo mà.

Cô ả tiến lại gần ông ta, thái độ khúm núm một cách đê tiện, đến tởm.

– Ông đã thắng rồi. Tôi qui phục ông. Nhưng ông đừng đuổi tôi về Frisco chứ?

Vẻ hiền lành của Davidson biến đâu mất. Giọng sắc và nghiêm, ông hỏi:

– Tại sao cô không chịu về đó?

Cô ả cúi đầu xuống:

– Gia đình tôi ở đó. Người thân tôi sẽ thấy tôi trụy lạc tới cái nông nỗi này. Trừ nơi đó ra, ông bảo tôi đi đâu, tôi cũng xin vâng.

– Vậy thì tại sao lại không chịu về San Francisco?

– Tôi đã thưa với ông rồi ạ.

Ông ta nghiêng mình ngó cô ả, như muốn dò xét tận đáy tâm hồn cô ta. Thình lình ông bảo:

– Nhà khám.

Cô ả hét lên một tiếng. Ngồi sụp xuống sàn, ôm chân cố đạo.

– Xin ông đừng đuổi tôi về đó. Trước mặt Chúa tôi xin thề với ông rằng tôi sẽ hoàn lương. Tôi sẽ từ bỏ đời sống hiện thời.

Tiếp theo những lời năn nỉ thao thao, nghe không rõ. Nước mắt đầm đìa trên má loang lỗ những phấn. Davidson lại cúi xuống đỡ đầu cô ta lên, nhìn vào mắt cô ta:

– Nhà khám, phải vậy không?

Cô ta thú, giọng hổn hển:

– Tôi đã trốn thoát. Nếu tụi mã tà bắt lại được thì tôi phải ngồi khám ba năm.

Ông ta gỡ, không cho ả ôm. Ả khóc nấc lên, té đánh bịch như một bao gạo, viên bác sĩ đứng dậy:

– Điều đó thay đổi cả vấn đề rồi. Đã biết sự thực, ông không thể bắt cô ấy trở về nơi đó nữa. Đưa sào cho cô ấy nắm, cho cô ấy cơ hội lập lại cuộc đời.

– Tôi cho cô ấy cơ hội độc nhất. Nếu cô ấy biết hối hận thì phải nhận hình phạt.

Cô ả không hiểu. Cặp mắt sưng húp chiếu ra một tia hy vọng, ả ngẩng đầu lên:

– Ông cho tôi được tự do ư?

– Không. Thứ ba xuống tàu đi San Francisco.

Cô ta rên rỉ, vì sợ hãi, rồi kêu la, giọng ồ ồ, khàn khàn, không ra tiếng người nữa. Cô ta đập đầu vào sàn như một mụ điên. Bác sĩ chạy lại:

– Bình tĩnh lại chứ! Về phòng mà nghỉ đi. Tôi sẽ kiếm thuốc cho.

Bác sĩ đỡ cô ả dậy, giận rằng bà Davidson và vợ mình không ai tiếp tay cả, rồi nửa vực, nửa kéo, ông dắt cô ta xuống cầu thang được. Chủ tiệm đứng đợi ở chân cầu thang, tiếp ông ta khiêng cô ta đặt vào giường. Gần mê man, cô ta chỉ sụt sịt rên rỉ nho nhỏ. Bác sĩ chích một mũi thuốc ở dưới làn da. Vừa mệt, vừa nực, ông trở lên phòng khách.

– Tôi cho cô ấy nằm rồi.

Hai bà và ông Davidson vẫn ngồi trơ trơ y như hồi bác sĩ xuống thang, chắc chắn trong thời gian đó, không ai cử động, nói năng gì cả.

Davidson bảo, giọng xa xăm, lạ lùng:

– Tôi đợi ông về. Nào chúng ta cùng cầu nguyện cho người em gái lạc đường của chúng ta nào.

Nhà truyền giáo lại một cái kệ lấy cuốn sách Thánh kinh, rồi ngồi vào bàn. Vì người ở vẫn chưa dọn bàn, ông đẩy ấm trà ra xa, rồi bằng một giọng mạnh mẽ, đầm và vang, ông đọc chương về sự gặp gỡ của Giêsu với dâm phụ.

– Bây giờ chúng ta quỳ xuống và cầu nguyện cho cô em Sadie Thompson của chúng ta được sạch tội.

Ông ta hăng hái cầu nguyện rất lâu, xin Chúa thương hại kẻ tội lỗi. Các bà ôm mặt quỳ cả xuống, còn ông Macphail gặp lúc bất ngờ quá, nên vụng về và luống cuống, cũng quỳ theo. Davidson cầu nguyện một cách hùng hồn man dã: cảm xúc quá mạnh, nước mắt tràn lên má. Mưa vẫn tuôn, tàn nhẫn tuôn hoài tuôn hủy; hăng hái tuôn một cách quái ác như loài người vậy.

Sau cùng ông ta ngừng, nghỉ một lúc rồi bảo:

– Nào, bây giờ chúng ta đọc lạy kinh *Lạy Cha*.

Ông ta đứng dậy, ba người kia làm theo. Bộ mặt nhợt nhạt của bà Davidson đã tươi ra, bình tĩnh lại. Ông bà Macphail, trái hẳn, thình lình thấy ngượng nghịu, không biết ngó phía nào.

Ông chồng nói:

– Tôi xuống xem cô ấy ra sao nhé.

Horn mở cửa cho ông. Cô Thompson khóc tỉ tê trong một chiếc ghế bành.

Ông Macphail la:

– Cô làm gì đó? Tôi đã bảo phải nằm kia mà.

– Không thể nằm được ông ạ. Tôi muốn thưa chuyện với ông Davidson.

– Tội nghiệp! Còn hy vọng gì nữa? Không thể nào làm cho ông ấy cảm động được đâu.

– Ông ấy đã bảo tôi rằng nếu cho người gọi thì ông ấy sẽ xuống.

Macphail ra hiệu cho chủ nhà: "Mời ông ấy xuống!". Trong lúc Horn đi, ông ta ngồi đợi ở bên cạnh cô Thompson không nói năng gì hết. Davidson vô.

Cô Thompson nói:

– Xin lỗi ông, đã làm mất công ông xuống.

– Tôi đợi cô gọi tôi. Tôi biết rằng Chúa sẽ nghe lời cầu nguyện của tôi.

Họ chăm chú nhìn nhau một lúc, rồi cô Thompson quay mặt đi, nói:

– Tôi đã xấu xa. Bây giờ tôi muốn chuộc tội.

– Lạy Chúa! Lạy Chúa! Chúa đã nhận lời cầu nguyện của chúng con. Rồi quay lại nói với hai người kia: Để cho tôi ở đây một mình với cô ấy và cho nhà tôi hay rằng Chúa đã nghe lời cầu nguyện của chúng ta.

Họ đi ra, khép cửa lại.

Horn bảo:

– Kì cục, ta!

Đêm đó, bác sĩ trằn trọc mãi mới ngủ được. Khi nghe tiếng chân Davidson lên cầu thang, ông ta ngó đồng hồ; hai giờ khuya. Mà ông cố đạo vẫn chưa đi ngủ. Qua tấm kính, Macphail còn nghe tiếng cầu nguyện, cho tới lúc mệt quá, thiếp đi mà không hay.

*

Sáng hôm sau, vẻ mặt nhà truyền giáo làm cho Macphail ngạc nhiên. Mệt nhọc, xanh xao hơn trước nữa, nhưng cặp mắt sáng ngời, như có ngọn lửa thiêng nào cháy ở trong lòng, nên mặt mày hớn hở lạ lùng.

Davidson bảo:

– Lúc nữa, ông làm ơn xuống coi mạch giùm cho Sadie nhé? Tôi không mong rằng cô ấy bình phục, nhưng linh hồn - linh hồn cô ấy đã thay đổi hẳn.

Bác sĩ thấy uể oải, mất bình tĩnh nói:

– Đêm qua, ông ở dưới đó khuya quá.

– Phải. Cô ấy đòi tôi ở lại, hễ vắng tôi thì chịu không nổi.

Bực mình, Macphail có giọng mỉa mai:

– Bây giờ ông có vẻ vui như mở hội rồi.

Mắt Davidson sáng ngời vì khoái chí.

– Chúa đã ban cho tôi một niềm vui lớn. Đêm qua tôi đã được cái đặc ân dắt một con chiên lạc đàn về dâng cho Chúa.

Cô Thompson lại ngồi thu hình trong cái ghế bành ở giữa căn phòng lộn xộn. Giường không dọn. Quần áo cũng chẳng buồn thay, vẫn bận chiếc áo ngủ dơ dáy, và tóc thì quấn vội vàng như một mớ bòng bong. Cô ta đã lấy khăn ướt chùi mặt nhưng mắt còn húp lên và còn vệt nước mắt. Coi mà thảm hại.

Mệt mỏi, thất vọng, sợ sệt, cô ta ngước mắt nhìn bác

sĩ, vẻ ngây dại, hỏi:

– Ông Davidson đâu?

Macphail, chua chát đáp:

– Nếu cô muốn, thì lát nữa ông ấy xuống. Tôi vô thăm bệnh trạng của cô.

– Không sao. Tôi. Tôi bình thường. Ông đừng lo gì cả.

– Cô đã ăn uống gì chưa?

– Horn có bưng cà phê lại cho tôi.

Cô ta lo lắng nhìn về phía cửa.

– Ông tin rằng ông ấy sắp xuống chứ? Có ông ấy ở gần, tôi thấy mọi sự đỡ ghê rợn.

– Thứ ba cô vẫn phải xuống tàu chứ?

– Vâng. Ông ấy bảo phải vậy. Xin ông lên nói giùm để ông ấy xuống ngay tức thì đi. Ông không giúp tôi được việc gì đâu. Từ nay chỉ ông ấy cứu giúp tôi được thôi.

Bác sĩ đáp:

– Được.

*

Trong ba ngày sau, trừ những bữa cơm là Davidson lên lầu gặp ba người kia còn thì ở miệt trong phòng Sadie Thompson. Macphail nhận thấy rằng ông ta ăn rất ít.

Bà Davidson thương hại cho chồng:

– Nhà tôi kiệt sức mất; không giữ gìn thì rồi đau, nhưng có bao giờ ông ấy biết giữ sức đâu.

Chính bà ta cũng xanh xao, mệt nhọc, bảo với bà Macphail rằng mình thiếu ngủ. Ban đêm, ở phòng cô Thompson lên, nhà truyền giáo cầu nguyện cho tới khi mệt lả mới thôi, vậy mà cũng không ngủ được lâu. Nằm xuống được một hai giờ rồi dậy, thay quần áo, đi dạo trên bờ biển. Ngủ thì mộng thấy những cái kì dị.

Bà Macphail kể:

– Sáng nay, ông ấy bảo tôi rằng ông ấy mộng thấy dãy núi Nebraska.

Bác sĩ Macphail bảo:

– Kì quá ta.

Ông Macphail nhớ lại có lần ngồi xe lửa đi ngang qua châu Mĩ, ngó qua cửa sổ thấy dãy núi Nebraska. Núi đột khởi giữa một cánh đồng, tròn và nhẵn, tựa những nấm hang chuột chũi vĩ đại. Ông ngạc nhiên, sao thấy nó giống vú đàn bà quá.

Chính ông Davidson cũng không chịu nổi sự khích động đó, nhưng nhờ một nỗi hoan hỉ lạ lùng, ông chưa đến nỗi quị. Ông nhổ cho hết những rễ cuối cùng của tội lỗi trong chỗ sâu kín nhất của lòng thiếu phụ.

Ông đọc kinh, tụng kinh với nàng.

Một hôm, trong bữa cơm tối, ông nói:

– Thực là mầu nhiệm. Đích là một sự phục sinh. Tâm

hồn nàng trước kia tối tăm như vậy, bây giờ trong trắng như tuyết trên trời mới rơi. Tôi thấy tôi hèn mọn và sợ sệt. Sự cải tà đó thực đẹp đẽ. Tôi không đáng được rờ gấu áo nàng nữa.

Bác sĩ hỏi:

– Ông còn đủ can đảm để trục xuất cô ta về San Francisco nữa không? Ba năm trong một nhà khám Huê Kỳ. Tôi tưởng ông có thể tránh cho cô ta được cái khổ đó chứ.

– Này, ông không thấy rằng điều đó cần thiết sao? Ông tưởng rằng lòng tôi không chua xót vì nàng sao? Tôi yêu nàng như yêu vợ, yêu em gái tôi vậy. Suốt cái thời nàng ngồi khám, nàng chịu những đau khổ nào thì tôi cũng chịu tất cả những đau khổ ấy.

Bác sĩ bực mình thốt:

– Dóc tổ!

– Ông không hiểu tôi vì ông đui. Nàng đã có tội, thì bây giờ nàng phải chịu khổ. Tôi biết nàng sẽ phải chịu những cảnh ra sao. Nàng sẽ đói, bị ngược đãi, bị khinh bỉ. Tôi muốn rằng nàng nhận hình phạt của loài người như là một sự hy sinh cho Chúa. Tôi muốn nàng vui vẻ nhận nó. Rất ít kẻ gặp được cơ hội quí như vậy. Chúa rất tốt và rất thương người.

Giọng Davidson run lên vì cảm động, ông ta chỉ còn lắp bắp được những lời nồng nhiệt.

– Suốt ngày tôi cầu nguyện với nàng, và khi tôi rời

nàng tôi cũng lại hết sức cầu nguyện đức Ki tô ban cho nàng ơn sủng đó. Tôi muốn làm cho nàng phát sinh cái lòng khao khát chuộc tội, lòng khao khát nhiệt thành đến nỗi nếu tôi có đề nghị cho nàng được tự do thì nàng cũng từ chối. Tôi muốn rằng hình phạt nghiêm khắc là ngồi khám biến thành công quả mà nàng đem dâng ở chân Chúa yêu kính của chúng ta. Đấng đã hi sinh cho nàng.

*

Ngày giờ qua chậm chạp. Cả nhà lo lắng về thiếu phụ khốn khổ đó và sống trong một sự khích động khác thường. Nàng có vẻ như một kẻ sắp bị đem hi sinh trong một cuộc tế thần man dã và lưu huyết. Sợ quá, nàng như bị tê liệt. Nàng không chịu cho ông Davidson xa nàng, nên bám níu lấy ông một cách đê tiện như một kẻ nô lệ. Nàng khóc nhiều, đọc kinh và tụng kinh. Có lúc kiệt sức, không còn cảm giác nữa, nàng mong sao cho hình phạt mau tới, để chấm dứt cái nỗi lo lắng hiện tại đó, chứ sống trong cảnh sợ sệt hoang mang này, nàng chịu không nổi. Từ khi thấy mình tội lỗi, nàng không còn tự trọng nữa. Đầu tóc rối bù, lúc nào cũng bận chiếc áo ngủ dơ dáy đã bốn ngày rồi không thay; chân không đi vớ, nàng lê la trong cái phòng bề bộn, ngổn ngang.

Mưa tàn nhẫn cứ tiếp tục trút hoài. Mưa tới vậy thì nước trên trời phải cạn rồi chứ, sao mà vẫn còn? Nặng và ngay, giọt mưa đập mãi trên mái tôn một cách đều đều làm cho ta nổi xung lên. Cái gì cũng ẩm thấp, nhớp nháp.

Tường hóa mốc mà giày đặt trên sàn cũng hóa mốc. Đêm trằn trọc; nghe tiếng muỗi vo ve mà bực mình.

Bác sĩ nói:

– Nếu trời tạnh cho được một ngày thôi, thì mọi sự hoàn hảo cả.

Ai nấy đều nóng lòng đợi ngày thứ ba, ngày mà chuyến tàu ở Sydney ghé bến rồi đi San Francisco. Thần kinh căng thẳng quá, không chịu nổi nữa. Macphail hết thương hại cho thiếu phụ, cũng hết oán giận nhà truyền giáo, chỉ mong thiếu phụ đi đi cho rảnh. Ông ta có cảm tưởng rằng tàu nhổ neo rồi, thì sẽ nhẹ hẳn người đi. Một nhân viên của chính phủ sẽ tới dắt cô Sadie Thompson xuống tàu. Tối thứ hai, thầy ấy lại cho cô ta hay mười một giờ trưa hôm sau phải sẵn sàng để đi. Lúc đó Davidson ở bên cạnh nàng.

– Tôi sẽ lo việc đó cho. Tôi có ý đích thân đưa cô ấy xuống tàu.

Cô Thompson làm thinh.

Sau khi tắt nến, bác sĩ cẩn thận chui vô mùng, và thở dài một cách nhẹ nhàng.

– Nhờ Trời, thế là xong. Ngày mai, giờ này cô ả không còn ở đây nữa.

Bà Davidson cũng khoan khoái. Bà ấy nói rằng ông chồng chỉ còn là một cái bóng của thời trước. Người đàn bà đó đã thay đổi hẳn.

– Ai thay đổi hẳn?

– Cô Sadie. Trước kia tôi tưởng không thể như vậy được. Hóa ra dốc lòng thờ Chúa.

Ông chồng không đáp. Mệt quá, ông ta ngủ say hơn những ngày khác.

*

Sáng sớm hôm sau, có ai nắm cánh tay ông, làm ông giật mình tỉnh dậy. Horn đứng bên cạnh giường. Một ngón tay đặt trên môi, hắn ra hiệu cho ông cứ yên lặng đi theo hắn. Mọi khi hắn bận một bộ quần áo vải đã sờn, lần này hắn đi chân không, và chỉ quấn một chiếc lava-lava. Bác sĩ bước xuống sàn, thấy mình hắn xăm rất nhiều, có vẻ man rợ. Hắn chỉ về phía hiên, ông ta theo hắn ra đó.

Hắn thì thầm:

– Phải im lặng. Có việc cần đến ông. Khoác áo rồi xỏ giày đi. Mau.

Bác sĩ nghĩ ngay rằng có chuyện gì xảy ra cho cô Thompson, hỏi:

– Cái gì vậy? Phải mang theo đồ nghề của tôi không?

– Mau lên, xin ông mau lên.

Ông ta trở vô phòng, khoác một cái áo mưa ra ngoài bộ áo ngủ, xỏ chân vô một đôi giày đế cao su, rồi trở ra hiên. Cả hai người rón rén xuống cầu thang. Cửa cái đã mở, năm sáu thổ dân đứng ở đó.

Bác sĩ lại hỏi:

– Cái gì vậy?

Horn đáp:

– Đi.

Họ băng qua con đường, tới bãi biển. Nhóm thổ dân theo gót họ. Ở mí nước, một bọn người bản xứ vây chung quanh một cái gì. Hai người chạy lại, khoảng vài chục thước; đám người rẽ ra khi bác sĩ lại. Horn đẩy ông ta tiến tới. Và ông ta thấy xác Davidson, nửa dưới nước, nửa trên cạn, ghê tởm. Vốn bình tĩnh trong cơn biến, ông ta cúi xuống, lật cái thây lên. Cuống họng bị cắt một vết dài từ tai bên đây tới tai bên kia, tay mặt còn nắm chặt con dao cạo để cứa cổ.

Bác sĩ nói:

– Lạnh ngắt rồi. Chắc chết đã được một lúc lâu.

– Một đứa trẻ đi làm ngang qua thấy vậy, báo cho tôi hay mới tức thì. Phải là một vụ tự tử không?

– Phải. Báo cho cảnh sát hay đi.

Horn nói vài tiếng bản xứ với hai thanh niên.

Bác sĩ bảo:

– Cứ để yên vậy, đợi cảnh sát tới.

– Đừng có khiêng về nhà tôi. Tôi không muốn chứa của đó đâu.

Bác sĩ nghiêm khắc:

– Nhà cầm quyền bảo làm sao thì làm vậy. Nhưng tôi

chắc là sẽ đưa vào nhà xác.

Họ đứng yên, đợi. Moi ở trong chiếc lava-lava ra một gói thuốc, Horn mời bác sĩ hút. Vừa hút, họ vừa nhìn thây ma. Macphail không hiểu gì cả.

Horn hỏi:

– Theo ý ông, tại sao ông ấy lại tự tử như vậy?

Bác sĩ nhún vai. Cảnh sát khiêng một cái băng ca tới, một người thủy binh mang súng chỉ huy họ; tiếp theo, hai sĩ quan và một y sĩ thủy quân tới. Họ làm mọi việc một cách rất lanh lẹn, thực tế.

Một sĩ quan hỏi:

– Bà ta đâu?

– Có ông ở đây, thì tôi về thay quần áo và cho bà Davidson hay tin. Nên sửa soạn lại cái thây một chút rồi hãy cho bà ấy thấy.

Viên y sĩ thủy quân đáp:

– Phải đấy.

Về tới phòng, Macphail thấy vợ đã sẵn sàng rồi. Bà bảo chồng:

– Bà Davidson rất lo lắng về tình cảnh ông ấy. Suốt đêm ông ta không ngủ. Bà nghe tiếng ông rời phòng cô Thompson hồi hai giờ khuya, rồi đi ra đường. Nếu đi chơi đến bây giờ thì kiệt sức hẳn rồi.

Bác sĩ kể chuyện cho vợ nghe và nhờ vợ báo tin cho bà Davidson.

Bà vợ kinh hoảng hỏi:

– Nhưng tại sao ông ta lại tự tử.

– Anh không biết?

– Em không thể báo tin đó cho bà ấy được. Không thể được.

– Em phải làm không được từ nan.

Bà ta hoảng sợ, ngó chồng rồi đi ra. Ông chồng nghe tiếng vợ vô phòng bà Davidson. Nghĩ ngợi một chút, để bình tâm trở lại, rồi ông ta rửa mặt, thay quần áo, ngồi ở giường, đợi vợ. Bà vợ trở về, bảo:

– Bà ấy muốn đi coi.

– Người ta đã chở lại nhà xác. Chúng ta nên cùng đi với bà ấy. Bà ta xúc động lắm không?

– Em thấy bà ấy như chết điếng. Không khóc mà run như cầy sấy.

– Nên đi ngay thôi.

Nghe tiếng họ gõ cửa, bà Davidson đi ra, mặt tái ngắt, nhưng mắt ráo hoảnh. Bác sĩ thấy thái độ đó khác thường. Không ai nói với ai một lời. Họ yên lặng xuống đường. Tới nhà xác, bà Davidson bảo:

– Ông bà để tôi vô một mình.

Họ né ra. Một người bản xứ mở cửa cho bà ta vô rồi khép cửa lại. Họ ngồi xuống, đợi. Vài người da trắng lại thì thầm với họ. Bác sĩ kể đầu đuôi cho những người đó nghe. Sau cùng cửa nhè nhẹ mở và bà Davidson hiện ra.

Lại yên lặng.

Bà Davidson bảo:

– Bây giờ tôi về được rồi.

Giọng bà khô và cương quyết. Bác sĩ Macphail không hiểu vẻ nhìn của bà có ý nghĩa gì. Mặt nhợt nhạt nhưng nghiêm nghị. Họ chậm chạp, yên lặng trở về, tới chỗ góc đường mà qua khỏi đó thì thấy nhà. Bà Davidson thở dài. Họ ngừng một chút. Những thanh âm bất ngờ đập vào tai họ. Cái máy hát yên lặng từ mấy bữa nay, lại gào lên những bản lạc điệu.

Bà Macphail hoảng hốt hỏi:

– Cái gì vậy?

– Cứ đi.

Họ leo mấy bực ở hiên rồi vô phòng ngoài. Ở bậc cửa, cô Thompson chuyện trò với một người lính thủy. Có sự thay đổi đột ngột ở con người đó, không còn cái vẻ sợ sệt những hôm trước nữa.

Lại bận những đồ tốt nhất: cái áo dài trắng, đôi giày láng và đôi vớ để hở cặp giò lớn, tóc chải cẩn thận và đầu đội cái nón to, trông rực rỡ. Mặt trát phấn, lông mày tô đen gớm ghiếc, môi đỏ chót, cô ta đứng ngay ngắn. Lại là ả giang hồ ngạo mạn hồi trước. Trông thấy ba người về, ả phá lên cười vẻ chế giễu, và khi bà Davidson vô tâm ngừng lại thì ả tận lực khạc hết cả nước miếng trong miệng ra. Bà phải lùi vội về phía sau, gò má bỗng ửng lên. Rồi hai tay che mặt, bà phóng lên cầu thang. Bác sĩ

Macphail nổi giận, giúi ả vào phòng, la:

– Cái quỉ gì thế này? Hãm cái máy trời đánh kia lại.

Ông ta chạy lại, gỡ đĩa hát ra.

Ả quay lại:

– Ê, bác sĩ, đừng giở trò đó ra với gái này chứ! Ông vô phòng tôi làm cái gì hở?

Macphail lớn tiếng:

– Muốn nói gì? Muốn nói gì hả?

Ả ưỡn ngực lên. Không thế nào tả nổi cái vẻ khinh bỉ, nỗi oán hận chứa chấp trong nét mặt, giọng nói của ả:

– Bọn đàn ông các người! Bầy heo nhớp nhúa! Thằng nào như thằng nấy, hết thảy! Đồ heo! Đồ heo!

Bác sĩ rùng mình, ông ta sực hiểu.

CÁI ĐẦM (1)

Somerset Maugham viết nhiều truyện ngắn để tả ảnh hưởng của khí hậu các đảo miền nhiệt đới trên Thái Bình Dương tới tâm lí, tính tình người da trắng. Người thì tìm được ở đó một hạnh phúc mê hồn, kẻ thì chịu những đau khổ tủi nhục ê chề sau một thời gian sung sướng, nhưng hầu hết đều đổi tính, mất cả nghị lực, chí phấn đấu mà đồng hóa ít nhiều với thổ dân.

Đây là một truyện tả hạng người đau khổ trong số người đó. Tình tiết không dồn dập như trong truyện Mưa, *mà biến chuyển từ từ, nhưng kết quả cũng bi thảm như trong* Mưa. *Bối cảnh cũng là quần đảo Salomon, nhưng không phải trong mùa mưa mà trong mùa nắng với mặt biển, khi thì xanh ngắt, khi thì rực rỡ như xa cừ, với những dòng suối mát rượi, những thân dừa "kiều diễm đến phù phiếm".*

Đọc xong truyện Mưa, *ta còn nghe văng vẳng tiếng mưa lộp độp trên nóc tôn, tiếng mưa tàn nhẫn, ranh mãnh, cứ đều đều trở lại trong câu chuyện như một điệp khúc day dứt. Đọc truyện dưới đây ta cũng bị ám ảnh vì vẻ đẹp*

---

(1) Truyện này dịch theo bản tiếng Pháp trong cuốn *LArchipel aux Sirènes* (Arthème Fayard) vì chưa kiếm được nguyên văn.

của một cái đầm trong veo mà tĩnh mịch ở giữa một khu rừng, trên một dòng suối. Hình ảnh của nó hiện lên tất cả năm lần, (một lần lờ mờ sau một cảnh đẹp ở Tô Cách Lan), lần nào cũng có một sức quyến rũ bí mật. Nhân vật chính trong truyện, chàng Lawson tìm thấy hạnh phúc thần tiên ở đó, rồi đau khổ, tủi nhục ở đó, chết cũng ở đó. Cái đầm ấy là chủ đề (thème) của câu chuyện, cũng như những giọt mưa là chủ đề trong truyện Mưa.

Kĩ thuật dùng chủ đề đó làm cho cả hai truyện thêm bi thảm mà riêng truyện Cái Đầm *này lại nhờ nó mà nên thơ, huyền ảo. Chúng tôi chưa được biết ở nước ta gần đây có tiểu thuyết nào áp dụng kĩ thuật đó không, nhưng trong cuốn* Đời Shelley, *André Maurois cũng đã cho hình ảnh của dòng nước xuất hiện nhiều lần: hồi nhỏ Shelley thơ thẩn bên một bờ sông ở Eton, rồi sau lớn lên lênh đênh trong một chiếc thuyền, người vợ thứ nhất chết đuối trong một dòng nước rồi cuối cùng chính Shelley cũng chết đuối trong vịnh Skezzia.*

Trước cả Maugham và Maurois, thi hào bậc nhất của chúng ta, Nguyễn Du, cũng đã dùng thuật đó trong Truyện Kiều. *Chủ đề ở đây là tiếng đàn của nàng Kiều. Trước sau tiếng đàn vẳng lên bốn lần và ngay từ lần đầu ta đã đoán được đời nàng trong những âm thanh não nuột. Hai lần sau tiếng đàn càng chua xót, cay đắng bội phận, đến lần cuối mới ấm áp được đôi chút. Tiếng đàn vừa đánh dấu, vừa là phản hưởng đời của nàng; cũng như cái đầm trong truyện dưới đây là phản ảnh những biến chuyển lớn trong đời của Lawson. Càng đọc văn chương ngoại quốc rồi so*

sánh, ta càng thấy rõ thiên tài của Nguyễn Du. Đó là cái thú mà vô tình Maugham đã tặng thêm chúng ta.

*

Công việc của nàng chẳng có gì cả: mơ mộng rồi tắm, nhất là tắm, - hát và đi dạo mát trong rừng với Tiahoui cô bạn bé chí thiết của nàng - Rarahu và Tiahoui là hai thiếu nữ nhỏ bé vô tư lự, tươi cười, gần như hoàn toàn sống trong làn nước trong của dòng suối, nơi đó hai nàng nhảy nhót, vùng vẫy như hai con cá bay vậy.

Pierre Loti

Khi Chaplin, chủ khách sạn Metropole ở Apia, giới thiệu tôi với Lawson, thì tôi không chú ý gì đặc biệt tới chàng này cả. Chúng tôi ngồi trong cái phòng rộng của khách sạn, trước ly cốc-tai buổi sáng, và tôi nghe người ta kể những tin tức đôi mách sốt dẻo nhất ở trong đảo.

Con người của Chaplin có chỗ ngồ ngộ. Vốn là một kĩ sư mỏ mà lão lại định cư ở một nơi không có cách nào dùng những trí thức về nghề của mình được. Phải đó là một đặc trưng tính tình của lão chăng. Mà không ai là không thừa nhận những khả năng của lão. Lão không có vẻ oai vệ. Tóc thưa thớt đã hoa râm. Râu mép xơ xác như

một vạch ngang ở giữa mặt, mà mặt thì đỏ lên vì rám nắng miền nhiệt đới và cũng vì uống nhiều rượu quá. Thực ra lão chỉ giữ một hư vị: khách sạn là một ngôi nhà tầm thường ba tầng do mụ vợ cai quản, mụ là một người Uăc bốn mươi lăm tuổi, cao mà gầy đét, vẻ cương quyết, thái độ oai nghiêm. Nóng tính, thường say sưa, ông chồng nhỏ con đó sợ vợ lắm; ai mới tới cũng được biết ngay những cuộc gây gổ trong gia đình họ, mà lần nào bà vợ cũng thượng cẳng tay hạ cẳng chân, bắt ông chồng phục tòng một phép. Có đêm say sưa trở về nhà bị vợ nhốt trong phòng hai mươi bốn giờ. Thiên hạ còn nhớ lần đó đứng ngoài hiên ở trên cao, bất bình vì bị giam, lão lâm li kêu gọi khách qua đường.

Con người đó thật kì. Hồi ức trong đời lão, đúng hay bịa không biết, chứ nghe lão kể thì rất thú, cho nên khi chúng tôi bị ngắt lời, thì tôi hơi bực tức. Mặc dầu chưa tới mười hai giờ, Lawson đã say rồi, và khi chàng ân cần mời tôi một ly nữa thì tôi miễn cưỡng nhận. Tôi biết rằng tửu lượng của Chaplin kém. Nhưng phép lịch sự buộc tôi phải đãi một chầu nữa: uống thêm chầu này thì Chaplin sẽ say bí tỉ mà tôi sẽ bị bà vợ la, chịu sao nổi!

Cái vẻ ốm nhom của Lawson chẳng có duyên chút nào cả. Mặt dài mà tái mét, cằm thon và lẹm, mũi nhọn và nhô ra quá. Chỉ có cặp lông mày rậm là tỏ ra con người đó có khí lực một chút và cũng chỉ có cặp mắt sâu là đẹp. Chàng vui vẻ nhưng vui gượng, hời hợt, nhìn cái bề ngoài đó, tôi đoán là thể chất bạc nhược. Rõ ràng là chàng muốn làm ra vẻ con người thể thao. Chàng đối với bạn

bè ra tình thân mật, nhưng trong cái thắm thiết đó, lộ cái mưu mô, xảo quyệt. Giọng khàn khàn, chàng rán tranh với Chaplin, kể chuyện những vụ phè phỡn hoang đường: chuyện đi săn mà nốc huýt-ki tới say khướt, chuyện thám hiểm ở Sydney mà từ ngày đi tới ngày về, ai nấy đều như bầy heo say rượu chẳng còn nhớ chút gì cả. Nhưng mặc dầu trong lúc say mèm - mỗi người vừa mới uống bốn ly cốc-tai - vẫn có sự khác nhau xa giữa hai người đó. Lão Chaplin thì tục tằn thô lỗ, còn Lawson tuy say mà vẫn là con người lịch sự.

Sau cùng chàng loạng choạng đứng lên, bảo:

– Thôi, tôi về đây. Trước bữa cơm tối, chúng mình sẽ gặp nhau.

Chaplin hỏi:

– Bà nhà mạnh giỏi chứ?

– Mạnh.

Gã đi ra.

Giọng đáp cụt ngủn tiếng một làm cho tôi ngạc nhiên, ngẩng lên nhìn.

Khi Lawson đã ra khỏi cửa và đi ở dưới nắng, Chaplin nói, giọng quả quyết:

– Thằng tướng dễ thương. Một trong những kẻ khá nhất đấy. Chỉ tiếc là hắn rượu chè quá!

Lời chê bai ở trong miệng Chaplin thốt ra thì thật là khôi hài.

– Và khi hắn say thì hắn chỉ mơ thấy thương tích và u bướu.

– Bị thường lắm sao?

– Tận mạng, mỗi tuần ba bốn lần. Lỗi tại cái đảo này và tại ả Ethel.

– Ethel là ai?

– Vợ hắn. Hắn cưới một ả lai. Con gái của lão già Brevald. Hắn đã đem vợ đi. Như vậy khôn hơn cả. Nhưng ả không quen được, rồi họ lại trở về đây! Một ngày kia hắn phải tự treo cổ mất, nếu không chết vì say rượu. Dễ thương! Nhưng rượu vào thì xấu tính lắm.

Chaplin ợ lớn tiếng:

– Tôi phải vùi đầu xuống nước mới được. Đáng lẽ không nên uống ly cuối cùng đó, luôn luôn là chết vì ly cuối cùng.

Uể oải lão ngó cái cầu thang đưa lên căn phòng nhỏ vuông có vòi nước để tắm. Sau cùng lão đứng dậy, và nghiêm trang khác thường. Lão bảo:

– Ông nên làm quen với Lawson, thích đấy; hắn chịu đọc sách. Khi nào hắn tỉnh, ông thấy hắn, sẽ phải ngạc nhiên. Và thông minh nữa. Nói chuyện với hắn thú vị lắm.

Nhờ câu chuyện đó của Chaplin mà tôi hiểu được hết.

Buổi tối hôm ấy, khi tôi cưỡi ngựa dạo mát ở bờ biển về, thì Lawson lại có mặt ở khách sạn. Ngồi ủ rủ trên chiếc ghế mây trong phòng lớn, chàng ngó tôi bằng cặp

mắt lờ đờ. Coi cái vẻ ngây dại của chàng người ta biết rằng chàng đã uống rượu cả buổi chiều. Mà trong cái vẻ đần độn đó, hiện ra một vài nét oán hờn. Chàng ngó tôi một lúc mà không nhận được tôi. Hai ba người đánh xúc xắc mà không để ý đến chàng; có lẽ họ thấy chàng say rồi. Tôi ngồi vào bàn xúc xắc.

Lawson càu nhàu:

– Tiếp đãi nhã nhặn lắm, cảm ơn nhé.

Rồi chàng đứng dậy, lảo đảo ra cửa. Đầu gối chàng lẩy bẩy. Trông chàng vừa tức cười vừa tởm. Khi chàng đi rồi, một người nhe răng cười:

– Lawson hôm nay bí tỉ rồi.

Một người khác bảo:

– Say quá chịu không nổi thì leo lên giường mà nằm đừng đi đâu nữa.

Trông cái thân hình thảm hại đó, ai có thể ngờ được rằng chàng đã theo một lối riêng, đóng vai một nhân vật chính trong tiểu thuyết chứ, nghĩa là ít nhất đời chàng cũng đã có những lúc sợ sệt rồi thê thảm, gây ra được một cảm giác bi kịch.

Hai ba ngày sau tôi không gặp Lawson.

Rồi một buổi chiều, đương ngồi ở ngoài hiên tầng lầu thứ nhất, nhô ra đường, thì chàng tới, ngồi phịch xuống một chiếc ghế ở bên cạnh tôi. Lần đó chàng không bị ma men ám ảnh. Sau một câu nhận xét vô vị mà tôi đáp như một cái máy, chàng cười, có vẻ để xin lỗi, rồi nói:

– Hôm đó tôi say mèm, bậy quá!

Tôi không đáp vì biết nói gì bây giờ? Tôi ngậm ống điếu, kéo một hơi dài, mong một cách hão huyền rằng muỗi thấy khói sẽ bay đi, rồi tôi ngó bọn thổ dân đi làm về. Họ bước khoan thai từng bước dài một. Dáng đi của họ nghiêm trang mà có vẻ thận trọng. Nghe thấy tiếng chân không của họ lướt trên đường. Tóc thường uốn, có người lại ngâm nước vôi cho nhợt màu… Họ có vẻ phong nhã lạ lùng, to lớn, lanh lẹn. Rồi tới bọn dân quần đảo Salomon nhỏ hơn, mảnh khảnh hơn, da đen như than, tóc bù như mớ bông nhuộm đỏ, diễn qua thành một đoàn vui vẻ. Thỉnh thoảng một người da trắng ngồi trong chiếc xe kéo, chạy ngang qua hoặc cưỡi ngựa vô sân khách sạn. Hai ba chiếc ghe buồm soi hình duyên dáng trên mặt vũng phẳng lặng.

Sau cùng Lawson nói:

– Ở trong một cái hang như vầy, không uống rượu thì biết làm gì bây giờ?

Tôi hỏi đại một câu cho có chuyện:

– Ông có thích đảo Samoa không?

– Đẹp đấy chứ.

Lời đáp đó chẳng hợp chút nào với cái đẹp lạ lùng của đảo, cho nên tôi ngạc nhiên, quay lại ngó. Cặp mắt đen của chàng tỏ một vẻ lo lắng không chịu nổi, tôi lấy làm lạ cho chàng có thể cảm xúc mãnh liệt như vậy được.

Nhưng rồi vẻ đó biến liền và chàng mỉm cười một

cách giản dị, hơi ngây thơ nữa. Mặt chàng thay đổi hẳn và trong lòng tôi lại dậy lên mối ác cảm đầu tiên.

Chàng bảo:

– Khi mới tới, tôi đi chơi khắp đảo.

Rồi lại làm thinh, một lúc sau mới ngập ngừng, nói tiếp:

– Tôi đã tưởng đi luôn rồi, hồi đó cách đây ba năm, nhưng rồi tôi lại trở về. Nhà tôi muốn vậy. Nhà tôi sinh trưởng nơi đây, ông biết chứ.

– Vậy ư?

Chàng lại làm thinh; rồi đánh bạo phê bình một câu về Robert Louis Stevenson. Chàng hỏi tôi có lên coi Vailima không? Rõ ràng là chàng gắng sức lấy lòng tôi, vì lẽ gì thì tôi không hiểu. Mới đầu chàng nói về các tác phẩm của Stevenson rồi câu chuyện chuyển qua Luân Đôn.

– Convent Garden vẫn rực rỡ phải không? Tôi nhớ kịch trường quá. Ông đã nghe tuồng *Tristan và Yseult* chưa?

Chàng hỏi tôi câu đó như cho nó là một câu thực quan trọng đối với mình. Và khi tôi lơ đãng đáp thì chàng có vẻ sung sướng. Rồi chàng nói về Wagner, không phải với tư cách một nhạc sĩ lão luyện, mà là tư cách một tài tử thích nhạc của Wagner, cảm được chứ không phân tích được.

Chàng kết luận:

– Tôi nghĩ đáng lý ra phải đi Bayreuth. Khốn nỗi tôi không đủ tiền. Có thể rằng không bằng Covent Garden

với tất cả những ánh sáng đó, những phụ nữ trang điểm lòe loẹt và thứ nhạc đó đâu. Màn nhất của vở *Walkyrie* hay đấy nhỉ? Và đoạn cuối vở *Tristan* nữa?

Bây giờ thì mắt chàng sáng lên; mặt tươi tỉnh cơ hồ không nhận ra được nữa. Má hóp của chàng hồng lên, và tôi không để ý đến cái giọng khàn khàn của chàng nữa. Con người của chàng lúc đó như có chút duyên.

– Trời ơi! Tối nay mà được ở Luân Đôn thì thích biết mấy! Ông biết khách sạn Pall Mall không? Hồi xưa tôi thường lại đó. Rồi Piccadilly với những tiệm rực rỡ ở chung quanh và đám đông nữa! Đứng ở đó mà ngó những lớp sóng xe buýt và xe tắc xi qua lại không ngớt, thú biết mấy. Tôi cũng yêu đường Bờ Sông nữa. Những câu thơ nói về Chúa và Charing Cross ra sao nhỉ?

Tôi kinh ngạc:

– Phải ông muốn nói về những câu thơ của Thompson không?

Tôi đọc những vần thơ đó lên:

"Và khi nào anh sầu, đến tột độ của cái sầu,
Thì anh khóc đi, và ở trên cái số mạng khốn khổ của anh.
Anh sẽ thấy chiếc thang rực rỡ của Jacob
Từ trên trời hạ xuống Charing".

Chàng thở dài:

– Tôi đã đọc bài *Thám tử của Trời*. Bài đó hay.

Tôi lẩm bẩm:

– Người ta thường khen như vậy.

– Ở đây ông không gặp được một người nào gọi là có đọc lấy một chút gì. Họ cho đọc sách là làm bộ làm tịch.

Mặt chàng tỏ vẻ hối tiếc và tôi tưởng chừng đoán được tại sao chàng muốn gần tôi. Tôi là dây liên lạc nối chàng với cái thế giới mà chàng thiếu thốn đó, với cái đời sống mà chàng không khi nào còn được biết đó nữa. Chàng sống mà chàng không khi nào còn được biết đến nữa. Chàng ngó tôi vừa kính mộ vừa thèm thuồng: thì mới đây, tôi còn sống ở Luân Đôn, trong cái đô thành chàng yêu quí…

Im lặng được vài phút rồi thì Lawson thốt lên kịch liệt:

– Tôi không chịu được nữa rồi, không chịu được nữa rồi.

Tôi hỏi:

– Thế sao ông không đi?

Mặt chàng sầm lại:

– Phổi tôi hơi nhám. Tôi không chịu nổi một mùa đông ở bên Anh nữa.

Lúc đó một người lại gần chúng tôi, Lawson hóa ra lầm lì dữ tợn.

Người mới tới đó bảo:

– Tới giờ uống khai vị rồi. Ai muốn tu huýt-ki với tôi không nào? Lawson, tu không?

Lawson như ở một thế giới xa xăm nào trở về. Chàng đứng dậy, bảo:

– Chúng mình xuống quầy đi.

Khi chàng đi rồi, tôi thấy có thiện cảm với chàng mà không ngờ. Tôi đâm ra nghĩ ngợi về chàng.

Ít bữa sau tôi gặp người vợ. Tôi biết rằng chàng cưới vợ năm, sáu năm trước; và tôi ngạc nhiên thấy người vợ trẻ quá. Hồi cưới, không biết nàng có được mười sáu tuổi không. Nhỏ tròn trĩnh, nước da bánh mật, chân tay nhỏ nhắn, thân hình mảnh khảnh uyển chuyển, nàng đẹp lạ. Nét mặt đã thanh nhã mà cổ tay cổ chân còn làm cho tôi để ý tới hơn. Bọn người lai thường có vẻ quê mùa, thô kệch, nặng nề. Nhưng ai cũng ngạc nhiên khi thấy cái yểu điệu kiều diễm của cô Lawson. Nàng có những nét thanh tú cực kì, làm cho người ta lấy làm lạ sao ở cái chốn này mà có được nhan sắc như vậy, rồi nghĩ tới những mĩ nhân nổi danh khắp thế giới, rực rỡ ở triều vua Nã Phá Luân đệ tam. Nàng chỉ bận chiếc áo thường vải mỏng và đội một chiếc nón rơm, nhưng có cái vẻ bình dị của một thiếu nữ ăn bận hợp thời trang. Khi Lawson mới gặp nàng, chắc nàng đẹp mê hồn.

*

Hồi đó chàng mới ở Anh qua để làm giám đốc chi nhánh một ngân hàng ở Apia, và đầu mùa nắng chàng tới đảo Samoa, mướn phòng ở khách sạn. Chẳng bao lâu chàng quen hết mọi người. Đời sống ở đảo dễ chịu và dễ

dàng. Chàng thích ngồi chuyện phiếm hằng giờ ở trong phòng lớn của khách sạn và thích dự những cuộc hội họp vui vẻ buổi tối tại câu lạc bộ Anh. Chàng yêu tỉnh lị Apia; rải rác trên bờ vũng nào là cửa tiệm, biệt thự, nào là chòi của thổ dân. Những khi nghỉ cuối tuần, chàng lại chơi một chủ đồn điền nào đó để ở lại vài đêm ở trên đồi. Trước kia chàng đâu có được tự do, thong thả. Mặt trời làm cho chàng say sưa. Và khi chàng cưỡi ngựa đi chơi trong rừng, chàng mê man vì có biết bao cảnh đẹp. Rừng có chỗ còn hoang, cây lạ, và nho mọc um tùm, hỗn tạp, tiết ra một cảm giác bí mật mê li.

Nhưng nơi chàng thích nhất là một cái đầm cách Apia một hai cây số. Chiều chiều chàng thường lại đó tắm.

Một dòng sông nhỏ, nước chảy mạnh, sủi bọt trên những hòn đá; rồi, sau khi tỏa thành một làn nước sâu, nó thoát ra, nhẹ nhàng và trong suốt, vượt chỗ cạn lội qua được, có nhiều phiến đá lớn mà thổ dân thỉnh thoảng lại giặt dịa hoặc lặn hụp. Những cây dừa thanh lịch phù phiếm chằng chịt các dây leo, chen chúc nhau trên bờ và soi hình trên làn nước xanh. Y như cảnh đồi ở Devonshire, mà được cái rực rỡ của miền nhiệt đới tô điểm, lại nhiễm cái ẻo lả khoái lạc và thơm tho nó làm mê lòng người. Nước mát mà không lạnh; sau cơn nắng ban ngày, lại đó mà ngâm mình thì tuyệt; khoan khoái cả thể chất lẫn tâm hồn.

Vào cái giờ mà Lawson lại thì cảnh vắng người. Lúc thì bập bềnh trên mặt nước, lúc thì nằm dài cho ánh tà

vuốt ve, chàng mê man hưởng cái thú của sự cô liêu và sự tĩnh mịch âu yếm. Những khi đó, chàng không tiếc Luân Đôn, không tiếc những cái mà chàng xa cách; chàng thấy đời cực thú vị và đầy đủ.

Tại đó chàng gặp Ethel lần đầu.

Một hôm, mắc lo xong giấy tờ để hôm sau kịp gởi chuyến tàu cứ một tháng mới chạy có một chuyến, chàng ra về rất trễ và tới đầm vào lúc hoàng hôn. Chàng cột con ngựa rồi thơ thẩn trên bờ. Một thiếu nữ đã ngồi ở đó rồi. Khi thấy Lawson lại gần,nàng quay đi, lặng lẽ trườn xuống nước, rồi mất dạng như một nữ thủy thần thấy người phàm mà hoảng hốt. Ngạc nhiên và vui vui, chàng tự hỏi nàng trốn ở đâu, rồi lội xuôi dòng, lát sau chàng thấy nàng ngồi trên một mỏm đá. Nàng ngó chàng chăm chú mà không có vẻ tò mò. Chàng chào bằng tiếng bản xứ:

– Talofa.

Nàng mỉm cười đáp rồi lại xuống nước. Nàng lội khoan thai, tự nhiên, làn tóc xõa ở phía sau. Chàng nhìn nàng lội qua cái đầm rồi leo lên bờ. Như tất cả những phụ nữ bản xứ, nàng quấn khăn choàng mà tắm, và chiếc khăn ướt, dán vào người, làm nổi bật thân hình yểu điệu của nàng. Nàng quấn lại tóc. Trông nàng đứng, thản nhiên như vậy, người ta phải liên tưởng tới những nữ thần của rừng, của suối. Lúc đó chàng mới nhận ra rằng nàng lai; chàng lên bờ, tiến lại phía nàng, nói bằng tiếng Anh:

– Cô tắm trễ quá nhỉ.

Nàng hất tóc ra phía sau, cho nó xòa trên vai thành từng mớ quăn, dày rồi đáp:

– Em thích tắm lúc vắng người.

– Tôi cũng vậy.

Nàng thành thực, ngây thơ cười, quấn một chiếc khăn choàng vào và để thả chiếc ướt xuống chân. Sau khi vắt nước chiếc này rồi, nàng sẵn sàng để về. Nàng ngập ngừng một chút rồi thờ ơ đi. Đêm tối thình lình đổ xuống.

Lawson trở về khách sạn. Chàng hỏi thăm những người đương đánh xúc xắc ăn thua bằng rượu ở trong phòng lớn, và chàng biết ngay về gia đình nàng. Thân phụ nàng là một người Na Uy tên là Brevald, thường lại khách sạn uống nước pha chanh và rượu rum. Làm phó thuyền trưởng một chiếc thuyền buồm, ông ta tới quần đảo này bốn chục năm trước. Ông già nhỏ người, xương mấu như một thân cây cằn đó, đã làm thợ rèn, rồi chủ tiệm buôn, chủ đồn điền. Sau một thời tương đối phong lưu, ông ta bị phá sản vì cơn bão năm 1880, bây giờ chỉ còn lại mỗi một vườn dừa nhỏ. Có tới bốn người vợ bản xứ, còn hỏi về con thì ông ta mỉm cười đáp rằng nhiều quá, đếm không xuể. Đứa thì chết, đứa thì phiêu bạt khắp thế giới; bây giờ chỉ còn có cô Ethel ở với ông ta thôi.

Nelson làm mại biện cho chiếc tàu Moana, bảo:

– Cô em đẹp mê đi. Một hai lần tôi đã liếc tình, mà coi bộ không nước non gì cả.

Một người trong bọn, tên là Miller, nói tiếp:

– Lão Brevald đâu có ngu, con. Lão muốn kiếm một chàng rể có thể nuôi lão một cách phong lưu cho tới khi lão xuống hố mà.

Thấy họ nói năng cái giọng đó về thiếu nữ, Lawson không thích. Để kéo câu chuyện qua phía khác, chàng nói lảng về chuyến tàu sắp đi.

Hôm sau chàng trở lại đầm. Ethel đã có đó rồi. Vào cái giờ kín đáo này, sự tĩnh mịch của nước thăm thẳm hơn mà cái vẻ đẹp của nàng, dưới những gốc dừa mềm mại thanh nhã, như hòa hợp với vẻ bí mật của cảnh. Một vẻ đẹp thần ảo làm cho lòng chàng xao xuyến một cảm xúc kì dị. Lần này chàng bỗng nảy ra ý là không nói năng gì hết. Nàng chẳng để ý gì tới chàng cả. Không buồn ngó về phía chàng, nàng thản nhiên lội chung quanh cái đầm xanh. Nàng hết hụp lặn rồi lại lên ngồi trên bờ, như chung quanh không có người. Chàng có cảm tưởng lạ lùng rằng mình là vật vô hình. Những đoạn thơ đã quên mất một nửa hiện lên trong óc chàng, những đoạn văn về xứ Hi Lạp mà hồi ở trường chàng đã học qua loa. Khi quấn chiếc khăn choàng khô rồi nàng lạnh lùng đi về, thì chàng thấy ở chỗ nàng mới đứng một bông bụt đỏ. Bông đó dùng để trang sức mớ tóc, nàng đã gỡ ra khi lội xuống nước, rồi quên đi, bỏ đi, không thèm kiếm nữa. Chàng cầm bông lên ngó, lòng xao xuyến lạ. Mới đầu chàng định giữ làm kỉ niệm, nhưng sau nghĩ cái thói đa cảm đó con nít quá, chàng liệng đóa hoa mà lòng hơi thắt lại khi thấy nó biến mất trong dòng nước.

Có bản năng thầm kín nào xui Ethel lại đầm vào cái giờ luôn luôn vắng người này? Dân trên đảo thích nước một cách cuồng nhiệt. Hễ có cơ hội là họ hụp, lặn. Nhưng bao giờ họ cũng đi từng đám vui vẻ, từng gia đình một. Thỉnh thoảng một nhóm thiếu nữ bản xứ và lai vùng vẫy bên những phiến đá ở thác. Ánh nắng mặt trời chiếu qua cành lá, lên thân thể họ thành những vết sáng loáng, như đá hoa. Cơ hồ như cái đầm đó có sức mê hoặc Ethel mà nàng không sao chống lại nổi.

Lawson để cho dòng nước đưa đi, chỉ uể oải bơi sải vài cái, mà hưởng cái thú mê hồn và cái tĩnh mịch của đêm tối trong miền nhiệt đới này. Nước như còn phảng phất hương thơm trên thân thể mảnh mai của thiếu nữ.

Một lúc sau, dưới vòm trời đầy sao, khi chàng cưỡi ngựa về châu thành thì chàng thấy vui vẻ với mọi người.

Chiều nào chàng cũng trở lại đầm và lần nào cũng gặp Ethel. Ít lâu sau, chàng làm cho nàng quen quen, hết e lệ. Nàng hóa ra vui vẻ, rồi thân mật. Họ cùng ngồi lên những mỏm đá ở phía trên đầm, chỗ mà nước chảy mạnh, rồi hai người sánh vai nhau, cúi xuống nhìn khoảng trống ở dưới, nhìn cái bí mật của hoàng hôn trải trên cảnh vật.

Không làm sao tránh được những lời đồn bậy. Trong miền Nam Hải này, ai cũng biết rõ chuyện của người khác, và ở khách sạn, người ta hùa nhau những lời chế giễu chàng. Chàng mỉm cười mặc kệ. Cãi làm gì kia chứ? Cảm tình của chàng trong sạch. Chàng yêu Ethel như một thi sĩ mê một vì tinh tú vậy. Chàng nghĩ tới nàng, không

phải như nghĩ tới một người đàn bà mà như nghĩ tới một vật vô hình: nàng là linh hồn của cái đầm.

Một hôm đi ngang qua quầy khách sạn, chàng thấy ông già Brevald, bận chiếc áo ba-đờ-suy xanh dương đã sờn mà không lúc nào lão rời ra. Chàng nảy ra ý muốn bắt chuyện với thân phụ của Ethel. Kêu người bồi rồi chàng quay lại mời lão uống rượu với mình. Trong vài phút, họ nói chuyện về tin tức trong đảo. Lawson thấy cặp mắt gian xảo của lão phân tích mình tỉ mỉ mà khó chịu. Cử chỉ của lão không dễ thương chút nào cả. Số kiếp long đong đã làm cho lão hóa mềm mỏng, và trong cái đê tiện của lão còn những dấu vết tàn ác. Lawson nhớ ra rằng Brevald xưa kia chỉ huy một chiếc tàu buôn mọi, một "con quạ" như người ta thường gọi ở Thái Bình Dương. Hồi đó, chiến đấu với thổ dân quần đảo Salomon, lão bị thương và do đó bị bệnh sán khí tới bây giờ vẫn chưa hết. Chuông đổ báo giờ bữa trưa.

Lawson bảo:

– Thôi để khi khác.

Brevald giọng khàn khàn vì bệnh suyễn, ngỏ lời mời:

– Hôm nào ông lại chơi tôi. Nhà không sang trọng gì, nhưng ông sẽ được tiếp đón niềm nở. Ông quen cháu Ethel rồi mà.

– Tôi sẽ tới, còn gì vui bằng.

– Tiện nhất là chiều chủ nhật.

Tầm thường mà đã cũ nát, ngôi nhà của Brevald cất

trong một vườn dừa, hơi xa đường đại lộ đưa lên Vailima. Chung quanh là những bụi chuối lớn. Những tàu chuối tả tơi có một vẻ đẹp não lòng như những mỹ nhân bận đồ rách. Cái gì cũng bừa bãi, dơ dáy. Những con heo con, đen, cẳng cao, ủi ở chung quanh: những con gà mái cục cục, bươi trong những đống rác rải rắc đây đó. Khi Lawson hỏi: "Ông Brevald có nhà không?" thì giọng khàn khàn, lão gọi chàng vô phòng khách; chàng thấy lão đương hút một ống điếu bằng gỗ, nhựa thuốc đã đóng đen cả.

Brevald bảo:

– Ông cứ tự nhiên. Đúng vào lúc Ethel đương trang điểm.

Nàng bước vô. Bận một cái củng và một chiếc áo ngoài, tóc chải như đàn bà Âu. Nàng không còn cái vẻ đẹp e lệ, man rợ của thiếu nữ chàng gặp ở đầm nữa. Nàng chìa tay cho Lawson bắt. Lần đó là lần đầu chàng chạm vào ngón tay nàng.

Nàng hỏi:

– Em pha trà ông xơi nhé?

Lawson biết rằng có học ở trường bà Phước: những vẻ xã giao lịch sự của nàng để tiếp chàng như tiếp một khách quí, làm cho chàng vừa thấy ngồ ngộ vừa cảm động. Bữa quà chiều đã dọn trên bàn và người vợ thứ tư của Brevald đem bình trà ra. Một người đàn bà bản xứ có duyên, xuân đã gần tàn. Mụ biết nhiều lắm là dăm ba tiếng Anh, nên chỉ mỉm cười, mỉm cười hoài. Bánh phết mứt, và bánh ngọt chất lên có ngọn, thành thử bữa trà có vẻ trang trọng,

mà câu chuyện có tính cách lễ nghi. Sau cùng một bà già nhăn nheo len lén bước vào.

Lão Brevald khạc mạnh xuống đất, bảo:

– Bà ngoại cháu Ethel.

Mụ già vụng về ngồi né vào mép ghế; người ta thấy ngay rằng mụ không quen ngồi ghế mà thích ngồi dưới đất hơn. Dưới bếp, ở phía sau ngôi nhà, có người chơi phong cầm và hai ba giọng ca lên một khúc thánh ca để cho vui hơn là để tỏ lòng mộ đạo.

Khi trở về khách sạn, Lawson sung sướng lạ. Cái lối sống lộn xộn của bọn người đó làm cho chàng cảm động. Nụ cười nhân từ của mụ Brevald, cuộc đời mạo hiểm của ông già Na Uy, cặp mắt bí mật của bà ngoại Ethel, tất cả những cái trò đó có vẻ mới mẻ, quyến rũ chàng. Chưa bao giờ chàng thấy một lối sống tự nhiên như vậy, một lối sống gần với đất phì nhiêu và hiền hậu. Chàng ghê tởm văn minh. Tiếp xúc với những người chất phác đó, chàng được thưởng cái thú độc lập hơn.

Chán đời sống ở khách sạn, chàng dọn lại một biệt thự xinh xắn quét vôi trắng, ở trước mặt biển, để luôn luôn ngắm cái vũng mà cảnh sắc rất thay đổi. Chàng đã mê hòn đảo tuyệt đẹp đó rồi, quên hình ảnh Luân Đôn và nước Anh rồi. Chàng muốn được chết ở nơi xa xôi này, để hưởng đủ những cái quí nhất ở đời: hạnh phúc và ái tình. Không có gì ngăn chàng cưới Ethel cả.

*

Mà chàng muốn gì được nấy. Lão Brevald khúm núm, mụ vợ luôn luôn mỉm cười, cả hai lúc nào cũng niềm nở tiếp đón chàng. Thỉnh thoảng có những người bản xứ ra vô gần như người trong nhà. Một hôm chàng thấy một gã cao lớn ngồi bên cạnh lão Brevald, bận chiếc lava-lava(1), mình xăm, tóc nhúng nước vôi cho lợt màu. Hỏi ra thì là cháu của mụ Brevald. Nhưng thường thường bọn thổ dân đứng ne né ở xa.

Ethel đối với chàng rất dễ thương. Hễ thấy chàng là mắt nàng sáng ngời lên; chàng thích mê đi. Nàng dịu dàng mà ngây thơ. Chàng khoan khoái nghe nàng kể về trường áo trắng và các bà Phước. Chàng dắt nàng đi coi hát bóng nửa tháng mới có một kì, và vãn tuồng, có cuộc khiêu vũ thì chàng nhảy với nàng. Ở Upolu rất ít có cuộc vui, cho nên ngày đó, từ những nơi xa xôi nhất ở đảo, người ta đều về Apia. Tất cả cái xã hội trong đảo tụ hợp lại: phụ nữ da trắng thì giữ ý ra mặt, không muốn mang tiếng với bọn da đen; phụ nữ lai thì rất mỹ miều, ăn bận như đàn bà Mĩ; rồi tới dân bản xứ họp nhau từng đoàn gái và trai da ngăm ngăm, gái thì bận khăn choàng màu nhạt, còn trai thì bận đồ tây, đi giày trắng. Ethel thích khoe với bạn bè rằng có một người Âu bị mình chinh phục, đi đâu cũng theo mình như hình với bóng. Chẳng bao lâu có tiếng đồn rằng chàng muốn cưới nàng. Bạn bè cô ả thèm thuồng ngó nàng. Một thiếu nữ lai mà cưới được một người chồng

(1) Như chiếc xà rông của người Miên.

da trắng là một sự may mắn không ngờ. Nhiều ả không biết làm cách nào khác, chịu đi lại lén lút mà cũng mãn nguyện. Nhưng ai biết được việc đời sẽ ra sao?

Lawson, giám đốc một ngân hàng, là một trong những đám bở nhất trên đảo. Nếu bớt mê Ethel thì chàng đã nhận thấy rằng nhiều người để ý đến mình, và các phụ nữ da trắng thường ngó chàng rồi tụm đầu lại, vui vẻ nói nhảm nhí với nhau.

Cuối buổi khiêu vũ, khách khứa nhà hàng Metropole còn uống một chầu huýt-ky nữa. Nelson la:

– Này, có tin đồn Lawson sắp cưới ả đó.

Miller đáp:

– Nếu vậy thì hắn là thằng chí ngu rồi.

Anh chàng Mĩ gốc Đức đó - trước kia tên hắn là Muller - to lớn, mập và hói, mặt tròn và nhẵn nhụi. Đeo cặp kính lớn gọng vàng, có vẻ giả dối lắm. Y phục rất bảnh. Uống nhiều, luôn luôn sẵn sàng truy hoan cùng "bạn trai với nhau", nhưng hắn không bao giờ say. Hòa nhã, vui tính nhưng rất quỷ quyệt: lo làm ăn trước hết. Hắn đại lý cho một nhà buôn ở San Francisco, đầu cơ về các hàng hóa bán trên các đảo: vải, máy móc v.v… Nhờ tánh ân cần, niềm nở mà hắn đẩy được những hàng xấu.

Nelson bảo:

– Hắn không biết là nguy cho hắn. Phải có người nào mở mắt cho hắn mới được.

Miller khuyên:

– Tôi can anh, anh lo việc của anh đi. Khi một kẻ nào đã định làm bậy, thì xin đừng đụng tới, thiêng liêng đấy.

– Vui bậy với các ả ở đây thì nên lắm, còn như cưới họ thì ai lại ngu đến nước đó!

Chaplin ngồi nghe. Lão nói chen vô:

– Tôi đã thấy nhiều gã mạo hiểm; mà không bao giờ thành công.

Nelson bảo:

– Ông nên khuyên hắn. Không ai biết hắn nhiều bằng ông.

Miller cãi:

– Ông Chaplin cũng đừng nên dự vào.

Hồi đó, Lawson đã không được lòng nhiều người nữa rồi và thực ra chẳng ai nghĩ tới chàng, lo về tương lai của chàng. Mụ Chaplin cũng có nói với hai ba bà khác nhưng họ chỉ tiếc giùm cho Lawson thôi.

Khi chàng báo tin mừng thì trễ quá, còn can thiệp gì được nữa.

Lawson sung sướng được một năm. Chàng lựa ở đầu làng, trên bờ vịnh, một biệt thự khuất dưới bóng dừa và nhìn ra mặt nước xanh chói lọi của Thái Bình Dương. Ethel đi đi lại lại trong ngôi nhà, yểu điệu, mềm mại như một con vật nhỏ trong rừng; nàng vui vẻ và khả ái. Cái gì cũng làm cho cặp vợ chồng trẻ đó cười được. Thỉnh thoảng những khách du lịch ở khách sạn lại nhà chơi buổi tối. Chủ nhật họ đi thăm bọn thực dân có vợ bản xứ. Lâu

lâu một con buôn ở Apia làm tiệc và mời họ. Bây giờ bọn lai đối đãi với Lawson khác hẳn trước. Cùng với nhau rồi, họ gọi chàng một cách thân mật là Bertie, khoát tay chàng và vỗ đôm đốp vào lưng chàng. Lawson thích thấy vợ vui vẻ, mắt long lanh, dự những cuộc hội họp đó. Hạnh phúc hoàn toàn, chàng tự thấy sướng quá. Bà con của Ethel lại nhà chơi, tất nhiên có ông già bà già, nhưng cũng có thêm bọn anh em họ hàng, những người đàn bà bản xứ bận khăn choàng, những người đàn ông và trẻ con quấn lava-lava, tóc nhuộm đỏ, mình xăm không chừa một chỗ. Lawson ở ngân hàng về thấy họ ngồi trong nhà, bảo vợ:

– Đừng để họ nuốt sống mình chứ.

– Bà con của em. Họ đòi tới thăm, không tiếp họ sao được.

Chàng biết rằng khi một người da trắng mà cưới một người thổ dân hoặc lai thì thế nào cũng bị gia đình bên vợ coi mình như cái mỏ để đào. Chàng ôm lấy mặt Ethel rồi hôn cặp môi đỏ của nàng. Làm sao có thể giảng cho nàng hiểu được rằng lương chàng dư dật cho người độc thân, nhưng phải chắt bóp thì mới đủ cho một gia đình có vợ, con?

Ethel sanh một đứa con trai.

Lần thứ nhất Lawson bồng đứa bé trên tay, lòng chàng bỗng thắt lại, lo lắng. Không ngờ nước da nó lại đậm thế. Thực ra, đứa nhỏ, trắng đến ba phần tư, có thể coi là một em bé Anh được; nhưng nước da vàng vàng nó nằm gọn trong tay người cha, đầu đã rậm những tóc đen, mắt cũng

đen và quá lớn, giống hệt một đứa bé bản xứ.

Bọn phụ nữ da trắng không giao thiệp với Lawson nữa từ khi chàng cưới vợ. Khi chàng gặp những bạn giao du từ cái hồi còn độc thân, thì cái bọn này khó chịu, tỏ vẻ quá niềm nở để giấu sự lúng túng của họ.

– Chị có mạnh không? Anh thật là có phước. Chị ấy dễ thương quá.

Nhưng bọn đó nếu đi với các bà mà gặp chàng và Ethel thì các bà ấy chào một cách trịch thượng, làm cho các ông chồng phát ngượng. Lawson giễu họ:

– Cái bọn đó, chán như cơm nếp, không dự những cuộc hội họp thảm hại của họ buổi tối thì chỉ càng dễ ngủ thôi.

Nhưng rồi chàng bắt đầu thấy mình như bị đày.

Thằng bé da đen lắc lư cái đầu. Nó là con của chàng. Chàng nghĩ tới những đứa trẻ lai ở Apia. Ốm nhom, vàng vọt, xanh xao, chúng có vẻ tinh khôn sớm quá, đáng ngại. Lawson đã để ý chúng trên tàu, khi chúng lại học ở một trường tại Nouvelle Zélande, một trường nhận những trẻ lai. Vừa trơ tráo, vừa nhút nhát, chúng đứng nép vào nhau. Vẻ mặt của chúng đã khác hẳn vẻ mặt những trẻ da trắng. Chúng nói léo xéo với nhau bằng tiếng bản xứ, thành thử chúng đứng riêng, không nhập bọn trẻ con da trắng. Lớn lên, chúng phải nhận những số lương thấp. Con gái thì còn có thể cưới một người da trắng được, còn con trai thì vô hy vọng: hoặc là cưới một thiếu nữ lai như chúng,

hoặc là cưới một thiếu nữ bản xứ, Lawson quyết chí gắng sức tránh cho con cái nhục một đời sống như vậy. Thế nào cũng phải về châu Âu.

Nhìn Ethel ẻo lả, yêu kiều nằm trong giường, chung quanh là những phụ nữ bản xứ, chàng nhất định rồi. Về ở giữa gia đình của chàng, nàng mới thật là hoàn toàn của chàng. Trong lúc say đắm, chàng mơ mộng một sự hòa hợp hoàn toàn của hai linh hồn và thể xác, và chàng cảm thấy rằng ở đây, vì những liên lạc mật thiết nó buộc nàng vào đời sống bản xứ, luôn luôn chàng bị mất mát một cái gì của nàng mà thuộc về chàng. Bản năng thúc chàng hoạt động ngầm. Chàng viết thư cho một người anh họ, giám đốc một công ti hàng hải ở Aberdeen. Cũng như vô số người khác, chàng bảo rằng vì sức khỏe nên phải tới đảo làm ăn, nhưng nay đã mạnh thì không lý gì lại không về xứ. Chàng nhờ ông anh hết sức vận động kiếm cho chàng một chỗ làm ở Deeside dù lương ít cũng được, vì nơi đó khí hậu hợp với phổi yếu của chàng. Từ Aberdeen tới Samoa, thư từ mất năm sáu tuần và phải trao đổi nhiều bức. Chàng có thì giờ để dụ Ethel. Nàng vui như một em bé, khoe với bạn bè là sắp về Anh làm cho Lawson cũng thích. Nàng tưởng sẽ được thăng một bực trên cái thang giai cấp; ở Anh, nàng sẽ hoàn toàn thành một thiếu phụ Anh. Với lại nàng muốn biết cuộc hành trình ra sao, cho nên ham lắm.

Sau cùng nhận được tin. Người ta đề nghị với Lawson một chỗ làm trong ngân hàng ở Kincardineshire, một tỉnh nhỏ của Tô Cách Lan, Ethel mừng rơn.

Sau cả tháng lênh đênh trên biển họ tới tỉnh đó mà nhà cửa phần nhiều bằng đá hoa cương. Lawson sung sướng. Nhớ lại ba năm ở Apia - thời biệt xứ - chàng thấy vui vẻ như được giải thoát, trở về đời sống bình thường. Chỉ có đời sống ở đây mới thực là bình thường. Chàng lại vô những hội dã cầu, lại vui chơi, nhất là lại được hưởng cái thú thể thao đi câu cá: ở Thái Bình Dương, chỉ thả cần xuống là thế nào cũng kéo lên được một con cá lớn cho nên mau chán lắm. Lại được đọc tin tức hằng ngày trên báo, gặp những đồng bào cùng giới với mình, lại có uống sữa đặc nữa. Lawson và Ethel quấn quít nhau nhiều hơn ở Samoa và chàng vui thích thấy vợ hoàn toàn là của mình. Sau hai năm sống chung, bây giờ chàng yêu vợ hơn bao giờ nữa, vắng nàng chàng không chịu được và chàng thấy cái nhu cầu hòa hợp thân mật với nhau tăng lên. Nhưng lạ thay, sau sự kích thích hồi mới tới, nàng lần lần không ưa cuộc sống mới này như chàng tưởng. Nàng như bị một trạng thái hôn thụy xâm chiếm. Khi mùa thu đẹp đẽ đã chìm trong cảnh đông, nàng phàn nàn tiết trời lạnh quá. Nàng nằm ở giường hết nửa buổi sáng rồi lại qua nằm chiếc đi-văng đọc tiểu thuyết, hoặc nhiều khi chẳng làm gì cả, cho tới hết ngày. Nét mặt có vẻ lo buồn.

Chàng bảo:

– Em đừng ngại. Rồi sẽ quen ngay với thời tiết. Đợi mùa hè tới. Lúc đó đôi khi nóng gần bằng ở Apia.

Đã lâu, chưa bao giờ chàng thấy khỏe mạnh như bây giờ.

Ở Samoa, Ethel biếng nhác việc nhà thì chả sao, nhưng ở đây thì khác. Khách khứa tới chơi, Lawson không muốn rằng nhà mình có vẻ bừa bãi. Chàng vừa chọc vợ, vừa chịu khó lần lần làm thay nàng. Nàng ơ hờ nhìn chồng làm. Nàng ngồi hằng giờ đùa với đứa nhỏ, nói với nó như với những em bé ở quê hương nàng. Muốn cho vợ khuây khỏa, chàng chịu khó kết thân với các người hàng xóm và người ta mời hai vợ chồng lại dự những cuộc họp nhỏ buổi tối. Các bà hát các điệu tình ca trong khi các ông lạnh lùng, chất phác ngồi nghe. Ethel e lệ ngồi xa xa. Đôi khi, Lawson bỗng nhiên hóa lo, hỏi vợ có sung sướng không.

Nàng đáp:

– Có, sung sướng lắm.

Nhưng có ý nghĩ bí mật gì làm mờ cặp mắt nàng. Nàng trầm ngâm, không cởi mở, và chàng có cảm tưởng cũng không hiểu gì nàng hơn cái buổi gặp nhau lần đầu tiên ở bờ đầm. Thấy người vợ yêu quí như giấu giếm mình cái gì, chàng rất đau khổ.

Chàng hỏi:

– Em không tiếc Apia chứ

– Dạ không. Ở đây thích lắm.

Chàng ngờ vực rồi đâm ra chê bai các đảo đó và dân bản xứ. Ethel chỉ cười mà không đáp. Họa hoằn lắm nàng mới nhận được một bó thư từ Samoa, những khi đó nàng thơ thẩn một hai ngày, mặt nhợt nhạt và lầm lì.

Một hôm chàng bảo:

– Không khi nào anh chịu trở về đó nữa. Một người da trắng không thể sống ở đó được.

Nhưng chàng đoán rằng trong lúc vắng mặt mình Ethel thỉnh thoảng đã khóc. Ở Apia nàng liến thoắng chuyện trò về mọi chi tiết trong đời sống của hai vợ chồng và về những tin tức đôi mách trong miền; bây giờ mỗi ngày nàng càng ít nói và mặc dầu Lawson gắng sức làm cho vợ vui mà nàng vẫn thản nhiên. Hình như những hồi ức của nàng kéo nàng xa chàng đi. Chàng đâm ghen đến phát giận: ghen mặt biển, ghen hòn đảo, ghen lão Brevald và tất cả cái bọn da đen đó mà bây giờ nghĩ tới, chàng đã ghê tởm. Giọng chàng hóa chua chát, nhạo báng, khi Ethel nhắc lại kỉ niệm ở Samoa.

Một buổi chiều cuối xuân, cây bu-lô tưng bừng đâm búp, đi chơi dã cầu về, chàng thấy vợ không nằm dài trên chiếc đi-văng như thường ngày mà lại đứng ở cửa sổ. Nàng rình lúc chồng về; khi chàng vô, nàng nói ngay bằng thổ ngữ Samoa, làm cho Lawson ngạc nhiên.

– Em không chịu được nữa rồi; em không ở đây được nữa. Em ghét tất cả những cái này. Ghét lắm.

Chàng đỗ quạu, bảo:

– Trời đất! Sao không dùng ngôn ngữ của người văn minh mà nói?

Nàng tiến lại phía chồng, vụng về ghì chặt chồng, cử động gần như man rợ.

– Chúng ta đi đi. Về Samoa đi. Nếu anh bắt em ở lại

đây thì em chết mất. Em muốn về nhà của em.

Chàng bỗng hết giận liền; nàng khóc nức nở.

Chàng cũng bình tĩnh lại, kéo nàng lại ngồi vào lòng mình rồi giảng giải rằng không thể bỏ chỗ làm được, dù sao cũng phải kiếm ăn chứ! Công việc ở Apia đã về người khác từ lâu rồi không trở lại đó được nữa. Chàng rán vạch những bất tiện của đời sống trên đảo, những tủi nhục mà vợ chồng phải chịu và cái thân phận ti tiện của đứa con sau này.

Không có xứ nào mà sự giáo dục được thuận tiện như ở Tô Cách Lan. Trường học có tiếng mà học phí không đắt; con chúng mình sẽ vô trường đại học Aberdeen. Anh sẽ đào tạo nó thành một người Tô Cách Lan chính cống.

Họ đã đặt tên cho nó là André. Lawson muốn cho nó sau này học y khoa, cưới một người vợ da trắng.

Ethel gắt gỏng, cãi lại:

– Em không mắc cỡ rằng em lai.

– Tất nhiên rồi, cưng. Có gì mà mắc cỡ.

Má mịn của nàng áp vào má chàng, chàng thấy mình lúc đó nhu nhược lạ.

– Em không biết rằng anh yêu em đến bực nào. Làm sao thổ lộ được hết nỗi lòng của anh cho em nghe.

Chàng kiếm môi nàng để hôn.

Mùa hè vừa tới. Thung lũng ở miền Highlands xanh mướt và thơm tho. Cây thạch thảo lấp lánh trên những

ngọn đồi tươi đẹp. Trong cái khu kín đáo đó, những ngày rực rỡ nối tiếp nhau; bóng cây bu-lô làm dịu ánh nắng trên đường cái. Ethel không nhắc tới Samoa nữa và Lawson bớt lo. Chàng tin rằng nàng đã an phận, rằng mình yêu vợ như vậy thì vợ tất thỏa mãn, không còn muốn gì hơn.

Một hôm, một y sĩ gặp chàng ở ngoài đường, kêu lại, bảo:

– Này, ông Lawson, bà nhà nên có ý tứ một chút khi tắm trên suối.Ở đây đâu phải trên Thái Bình Dương, ông biết mà.

Trong lúc bất ngờ, chàng không đủ lanh trí để giấu giếm.

– Tôi không hay đấy.

Bác sĩ mỉm cười:

– Nhiều người trông thấy và thiên hạ xì xào với nhau. Sao mà khéo lựa cái đầm ở phía trên cầu. Người ta cấm tắm ở đó. Nhưng không hại gì lắm, mà nước lạnh như vậy làm sao bà ấy chịu nổi nhỉ?

Lawson biết cái đầm đó. Chàng bỗng nghĩ ra rằng nó giống một phần nào cái đầm ở Upolu, nơi mà xưa kia Ethel thường chiều chiều lại tắm.

Một dòng suối trong vui vẻ sủi bọt, len lỏi giữa những mỏm đá tỏa ra thành một cái đầm sâu phẳng lặng ở bên một bãi cát. Cây cối um tùm che mặt đầm, không phải là cây dừa mà là cây bulô; và tia nắng chiếu qua kẽ lá, nhí nhảnh múa trên mặt đầm lấp lánh như tấm gương. Chàng

bỗng đau lòng. Chàng tưởng tượng Ethel cởi quần áo trên bờ, rồi trườn xuống làn nước lạnh, lạnh hơn nước đầm ở xứ nàng, để được tiếp xúc trong một lúc với dĩ vãng. Một lần nữa, chàng thấy nàng như một nữ thần kì dị và man rợ của dòng suối, làn nước phiêu lưu như kêu gọi nàng.

Chiều hôm đó, Lawson len lén lại suối, đi trong đám cây, bước nhè nhẹ trên con đường mòn cỏ êm cho khỏi có tiếng động. Rồi chàng tới một chỗ nhìn thấy đầm. Yên lặng ngồi trên bờ, Ethel ngó ra phía trước, như bị nước quyến rũ, không chống lại nổi. Những tư tưởng bí mật đưa nàng tới đâu nhỉ? Sau cùng nàng đứng dậy, biến mất trong hai phút rồi trở lại, mình quấn chiếc khăn choàng, bàn chân nhỏ nhắn dẫm đất, nhẹ nhàng theo bờ rêu men đầm. Tới mí nước, nàng từ từ hụp xuống. Nàng khoan thai lội, cử động yểu điệu, huyền ảo. Tại sao Lawson lại cảm động như vậy? Chàng đợi cho nàng lên bờ. Nàng ngừng lại một lát, chiếc khăn choàng ướt dán vào người rỏ giọt xuống. Sau cùng nhè nhẹ đưa tay lên ngực, nàng thở dài khoan khoái rồi biến mất.

Lawson trở về làng, lòng thắt lại: Ethel đối với chàng vẫn xa lạ. Ái tình của chàng không bao giờ được thỏa mãn.

Chàng làm thinh, không nhắc chuyện đó, nhưng ngầm dò xét vợ để đoán tư tưởng thầm kín của nàng. Chàng càng âu yếm vợ gấp bội để rán làm cho cái tâm hồn bí mật đó bớt nhớ quê đi. Một hôm chàng ngạc nhiên không thấy vợ ở nhà, hỏi chị ở:

– Bà đâu?

Chị ở hơi ngạc nhiên đáp:

– Thưa ông, bà đi Aberdeen với cậu; bà bảo chuyến tàu cuối mới về.

– À!

Chàng chỉ giận rằng nàng đi mà không cho chàng hay chứ không lo ngại gì cả. Ít lâu nay chàng vui vẻ thấy nàng nhiều lần lại Aberdeen, chắc là nàng đi coi các cửa hàng và có lẽ đi coi hát bóng nữa, thôi thế cũng mừng. Chàng ra ga đón chuyến tàu chót; không thấy vợ, đâm hoảng. Chạy về phòng thì thấy ngay rằng quần áo của nàng đã biến mất. Ngăn kéo và tủ gần như rỗng: nàng đã trốn đi rồi.

Chàng giận điên lên. Đêm đã khuya không thể kêu điện thoại lại Aberdeen để hỏi thăm được. Với lại chàng biết dư rồi, còn điều tra làm gì nữa? Thực là mưu mô quỷ quyệt, nàng đã lựa đúng cái lúc chàng bận thanh toán sổ sách, không thể bỏ việc mà đi kiếm vợ được. Một tờ báo đăng tin một chiếc tàu sẽ khởi hành đi Úc châu sáng hôm sau. Giờ này đây, chắc nàng sắp tới Luân Đôn. Chàng nức nở muốn nghẹn họng không nén được, rên rỉ:

– Vô ơn bạc nghĩa! Nhờ mình mới được vậy mà sao vô tình đến bực đó!

Sau hai ngày lo lắng, chàng nhận được một bức thư, y hệt như của nữ sinh. Ethel viết vốn khó khăn. Thư rằng:

"*Anh Bertie,*

Em không chịu nổi nữa đâu.

Em về nhà đây.
Chào anh".

Không có một lời ân hận. Cũng không mong mỏi chồng đi theo nữa. Chàng kinh hoảng. Chàng hỏi thăm bến thứ nhất tàu sẽ ghé là bến nào rồi đánh điện tín năn nỉ nàng trở về mặc dầu biết chắc rằng nàng không chịu. Rồi lo lắng, thảm hại, chàng chờ đợi, hy vọng nhận được một lời âu yếm: tuyệt vô âm tín. Chàng trải nhiều cơn khủng hoảng dữ dội. Đôi khi chàng mừng thầm đã thoát được cái nợ đó; nhưng ngay lúc sau chàng lại nghĩ cách không gởi tiền cho nàng nữa để nàng phải phục tùng mình. Chàng buồn rầu, thấy bị vợ bỏ lơ. Chàng muốn đòi lại con, đòi lại vợ. Mặc dầu đã gắng sức để tự dối mình mà chàng cũng phải nhận rằng chỉ có mỗi một cách là đi theo nàng thôi, không thể nào thiếu nàng được. Vì nóng nảy, bực tức, bao nhiêu dự định mong manh của chàng sụp đổ hết. Thôi thì hy sinh tương lai đi, cần gì; ngoài Ethel ra, ở đời không có gì đáng kể nữa. Đợi lúc bớt việc, chàng lại ngay Aberdeen, xin ông giám đốc ngân hàng cho từ chức liền. Ông bác đơn. Gấp như vậy, hại cho hãng. Nhưng Lawson không chịu nghe phải trái gì cả, vì đã quyết định chuyến tàu sau là đi. Khi xuống tàu rồi chàng mới bình tĩnh được một chút. Chàng đã bán hết đồ đạc, chung quanh ai cũng cho là điên. Việc cuối cùng của chàng ở Anh là đánh điện tín cho Ethel báo tin chàng tới Apia.

Tới Sydney chàng đánh thêm bức nữa và sau cùng khi hừng đông, tàu vô cửa biển Apia, chàng khoan khoái

lạ lùng, đứng nhìn những ngôi nhà trắng rải rác trên bờ vịnh. Bác sĩ và một nhân viên xuống xét tàu.

Cả hai đều là bạn cũ, gặp lại họ chàng thích lắm, uống với họ một hai ly để nhớ lại cái thời xưa và cũng để được bình tĩnh vì thần kinh chàng bị kích động kịch liệt. Ethel thấy chàng về, có sung sướng không? Ngồi chiếc tàu con để vô bờ, chàng lo lắng tìm tòi trong đám người đợi ở bờ. Không thấy nàng trong đám. Lòng Lawson thắt lại; nhưng khi chàng thấy Brevald bận cái áo cũ màu xanh dương, chàng vững bụng.

Chàng nhảy lên bờ, hỏi:

– Ethel đâu?

– Ở nhà. Ở chung với vợ chồng tôi.

Chàng kinh ngạc nhưng rán tỏ ra vui vẻ.

– Vậy có chỗ cho tôi không? Phải đợi một vài tuần, tụi tôi mới kiếm được nhà.

– Ồ, được, có chỗ cho anh ở được.

Họ qua cửa đoan rồi tới khách sạn và Lawson được nhiều bạn cũ tiếp đón. Lại phải uống nhiều chầu với họ rồi mới thoát được, và khi chàng và Brevald bước qua cửa thì cả hai đều hơi ngà ngà. Lawson ôm chầm lấy Ethel. Gặp vợ, chàng mừng quá, bao nhiêu tư tưởng chua chát đã biến hết. Bà nhạc, cả bà ngoại nữa, y hệt một mụ phù thủy già, nhăn nheo đều niềm nở tiếp đón chàng. Tụi bản xứ và lai vô phòng, ngồi quây quần chung quanh, tươi tỉnh ngó chàng. Brevald có một ve huýt-ki, ai tới cũng được

mời uống một hớp. Cởi bỏ bộ đồ Anh ra, Lawson bồng đứa con da đen của chàng, đặt lên đùi, Ethel quấn khăn choàng ngồi bên cạnh. Chàng tưởng chừng như mình là đứa con hoang trở về gia đình.

Buổi chiều chàng lại khách sạn, về tới nhà thì đã chuếnh choáng. Ethel và mẹ nàng biết rằng tụi da trắng, phải lâu lâu cho họ say sưa một lần, nên vui vẻ, cười cười, vực chàng vô phòng.

Một hai ngày sau, chàng đi kiếm việc. Không hy vọng gì tìm được một chỗ tốt như chỗ chàng đã bỏ trước khi về Anh nhưng chàng có nhiều khả năng, chắc chắn được trọng dụng trong một hãng buôn và có lẽ cũng chẳng thiệt thòi gì nhiều.

Chàng bảo:

– Nghĩ cho cùng, làm ở ngân hàng khó mà kiếm được nhiều tiền. Phi thương bất phú.

Chàng sẽ làm cho một hãng buôn, thành một người cộng tác cần thiết rồi người ta phải mời chàng làm hội viên. Chỉ trong ít năm không có lý gì không làm giàu được.

Chàng bàn với Ethel:

– Khi nào anh có công việc nhất định rồi, thì chúng ta đi kiếm nhà riêng, không thể ở đây hoài được.

Trong ngôi nhà nhỏ hẹp của Brevald, chật chội như vầy không mong gì mà vợ chồng ngồi một mình với nhau được, không thể thân mật với nhau được.

Nàng đáp:

– Không gấp. Trong khi đợi có căn nhà vừa ý thì ở đây cũng được lắm rồi.

Sau một tuần chạy chọt, chàng vô làm cho một nhà buôn tên là Bain. Nhưng khi bàn với Ethel về chuyện dời nhà thì nàng bảo đợi sanh đứa thứ nhì đã. Lawson rán thuyết phục, nàng không chịu đi đâu cả, bảo:

– Nếu anh không muốn ở đây thì lại khách sạn Metropole mà ở.

Chàng tái mặt:

– Em Ethel, em nỡ nào đề nghị với anh như vậy hử?

Nàng nhún vai:

– Có thể ở đây được thì mất công đi tìm chỗ khác làm chi chứ?

Chàng đành nhượng bộ.

Ở hãng về, chàng thấy nhà đầy những người bản xứ. Họ nằm dưới đất, hút thuốc, ngủ, uống rượu kava, trò chuyện đến điếc tai. Nhà thì bẩn thỉu, lộn xộn. Thằng bé André lê la với trẻ con da đen, len lỏi trong đám đó. Chung quanh nó người ta chỉ nói thổ ngữ Samoa. Lần lần Lawson có thói quen lại khách sạn uống rượu rồi mới về nhà, có nhờ hơi men mới đủ can đảm chịu đựng nổi sự niềm nở của bọn thổ dân đó suốt buổi tối. Và mặc dầu chàng yêu vợ nồng nhiệt hơn bao giờ hết, mà chàng cứ thấy Ethel mỗi ngày một thoát ly mình. Khi nàng sanh rồi, chàng bàn tới sự dọn nhà, nàng từ chối. Cuộc đời ở

Tô Cách Lan hình như đẩy nàng mạnh mẽ về phía cha mẹ nàng và bây giờ đây, ở gia đình, nàng thích sống theo những tục lệ quê hương.

Lawson mỗi ngày một nghiện rượu nặng lên. Tối thứ bảy nào, ở Câu lạc bộ Anh, chàng cũng say mèm, người ta phải vực chàng về. Say rượu rồi chàng đâm ra gây sự. Một lần, chàng gây sự với Bain, chủ hãng, và chàng bị đuổi, phải đi kiếm việc nơi khác.

Thất nghiệp hai ba tuần như vậy, chàng không muốn về nhà, lê la ở khách sạn hoặc Câu lạc bộ và uống rượu cho quên đi. Vì thương hại nên Miller, kêu chàng về làm cho mình. Chàng biết nhiều về tài chánh, giúp hắn được nhiều, nhưng hoàn cảnh không cho chàng khó tính như trước nữa. Với lại hắn là con buôn, nên không ngần ngại gì mà không trả cho chàng một số lương quá thấp. Ethel và Brevald trách chàng sao lại nhận trong khi một người lai tên là Peterson trả cao hơn. Nghĩ đến cái nông nỗi phải ở dưới quyền một thằng cha lai, chàng chịu không nổi. Ethel nói vô hoài, chàng đáp:

– Thà chết đói chớ không chịu làm với một thằng mọi.

– Chưa biết chừng rồi đây tránh không khỏi đa.

Thực vậy, sáu tháng sau, chàng phải chịu cái nhục nhã vô cùng đó. Vì say sưa hoài, chàng làm việc tệ quá. Miller cảnh cáo nhiều lần, nhưng Lawson không phải là người chịu lấy nón ra về. Lần này thì mang tiếng xấu rồi, không ai muốn dùng chàng nữa. Lại thất nghiệp một thời

gian. Rồi kế đó, vì say rượu mà bị động kinh. Hết bệnh rồi, vừa yếu sức vừa xấu hổ, bị người chung quanh thôi thúc hoài, chàng nuốt nhục lại Peterson xin việc. Peterson hãnh diện được một người da trắng giúp việc trong cửa hàng, nhất là một người mà hắn phục tài năng.

Từ nay Lawson xuống cái dốc sa đọa. Bọn da trắng lãnh đạm với chàng. Chỉ vì thương hại - thương hại một cách khinh bỉ - và vì sợ khi say chàng hóa dữ tợn, mà họ chưa tuyệt giao với chàng. Chàng nổi xung lên, chỉ sống với bọn người bản xứ và bọn lai, mà trong mắt những bọn này, chàng đã mất cái uy thế của huyết thống rồi. Họ bực mình thấy chàng ghét họ, làm bộ ta đây với họ. Đã cùng một bè một lũ với nhau cả rồi, sao còn lên mặt lên chân làm gì nữa? Brevald xưa kia khúm núm, nịnh nọt, bây giờ đâm khinh chàng: Ethel vô phước, gặp thằng chồng như vậy. Những cuộc xung đột bi thảm xảy ra. Nhiều lần bố vợ và chàng rể đấm đá nhau và bao giờ Ethel cũng bênh cha. Chỉ lúc nào chàng say là người chung quanh chịu đựng được chàng nhất. Lúc đó buồn ngủ quá, chàng lăn đùng trên giường hay dưới đất mà ngủ mê đi như con vật.

Một hôm chàng thấy rằng người ta giấu giếm chàng điều gì.

Thường khi, về nhà để ăn bữa cơm tối kham khổ, nửa Âu nửa Thổ, chàng thấy vắng mặt Ethel. Hỏi thì Brevald bảo nàng đi thăm cô bạn này cô bạn nọ. Một hôm chàng lại chỗ nhà Brevald chỉ, để đón vợ về thì vợ không có ở đó. Khi nàng về, chàng tưởng có thể làm cho nàng mất thể diện, nhưng nàng đáp:

– Ba tôi lầm rồi, tôi ở nhà anh chị X…

Lawson biết rằng vợ nói dối. Bận những bộ đồ đẹp nhất, mắt long lanh, nàng thật là yêu kiều.

– Này cô ả đừng gạt tôi, nếu không tôi đánh cho nhừ xương bây giờ.

Nàng khinh bỉ, mắng:

– Quân say rượu đê tiện!

Chàng cảm thấy rằng mẹ vợ và bà ngoại vợ chẳng coi mình ra gì cả. Brevald vui tính trở lại. Lão đã có bí quyết gì để làm nhục chàng rể chăng? Lawson bắt đầu nghi ngờ. Thấy cái vẻ bọn da trắng ngó mình, chàng đoán họ muốn ám chỉ cái gì. Vô phòng lớn của khách sạn, thấy mọi người bỗng nhiên im bặt, chàng biết chắc rằng thiên hạ đang bàn tán về mình. Có cái gì xảy ra, mà chỉ trừ chàng ra, còn mọi người đều biết. Cơn ghen cắn rứt chàng như điên. Tin rằng Ethel đi lại với một người nào đó, chàng dò xét hết người này tới người khác, nhưng không có dấu hiệu gì để đoán chắc được là ai. Điên khùng, chàng quay cuồng tìm một cớ để làm gì cho hả giận.

Rồi tình cờ cơn dông trút lên đầu kẻ vô tội nhất.

Một buổi chiều, Lawson ngồi rầu rĩ một mình ở khách sạn. Chaplin tiến lại. Có lẽ lão là người độc nhất ở đảo còn giữ cảm tình với chàng. Họ gọi rượu và nói với nhau ít câu về những cuộc đua sắp tới.

Chaplin bảo:

– Rồi đây hết thảy chúng ta phải xì tiền ra may áo mới

cho các bà ấy.

Lawson cười ngạo. Mụ Chaplin giữ hầu bao. Nếu mụ có muốn nhân cơ hội đó may áo mới thì mụ cứ tự tiện, cần gì phải xin phép ông chồng.

Chaplin muốn tỏ vẻ nhã nhặn, hỏi thăm:

– Bà nhà mạnh giỏi chứ?

Cặp lông mày đen của Lawson thình lình cau lại.

Chàng đáp:

– Hỏi làm chi vậy kìa?

– Chỉ vì xã giao.

– Tôi không ưa cái xã giao đó.

Chaplin nóng tính. Vì ở miền nhiệt đới lâu năm, lại uống nhiều rượu huýt-ki, gặp nhiều nỗi buồn bực về gia đình, lão sinh ra dễ quạu.

– Nè, chú em, ngồi trong khách sạn của tôi, chú phải có thái độ của con người lịch sự, nếu không thì chú văng ra ngoài đường lúc nào mà không hay đấy.

Cái mặt bí xị của Lawson đỏ tía lên, chàng nổi điên sùi bọt mép, bảo:

– Tôi chỉ nói một lần thôi, nhớ kĩ lấy và bảo cho tụi khác biết rằng có thằng tướng nào xun xoe ve vãn vợ tôi thì nó coi chừng đấy.

– Ai mà muốn ve vãn vợ chú?

– Tôi không đui đâu. Nhớ kĩ lấy. Thôi, không nói nữa.

– Say rồi, nên dông đi, khi nào tỉnh sẽ trở lại.

– Lúc nào tôi muốn đi thì đi, chẳng thằng nào đuổi được tôi cả.

Lời phách lối đó tai hại cho chàng. Làm nghề chủ quán, Chaplin đã luyện được một kì tài về cái nghệ thuật tống cổ những khách mà lão không thích. Lawson vừa mới nói xong thì bị túm cổ liền, xô mạnh ra ngoài. Dưới ánh nắng chói lòa, chàng loạng choạng trên thềm nhà.

Vì chuyện đó mà có cuộc xung đột dữ dội đầu tiên với Ethel.

Nhục nhã quá, muốn trốn khỏi khách sạn, buổi chiều đó chàng về nhà sớm hơn thường lệ. Ethel đương sửa soạn để ra đi. Mọi ngày, nàng quấn khăn choàng, chân không, nằm dài ra, một đóa hoa cài trong mớ tóc mây. Lần này, nàng đi vớ lụa trắng, đi giày cao gót, bận chiếc áo xòe đẹp nhất bằng sa màu hồng.

Chàng hỏi:

– Trang điểm sang quá. Đi đâu vậy?

– Lại ông bà Crossley.

– Anh đi theo.

Nàng lạnh lùng hỏi:

– Để làm gì?

– Anh không muốn cho em lang thang một mình.

– Người ta không mời anh.

– Mặc! Em đi đâu cũng phải có anh.

– Nếu vậy thì nằm đó đợi cho em sửa soạn xong.

Nàng tưởng chồng say, hễ nằm xuống là ngủ liền. Nhưng chàng kéo ghế ngồi, châm thuốc hút. Nàng dò xét chồng, mỗi lúc một thêm bực tức. Khi nàng bận áo xong, chàng đứng dậy. Lạ lùng, hôm đó nhà vắng người. Lão Brevald làm lụng trong đồn điền, mụ vợ đi Apia. Ethel nhìn thẳng vào mặt chồng.

– Anh say rượu. Tôi không đi với anh.

– Nói láo. Cô phải đi với tôi.

Vẻ khinh bỉ, nàng muốn gạt chàng ra. Chàng nắm cánh tay giữ lại.

Nàng la bằng tiếng bản xứ:

– Quỷ, để cho người ta đi.

– Tại sao cô lại muốn đi một mình? Cô tưởng rằng gạt được tôi ư?

Nàng nắm tay lại đấm vào giữa mặt chồng. Chàng điên lên, vì yêu vợ, vì oán vợ, nên la lớn:

– Tao cho mày biết tay, tao cho mày biết tay.

Chàng nắm chiếc roi da; quất Ethel. Nàng la lên, Lawson càng hăng, đánh đập chửi rủa gấp bội. Nhà vang lên tiếng rên rỉ của Ethel. Sau cùng chàng liệng nàng lên giường. Vừa đau vừa sợ, nàng không cử động nữa, nàng khóc nức nở. Chàng liệng chiếc roi, chạy ra khỏi phòng. Nghe thấy chồng đi khỏi rồi, Ethel nín bặt, ngó chung quanh cho chắc chắn rồi đứng dậy, tuy đau mà không bị

thương tích. Chiếc áo cũng không hư. Bọn phụ nữ bản xứ quen bị đánh đập, cho nên việc mới xảy ra không làm cho nàng phẫn uất. Khi nàng soi gương để sửa lại mái tóc thì mắt nàng sáng lên một cách kì dị. Có lẽ chưa bao giờ nàng động tình bằng lúc đó.

Còn Lawson thì bổ nhào chạy trong đồn điền, mù quáng lảo đảo; thình lình mệt quá, chàng ngồi phịch xuống một gốc cây. Khốn khổ và tủi nhục, tánh từ ái thường ngày trở lại. Nghĩ tới Ethel, chàng thấy mình có tội. Nhớ lại dĩ vãng, nhớ lại những hy vọng của mình, chàng ngạc nhiên về sự tàn nhẫn vừa rồi. Chàng thèm người đàn bà đó hơn bao giờ hết, muốn ôm nàng, nếu không thì chịu không nổi. Chàng đứng dậy, mệt quá, bước lảo đảo. Ở giữa căn phòng bừa bãi của hai vợ chồng, Ethel đang soi gương.

– Ethel, em ơi, tha lỗi cho anh. Anh xấu hổ quá. Lúc đó anh mù quáng không biết mình làm gì.

Chàng quì xuống, rụt rè vuốt ve gấu váy của nàng.

– Nghĩ tới, anh không chịu nổi nữa. Thật ghê gớm. Chắc lúc đó anh điên. Anh không yêu ai bằng yêu em. Anh sẵn sàng hy sinh tất cả để em khỏi đau khổ, mà anh đã làm em đau đớn. Không bao giờ anh tự tha thứ cho anh được nhưng còn em, em tha thứ cho anh nhé, nói đi em, tội nghiệp!

Chàng còn văng vẳng nghe tiếng hò hét lúc nãy của mình. Chịu sao nổi. Nàng làm thinh ngó chồng. Mắt đầy lệ, chàng rán nắm lấy tay vợ. Nhục nhã quá, chàng khóc nấc lên, thân thể yếu đuối rung chuyển, gục đầu vào lòng

nàng. Ethel như các phụ nữ bản xứ, khinh kẻ đàn ông nào tự hạ trước mặt mình. Thằng cha nhu nhược làm sao! Vậy mà mới lúc nãy mình đã suýt tin rằng hắn có tư cách chứ! Hắn lết ở chân mình như con chó vậy.

Nàng khinh bỉ vỗ nhẹ chàng:

– Cút đi. Thấy ghét lắm.

Chàng rán níu vợ lại, nhưng nàng đẩy ra và bắt đầu thay quần áo. Nàng lột giày, lột vớ. Thấy nàng quấn chiếc khăn choàng, chàng hỏi:

– Em đi đâu?

– Hỏi làm gì? Đi xuống đầm.

– Cho anh đi theo nhé.

Chàng năn nỉ như một em bé.

– Tới cái đó mà cũng ám người ta nữa à?

Chàng lấy tay che mặt, khóc lóc thảm hại, trong khi Ethel bước ngang mặt, đi ra, cặp mắt bực tức, lãnh đạm.

Từ bữa đó nàng miệt thị chàng ra mặt. Hai vợ chồng chàng, hai đứa con, ông nhạc bà nhạc, bà ngoại vợ, rồi những bà con lơ mơ, những kẻ suốt đời ăn bám, hết thảy chen chúc nhau trong ngôi nhà nhỏ. Không ai để ý đến Lawson nữa: chàng không đáng kể nữa. Buổi sáng, điểm tâm xong, chàng ra đi, tối mới về ăn cơm. Chàng bỏ cuộc rồi. Khi hết tiền, Câu lạc bộ không nhận chàng nữa thì chàng ở nhà đánh bài với Brevald và bọn thổ dân. Chỉ lúc nào say chàng mới còn chút sinh lực, ngoài ra thì ủ rũ,

trì độn. Ethel coi chàng như con chó. Thỉnh thoảng trong những cơn mây mưa phũ phàng man rợ, nàng chịu khuất phục, rồi kế đó nàng lại run sợ lên vì những trận giận dữ căm hờn của chàng, nhưng khi chồng khóc lóc đê tiện thì nàng kinh tởm có thể nhổ vào mặt chàng được. Đôi khi chàng tàn nhẫn nhưng bây giờ nàng biết giữ miếng rồi. Đánh nàng thì nàng đánh lại, đá, cấu, cắn. Người ta được dự những cuộc đấu quyền hăng tiết mà chàng không phải là lần nào cũng thắng. Chẳng bao lâu cả châu thành Apia hay tin họ xung đột với nhau. Ít ai có cảm tình với Lawson và ở khách sạn, người ta ngạc nhiên sao lão Brevald chưa tống cổ chàng đi.

Có kẻ nói:

– Lão Brevald khó chơi lắm. Một ngày kia, nếu lão có tặng cho Lawson một viên đạn cũng chẳng có gì là lạ.

Ethel vẫn tắm buổi chiều như trước. Cái đầm như có một sức gì thần bí làm mê hoặc nàng; chắc các Nhân ngư[1] say mê những làn sóng mát và mặn của biển cũng đến vậy chứ không hơn, nếu các nữ thần đó có linh hồn.

Đôi khi Lawson đi theo nàng. Tôi không hiểu tình cảm nào thúc đẩy chàng hành động như vậy vì rõ ràng là Ethel bực mình lắm khi thấy mặt chồng. Có lẽ chàng hy vọng tìm lại được ở nơi đó cái vui sướng cực độ và trong trẻo nó xâm chiếm lòng chàng hồi hai người mới gặp nhau lần đầu. Cũng có lẽ chàng yêu cuồng nhiệt mà không được đáp lại, như hóa điên mà tưởng rằng cứ đeo đuổi hoài rồi sẽ cưỡng đoạt được ái tình.

Một chiều nọ, chàng thơ thẩn lại phía đó, lòng bình tĩnh khác thường. Trạng thái đó của tâm hồn chàng càng ngày càng ít xuất hiện. Mặt trời đương lặn: sương mù vương trên tàu dừa như một đám mây nhẹ. Gió hiu hiu lặng lẽ phất phơ tàu dừa. Trăng lưỡi liềm hiện ngay ở trên ngọn dừa. Lawson tiến lại bờ, và thấy Ethel đương bập bềnh trên mặt nước, tóc xõa chung quanh, một bông bụt lớn ở trong tay. Chàng đứng lại một lúc để ngắm nàng: nàng giống Ophelie quá(2).

Chàng vui vẻ gọi vợ:

– Ê, Ethel.

Nàng giật mình, đóa hoa rời khỏi tay nàng, trôi theo dòng nước. Chỉ bơi hai ba sải là nàng tới chỗ nông, đứng dậy la lên:

– Cút đi, cút đi!

Chàng cười:

– Đừng ích kỉ, em ơi. Có đủ chỗ cho hai đứa mình tắm mà.

– Sao không để yên người ta? Tôi không muốn có hai người.

Chàng vui vẻ đáp:

– Rõ khéo chưa, anh cũng muốn tắm lắm mà!

(1) Theo thần thoại Hy Lạp, Nhân ngư là những nữ thần ở biển, thân là người, đuôi là cá, có giọng hát mê li.

(2) Một nhân vật trong kịch *Hamlet* của Shakespeare.

– Xuống phía cầu mà tắm. Tôi không muốn anh tắm ở đây.

Vẫn mỉm cười, chàng đáp:

– Biết làm sao bây giờ?

Rất bình tĩnh, chàng không nhận ra rằng nàng nổi quạu. Chàng bắt đầu cởi áo.

Nàng la lên:

– Cút đi. Tôi không muốn có anh ở bên cạnh tôi. Ít nhất cũng để yên người ta chứ? Cút đi.

– Đừng hư nào, cưng.

Nàng lượm một hòn sỏi nhọn liệng vào chàng.

Chàng không kịp cúi xuống. Hòn sỏi trúng vào thái dương chàng. Chàng kêu lên một tiếng, đưa tay lên đầu rút hòn sỏi dính máu ra. Ethel đứng yên lặng, giận đến nghẹn họng. Mặt tái mét, chàng quay đi, không nói một lời, lượm chiếc áo rồi đi. Ethel thả theo dòng nước: từ từ trôi xuống chỗ cạn lội qua được.

Trong mấy ngày sau, Lawson đi chơi, đầu băng bó. Chàng đã nghĩ trước một chuyện khó tin để phòng bạn bè ở Câu lạc bộ có hỏi thì giảng giải nguyên do vết thương đó, nhưng không có cơ hội để dùng tới: chẳng ai thèm hỏi cả.

Chàng bắt gặp người ta ngó lén mình nhưng không ai thốt ra một lời. Như vậy rõ ràng là người ta đoán được cả rồi. Lần này thì chàng tin chắc rằng vợ mình có ngoại tình

với ai, thiên hạ đều biết cả, song vẫn không có dấu hiệu gì để chàng đoán chắc được tình địch là kẻ nào. Ethel đi chơi đâu không có người nào cặp kè; cũng chẳng có ai xun xoe ở bên nàng; mà đối với Lawson cũng chẳng có ai chú ý đặc biệt tới cả để có thể sinh nghi. Chàng quạu một cách man rợ mà không biết phun ra với ai bây giờ, đành uống rượu mỗi ngày mỗi nhiều lên. Trước khi tôi tới đảo được ít bữa, chàng lại bị một cơn động kinh nữa.

Tôi gặp Ethel ở nhà một người tên là Caster, có vợ bản xứ, cách Apia hai ba cây số. Tôi lại đánh quần vợt với ông ta; khi chơi xong ông ta mời tôi uống trà và tôi gặp Ethel đương trò chuyện với bà Caster trong phòng khách.

Tôi nói:

– Ủa, cô Ethel, tôi không hay cô ở đây chứ?

Tôi tò mò nhận xét, rán tìm xem thiếu phụ đó có cái gì làm cho Lawson say mê, trụy lạc đến như vậy. Nhưng ai giảng nổi được những cái đó? Quả thực là nàng yêu kiều. Trông nàng, ta nghĩ tới cái bông bụt đỏ - thường trồng làm hàng rào ở Samoa- đẹp một cách rực rỡ mà ủy mị. Vì tôi đã biết sơ sơ câu chuyện của nàng rồi nên tôi ngạc nhiên thấy nàng tươi tỉnh, bình dị. Nàng không có cái gì làm cho ta thấy chướng cả: không ồn ào thô lỗ, cũng không phì nộn như các người lai khác. Gần như không tin được rằng nàng có thể là con ác phụ gây những cuộc ẩu đả với chồng ghê gớm đến nỗi thiên hạ đồn rầm lên như vậy. Bận chiếc áo đẹp màu hồng, đi đôi giày cao gót, nàng ra vẻ một người Âu lắm, không ai ngờ được rằng cái xã hội

bản xứ bí ẩn mới thật là phạm vi hoạt động của nàng. Sau khi sống chung một ít lâu với nàng, tình say mê chắc phải chìm lần trong sự chán nản. Cái duyên đặc biệt của nàng có lẽ ở một cái gì đó mà ta không thể nhận ra được, cũng như một tư tưởng thoáng hiện rồi biến mất trước khi ghi nó lại được thành tiếng. Nhưng có lẽ do tôi tưởng tượng mà có ý nghĩ đó; nếu tôi không biết gì về câu chyện thì tôi chỉ thấy nàng là một thiếu nữ lai rất đẹp như mọi người khác, thế thôi.

Nàng hỏi tôi về mọi chuyện mà các người ngoại quốc thường đem ra nói với nhau ở Samoa. Tôi đã xuôi dòng thác Papaséca chưa? Có tính ở trong một làng bản xứ không? Rồi câu chuyện chuyển về Tô Cách Lan. Tôi nhận thấy nàng có phóng đại một chút, khoe vẻ đẹp căn nhà cũ của nàng ở đó. Nàng ngây thơ hỏi tôi có quen bà X…, bà Y…, những bạn thân của nàng hồi ở miền Bắc đó không.

Miller, anh chàng Mĩ gốc Đức mập mạp bước vô. Hắn thân mật bắt tay hết vòng rồi ngồi xuống vui vẻ lớn tiếng đòi huýt-ki sô-đa. Mập quá nên hắn nhiều mồ hôi. Hắn gở cặp mắt kính gọng vàng để chùi. Lúc đó người ta có thể nhận thấy vẻ ranh mãnh mưu mô của cặp mắt nhỏ, cặp mắt rất hiền hậu hiện sau lớp kính dày kia. Hắn chưa tới thì câu chuyện buồn tẻ; nhưng hắn vui tính, khéo kể chuyện cho nên Ethel và bà Caster đều chăm chú nghe. Trong đảo hắn nổi tiếng là có lắm tình nhân. Bây giờ mập, thô, già, xấu mà vẫn có nhiều ả mê. Hắn có nghị lực nhờ sinh khí dồi dào, lại gan dạ, tinh thần của hắn hợp với trình độ hiểu biết của người nghe, mà giọng miền Tây của

hắn làm cho câu chuyện nào hắn kể ra cũng thêm ý vị. Sau cùng hắn quay lại hỏi tôi:

– Nếu chúng ta muốn về cho kịp bữa cơm tối thì phải đi thôi. Tôi đưa ông về nhé?

Tôi cảm ơn rồi đứng dậy. Hắn chào mọi người, bước ra, dáng đi nặng nề, mạnh mẽ, rồi lên xe.

Trong khi xe chạy tôi bảo:

– Vợ chàng Lawson coi xinh đấy chứ nhỉ?

– Nó đối đãi với vợ tệ quá, thật xấu hổ. Nó đánh vợ. Nghe nói người đàn ông nào đánh vợ là máu tôi sôi lên.

Một lát sau, hắn nói thêm:

– Nó ngu mới cưới cô ả! Tôi đã bảo trước rằng không êm đâu. Nếu nó đừng cưới thì nó bắt gì mà cô ta chẳng nghe. Nó là một thằng hèn, chỉ là một thằng hèn!

Đã gần hết năm và sắp tới lúc tôi về xứ. Mùng bốn tháng giêng có tàu chạy Sydney.

Ở khách sạn, như mọi năm, người ta ăn lễ Giáng sinh một cách long trọng, nhưng long trọng nhất là ngày nguyên đán. Các khách quen định làm lễ Saint-Sylvestre. Sau một bữa tiệc ồn ào, cả bọn tản bộ xuống Câu lạc bộ Anh để chơi bi-da. Câu lạc bộ chỉ là một cái quán bằng ván. Không có cuộc gì vui, chỉ những tiếng cười, nói và cá nhau. Riêng Miller là chăm chú. Lớn tuổi hơn những người khác nhiều, hắn uống cũng nhiều như ai, nhưng mắt vẫn nhanh, tay vẫn vững. Hắn vui vẻ, nhã nhặn vét tiền của tụi trẻ. Được độ một giờ, tôi chán quá, xuống bờ biển.

Ba cây dừa vươn lên ở bờ biển y như ba trinh nữ trên cung Hằng giáng phàm và đứng đó đợi người yêu ở dưới biển cưỡi ngựa thần hiện lên. Tôi ngồi dưới gốc cây dừa, nhìn vũng và nền trời đầy sao.

Tôi không biết tối đó Lawson ở đâu, nhưng vào khoảng từ mười đến mười một giờ, chàng tới Câu lạc bộ. Buồn, mệt, lết từng bước, chàng đã theo con đường bụi bặm và vắng người. Trước khi vô phòng bi-da, chàng lại quầy. Chàng phải uống một ly đầy huýt-ki mới vững tâm đương đầu bọn da trắng này được: khi bọn họ đông, chàng hóa nhút nhát.

Miller bận sơ mi không, tay cầm cái gậy thụt bi-da, thấy chàng đứng đó một mình, ly rượu trong tay. Hắn liếc người bồi:

– Jacques, đi chỗ khác đi.

Không nói một lời, người bồi lai, bận áo trắng, quấn lava-lava đỏ, lẩn đi.

– Này, Lawson, tôi muốn nói chuyện với anh.

– Thế thì quả là một cái hiếm hoi không tốn tiền trên cái đảo chết toi này.

Miller sửa lại cặp kính, trừng trừng ngó Lawson, cặp mắt lạnh lùng, cương quyết.

– Này, nghe kĩ, chú em. Tôi hay tin rằng chú lại tàn nhẫn với cô Lawson nữa. Tôi không chịu được như vậy đâu! Nếu chú không chừa thì tôi đánh nhừ xương, đồ khốn nạn.

Lawson hiểu liền. Chính là Miller rồi. Chàng xúc động vì ghê tởm: chàng tưởng tượng nàng Ethel của mình, trinh khiết kiều diễm như vậy mà ôm ấp thằng tướng hói và mập này! Ôi! Cái mặt phị kia, cặp kính gọng vàng kia. Ôi! Cái vẻ nhân từ quỷ quyệt kia, vẻ thầy tu hoàn tục kia…. Mặc dầu có nhiều lỗi, Lawson không phải là người nhát, chẳng nói năng gì cả, chàng tận lực xông lại đánh Miller. Miller nhanh nhẹn lấy tay trái gạt ra rồi tay phải thoi một cái mạnh vào tai Lawson. Thấp hơn Miller đến hơn một tấc, nhỏ người, mảnh khảnh, bị suy nhược vì rượu một phần, nhưng nhất là vì bệnh tật và khí hậu oi bức, chàng té như một cái bị gạo ở chân quầy. Miller gỡ kính ra lau.

– Bây giờ thì biết rồi chứ. Bảo trước rồi đấy. Nhớ cho kĩ, nghe.

Hắn lượm cái gậy thục bi-da. Giữa cảnh ồn ào, chẳng ai hay gì cả. Lawson đứng dậy, tai còn ù, đưa tay lên rờ. Rồi chàng lén lút bước ra.

Tôi thấy có bóng người - một vệt trắng trong đêm tối - đi ngang qua đường. Người đó xuống bờ biển, mặt cúi xuống, đi qua trước mặt tôi. Lúc đó tôi mới nhận ra Lawson. Nhưng đoán rằng chàng say, tôi làm thinh. Chàng ngập ngừng bước vài ba bước rồi quay lại, cúi xuống sát mặt tôi, nói nhỏ:

– Tôi đoán đúng là ông.

Chàng ngồi xuống lấy ống điếu ra.

Tôi nói:

– Trong Câu lạc bộ nóng và ồn quá.

– Tại sao ông lại ra đây.

– Tôi đợi buổi lễ nửa đêm ở nhà thờ.

– Nếu ông muốn thì tôi cùng đi với ông.

Chàng không say. Chúng tôi ngồi yên lặng hút thuốc một lúc. Thỉnh thoảng một con cá lớn vùng vẫy làm nước trong vũng bắn lên. Ở phía eo biển, lấp lánh những ngọn đèn của một chiếc tàu buồm.

Chàng hỏi:

– Tuần lễ sau ông xuống tàu?

– Phải.

– Được về thăm xứ sở một lần nữa thú lắm, nhưng tôi không chịu nổi nữa. Lạnh quá, ông ạ.

– Nghĩ giờ này đây, ở bên Anh người ta run lật bật ở bên cạnh lò sưởi, mà ở đây thì nóng như vầy, lạ thật.

Cảnh đêm huyền ảo, không khí im phắc, thơm tho. Tôi chỉ mặc một cái áo sơ mi mỏng và một cái quần. Tôi khoan khoái vươn vai hưởng cái uể oải tuyệt thú đó.

Tôi mỉm cười bảo:

– Cầu nguyện Thánh Sylvestre mà chẳng ảnh hưởng gì tới quyết định về tương lai cả.

Chàng không đáp. Tôi không hiểu lời nói ngẫu nhiên của tôi gợi cho chàng ý nghĩ gì, vì chàng lại bắt đầu nói, giọng khàn khàn, đều đều nhưng ngôn ngữ là của một người có học thức. Ít lâu nay, nghe những giọng khịt mũi thô tục, chướng cả tai, lần này nghe chàng nói, tôi thấy

nhẹ hẳn người đi.

– Tôi đã phí cả một cuộc đời. Không còn nghi ngờ gì nữa! Bây giờ tôi ở đáy vực thẳm rồi, vô hy vọng ra khỏi. "Đen như cái vực từ Bắc cực thông qua Nam cực".

Tôi đoán rằng chàng mỉm cười khi dẫn câu thơ đó.

– Và thực ra, tôi không hiểu làm sao tới nỗi đó.

Tôi nín thở. Không có gì làm cho tôi kính trọng, cảm động bằng một người sắp lột trần tâm hồn của mình ra. Người ta cảm thấy rằng lúc đó trong tâm hồn những kẻ trụy lạc, đê tiện nhất, vẫn còn một chút tia sáng, còn cái gì đáng thương hại.

Lawson tiếp:

– Nếu lỗi hoàn toàn ở tôi thì không nói gì. Tôi rượu chè bê tha, phải. Nhưng trong những hoàn cảnh khác thì tôi đâu có sinh ra cái tật đó. Tóm lại là tôi không thèm rượu. Đáng lý tôi không nên cưới Ethel. Nếu tôi chỉ bao nàng thôi thì mọi sự hoàn hảo. Nhưng tôi yêu nàng quá đi.

Giọng chàng hóa ra cảm động.

– Nàng đâu phải là xấu tánh đến mức đó. Rủi, ông ạ… Đáng lý chúng tôi có thể sung sướng như ông hoàng. Khi nàng bỏ ra đi, cứ để cho nàng đi là phải, nhưng tôi chịu không nổi. Tôi say mê nàng. Với lại nàng bắt mất đứa con.

– Ông mến cháu không?

– Hồi xưa thì có. Bây giờ tôi có hai đứa và tôi chẳng mến chúng như trước nữa: chúng y như tụi trẻ bản xứ. Nói

với chúng, tôi phải dùng thổ ngữ.

– Bây giờ làm lại cuộc đời, có trễ lắm không? Ông can đảm lên, trốn cái xứ này đi được không?

– Không đủ sức nữa. Tôi mệt quá rồi.

– Ông vẫn còn mê bà chứ?

– Bây giờ thì hết… bây giờ thì hết.

Chàng lặp lại những tiếng đó với một giọng ghê tởm.

– Tới cái đó cũng không còn nữa. Hỏng rồi ông ạ.

Chuông nhà thờ đổ. Tôi bảo:

– Nếu ông thực muốn đi dự lễ thì nên đi bây giờ đi.

– Thôi đi.

Chúng tôi đứng dậy, đi theo đường cái. Nhà thờ trắng toát, đứng uy nghi, ngó ra biển. Bên cạnh, những tiểu giáo đường Tin lành có vẻ như những phòng hội họp. Trên đường có vài ba chiếc xe hơi đậu và vô số xe ngựa sắp hàng mỗi bên, dọc theo chân tường. Dân chúng khắp nơi tụ lại dự lễ. Ngó qua những cửa mở toang ra, chúng tôi thấy nhà thờ chật ních người. Chính điện rực rỡ ánh sáng. Trong đám thổ dân, có vài người da trắng và nhiều người lai. Đàn ông đều bận quần vì Giáo hội đã cấm ngặt cái lava-lava sỗ sàng, tục tĩu. Phía sau, gần cửa, chúng tôi thấy có nhiều ghế dựa. Một lát, nhìn theo Lawson, tôi thấy Ethel tới với một bọn lai ăn bận sang trọng, đàn ông thì mang giày véc-ni cứng ngắt trong cổ cồn, đàn bà thì đội những chiếc nón xinh đẹp, Ethel chào bạn bè và mỉm

cười.

Bắt đầu làm lễ. Khi xong lễ, Lawson và tôi còn kề cà đứng lại ngó lớp người ra về. Rồi chàng đưa tay cho tôi bắt.

– Chào ông. Chúc ông đi tàu được bình an.

– Từ nay đến hôm đi tôi còn gặp lại ông mà.

Chàng rán nín cười:

– Nhưng không biết lần sau gặp nhau, tôi tỉnh hay là say đấy chứ.

Chàng từ biệt tôi. Tôi còn nhớ cặp mắt đen dưới cặp lông mày dựng đứng của chàng, lúc đó sáng lên một vẻ man rợ.

Tôi ngừng lại, do dự. Tôi không buồn ngủ, định lại Câu lạc bộ chơi độ một giờ rồi hãy đi ngủ. phòng bi-da vắng tanh. Trong phòng lớn, năm sáu người ngồi đánh bài tây.

Miller ngẩng lên:

– Ông ngồi xuống đây đánh vài ván.

– Đánh thì đánh.

Tôi mua thẻ và vào cuộc. Không có món nào say mê bằng. Định chơi một vài giờ mà hóa ra hai, ba giờ. Mặc dầu đêm đã khuya mà người bồi vẫn còn nhanh nhẹn, chăm chú: ly của chúng tôi không lúc nào cạn rượu. Có món đùi heo muối thành thử khát hoài. Chúng tôi tiếp tục đánh bài, ai nấy uống rượu quá nhiều. Tôi đánh nhỏ thôi,

không muốn ăn, chỉ gắng sao cho khỏi thua và tôi chăm chú nhận xét Miller. Hắn nuốt hết ly này đến ly khác như các bạn hắn nhưng vẫn sáng suốt, bình tĩnh. Trước mặt hắn, chồng thẻ mỗi lúc một cao. Hắn ghi cẩn thận những số tiền cho các người thua bạc mượn. Bình thản và vui tính, hắn mỉm cười với những thanh niên mà hắn đương lột da. Hắn liên tiếp kể hết giai thoại này đến truyện khôi hài khác, nhưng không một nét mặt nào thoát được cặp mắt của hắn.

Bình minh bắt đầu len lỏi qua cửa sổ, e lệ, rụt rè như ngại quấy rầy người trong phòng. Sau cùng trời đã sáng.

Miller bảo:

– Thôi tôi tưởng ăn tết như vầy là đàng hoàng lắm rồi. Chơi một ván nữa thôi, rồi thì cho tôi vô mùng. Đừng quên rằng tôi năm chục tuổi rồi nhé. Thức khuya như vầy, chịu không nổi đâu.

Khi chúng tôi ra hiên thì cảnh ban mai đẹp quá chừng. Làn nước rực rỡ như một miếng thủy tinh nhiều màu. Có người đề nghị tắm rồi hãy đi ngủ. Nhưng nước trong vũng nhớt nhớt mà lại âm hiểm, không ai tán thành.

Chiếc xe của Miller đậu ở cửa; chàng sẵn lòng đưa chúng tôi lại đầm. Xe chạy trên con đường vắng. Khi tới nơi thì chúng ta tưởng chừng mặt trời mới mọc. Bóng tối như còn ngự trị dưới các lùm cây và trải trên mặt nước. Chúng tôi vui vẻ. Không có khăn mặt, không có áo tắm, tôi lo lắng tự hỏi không biết lấy gì mà lau mình. Ai nấy ăn bận rất sơ sài nên chỉ nháy mắt đã cởi xong quần áo.

Nelson, người mại bản nhỏ con, sẵn sàng trước tiên, bảo:

– Tôi hụp thẳng xuống đáy đây.

Một người khác hụp theo nhưng không hăng hái, chỉ một chút là nổi lên. Rồi Nelson cũng nhoi theo lên mặt nước, bám chặt vào bờ, bảo:

– Kéo tôi lên với.

– Cái gì vậy?

Chắc chắn là có cái gì xảy ra. Mặt hắn có vẻ kinh hoảng.

Hai bạn chìa tay cho hắn nắm rồi kéo hắn lên.

– Này,có người ở dưới đáy.

– Nói bậy nào! Say rồi hả?

– Nói vậy thì tôi mê sản ư? Nhưng tôi nói chắc rằng có người ở dưới đáy mà. Tôi sợ ghê gớm.

Miller ngó hắn trừng trừng một lúc. Tái mét, hắn run lên.

Miller bảo Caster, một người Úc châu to lớn:

– Nào, anh Caster, chúng mình xuống xem sao.

Nelson tiếp:

– Nó đứng thẳng, bận áo quần đàng hoàng. Tôi nhìn thấy nó. Nó muốn bắt tôi.

Miller ngắt lời:

– Câm cái miệng. Anh xong chưa?

Họ lặn xuống. Chúng tôi yên lặng đợi ở trên bờ. Họ ở lâu dưới nước, cơ hồ như quá sức nhịn thở của con người. Rồi Caster nhoi lên, tiếp theo là Miller mặt mày đỏ bừng như sắp lên cơn. Họ kéo một vật gì. Một người chạy lại tiếp tay và cả ba lôi được vật nặng lên bờ. Chúng tôi nhận ra Lawson. Một phiến đá lớn lủng lẳng ở chân, có chiếc áo giữ lại.

Miller chấm cặp mắt cận thị, bảo:

– Hắn làm kĩ thật ta.

JOHN STEINBECK

Báo chí mới đăng tin giải thưởng văn chương Nobel năm nay (1961) về John Steinbeck. Tôi chưa được đọc những bài phê bình ông nhân dịp này trên các tạp chí văn học ngoại quốc, và tôi đoán rằng ông sở dĩ được vinh dự đó vì văn tài của ông có nhiều vẻ mà tư tưởng của ông rất nhân đạo.

Văn ông giản dị, linh động, có nhạc, biểu lộ nhiều tình cảm mà không tàn nhẫn, không thái quá; lúc thì có giọng hài hước như đoạn tả mối tình của Danny với một thiếu nữ Bồ Đào Nha trong truyện Tortilla Flat *(tên một khu nghèo nàn ở ngoại ô Californie); lúc thì tả chân bằng vài nét đơn sơ mà bi thảm, không kém Guy de Maupassant, như trong truyện* Of mice and men, *(Chuột và người); lúc thì nhẹ nhàng nên thơ làm ta nhớ tới văn hào Nga Tchekov, như truyện* Chrysanthemums *(Cúc) trong tập* The long valler *(Thung lũng lớn).*

Tuy đôi khi có giọng của Maupassant nhưng ông không cay độc. Ông thương con người, biết rằng họ có nhiều tật xấu đấy, nhưng gặp lúc thì cũng tỏ ra can đảm, từ tâm được. Trong cuốn Cannery Row *(Con đường cá*

lầm) nhân vật là những mụ đàn bà lẳng lơ, những gã đàn ông đàng điếm, cờ bạc, rượu chè; nhưng ông bảo rằng "nếu nhìn qua một lỗ khóa khác" thì có thể cho bọn người đó là "những vị thánh, những kẻ tử vì đạo". Một nhân vật trong The Grapes of Wrath *(Men hận), nói:* "Tôi đã học được một điều. Người nào tôi cũng học được điều đó. Là nếu ta có nỗi lo lắng, nếu ta đau, nếu ta túng thiếu thì cứ lại hỏi người nghèo. Chỉ có bạn nghèo khổ - chỉ có họ - là giúp đỡ kẻ khác thôi".

Ông rất thương kẻ nghèo, kẻ bị ức hiếp. Ông tả nỗi cơ cực điêu đứng của họ để ta tự rút ra kết luận này "khi mà điền sản tập trung vào một số rất ít người, thì thế nào kẻ nghèo cũng phải nổi lên để giành lại", "khi mà đại đa số quần chúng đói và rét thì họ phải dùng vũ lực để đoạt những cái cần thiết"; "sự đàn áp chỉ làm cho kẻ bị ức hiếp đoàn kết thêm với nhau mà mạnh thêm lên thôi"(1).

Ông thương người mà thương cả loài vật nữa. Ông nhận xét tỉ mỉ đời sống những con chó, con chim, con rùa, cả con heo, con rắn và cho chúng làm bạn với những nhân vật trong các truyện của ông.

Năm nay Steinbeck đúng 60 tuổi; ông xuất bản tác phẩm đầu tiên Cup of gold *(Chén vàng) năm 1929, bắt đầu nổi danh từ 1935, nhờ cuốn* Tortilla Flat; *nhưng đến*

---

(1) Trñch cuãa Pierre Brodin trong *Les écrivains américains de l'Entre-deux-guerres.* - Horizons de France.

năm 1939, khắp thế giới mới phục tài ông trong cuốn The Grapes of Wrath.

Ông sanh ở Californie, thuở trẻ đã đi khắp miền Tây và miền Nam Hoa Kì, làm rất nhiều nghề để sinh nhai: thợ nề, thợ sơn, bán hàng, viết báo (chuyên về phóng sự), nuôi cá. Trong những năm đó ông vừa nhận xét phong cảnh, tính tình hạng nông dân, vừa tập viết. Ông viết được ba truyện rồi, nhưng thấy không có giá trị gì, đem đốt hai truyện và không chịu xuất bản truyện thứ ba. Có truyện (A Lady in Infra Red) *ông viết đi viết lại sáu lần. Công phu như vậy đó. Ông rất thích nhạc, và ông thường nghe vài đĩa nhạc rồi mới bắt đầu viết; vì vậy mà văn ông nhiều đoạn du dương.*

Đời văn của ông tới nay có thể chia làm hai giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất từ 1929 đến 1935, ông có xu hướng lãng mạn như trong Tortilla Flat, *thần bí như trong* To a God unknown, *hoặc đề cao cá nhân chủ nghĩa như* Cup of gold.

Qua giai đoạn sau, ông tự lãnh trách nhiệm với nhân quần, xã hội, nên có những tư tưởng bác ái, xã hội. Trong thời này ông viết được những tác phẩm hay nhất: In dubious battle, *(Chắc gì đã thắng)*, Of mice and men *(Chuột và người)*, The long valley *(Thung lũng lớn)*, The

Grapes of Wrath. *Danh ông vang lừng nhất vào hồi 1939. Sau ông viết thêm mấy truyện nữa như* The moon is down *(Trăng đã lặn)*, Cannery Row, *tuy cũng có giá trị nhưng không bằng* The Grapes of Wrath *và* Of mice and men.

*

Có ít thì giờ mà muốn biết qua những nét chính về tư tưởng và nghệ thuật của ông thì nên đọc The long valley *một tập gồm 13 truyện ngắn mà mỗi truyện có một vẻ: truyện thì hài hước như* The Harness *(Chiếc yên ngựa), truyện thì rùng rợn như* The Snake *(Con rắn), có truyện cảm động nhẹ nhàng, ý nhị, như* Chrysanthemums *(Cúc)*, The White Quail *(Con cun cút trắng).*

Vì có nhiều vẻ như vậy, nên nhà phê bình nào cũng tìm được trong tập đó một vài truyện để khen.

Dưới đây chúng tôi sẽ dịch truyện Johnny Bear, The Leader of the People *và truyện* The Raid.

JOHNNY GẤU
(JOHNNY BEAR)

Tác giả dựa vào sự thực kì dị này, là một số người ghi được trong óc mọi thanh âm và phát ra y hệt, mà dựng nên một truyện tình tiết rất hấp dẫn, đột ngột, chua xót. Xã hội nào cũng có những cái không được đẹp, điều đó không có gì lạ; đáng buồn là con người có tính hiếu kì, tò mò, thích biết những cái xấu của người khác, khuyến khích những kẻ bới móc cái xấu của người khác. Tinh thần nhân đạo của tác giả hiện trong hành động can đảm của Alex.

Nghe cái tên Y Pha Nho của làng Loma, người ta cũng biết ngay rằng nó cất trên một ngọn đồi nhỏ, tròn, nổi ở giữa cánh đồng, đầu có đường đưa vào thung lũng Salinas, miền trung tâm xứ California. Ở phía Bắc và phía Đông Loma, có những mỏ than bùn rộng mấy cây số, nhưng ở phương Nam, người ta đã rút cạn nước ở vũng lầy, làm thành một khu trồng rau phì nhiêu, đất đen màu mỡ đến nỗi rau diếp và súp-lơ to lớn dị thường.

Chủ nhân những đất lầy ở phía Bắc làng bắt đầu thèm thuồng thứ đất đen đó, hùn nhau để lập một khu khai thác.

Tôi làm cho công ti đã kí hợp đồng với họ để đào mương. Công ti chở chiếc xáng nổi tới, lắp nó rồi bắt đầu đào một con mương thông suốt vũng lầy.

Mới đầu tôi rán ở một thời gian trong chiếc nhà bè với nhân viên của tôi, nhưng rồi chịu không nổi những đàn muỗi nó vo ve trên chiếc xáng và đám hơi độc dày đặc, như sương mù ở vũng lầy bốc lên là là trên mặt đất, nên phải vào ở trong làng, mướn một phòng cực kì ảm đạm trong căn nhà của Ratz. Tôi đã định kiếm một nơi khác xa hơn, nhưng sau lại thôi vì ở đó tiện, chủ nhà nhận giùm thư cho. Với lại, miễn là có chỗ ngủ trong căn phòng lạnh lẽo, tồi tàn đó, còn ăn thì tôi xuống nhà bè.

Dân số trong làng không quá hai trăm người.

Nhà thờ của giáo lý hội cất trên ngọn đồi, cách xa mấy cây số cũng trông thấy gác chuông. Chỉ có hai tiệm tạp hóa, một tiệm bán đồ sắt, một hội quán Tam Điểm nay đã bỏ, và quán Buffalo, là những chỗ dân làng lui tới. Trên sườn đồi là những căn nhà nhỏ bằng gỗ của dân làng và trên khu đất phì nhiêu, bằng phẳng ở phía Nam là nhà của điền chủ, cất trong những khoảnh đất nho nhỏ, chung quanh trồng những cây trắc bá cắt xén thành những bức tường cao để che gió thường thổi mạnh vào buổi chiều.

Buổi tối ở Loma không lại quán cà phê thì không biết làm gì. Quán cất bằng ván, cũ kĩ, có một cái cửa hai cánh, đẩy ra đẩy vô, một cái mái hiên bằng gỗ dựng ở trên vỉa hè. Chính phủ cấm rượu, họ cũng vẫn bán, rượu huýt-ki

dở tệ mà số khách hàng cũng chẳng giảm. Tối nào như tối nấy, bất kì người đàn ông nào ở Loma, hay chàng trai nào quá mười lăm tuổi, đều tới quán Buffalo ít nhất là một lần, uống một ly rượu, nói chuyện phiếm một lúc rồi về nhà.

Lão *Carl Mập* vừa làm chủ quán vừa làm bồi rượu, thấy khách nào mới tới cũng chào hỏi, bề ngoài thì lạnh lùng, nhăn nhó mà thực ra thì có vẻ thân mật, được khách hàng mến. Nét mặt lão ương ngạnh, giọng nói quạu quọ, vậy mà… Không biết lão có cái thuật gì. Chỉ biết rằng khi *Carl Mập* đã hơi quen tôi rồi, lão quay cái mõm khó thương về phía tôi như gắt gỏng hỏi tôi: "Uống cái gì đây?", thì tôi đã chẳng phật ý mà còn thấy hơi vinh hạnh được lão thiệt tình với mình nữa. Ai vô lão cũng hỏi câu đó, mặc dầu lão chỉ bán huýt-ki và cũng chỉ có mỗi một người lạ, khi người này đòi vắt thêm một miếng chanh vào li rượu. *Carl Mập* không ưa bộ tịch. Lão quấn một tấm giẻ lớn ở quanh mình, vừa đi vừa chùi li vào đó. Sân thì bằng ván rắc mạt cưa, quầy thì cũ kĩ, ghế dựa thì cứng ngắc và thẳng đơ, trang hoàng thì chỉ có những tấm quảng cáo, những tờ cáo bạch, và những tấm hình mà các ứng cử viên trong quận, các đại lí nhà buôn, các người bán đấu giá ghim đại lên vách. Có những tấm cũ từ lâu rồi. Ông quận trưởng Rittal chết đã bảy năm mà tờ cáo bạch hô hào dân chúng tái cử cho ông vẫn chưa gỡ.

Nếu tả quán Buffalo thì đến ngay như tôi, cũng thấy là một nơi ghê tởm, nhưng khi người ta dọc theo vỉa hè bằng gỗ, trong đêm tối, khi những đợt sương mù dài ở vũng lầy đưa lên, quất vào mặt người ta như những tấm

vải len có tuyết, dơ dáy và uyển chuyển, và sau cùng khi người ta đẩy cánh cửa vô quán của *Carl Mập*, thấy có khách hàng ngồi rải rác, đương uống rượu, chuyện trò, lại thấy lão tiến tới tiếp mình thì dù sao, người ta cũng thấy khoan khoái một chút.

Có một bàn bài tây để tiêu khiển. Thimothy-Ratz, người chồng của mụ chủ nhà trọ của tôi, trang bài chơi một mình, gian lận một cách xấu hổ để thắng, vì chỉ khi nào thắng mới uống rượu. Tôi đã thấy hắn thắng luôn năm ván. Thắng một ván, hắn kĩ lưỡng xếp những quân bài, đứng dậy, trịnh trọng tiến lại quầy. *Carl Mập* đã rót nửa li rượu trước khi hắn tới mà vẫn quen miệng hỏi:

– Uống cái gì đây?

Thimothy nghiêm trang đáp:

– Một ly huýt-ki.

Trong căn phòng dài, dân các trại và dân làng ngồi trên những cái ghế dựa cứng hoặc tựa vào cái quầy cũ kĩ. Bình thường họ trò chuyện nhỏ nhẹ, đều đều, trừ những khi có cuộc bầu cử hoặc một cuộc đấu quyền là mới có những người lớn tiếng diễn thuyết hoặc phát biểu ý kiến.

Tôi rất ngại đi chơi ban đêm trong miền bùn lầy này, để phải nghe tiếng máy Diesel nổ từ cái xáng đưa lại, tiếng lọc cọc của cái gàu sắt, rồi trở về căn phòng thê thảm của mụ Ratz.

Tới Loma được ít lâu, tôi quen với Mac Romero, một

ả xinh xinh lai Mễ Tây Cơ. Đôi khi vào buổi tối, tôi với ả xuống sườn đồi phía Nam dạo chơi cho tới lúc đám sương mù hôi hám làm cho chúng tôi khó chịu quá mà phải về sớm. Tôi đưa ả về nhà rồi lại quán ngồi một lát.

Một buổi tối nọ, tôi ngồi trò chuyện ở trong quán với Alex Hartnell, chủ một cái trại nhỏ nhỏ xinh xinh. Chúng tôi đương nói chuyện đi câu thì cánh cửa thình lình mở ra rồi tự khép lại. Không khí trong phòng hóa ra yên lặng, năng nề, Alex thúc khuỷu tay vào tôi, bảo: "*Thằng Johnny Gấu* đấy!".

Tôi ngó hắn.

Cái tên của hắn đủ tả rõ hắn rồi. Hắn có vẻ một con gấu lớn ngu độn mà lại tươi cười. Cái đầu đen rậm rì đưa ra phía trước, lắc lư, và hai cánh tay dài thòng xuống cơ hồ như bẩm sinh ra, hắn đi bốn cẳng mà chỉ nhờ tập tành hắn mới đứng thẳng người được. Hắn bận một cái quần xanh nước biển, nhưng đi chân đất; bàn chân không có vẻ tàn tật gì cả, nhưng hoàn toàn vuông, chiều dài bằng chiều ngang.

Hắn đứng ở cửa, đong đưa hai cánh tay từng cơn một, y như những thằng ngốc. Hắn mỉm cười một cách sung sướng đần độn và tiến tới. Mặc dầu hắn to lớn, nặng nề mà đi như lướt, không bước như chúng ta mà như một con thú đi ăn đêm. Tới quầy, hắn ngừng lại, cặp mắt ti hí sáng lên, ngó khắp người này người khác để dò xét, rồi hắn hỏi: "huýt-ki"?

Dân Loma không có tính rộng rãi. Cũng có kẻ mời người khác uống một ly, nhưng chỉ khi nào biết chắc rằng có đi có lại ngay kia thì mới mời. Cho nên tôi ngạc nhiên thấy một người trong đám dân làng ôn hòa đó đặt một đồng tiền lên mặt quầy. *Carl Mập* rót đầy li. Con quái vật đó vồ lấy, nuốt ực ngay.

Tôi vừa mới nói:

– Thằng quỉ!… thì Alex thúc khuỷu tay, bảo tôi im.

Thế là bắt đầu một trò nhái bộ tịch thật kì dị. *Johnny Gấu* đi ra phía cửa, rồi rón rén trở vô, trên mặt vẫn còn cái nụ cười ngu đần đó. Tới giữa phòng, hắn nằm rạp xuống sàn. Một giọng nói phát từ trong họng hắn ra, một giọng nói mà tôi quen thuộc.

– Cô xinh quá cô ơi, mà sao chui trong cái xó xỉnh này làm gì.

Tiếng nói cao lên rồi chuyển qua một giọng êm đềm phát ra từ họng và hơi có chút quê mùa:

– Ông cứ nói vậy.

Tôi nhớ rõ lúc đó tôi muốn té xỉu. Máu đập ở thái dương. Tôi đỏ mặt lên. Đúng là những tiếng nói của tôi từ trong họng *Johnny Gấu* phát ra, đúng là những lời của tôi và giọng của tôi. Rồi câu sau đúng là giọng của Mac Romero không sai một li. Nếu tôi không thấy hắn nằm rạp trên sàn, thì tôi đã tưởng là ả mà gọi ả lại rồi. Cuộc đối thoại lại tiếp tục. Những câu tán tỉnh đó, nghe một người

khác nói, sao mà thấy kì cục quá. *Johnny Gấu* tiếp tục, nói đúng hơn, chính là tôi tiếp tục. Hắn nói và phát ra những tiếng động. Lần lần, khách trong quán không ngó *Johnny Gấu* nữa mà quay về phía tôi, cười ngạo. Tôi đành chịu trận vì biết rằng nếu bắt hắn ngưng lại thì thêm rầy rà cho mình thôi, thành thử màn đó diễn cho tới hết. Khi đã diễn xong, tôi xấu hổ mà mừng thầm rằng Mac Romero không có anh hay em trai. Những lời *Johnny Gấu* thốt ra sao mà nhạt nhẽo, gượng gạo lố bịch đến thế! Sau cùng hắn đứng dậy, vẫn mỉm cười một cách đần độn, lại hỏi xin rượu.

– Huýt-ki?

Tôi ngờ rằng người trong quán thương hại tôi. Họ ngó đi phía khác, chăm chú nói chuyện với nhau. Johnny Gấu đi lại cuối phòng. Chui xuống gầm một cái bàn tròn dùng để đánh bài, nép mình như con chó rồi ngủ.

Alex Hartnell ngó tôi một cách ái ngại.

– Lần thứ nhất nghe thấy hắn?

– Phải, thằng tướng đó là cái quỉ gì vậy, trời với đất?

Alex làm thinh một lát rồi mới đáp:

– Nếu là vấn đề thanh danh của Mac thì ông đừng lo. Johnny đã có lần rình cô ả rồi.

– Nhưng làm sao hắn nghe được tụi tôi chứ? Tôi không hề thấy hắn.

– Khi hắn làm việc, có ai mà nghe thấy hay trông thấy hắn đâu. Hắn dời chỗ mà có vẻ không hề cử động lấy một

chút. Ông có biết thanh niên ở đây, mỗi khi đi chơi với tình nhân thì họ làm gì không? Họ dắt theo một con chó. Chó sợ Johnny lắm và đánh hơi biết được là hắn tới.

– Trời đất ơi! Những giọng nói đó…

Alex lắc đầu:

– Tôi biết. Ở đây có vài người viết thư cho Viện Đại học về trường hợp thằng Johnny và Viện phái một thanh niên tới. Người này ngó qua hắn rồi kể chuyện cho chúng tôi về gã *Tom Đui*. Đã nghe nói về *Tom Đui* chưa?

– Phải tay dương cầm da đen đó không? Có, tôi có nghe nói.

– Thì *Tom Đui*, cũng là một người chất phác lắm. Ăn nói khó khăn mà nghe ai đánh dương cầm, gã cũng bắt chước được, cả những bản nhạc dài. Để thử tài gã, người ta đã mời nhiều tay danh cầm đánh đờn và gã đã mô phỏng lại được đúng chẳng những bản nhạc mà cả những chỗ tế nhị riêng của từng nhà nữa. Muốn đánh lừa gã, họ cố ý đánh lầm vài nốt nho nhỏ, và gã cũng lặp lại đúng những chỗ lầm đó. Gã như chụp hình được hết thảy, cả những chi tiết nhỏ nhất, khi nghe ai đánh đờn. Người của Viện Đại học bảo rằng *Johnny Gấu* cũng vậy, chỉ khác là Johnny thì chụp hình lời nói và giọng nói. Người đó thử tài Johnny, đọc một đoạn dài bằng tiếng Hi Lạp và hắn đã lặp lại đúng. Hắn không biết những tiếng đó, hắn chỉ lặp lại thôi. Hắn không đủ thông minh để bịa ra được, cho nên người ta tin rằng những tiếng hắn lặp lại đúng là những

tiếng đã nghe[1].

– Nhưng tại sao hắn lại làm cái việc đó? Nếu hắn không hiểu thì hắn nghe làm gì, có lợi gì đâu?

Alex cuốn một điếu thuốc rồi đốt:

– Không có lợi gì cả, nhưng hắn mê huýt-ki. Hắn biết rằng rình nghe ở cửa sổ rồi lại đây lặp lại thì sẽ có người trả tiền huýt-ki cho hắn. Hắn đã định lặp lại những lời đàm thoại của mụ Ratz ở trong tiệm hoặc những lời Jerry Noland cãi nhau với mẹ, nhưng những cái đó tầm thường quá, ai mà chịu cho hắn huýt-ki.

Tôi bảo:

– Lạ thật, trong khi hắn lấm lét rình ở cửa sổ mà sao không có ai bắn cho hắn một phát.

Alex hít một hơi thuốc:

– Vô số người đã thử rồi, nhưng có gì đâu, không ai thấy hắn và không ai bắt được hắn. Người ta khép cửa sổ lại, và như vậy rồi cũng còn phải thì thầm với nhau, nếu không muốn cho hắn nghe được và lặp lại. Cũng may cho

---

(1) Thứ kí tính kì dị đó, các nhà tâm lí học gọi là mémorie éidétique. Ta viết một hàng số dài trên bảng rồi bôi đi, người có thứ kí tính đó nhìn xong là như đã chụp hình được trong óc hàng chữ đó; rồi nhìn vào tấm hình trong óc mà đọc xuôi, đọc ngược lại được cả hàng số, không sai một con. Có người chụp hình thanh âm, tức trường hợp của Johnny Gấu. Mémorie éidétique chúng tôi muốn dịch là *ấn ức*, nghĩa là nhớ như in vào trong óc vậy. (Lời chú thích của dịch giả).

ông là đêm đó tối như mực đấy; nếu không hắn đã trông thấy ông và có thể nhái những cử chỉ của ông. Phải nhìn Johnny Gấu thay đổi nét mặt để cho giống mặt một thiếu nữ, mới thấy là ghê tởm.

Tôi nhìn cái hình người nằm ở dưới bàn. Johnny Gấu quay lưng ra ngoài. Ánh sáng chiếu vào mớ tóc đen, bù xù của hắn, một con ruồi lớn đậu trên đầu hắn và tôi cam đoan rằng đã thấy da đầu hắn rung động như da con ngựa bị ruồi bu vậy. Con ruồi bay đi rồi đậu trở lại, da đầu mẫn nhuệ của hắn lại đuổi nó đi. Và toàn thân tôi cũng rờn rợn.

Những câu chuyện trong quán lại tiếp tục tẻ nhạt đều đều. Đã được mười phút rồi, Carl Mập chùi hoài một cái li vào chiếc khăn lá đáp. Một nhóm người ở bên cạnh tôi bàn về những cuộc đá gà, đấu chó rồi lần lần chuyển qua những cuộc đua bò mộng.

Alex rủ tôi:

– Đi uống một ly nào.

Chúng tôi lại quầy. Carl Mập lấy ra hai ly:

– Uống cái gì đây?

Chúng tôi chẳng ai đáp cả. Carl rót huýt-ki ra.

Lão ngó tôi, vẻ rầu rĩ, hạ mí mắt dày hum húp xuống rồi nghiêm trang liếc tôi. Không hiểu sao mà tôi lại thấy khoái vì vậy. Lão ngẩng đầu làm dấu chỉ bàn bài tây.

– Bị với hắn rồi, hả?

Tôi liếc lại:

– Lần sau, dắt theo con chó.

Tôi bắt chước giọng cộc lốc của lão. Chúng tôi uống huýt-ki xong rồi trở về ngồi chỗ cũ. Thimothy Ratz mới ăn một ván bài, xếp lại quân bài và tiến tới quầy.

Tôi ngó về phía Johnny Gấu ngủ ở dưới bàn. Hắn đã lăn sấp một vòng, mặt quay ra ngoài, mỉm cười ngu độn. Đầu hắn cử động và hắn ngó chung quanh như một con vật sắp chui ra khỏi hang. Rồi hắn bò ra ngoài, đứng dậy. Lối cử động của hắn có cái gì nghịch lí. Nó có cái vẻ vặn vẹo, dị hình dị dạng, vậy mà lại dễ dàng lạ lùng, không khó nhọc một chút xíu nào cả.

Hắn lướt lại quầy, đi qua mặt ai cũng mỉm cười lấy lòng. Khi tới trước quầy, hắn lại hỏi:

– Huýt-ki? Huýt-ki?

Giọng hắn như giọng chim. Tôi không biết là loài chim nào, nhưng nhớ rằng đã có nghe ở đâu rồi… Hai âm bổng lên, hỏi hoài có mỗi một câu:

– Huýt-ki?

Khách trong quán ngừng chuyện trò nhưng không ai đặt tiền trên quầy, Johnny than thở mỉm cười:

– Huýt-ki?

Rồi hắn rán câu thính giả. Từ cuống họng hắn phát ra giọng một người đàn bà giận dữ:

– Tôi bảo rằng chỉ có xương không thôi. Hai cắc nửa kí và nửa xương.

Rồi tới giọng một người đàn ông:

– Được, thím. Tôi không biết đấy. Tôi đổi cho thím một ít dồi.

Johnny Gấu ngó chung quanh, chờ đợi.

– Huýt-ki?

Không có ai chịu cho cả. Johnny lẻn ra cửa, ngồi chồm hổm.

Tôi hỏi nhỏ:

– Hắn làm gì vậy?

Alex đáp:

– Im. Hắn ngó lên một cửa sổ. Nghe này!

Giọng một người đàn bà đưa lên, một giọng lạnh lùng, tự tín, lời nói khô khan:

– Tao không hiểu nổi. Vậy ra mầy là một quái vật chăng? Nếu tao không thấy tận mắt thì không làm sao tin được.

Giọng một người đàn bà khác đáp lại, một giọng thấp, khàn vì khổ não.

– Có lẽ tôi là một quái vật. Tôi không chống lại được. Không chống lại được.

Giọng lạnh lùng kia ngắt ngay lời:

– Mày phải chống lại được. Chao ôi! Thà mày chết đi còn hơn.

Tôi nghe thấy một tiếng nức nở phát từ cặp môi dày

mỉm cười của *Johnny Gấu*. Tiếng nức nở của một người đàn bà tuyệt vọng. Tôi quay lại ngó Alex. Ông ta ngồi như phỗng đá, mắt ngó trừng trừng.

Tôi lắp bắp muốn hỏi một câu, nhưng ông ta ra dấu bảo im. Tôi ngó chung quanh phòng. Mọi người đều ngây ra, chăm chú. Tiếng nức nở ngừng.

– Chị Emalin, chị không bao giờ có cảm giác đó ư?

Nghe tên Emalin đó, Alex bỗng nín thở. Giọng lạnh lùng đáp:

– Tất nhiên là không.

– Không khi nào, ban đêm? Không một lần nào… Suốt đời chị không có lấy một lần?

– Nếu cái đó xảy ra, nếu có lần nào mà nó xảy ra thì tao đã cắt đứt cái chỗ đó của cơ thể tao rồi. Thôi, đừng khóc nữa, Amy. Tao chịu không nổi. Nếu mày không làm chủ được thần kinh của mày thì tao sẽ cho mày uống thuốc… Bây giờ đi tụng kinh đi.

Johnny Gấu vẫn mỉm cười:

– Huýt-ki?

Hai người khác lẳng lặng tiến lại quầy, đặt mỗi người một đồng tiền lên mặt quầy. *Carl Mập* rót hai li rượu và khi *Johnny Gấu* đã liên tiếp nốc hết, lão lại rót thêm một li nữa. Ai cũng biết rằng lão cảm động lắm. Ở quán Buffalo này, chủ quán không mời ai một chầu cả. *Johnny Gấu* mỉm cười với khắp phòng rồi lủi ra ngoài. Cánh cửa khép lại chầm chậm, lặng lẽ.

Mọi người im lặng, như tìm cách giải quyết một vấn đề ở trong đầu. Lần lần họ ra về từng người một và cánh cửa mỗi lần tự khép lại, đẩy vô phòng một luồng nhỏ sương mù. Alex đứng dậy đi về. Tôi cũng theo ra.

Sương mù nhớp nhúa, thấy mà ghê. Nó như bám dính vào nhà, và vươn những cánh tay dài lên không trung. Tôi bước vội để đuổi kịp Alex.

Tôi hỏi:

– Cái gì vậy? Chuyện gì vậy?

Đợi một lát tôi đã tưởng rằng ông ta không đáp. Nhưng rồi ông ta ngừng bước, quay về phía tôi:

– Chó thật! Đây này! Tỉnh nào cũng vinh hạnh về hạng quí phái mình, về một gia đình có thanh danh ở trong tỉnh, mà Emalin và Amy là hạng quí phái của nơi này; cả hai đều là gái già, nết na. Ông cụ thân sinh xưa là nghị sĩ! Tôi không ưa cái lối đó. Thằng *Johnny Gấu* không nên làm vậy. Với lại hai cô đó nuôi hắn kia mà. Mấy người trong quán không nên cho hắn huýt-ki. Bây giờ thì hắn sẽ rình chung quanh ngôi nhà đó. Bây giờ hắn biết rằng có thể kiếm huýt-ki được rồi.

Tôi hỏi:

– Có bà con gì với ông không?

– Không, nhưng hai cô ấy là hạng… nghĩa là hai cô ấy không như hạng người khác. Trại của hai cô ở bên cạnh

trại của tôi. Có một tụi Huê kiều làm rẽ. Ông hiểu chứ? Khó giảng quá. Các cô Hawkins làm tiêu biểu. Khi người miền này muốn… tả những hạng người nền nếp thì người ta nêu gương hai cô cho bọn trẻ theo.

Tôi cãi:

– Thì có sao? Thằng *Johnny Gấu* nói vậy mà có hại gì cho họ đâu?

– Tôi cũng không biết rõ nữa. Tôi không hiểu câu chuyện đó có ý nghĩa gì không. Nói cho đúng thì tôi lờ mờ nghi hoặc. Nhưng thôi, ngủ đi. Tôi về bộ, hôm nay không lái xe Ford đi.

Ông ta chia tay tôi rồi hấp tấp đi vào đám sương mù nó đương từ từ bò lên đồi.

Tôi về nhà trọ, nghe thấy tiếng máy Diesel nổ ở trên vũng lầy và tiếng rang rảng của cái gàu lớn nó há miệng ra tiến tới để nuốt bùn. Hôm đó là tối thứ bảy. Chiếc xáng sẽ nghỉ việc ngày chủ nhật từ bảy giờ sáng tới nửa đêm. Nghe tiếng máy chạy tôi biết rằng không có trục trặc gì cả. Tôi leo chiếc thang hẹp để lên phòng. Nằm trên giường, tôi còn để đèn sáng một lúc mà nhìn những bông lợt lạt, phai màu in trên giấy hoa dán ở tường. Tôi nghĩ tới hai giọng nói phát ra từ miệng Johnny Gấu ra. Đúng là giọng nói thật chứ không phải giọng giả. Khi nhớ lại những chỗ lên giọng xuống giọng, tôi tưởng như nhìn thấy hai người đàn bà đó: cô Emalin giọng lạnh lùng, và cô Amy nét mặt đau khổ, tuyệt vọng. Tôi tự hỏi nguyên nhân nỗi đau khổ

đó ở đâu. Có phải chỉ do nỗi cô liêu của một người đàn bà sắp hết xuân? Nhưng điều đó cũng khó tin vì trong giọng có vẻ sợ sệt nữa. Tôi ngủ thiếp đi; chợp được một lúc, tỉnh dậy, thấy đèn vẫn cháy, phải tắt đi.

Sáng hôm sau, khoảng tám giờ, tôi đi qua vũng lầy để tới xáng. Kíp thợ đương đặt dây cáp mới lên thùng máy, và quấn dây cáp cũ lại đem cất. Tôi đứng coi họ làm, khoảng mười một giờ tôi về Loma. Trước căn nhà của mụ Ratz, tôi thấy Alex Hartnell ngồi trong chiếc xe Ford mui sập kiểu T. Ông ta gọi tôi:

– Tôi định xuống xáng để kiếm ông. Sáng nay cho làm thịt hai con gà giò. Tính nhờ ông ăn tiếp, sợ không hết.

Tôi vui vẻ nhận lời. Người đầu bếp của chúng tôi béo phị, nấu ăn khéo; nhưng ít lâu nay tôi thấy có ác cảm với chú. Chú ta hút thuốc Cu-ba cắm trong bót thuốc làm bằng tre. Tôi không thích cái lối chú nắm tay lại mỗi buổi sáng. Tay chú sạch… dính đầy bột y như tay một người thợ xay bột. Lần đó là lần đầu tiên tôi hiểu sao người ta gọi cái loài chấy biết bay đó là "*con xay bột*". Tôi leo lên chiếc xe Ford, ngồi bên cạnh Alex và chúng tôi xuống đồi, tiến về phía khu đất phì nhiêu ở phía Tây Nam. Mặt trời chiếu rực rỡ trên mặt đất đen. Hồi nhỏ, một đứa trẻ theo đạo Ki tô bảo tôi rằng ngày chủ nhật nào trời cũng nắng dù là nắng có một lúc, vì ngày đó là ngày của Chúa. Tôi vẫn để ý nhận xét xem lời đó có đúng không. Chúng tôi

tới cánh đồng bằng phẳng trong tiếng lọc cọc của chiếc xe.

Alex hỏi lớn tiếng:

– Ông còn nhớ hai cô Hawkins không?

– Tất nhiên là nhớ.

Ông ta chỉ một điểm ở phía trước:

– Nhà hai cô ở đó.

Một hàng rào trắc bách cao và dài che gần hết nhà, chả trông thấy được mấy tí. Chắc là có một khu vườn nhỏ trong khoảnh đất vuông đó. Chỉ có nóc nhà và phía trên các cửa sổ là ló lên khỏi hàng cây. Nhà sơn màu thổ hoàng, những chỗ trang sức thì sơn màu hạt giẻ đậm, hai màu đó thường dùng cho các nhà ga và trường học California. Phía trước và phía hông hàng rào có hai cái cửa song. Lẫm lúa ở phía sau nhà, ngoài hàng rào. Hàng rào xén vuông vắn. Nó có vẻ dày và chắc chắn lạ lùng.

Alex la lớn để át tiếng máy của chiếc xe Ford.

– Hàng rào đó để che gió.

Tôi bảo:

– Mà không che khỏi *Johnny Gấu.*

Mặt ông ta hơi sầm lại. Ông ta chỉ một căn nhà vuông trắng toát cất hơi xa xa ở trong đồng.

– Bọn Huê kiều làm rẽ ở căn nhà đó. Siêng năng. Tôi cũng muốn có một bọn như vậy.

Lúc đó có một con ngựa cột vào một chiếc xe trần hai bánh, ở phía sau hàng rào ló ra, tiến lên mặt đường. Con ngựa xám tuy già nhưng được săn sóc kĩ lưỡng, chiếc xe bóng nhoáng mà bộ đồ ngựa cũng đánh bóng. Trên mỗi tấm che mắt, có một chữ H lớn mạ bạc. Tôi có cảm giác rằng bộ dây cương giả ngắn quá, không hợp với con ngựa già như vậy.

Alex la lên:

– Kìa, hai cô ấy đi lễ, kìa.

Khi xe đi ngang, chúng tôi ngả mũ, cúi chào và hai cô cúi đầu đáp lễ rất đúng nghi thức. Tôi được nhìn rõ và tôi xúc động. Gần đúng như tôi đã tưởng tượng. Thằng Johnny Gấu còn quái đản hơn là tôi ngờ nữa; chỉ bằng giọng nói mà hắn tả được dung mạo nhân vật của hắn.

Tôi nhận ngay cô nào là Emalin, cô nào là Amy. Cặp mắt trong và nhìn thẳng, cằm nhọn và tự tín, nét miệng như cắt bằng kim cương, không sai một li, vẻ mặt lạnh lùng không có những đường cong, chính là Emalin rồi. Amy giống chị cũng nhiều, mà khác chị cũng nhiều. Khuôn mặt dịu hơn. Vẻ nhìn ấm áp mà cặp môi dày. Ngực tròn; vậy mà coi vẫn giống Emalin. Nhưng miệng của Emalin vốn nghiêm, mà miệng của Amy thì giữ cho nghiêm. Emalin vào khoảng năm mươi, năm mươi lăm tuổi. Amy nhỏ hơn độ mười tuổi. Tôi chỉ thoáng thấy hai cô có một chút rồi không gặp lại nữa, mà lạ lùng thay, tôi tưởng như không biết rõ ai bằng biết rõ hai cô.

Alex hỏi lớn:

– Bây giờ thì ông hiểu tôi muốn nói gì khi tôi dùng tiếng quí phái chứ?

Tôi gật đầu. Dễ thấy quá mà. Một nhóm cộng đồng nào mà có được hai người đàn bà như vậy thì tất là có cái cảm giác… an toàn. Một làng như làng Loma này, với những sương mù, những vũng lầy gớm ghiếc như một tội lỗi ghê tởm đó, quả thực là cần có hai cô Hawkins. Nếu không có hai người đàn bà đó để giữ thăng bằng thì chỉ ở cái chốn này vài năm là thế nào cũng có những ảnh hưởng tai hại tới não cân.

Bữa cơm đó ngon. Bà chị của Alex phết bơ, áp chảo mấy con gà giò và nấu những món khác rất khéo. Tôi đâm ra nghi ngờ hơn và bớt nhân từ với người đầu bếp của tôi. Chúng tôi ngồi trong phòng ăn, nhấp một thứ rượu mạnh rất ngon.

Tôi bảo:

– Tôi không hiểu ông lại quán Buffalo làm gì. Thứ huýt-ki đó…

Alex đáp:

– Tôi biết. Nhưng Buffalo là linh hồn của Loma. Nó là tờ nhật báo, là rạp hát, là câu lạc bộ của chúng tôi.

Lời đó đúng đến nỗi mà khi Alex đánh xe đưa tôi về thì tôi biết mà ông ta cũng biết rằng chúng tôi sẽ lại quán Buffalo ngồi một hay hai giờ.

Chúng tôi đã gần tới thành phố. Ánh sáng yếu ớt của đèn xe nhảy nhót trên đường. Một chiếc xe khác lóc cóc tiến lại. Alex thắng xe ở ngang đường, rồi giảng cho tôi:

– Viên thầy thuốc đấy, bác sĩ Holmes.

Chiếc xe kia tới, ngừng lại vì bị xe chúng tôi chặn đường.

Alex gọi:

– Bác sĩ! Tôi tính đi rước ông lại thăm bệnh cho chị tôi đây. Chị ấy sưng ở cuống họng.

Bác sĩ Holmes đáp:

– Được, Alex, tôi sẽ tới. Tránh đường cho tôi đi. Có việc gấp.

Alex hỏi ngay:

– Ai đau vậy?

– Cô Amy hơi khó ở. Cô Emalin kêu điện thoại, bảo tôi lại gấp. Thôi tránh đường ra.

Alex lùi xe lại cho xe bác sĩ qua, rồi chúng tôi lại đi. Tôi đã sắp khen rằng trời đêm đó sao mà trong vậy thì ngó phía trước đã thấy ngay những đám sương mù từ vũng lầy lướt lên chung quanh trái đồi và bò như những con rắn uể oải, cho tới đỉnh đồi. Chiếc xe Ford rung chuyển rồi ngừng lại trước quán Buffalo. Chúng tôi vô quán.

Carl Mập vừa tiến lại chúng tôi vừa chùi một cái ly vào chiếc khăn lá đáp. Lão lấy một chai rượu đã mở sẵn ở dưới quầy, hỏi:

– Uống cái gì đây?

– Huýt-ki.

Trên cái mặt phị, ủ rũ của lão thoáng hiện một nụ cười yếu ớt. Quán đầy khách. Cả kíp dưới xáng có mặt ở đó, trừ chú bếp. Chắc chú ta đương ngồi trên bờ hút thuốc lá Cu-ba cắm trong cái bót thuốc bằng ống sậy. Chú không uống rượu, bấy nhiêu đủ cho tôi nghi ngờ chú rồi. Hai người thợ trên boong, một viên kĩ sư và ba người thợ máy ngồi ở đó. Tụi thợ máy bàn với nhau về việc đào một con kinh.

Tục ngữ cổ này của bọn tiều phu: "Ở rừng thì nói chuyện điếm mà ở nhà thổ thì nói chuyện đốn rừng", áp dụng vào tụi thợ máy chắc chắn là đúng.

Tôi chưa thấy quán rượu nào mà bình tĩnh như quán rượu này. Không có chuyện ẩu đả, ít có tiếng hát và không bao giờ có những chuyện chơi khăm nhau. Không hiểu bằng cách nào, nhưng hình như cặp mắt buồn rầu, bi thảm của Carl Mập làm cho cái sự uống rượu ở đây thành ra một công việc yên ổn, hữu hiệu, chứ không phải là một cuộc giải trí gây gổ. Thimothy Ratz ngồi ở một cái bàn tròn, trang bài. Alex và tôi uống huýt-ki. Không còn một chiếc ghế trống và chúng tôi đứng tựa vào quầy, nói chuyện về thể thao, về làm ăn, về những thế sự mà chúng tôi đã từng trải hoặc cứ khoe đại rằng đã từng trải... tóm lại là nói những chuyện nhạt nhẽo, thứ chuyện trong quán cà phê ấy mà. Thỉnh thoảng chúng tôi lại mời nhau thêm một ly nữa. Chúng tôi ở quán đã đến một hai giờ rồi. Alex đã ngỏ

ý muốn về, mà tôi cũng muốn về. Kíp thợ dưới xáng rủ nhau về cả bọn vì nửa đêm họ phải làm việc lại.

Cánh cửa lặng lẽ mở ra và *Johnny Gấu* lướt vô phòng, đong đưa hai cánh tay dài, lắc lư chiếc đầu lớn, bù xù, và mỉm cười đần độn. Bàn chân vuông của hắn y như bàn chân mèo.

Hắn đánh lưỡi, hỏi:

– Huýt-ki?

Chẳng ai khuyến khích hắn cả. Hắn trổ nghề, nằm rạp xuống sàn như lần hắn nhái tôi. Những tiếng bổng trầm, nghẹt mũi phát ra; tôi đoán là tiếng Trung Hoa. Rồi hình như chính những tiếng đó được lặp lại bằng một giọng khác, chậm rải hơn, không nghẹt mũi. *Johnny Gấu* ngẩng cái đầu bờm xờm lên, hỏi:

– Huýt-ki?

Rồi hắn đứng dậy, dễ dàng lạ lùng, không phải gắng sức một chút. Tôi thấy ngồ ngộ, muốn biết tài của hắn, đẩy hai cắc rưỡi trên mặt quầy. *Johnny Gấu* nốc hết ly rượu. Một lát sau tôi mới ân hận. Tôi không dám nhìn Alex nữa, vì *Johnny Gấu* đã lướt tới giữa phòng rồi làm bộ ngồi rình ở cửa sổ.

Giọng cứng cỏi của Emalin bảo:

– Thưa bác sĩ, cô ấy đây.

Tôi nhắm mắt lại để khỏi thấy Johnny Gấu và đúng lúc đó, hắn né ra. Giọng đó là giọng của Emalin Hawkins.

Tôi đã nghe giọng của bác sĩ trên đường và đúng lúc là cái giọng của ông ta đáp lại:

– A… cô bảo là… là té xỉu ư?

– Thưa bác sĩ, vâng.

Ngưng một chút, rồi giọng bác sĩ rất ngọt ngào:

– Emalin? Tại sao cô ấy lại làm vậy?

– Tại sao cô ấy làm cái gì?

Trong câu hỏi gặng lại đó, có cái giọng gần như dọa nạt:

– Emalin này, tôi là y sĩ chữa bệnh cho gia đình cô. Xưa kia tôi đã chữa bệnh cho ông nhà. Cô phải kể cho tôi nghe. Cô tưởng rằng tôi chưa bao giờ trông thấy cái vết như vết đó ở trên cổ ư? Khi cô hay mà tới thì cô ấy treo được bao lâu rồi?

Ngừng một lúc lâu hơn. Giọng người đàn bà hết cứng cỏi:

– Hai ba phút gì đó. Thưa bác sĩ, không sao chứ?

– Không sao đâu, cô ấy sẽ như thường. Không bị nặng. Tại sao cô ấy lại làm vậy?

Giọng người đáp còn lạnh lùng hơn lúc đầu nữa. Lạnh như băng:

– Thưa ông, tôi không biết.

– Cô muốn nói rằng cô không muốn cho tôi biết hả?

– Tôi muốn nói điều mà tôi nói.

Rồi tới giọng của bác sĩ dặn dò cách săn sóc: nghỉ ngơi, uống sữa và chút huýt-ki.

Ông ta bảo:

– Cần nhất là phải tỏ vẻ ngọt ngào với cô ấy, nhớ kĩ đấy.

Giọng Emalin hơi run run:

– Thưa bác sĩ, bác sĩ… giữ kín cho chứ?

Bác sĩ đáp nhỏ nhẹ:

– Tôi là y sĩ cho nhà này mà. Tất nhiên tôi giữ kín. Tối nay tôi sẽ cho mang thuốc an thần lại.

– Huýt-ki?

Thình lình tôi mở mắt ra. Thằng *Johnny Gấu* ghê tởm đó mỉm cười với mọi người.

Ai nấy im lặng, xấu hổ. Carl Mập ngó xuống đất. Tôi quay về phía Alex, xin lỗi, và chính tôi mới chịu trách nhiệm. Tôi bảo:

– Tôi có biết đâu rằng hắn làm vậy. Tôi ân hận lắm.

Tôi đi ra, trở về căn phòng thê thảm của tôi, ở nhà mụ Ratz. Tôi mở cửa sổ, ngó làn sương mù uốn khúc bò lên, từng đợt. Ở phía xa, trên vũng lầy, tôi nghe tiếng máy diesel bắt đầu chạy chầm chậm rồi nóng lên. Một lát sau có tiếng sắt của cái gàu bắt đầu đào mương.

Sáng hôm sau, một loạt tai nạn rất thường trong nghề

liên tiếp đổ dồn lên đầu chúng tôi. Một chiếc dây cáp mới bỗng đứt trong khi kéo gàu về và làm rớt gàu lên một chiếc xà lan và chiếc xà lan này với dụng cụ chìm xuống dưới ba thước nước bùn. Khi chúng tôi đã thả xuống một "khối đu" rồi cột một sợi dây cáp để câu lên thì dây lại đứt nữa, cắt rời chân một người thợ trên boong. Người ta vội băng bó đầu chân còn lại rồi chở gấp lại Salinas. Rồi tới những tai nạn nho nhỏ. Một người thợ máy bị dây cáp cà vào, trầy da làm mủ. Chú bếp tìm cách bán cho anh ta một hộp nhỏ *marijuana*, điều đó tỏ rằng ý kiến của tôi về chú ta không sai chút nào. Xét chung thì dưới xáng không có một lúc nào yên, không có chuyện nọ thì có chuyện kia. Phải đợi hai tuần lễ chúng tôi mới có một xà lan mới, một người thợ boong mới, một người bếp mới mà tiếp tục lại công việc.

Người bếp mới nhỏ con, mũi dài, nước da ngăm ngăm, tính tình nham hiểm và có tài khéo nịnh.

Cả nửa tháng tôi không tiếp xúc gì với đời sống xã hội Loma cả, nhưng khi cái gàu bắt đầu kêu lẻng xẻng vục xuống bùn, khi cái máy diesel cũ kĩ, to lớn bắt đầu nổ rầm trên vũng lầy, thì tôi đi bộ lại thăm trại Alex Hartnell vào một buổi tối. Đi ngang qua nhà Hawkins, tôi ngó qua một cái cửa song nhỏ đục trong hàng rào trắc bách. Trong nhà tối om, mặc dầu có một ánh đèn yếu ớt le lói ở cửa sổ.

---

(1) Một loại cây gai.

Đêm đó, gió thổi nhẹ, và những khối sương mù lăn nhè nhẹ trên mặt đất như bông cây thảo nhi(1). Tôi đi trong một chỗ trống được một lúc, rồi bị một đám sương dày nuốt mất, rồi lại ra một chỗ sáng. Dưới ánh sao, tôi thấy những cục sương mù lớn loang loáng bạc đó chạy qua cánh đồng. Tôi tưởng như nghe thấy tiếng than thở i ỉ phát ra từ sau hàng rào trắc bách của khu vườn Hawkins, rồi thình lình tôi ra khỏi đám sương mù và thấy một bóng đen chạy vội trong cánh đồng và nghe tiếng chân kẻ đó lết trên đất, tôi nhận ngay được là một người làm công Huê kiều đi dép. Bọn Huê kiều thường ăn vô số loài vật mà chỉ ban đêm mới bắt được.

Tôi gõ cửa. Alex bước ra. Thấy tôi, ông ta có vẻ mừng. Bà chị ông ta không có nhà. Tôi ngồi gần lò sưởi và ông ta đem một chai rượu mạnh tuyệt hảo ra, hỏi tôi:

– Nghe nói ông gặp nhiều chuyện rắc rối?

Tôi kể cho ông ta nghe nguyên do.

– Hình như tai họa rủ nhau tới từng loạt. Họ đã tính ra rằng nó tới từng nhóm một, ba, năm, bảy hay chín tai họa liên tiếp nhau.

Alex gật đầu:

– Tôi cũng hơi có cái cảm giác đó.

Tôi hỏi:

– Hai cô Hawkins ra sao? Đi ngang qua tôi nghe có tiếng khóc.

Alex nửa như tởm không muốn nói về họ, nửa lại thích nói.

– Tôi có lại thăm cách đây khoảng một tuần. Cô Amy không được mạnh. Tôi không gặp cô ấy, chỉ gặp cô Emalin thôi.

Rồi Alex nói toạc ra:

– Có cái gì nó đè nặng lên họ, cái gì nó…

Tôi bảo:

– Người ta tưởng như ông là thân thích của họ.

– Thì ông già tôi và ông già hai cô ấy xưa là bạn thân. Hồi xưa chúng tôi quen gọi là dì Amy, dì Emalin. Họ không thể làm một cái gì xấu xa được. Nếu hai chị em Hawkins không còn là hai chị em Hawkins nữa, thì dân chúng miền này sẽ không còn ra cái gì cả.

Tôi hỏi:

– Cái lương tâm của cộng đồng chăng?

Ông ta lớn tiếng đáp:

– Sự an toàn. Nơi mà trẻ con tới được ăn bánh. Nơi mà thiếu nữ tới được an ủi. Họ tự đắc thật, nhưng họ tin những cái mà chúng ta chỉ mong rằng đúng chứ chưa tin hẳn. Mà họ sống như là… như là ở đời này, sự lương thiện là chính sách tốt hơn hết mà sự nhân từ tự nó là một phần thưởng rồi. Chúng tôi cần có hai cô ấy.

– Tôi hiểu rồi.

– Nhưng lúc này cô Emalin đương chiến đấu với một cái gì ghê gớm và… và tôi ngờ rằng cô thắng không nổi.

– Ông muốn nói gì vậy?

– Tôi cũng không biết nữa. Nhưng tôi nghĩ đến việc giết thằng *Johnny Gấu* rồi liệng thây nó xuống vũng lầy. Thực tình tôi đã tính làm cái việc đó.

Tôi bảo:

– Đâu phải lỗi của hắn. Hắn chỉ như một cái máy ghi âm rồi phát ra đúng, nhưng đáng lẽ dùng một cái thẻ bỏ vô máy thì đằng này người ta dùng một li huýt-ki.

Rồi chúng tôi nói sang chuyện khác, một lát sau tôi về Loma. Tôi tưởng như sương mù bám vào hàng rào trắc bách của ngôi nhà Hawkins, và vô số khối sương dồn đống lại ở chung quanh trong khi những khối khác chầm chậm lách vô. Tôi vừa tiếp tục đi vừa mỉm cười, nghĩ tới cái lối mà óc con người thường dùng để có thể chỉnh lí lại thiên nhiên cho nó hợp với tư tưởng của mình. Khi tôi đi ngang, trong nhà không có ánh đèn.

Công việc của tôi lại theo một thủ tục rất đều đều. Chiếc gàu lớn đào mương, lần lần tiến tới. Kíp thợ biết rằng tai nạn qua rồi, điều đó có lợi cho tinh thần họ; người bếp mới khéo dụ dỗ họ đến nỗi có rán bê-tông cốt sắt cho họ ăn họ cũng ăn. Cá tính của người bếp cần cho hạnh phúc một kíp đào kinh hơn là các món ăn người ấy nấu.

Hai ngày sau khi lại thăm Alex vào buổi tối, tôi đi trên vỉa hè gỗ, để lại sau lưng một luồng sương mù, rồi

vô quán Buffalo. Carl Mập vừa chùi li vừa tiến lại phía tôi. Tôi la lớn: "Huýt-ki" không để cho lão kịp hỏi tôi muốn uống gì. Tôi cầm li, lại ngồi một cái ghế tồi tàn. Alex không có ở đó. Thimothy Ratz trang bài và ăn một ván may mắn lạ thường. Hắn thắng luôn bốn ván và mỗi lần thắng là uống một li huýt-ki. Khách tới mỗi lúc một đông. Không có quán Buffalo này, không biết chúng tôi sẽ làm gì đây.

Khoảng mười giờ, ai nấy đã biết tin tức. Sau này nghĩ lại những chuyện đó, người ta không thể nhớ rõ được tin tức tiết ra cách nào. Một kẻ nào đó vô, tiếng thì thào truyền khắp phòng, và thình lình ai nấy đều biết việc đã xảy ra với đầy đủ chi tiết. Cô Amy đã tự tử. Ai đem tin đó lại? Tôi cũng không biết nữa. Cô đã treo cổ. Trong quán, người ta không phê bình gì nhiều về tin đó. Tôi thấy mọi người rán giữ một thái độ nghiêm trang. Thường họ không như vậy. Họ ngồi thành từng nhóm, nói với nhau nhỏ nhẹ.

Cánh cửa từ từ mở và Johnny Gấu lướt vô, cái đầu rậm, lớn của hắn lắc lư, nụ cười đần độn hiện trên môi. Chân hắn yên lặng phớt qua trên sàn. Hắn ngó chung quanh, hỏi:

– Huýt-ki? Huýt-ki cho Johnny?

Bây giờ thì ai nấy đều muốn biết rõ. Họ xấu hổ vì tò mò muốn biết, nhưng khối óc của họ xúi họ phải biết. *Carl Mập* rót một li. Thimothy Ratz đặt bài xuống, đứng

dậy. *Johnny Gấu* nốc hết li rượu. Tôi nhắm mắt lại.

Bác sĩ có giọng gắt:

– Emalin, cô ấy đâu?

Tôi chưa bao giờ nghe thấy một giọng nào như giọng người đáp lại: lạnh lùng tự chủ, nhưng chỉ có bề ngoài là tự chủ, còn bề trong thì khổ não ghê gớm mà vẫn lạnh lùng. Giọng đều đều, không cảm xúc gì cả, nhưng trong sự rung động của âm thanh hiện rõ sự thống khổ.

– Thưa bác sĩ, cô ấy ở đó.

– Hừm… - Ngừng một lúc lâu - Treo cổ lâu chứ?

– Thưa bác sĩ, tôi không biết là bao lâu.

– Tại sao cô ấy làm vậy, Emalin?

Lại cái giọng đều đều:

– Thưa bác sĩ… tôi không biết.

Ngừng lâu hơn nữa, rồi:

– Hừm… Emalin, cô biết rằng cô ấy có mang chứ?

Giọng lạnh lùng mà đau đớn, người ta nghe tiếng thở dài:

– Thưa bác sĩ, vâng.

Rồi có tiếng rất nhỏ:

– Nếu vậy mà cô chùng chình, mãi rồi mới hay… Không, Emalin, tôi không muốn nói vậy đâu, tội nghiệp cô.

Giọng Emalin lại tự chủ được:

– Bác sĩ có thể làm tờ khai mà không ghi…

– Chắc chắn là được, thế nào cũng được mà. Tôi sẽ nói thêm với người lo việc chôn cất nữa. Cô đừng ngại gì cả.

– Đa tạ bác sĩ.

– Tôi đi kêu điện thoại bây giờ đây. Không thể để cô ngồi một mình ở đây được. Qua phòng bên đi, Emalin. Tôi cho cô một liều an thần…

– Huýt-ki? Huýt-ki cho Johnny?

Tôi nhìn cái nụ cười và cái đầu rậm lắc lư của hắn. Carl Mập rót thêm một li nữa. *Johnny Gấu* nốc cạn rồi lướt tới cuối phòng, bò xuống dưới gầm một cái bàn, ngủ.

Mọi người làm thinh. Người ta lại quầy, lặng lẽ trả tiền. Vài phút sau Alex đẩy cửa vô, phòng vẫn yên lặng. Ông ta bước vọt lại phía tôi, hỏi nhỏ:

– Ông hay tin chứ?

– Hay.

– Trước kia tôi đã lo ngại. Tối hôm nọ tôi có nói với ông rồi. Lúc đó tôi ngại quá.

Tôi hỏi:

– Hôm đó ông biết rằng cô ấy có mang ư?

Alex cứng sửng ra, ngó khắp phòng rồi ngó tôi, hỏi:

– Johnny Gấu hả?

Tôi gật đầu.

Alex lấy bàn tay che mắt:

– Tôi không thể tin được điều đó.

Tôi sắp đáp thì nghe có tiếng lục đục, tôi ngó về phía cuối phòng, Johnny Gấu bò trong hang của hắn ra, lướt về phía quầy.

– Huýt-ki?

Rồi hắn mỉm cười với Carl Mập, đợi.

Tức thì Alex tiến tới, nói với mọi người trong quán:

– Xin bà con nghe tôi nè! Như vậy đã là quá rồi. Thôi đi.

Không ai phản đối cả. Tôi thấy nhiều người gật đầu với nhau, tỏ ý tán đồng.

– Huýt-ki cho Johnny?

Alex quay lại ngó thằng ngốc đó:

– Mày phải biết xấu hổ chứ. Cô Amy cho mày ăn, bao nhiêu quần áo mày bận cũng do cô ấy cho mày cả.

Johnny mỉm cười với ông ta:

– Huýt-ki?

Rồi hắn trổ tài. Tôi nghe thấy một giọng bổng trầm nghẹt mũi, chắc là giọng Trung Hoa. Alex có vẻ vững bụng.

Rồi tới một giọng khác, chậm rải, do dự, lặp lại những

tiếng đó mà không nghẹt mũi.

Alex nhảy chồm lại, nhanh đến nỗi tôi không hay, thoi một cú mạnh vào cái miệng mỉm cười của Johnny, vừa thoi vừa hét:

– Tao đã biểu mày rằng thôi.

Johnny Gấu lấy lại thăng bằng. Môi nó tét ra, đỏ những máu, nhưng nó vẫn còn mỉm cười. Nó cử động chậm chạp, không hề gắng sức. Cánh tay nó quàng Alex như những cái tua con hải quỳ ôm con cua. Alex gập mình về phía sau. Tôi nhảy bổ lại, nắm lấy một cánh tay của hắn, cố vặn mà hắn vẫn không bỏ Alex ra. Carl Mập lăn trên mặt quầy nhảy xuống, tay cầm một cái vồ của bọn thợ đóng thùng rượu. Lão đập vồ vào cái đầu bù xù cho tới khi cánh tay hắn thả ra, và hắn ngã lăn xuống sàn. Tôi ôm lấy Alex, dìu ông ta ngồi xuống một cái ghế.

– Ông bị thương không?

Ông ta rán thở, đáp:

– Có lẽ tôi bị trẹo lưng. Nhưng không sao.

– Ông có chiếc xe Ford ngoài đó không? Tôi đưa ông về.

Khi xe chạy qua nhà Hawkins, chúng tôi không ngó vô. Tôi nhìn đăm đăm con đường. Tôi đỡ Alex vô căn nhà tối tăm, đưa ông ta lên giường nằm và cho ông ta uống một li rượu chanh. Suốt trên đường về, ông ta không nói một tiếng. Khi nằm yên trên giường rồi, ông ta mới hỏi:

– Theo ý ông, có ai kịp nhận thấy không? Tôi đã làm nó im miệng vừa đúng lúc chứ?

– Ông muốn nói gì? Tôi vẫn chưa hiểu tại sao ông lại đánh hắn.

– Ông nghe tôi nè. Lưng tôi như vầy, chắc tôi phải nằm trong một thời gian. Nếu ông nghe thấy điều gì, thì ngăn cản người ta nhé? Không nên để cho họ nói gì.

– Tôi vẫn chưa hiểu ông muốn nói gì.

Ông ta ngó thẳng vào mặt tôi một lúc rồi đáp:

– Tôi nghĩ rằng có thể tin cậy ông được. Giọng nói thứ nhì đó… là giọng cô Amy.

NGƯỜI CHỈ HUY

THE LEADER OF THE PEOPLE

Đa số các tuyển tập đều lựa truyện này của Steinbeck. Tâm lí cả năm nhân vật đều sắc bén, nhất là tâm lí của ông già và em nhỏ. Truyện buồn man mác mà xen lẫn chút vui hồn nhiên. Không có gì cảm động bằng cảnh ông cháu quyến luyến nhau, ông tiếc thời oanh liệt đã qua mà cháu mơ ước những oanh liệt của tổ tiên.

Chiều thứ bảy đó, Billy Buck người làm công trong trại ruộng lấy cào gom đống cỏ khô còn lại từ năm trước và liệng từ nạng cỏ qua hàng rào dây kẽm cho mấy con bò đã lửng dạ. Trên trời, những cụm mây nhỏ tựa như khói đạn, trôi về phương Đông, dưới ngọn gió tháng ba. Người ta có thể nghe tiếng gió thổi ào ào trong khu rừng rậm ở ngọn đồi, nhưng tại trại ruộng đó ở đáy lòng chảo này, gió không xuống tới.

Em nhỏ Jody vừa chạy ở trong nhà ra vừa ăn một miếng bánh phết bơ. Thấy Billy cào nốt đống cỏ khô, em lết lại gần; người ta đã bảo em lết kiểu đó thì hại gót giày lắm, nhưng em cũng không chừa. Một bầy bồ câu trắng

ở cây trắc bá bay vù ra khi em đi ngang qua, lượn một vòng chung quanh cây rồi trở lại đậu trên cây. Một con mèo vằn nhỏ từ mái hiên căn nhà ván nhảy ra, chạy qua đường, ngừng lại rồi chạy lộn về. Jody lượm một cục đá, tính ném, nhưng đã trễ quá, con mèo đã chui xuống dưới sàn rồi. Em liệng hòn đá vào cây trắc bá và làm cho bầy bồ câu trắng lại bay vù ra, lượn một vòng nữa.

Tới đống cỏ khô đứa nhỏ tựa vào hàng rào dây kẽm gai, hỏi:

– Còn có bấy nhiêu là hết, phải không chú?

Chú Billy, một người đứng tuổi, siêng năng, ngừng tay, cắm cái chàng nạng xuống đất, giở nón ra vuốt tóc, đáp:

– Chả còn gì cả, trừ ít cỏ đã mục vì đất ẩm thấp.

Chú đội lại nón, xoa hai bàn tay khô đét như da thuộc.

Jody hỏi:

– Chắc là đầy nhóc chuột, phải không chú?

– Ừ, lúc nhúc những chuột. Chúng phá quá.

– Vậy khi nào chú làm xong, tôi có thể kêu chó lại cho chúng bắt nhé?

– Được mà.

Chú lấy cái chàng nạng giở một ít cỏ ẩm tung lên cao. Ngay lúc đó ba con chuột nhắt nhảy lên rồi hoảng hốt chui vào đống cỏ.

Jody thở ra khoan khoái. Bầy chuột mập mạp, lông mướt, không biết kiêng nể ai đó, lần này thì tiêu. Đã tám tháng nay chúng sinh sản trong đám cỏ khô, Jody dùng mèo, bẫy, thuốc, đủ cách mà không diệt được chúng. Trong cảnh yên ổn, chúng hóa ra lanh lợi, ngạo mạn và mập ú. Bây giờ thì tới lúc chết rồi: không còn sống thêm được một ngày nào nữa.

Billy ngó đỉnh những ngọn đồi bao vây cái trại, bảo:

– Có lẽ em nên hỏi ý ba em trước đã.

– Ừ, ba ở đâu? Để tôi hỏi ngay bây giờ.

– Sau bữa cơm, ông đã cưỡi ngựa lên trại ở ngọn đồi. Chắc cũng sắp về.

Jody ngã lưng vào nọc hàng rào:

– Ba mà để ý gì tới chuyện đó.

Billy tiếp tục làm việc, giọng ngài ngại:

– Cứ hỏi ý trước đi thì hơn. Còn lạ gì tính ông.

Jody biết rõ tính cha. Ở trại bất kì là việc quan trọng hay không, ba em, ông Carl Tiflin, bắt mọi người phải xin phép ông rồi mới được làm.

Jody để lưng tuột lần theo cây nọc, cho tới khi ngồi bệt xuống đất. Nó ngẩng lên ngó những đám mây tròn bay theo gió.

– Chú Billy, như sắp mưa, hả?

– Có thể lắm. Gió đó thì mưa nhưng gió chưa đủ mạnh.

– Ước gì tôi giết xong bầy chuột trời đánh này rồi hãy mưa.

Nó quay lại ngó xem Billy có để ý đến lời rủa ra vẻ người lớn của nó không, nhưng Billy cứ tiếp tục làm, không phê bình gì cả. Jody quay đi ngó ngọn đồi trên đó có con đường từ thế giới bên ngoài đưa vào trại. Ánh nắng yếu ớt tháng ba như gội sạch ngọn đồi. Những cây gai lá như tráng bạc, những cây đậu bông tím và vài cây anh túc trổ bông trong bụi từ bi. Ở lưng chừng đồi, Jody thấy con chó đen Doubietree Mut đang bới một cái hang sóc. Nó cào cào một lát rồi ngừng để hất đất ở phía cẳng sau; nó hăng hái đào; đáng lẽ nó phải biết rằng đào hang sóc thì không làm sao bắt được sóc chứ.

Thình lình, Jody thấy con chó sửng ra, chui khỏi hang rồi ngó về chỗ lõm ở đỉnh đồi, chỗ mà con đường đi qua. Một lát sau, hình ông Carl Tiflin cưỡi ngựa in lên nền trời xanh nhạt, rồi ông xuống dốc tiến về trại. Trong tay ông có vật gì.

Đứa nhỏ đứng phắt ngay dậy, la:

– Có thư.

Nó chạy về trại, vì chắc là thư sẽ đọc lớn tiếng; nó muốn được nghe. Nó tới nhà trước ba nó, chạy tuốt vô. Nó nghe thấy ông Carl xuống ngựa - cái yên rít lên - rồi vỗ vào sườn con ngựa để bảo nó vô lẫm, dặn Billy tháo yên rồi thả cho ăn cỏ.

Jody chạy vô bếp, la:

– Chúng ta có thư.

Má nó đương coi cái xoong đậu, ngẩng lên, hỏi:

– Chúng ta là ai?

– Ba. Con thấy ba cầm cái thư.

Ông Carl bước vô bếp, bà vợ hỏi:

– Thư ai gởi đó, mình?

Ông ta cau ngay mày lại:

– Làm sao mình biết là có thư?

Bà quay đầu về phía đứa nhỏ:

– Thằng Cái-gì-cũng-biết, nó bảo đấy.

Jody mắc cỡ.

Ba nó khinh bỉ ngó nó, bảo:

– Ừ, nó đã thành ra thằng *Cái-gì-cũng-biết*. Việc của ai nó cũng xen vô, trừ việc của nó. Cái gì nó cũng chúi mũi vào.

Bà Tiflin dịu giọng:

– Cũng tại nó không có công việc gì nhiều để làm. Nhưng thôi, thư của ai đấy?

Carl vẫn trợn mắt ngó Jody:

– Nó coi chừng đấy, tôi sẽ kiếm việc cho nó làm không kịp nghỉ tay ra.

Ông ta chìa một bức thơ niêm phong ra:

– Đoán là thư của ba em.

Bà Tiflin lấy một cái ghim cài tóc để mở bao thư. Bà mím môi lại, vẻ chú ý lắm. Jody thấy mắt bà đưa đi đưa lại theo những hàng chữ. Bà kể cho mọi người nghe:

– Ba nói là chiều thứ bảy sẽ đánh xe lại đây, ở chơi với chúng mình ít lâu. Nhưng hôm nay là thứ bảy rồi, thư tới trễ rồi.

Bà nhìn con dấu nhà bưu điện:

– Thư bỏ hôm kia. Đáng lý hôm qua phải tới rồi chứ?

Bà ngó chồng, có vẻ hoi han, rồi sầm mặt lại, bất bình, hỏi chồng?

– Vẻ mặt mình sao kì vậy? Mấy khi ba đã tới!

Carl quay mặt đi, tránh cơn giận của vợ. Thường thường ông ta nghiêm khắc với vợ, nhưng đôi khi vợ quạu quọ là ông ta xò.

Bà vợ lại hỏi:

– Mình làm sao đấy?

Ông ta giảng giải, giọng xin lỗi y như giọng em nhỏ Jody vậy. Coi mà thảm hại:

– Chỉ vì ba nói nhiều quá. Chỉ những nói là nói.

– Nói nhiều, ừ, rồi thì làm sao? Mình cũng nói nhiều vậy.

– Phải. Nhưng ông ngoại bầy nhỏ chỉ nói có mỗi một chuyện.

Jody hăng lên, xen vô:

– Chuyện Da đỏ. Tụi Da đỏ với cuộc băng qua cánh đồng.

Carl quay lại, giận dữ:

– Cút đi, Cái-gì-cũng-biết. Đi, đi, cút đi!

Jody lầm lũi đi ra cửa sau và khép cánh cửa có lưới sắt lại một cách bình tĩnh không tự nhiên. Dưới chân cửa sổ nhà bếp, nó nhìn thấy một cục đá hình kì cục, thích quá, ngồi xổm xuống để nhặt rồi mân mê trong tay.

Qua cửa sổ để ngỏ, có tiếng vọng xuống rõ mồn một. Ba nó nói:

– Thằng Jody nói đúng quá đi. Chỉ kể chuyện về tụi Da đỏ và cuộc băng qua cánh đồng. Tôi đã phải nghe chuyện ăn cắp ngựa ít nhất là cả ngàn lần rồi. Nhắc đi nhắc lại hoài hủy mà không lần nào đổi lấy một tiếng.

Má nó đáp, giọng thay đổi hẳn đi, làm cho nó ngồi dưới cửa sổ, quên ngắm nghía viên đá. Giọng bà hóa ra ôn tồn, giảng giải. Jody đoán rằng vẻ mặt bà cũng phải biến đổi dữ thì mới có giọng đó được. Bà bình tĩnh nói:

– Mình nè, nên nhận sự đó như vầy. Nên coi đó là một đại sự trong đời của ba. Ba đã dẫn một đoàn xe băng qua các cánh đồng cho tới bờ biển, và khi việc hoàn thành thì đời của ba coi là hết rồi. Đó là một việc lớn, nhưng nó không lâu bền. Nè, ba tiếp tục nói, coi như là ba sinh ra đời để làm việc đó, và một khi làm xong thì không còn cái gì để làm nữa, ngoài cái việc nhớ và kể lại cuộc hành trình đã qua. Nếu còn có nơi nào để tiến về phương Tây

được nữa thì chắc chắn ba đã tiến rồi. Chính ba đã nói với em như vậy. Nhưng rốt cuộc là gặp biển. Ba bắt buộc phải ngừng lại và định cư ở bờ biển.

Giọng ngọt ngào đó làm cho Carl nguôi giận và chịu thua. Ông ta bình tĩnh gật đầu:

– Phải, anh đã trông thấy ba xuống núi, ngó về phía Tây mông lung ra ngoài khơi.

Giọng ông hơi nghiêm một chút:

– Rồi ba lại câu lạc bộ *Móng ngựa ở Pacific Grove*, kể cho mọi người nghe tụi Da đỏ quất dẫn bầy ngựa ra sao.

Bà vợ lại rán làm nguôi lòng chồng:

– Mình nghĩ xem, đối với ba, việc đó là quan trọng nhất mà. Mình nên chiều ba một chút, cứ chịu khó làm bộ nghe ba kể.

Carl quạu quọ quay đi, gắt gỏng:

– Ừ, nếu chịu không nổi thì tôi trốn vô cái nhà ván rồi ngồi lì đó với chú Billy.

Nói xong, ông ta đi qua nhà trên, bước ra ngoài, khép cửa trước một cái rầm.

Jody chạy đi làm công việc. Nó vãi thóc cho gà con mà không phá chúng. Nó lượm trứng trong cái ổ chim. Nó chạy đi ôm củi về nhà, cột lại kĩ lưỡng đến nỗi chỉ có hai ôm mà đầy nhóc cái thùng đựng củi.

Má nó nấu xong món đậu rồi, rút lửa đi, cầm một

cánh gà mái quét mặt lò. Jody nem nép dò ý xem má nó còn giận nó không.

– Ngoại tới hôm nay, phải không má?

– Ừ, trong thư ngoại nói vậy.

– Con nên ra đường cái đón ngoại không?

Bà Tiflin đóng mạnh cửa lò.

– Ừ, ngoan. Đi đón, chắc ngoại vui lắm.

– Vậy con đi đây.

Ra ngoài sân, nó huýt còi lanh lảnh để gọi chó, ra lệnh:

– Đi lên đồi.

Hai con chó ngoe nguẩy đuôi, chạy trước. Bên bờ đường, cây từ bi đã có trái non. Jody hái ít cọng vò trong tay, không khí thơm một mùi hăng hoang dã. Hai con chó nhảy một cái vào trong bụi, sủa để đuổi bắt một con thỏ. Bắt không được, chúng bỏ Jody, trở về nhà.

Jody leo lên đỉnh đồi.

Khi nó tới cái đèo nhỏ, chỗ con đường cái đi qua, gió chiều thổi mạnh làm rối bù mớ tóc của nó và chiếc áo sơ mi đánh phật phật. Nó nhìn thấy dãy đồi nhỏ ở dưới chân và ở đàng xa là thung lũng Salinas xanh mướt, bát ngát. Nó nhận ra được châu thành Salinas trắng toát ở giữa cánh đồng, ánh chiều lấp lánh trên các cửa kính. Ngay dưới chân nó, một bầy quạ, họp nhau trên một cây "sên". Cây đen ngòm những quạ, chúng kêu vang lên cùng một lúc.

Rồi nó ngó ra con đường xe thoai thoải từ chỗ nó đứng, mất hút sau một ngọn đồi để lại xuất hiện ở phía bên kia. Trên khúc đường khá xa đó, nó thấy một cái xe do một con ngựa hồng kéo. Xe khuất, sau trái đồi, Jody ngồi xuống đất, rình chỗ mà chiếc xe sẽ hiện ra. Gió reo trên ngọn cây và những cụm mây phinh phính trôi về phương Đông.

Chiếc xe xuất hiện và ngừng lại. Một người bận áo đen, trên ghế bước xuống, lại gần đầu con ngựa. Mặc dầu còn ở xa tít, Jody cũng đoán được người đó tháo bộ cương giả cho con ngựa vì đầu ngựa cúi gục xuống. Con vật lại bước và người đó chầm chậm leo dốc bên cạnh nó. Jody mừng quá la lên, chạy lại đón. Những con sóc nhảy vọt qua bên đường chạy trốn và một con chim(1) ve vẩy cái đuôi, chạy lên đỉnh đồi rồi lượn đi, biến mất.

Jody rán vừa chạy vừa giẫm vào giữa bóng của mình. Một hòn đá lăn dưới chân nó, nó té nhào. Tới một khúc quẹo, nó chạy băng ngang và thấy ông ngoại nó với chiếc xe ở trước mặt, cách nó không xa. Nó ngừng lại và chững chạc tiến tới, không lăng xăng nữa.

Con ngựa khó nhọc leo dốc, bước không muốn vững, còn cụ già thì đi ở bên cạnh. Dưới ánh tà dương, bóng người và vật chập chờn ở sau, to lớn dị thường. Cụ già bận một bộ đồ nỉ đen, đi đôi "ghệt" bằng da dê, cổ áo

---

(1) Loài chim này tiếng Anh kêu là road-runner (chạy trên đường) ở miền Californie, có đặc điểm là chạy nhanh hơn bay.

cứng và rất thấp, đeo một chiếc cà-vạt đen. Tay cầm một cái mũ đen vành bẻ xuống. Râu cằm trắng, cắt ngắn; lông mày trắng rủ xuống mắt y như râu mép. Mắt xanh, vui mà nghiêm. Từ nét mặt đến toàn thân đều có vẻ uy nghi như núi đá, đến nỗi thấy cụ cử động, người ta phải ngạc nhiên. Khi cụ ngồi nghỉ, người ta có cảm tưởng rằng cụ đã hóa ra đá và không sao nhúc nhích được nữa. Bước chậm chạp mà chắc chắn, tưởng như đã bước thì không thể nào lùi được, đã nhắm một hướng nào thì con đường sẽ cứ theo hướng đó, và bước chân cứ đều đều, không khi nào nhanh hơn cũng không khi nào chậm lại.

Khi Jody hiện ở chỗ quẹo, cụ già lấy mũ vẫy nhè nhẹ làm dấu và lớn tiếng hỏi:

– Cháu Jody đi đón ông đấy hả?

Jody lại gần, quay nửa vòng, theo nhịp bước của ông ngoại, thân thể ngay ngắn, hơi lết gót một chút, đáp:

– Thưa ngoại vâng. Ở nhà mới nhận được thư ngoại hôm nay.

– Đáng lẽ thư phải tới từ hôm qua rồi. Chắc chắn vậy. Nhà bình an cả chứ?

– Thưa ngoại vâng.

Nó ngập ngừng một chút rồi rụt rè hỏi:

– Thưa ngoại, mai ngoại muốn đi săn chuột không ạ?

Cụ già mỉm cười, đáp:

– Đi săn chuột ư, cháu? Con người ở cái thế hệ này đã

tới cái nước phải đi săn chuột ư? Ngày nay người ta không còn mạnh mẽ nữa nhưng ông nghĩ đã tới nỗi nào phải bắt chuột làm con thịt.

– Thưa ngoại không ạ. Chỉ là trò chơi thôi ạ. Đống cỏ khô sắp hết rồi. Cháu tính đuổi chuột ra cho chó bắt. Ngoại có thể ngồi coi hoặc đập đập ít cái lên đống cỏ.

Cặp mắt vui và nghiêm của cụ già ngó xuống đứa nhỏ:

– Ông hiểu rồi. Mà không ăn chuột chứ? Chưa đến nỗi vậy chứ?

Jody giảng giải:

– Thưa ngoại, để cho chó ăn ạ. Cháu đoán là săn chuột với săn tụi Da đỏ, có chỗ khác nhau.

– Ừ, khác nhau nhiều… nhưng khi đã đuổi tụi Da đỏ đi, giết con cái chúng, đốt chòi của chúng thì lúc đó cũng không khác săn chuột là mấy.

Hai ông cháu lên tới đỉnh đồi rồi bắt đầu xuống lòng chảo; ánh chiều không còn chiếu trên vai họ nữa.

Cụ già bảo:

– Cháu đã cao thêm tới hai phân đấy nhỉ?

Jody khoe:

– Dạ hơn. Chiều cao của cháu có đánh dấu ở cửa. Mới

---

(1) Lễ đó ở Mĩ vào cuối tháng mười một.

từ lễ Thanksgiving[1] năm ngoái, cháu đã cao thêm được ba phân.

– Có lẽ tại người ta tưới nhiều cho cháu quá, cho nên chỉ có cái thân cây và cái ruột là phát mau. Đợi khi nào có trái rồi mới biết được.

Jody liếc ông ngoại để xem có nên tỏ vẻ bất mãn không, nhưng không thấy ông có ý gì làm nhục mình cả mà trong cặp mắt xanh, tinh anh đó cũng không có vẻ trách mắng gì mình cả.

Nó nói:

– Có lẽ ở nhà sẽ mổ heo.

– Không được. Ông sẽ ngăn cản. Cháu muốn ngạo ông ư? Cháu biết rằng lúc này không phải là mùa nên mổ heo mà.

– Thưa ngoại, ngoại biết con Riley không, con heo nọc bự đó?

– Ừ, ông biết.

– Con Riley đó đã ăn cỏ khô ở cái đống cỏ mà cháu mới nói, nó khoét một lỗ trong đó và đống cỏ đổ lên mình nó, nó suýt nghẹt thở.

– Ừ, heo thường làm vậy.

– Con Riley dễ thương lắm, ngoại ạ. Thỉnh thoảng cháu cưỡi lên lưng nó mà nó làm thinh.

Có tiếng cánh cửa mở trong căn nhà ở dưới chân họ và hai ông cháu thấy má của Jody đứng dưới hiên, vẫy cái

khăn lá đáp để chào. Rồi lại thấy Carl Tiflin ở lẫm đi lên nhà trên để có mặt tại đó khi hai ông cháu tới.

Mặt trời đã lặn sau đồi. Khói xanh ở lò sưởi tỏa ra, trải thành từng lớp đều ở trên cái lòng chảo màu tim tím. Gió đã ngừng, mấy cụm mây nhỏ lơ lửng ở trên trời.

Billy Buck ở trong chòi ván ra, đổ vung một chậu nước xà bông lên mặt đất. Mới giữa tuần mà chú cũng cạo râu vì chú trọng ông ngoại của Jody lắm và ông cụ cũng mến chú, bảo rằng trong cái thế hệ mới này chỉ có vài người như chú còn thì toàn là tụi thỏ đế hết. Chú tuy đã đứng tuổi mà cụ coi chú như con nít. Chú cũng đương bước vội lên nhà trên.

Khi hai ông cháu tới nơi, cả ba người đều đứng đợi ở cổng.

Carl chào:

– Thưa ông mới tới. Cả nhà đợi ông.

Bà Tiflin ôm cha và đứng yên cho cha vỗ nhẹ vào vai bằng bàn tay lớn của cụ. Billy trang trọng bắt tay cụ, nhếch mép mỉm cười sau bộ râu vàng và cứng như rơm. Chú thưa:

– Để cháu dắt ngựa của cụ vô chuồng.

Rồi chú dắt ngựa đi.

Ông cụ ngó theo rồi quay lại với con cháu, nói như cả trăm lần trước đã nói:

– Thằng đó ngoan. Tao biết ba nó, ông lão *Buck Đuôi*

la cái. Không hiểu sao người ta lại gọi lão là *Đuôi la cái*, có lẽ tại lão dắt những con la chở đồ.

Bà Tiflin vô nhà trước nhất.

– Ba ở chơi đây bao lâu? Trong thư không thấy nói.

– Ờ, ba cũng không biết nữa. Tính ở khoảng nửa tháng. Nhưng lần nào cũng định ở lâu mà rồi có bao giờ ở được lâu đâu.

Một lát sau họ ngồi vào bàn ăn phủ một tấm vải trắng. Ngọn đèn có chụp thiếc treo ở trên bàn. Ở ngoài, những con bướm đêm lớn đập nhè nhẹ vào cửa kính phòng ăn.

Ông cụ cắt thịt bò áp chảo ra từng miếng nhỏ rồi nhai chậm chạp. Cụ nói:

– Đói. Ngồi xe như vậy mà ăn thấy ngon miệng. Y như cái hồi băng qua các cánh đồng vậy. Tối nào mọi người cũng đói như cào, đến nỗi không chịu đợi cho thịt chín nữa. Mỗi tối tao ăn được gần hai kí rưỡi thịt bò rừng.

Billy nói:

– Nhờ vận động nên ăn được nhiều. Ba tôi hồi xưa vận tải cho chính phủ. Tôi còn nhỏ xíu mà đã giúp việc cho người. Chỉ có hai cha con mà ăn hết nhẵn một cái đùi nai nhỏ.

Ông cụ bảo:

– Tao biết ông già mày, Billy. Người rất tốt. Người ta thường gọi là ông *Buck Đuôi la cái*, không hiểu tại sao, có lẽ tại chú ấy dắt bầy la cái chở đồ.

– Thưa đúng vậy, ba tôi dắt bầy la cái chở đồ.

Ông cụ đặt dao nĩa xuống và ngó chung quanh bàn:

– Tao nhớ có lần bọn tao thiếu thịt…

Giọng cụ bỗng hạ xuống, du dương, kì dị, như theo một cái ngấn âm thanh mà câu chuyện đã tự vạch sẵn.

– Không có bò rừng, không có sơn dương, đến thỏ cũng không. Bọn đi săn không bắn được một con chó sói nào. Lúc đó là lúc người chỉ huy phải đề phòng. Mà tao là người chỉ huy, tao phải để ý xem xét. Tại sao ư. Có gì đâu. Hễ họ đói thì họ giết bò kéo xe để ăn thịt. Các con có tin được điều đó không? Tao đã thấy những đoàn xe giết bò kéo xe để ăn thịt. Họ bắt đầu giết những con đi ở giữa rồi tiến lần lần tới hai đầu. Cuối cùng thì hạ nốt cặp bò dẫn đầu rồi tới những con vật buộc ở bên gọng xe. Người chỉ huy đoàn lữ hành phải ngăn cản việc đó.

Một con bướm lớn không biết làm cách nào vô được phòng, bay quanh ngọn đèn treo đốt bằng dầu lửa. Billy đứng dậy tìm cách đập nát nó trong lòng bàn tay. Carl chụp được, bóp chết nghiến, lại cửa sổ liệng ra ngoài.

Ông cụ tiếp tục:

– Lúc nãy tao nói…

Nhưng Carl ngắt lời:

– Ông xơi thêm ít thịt nữa. Chúng con sắp tráng miệng món "pudding"(1) đây.

(1) Bánh làm bằng bột, sữa, trứng, trái cây.

Jody thấy một vẻ giận trong cặp mắt của má. Ông cụ cầm dao và nĩa lên.

Khi xong bữa, cả gia đình với chú Billy Buck hội họp trước lò sưởi ở phòng bên, Jody lo lắng rình ông ngoại. Nó đã quen những dấu hiệu đó rồi. Mặt cụ già râu ria xồm xoàm cúi xuống; cặp mắt mất vẻ nghiêm nghị mà ngần ngừ nhìn ngọn lửa; những ngón tay lớn khô đét chắp lại đặt lên đầu gối.

Cụ bắt đầu kể:

– Không biết tao đã kể cho các con nghe tụi cướp Piute đã đánh cắp ba mươi lăm con ngựa của chúng tao chưa.

Carl ngắt lời:

– Hình như ông đã kể rồi. Có phải đúng cái lúc ông sắp tới xứ Tahoe không?

Cụ già quay lại ngó chàng rể:

– Đúng. Vậy là tao đã kể chuyện đó rồi à?

Carl tránh cặp mắt của vợ, đáp một cách tàn nhẫn:

– Cả chục lần rồi ạ.

Nhưng ông ta có cảm giác là cặp mắt giận dữ của bà vợ đương ngó mình chăm chú, và nói tiếp:

– Tất nhiên, tôi nghe lại vẫn thấy thú.

Ông cụ lại nhìn ngọn lửa. Những ngón tay của cụ mở ra rồi chắp lại. Jody biết lúc đó cụ đương cảm xúc ra sao;

trong thâm tâm cụ chán nản và trống rỗng biết bao. Mới ban chiều nó bị rầy là "*Cái-gì-cũng-biết*", mà bây giờ nó can đảm liều một lần nữa. Nó nhỏ nhẹ thưa:

– Ông kể cho chúng con nghe về tụi Da đỏ.

Cặp mắt ông cụ lại hiện lên cái vẻ nghiêm nghị:

– Con nít bao giờ cũng muốn nghe nói về tụi Da đỏ. Công việc của người lớn mà con nít lại thích nghe. Ừ, được để xem nào. Hồi đó tao muốn mỗi chiếc xe có một miếng sắt dài, chuyện đó tao đã kể chưa nhỉ?

Mọi người đều làm thinh. Chỉ có Jody là nói:

– Thưa chưa ạ.

– Ừ, đây chuyện như vầy. Khi tụi Da đỏ tấn công, chúng tao quay xe lại thành một vòng tròn rồi chiến đấu ở trong vòng đó. Tao nghĩ rằng nếu mỗi chiếc xe có một miếng sắt dài đục lỗ để chĩa súng ra bắn, thì có thể gắn những miếng sắt đó vào những bánh xe ở phía ngoài, và một khi các xe quay lại thành vòng tròn thì ở trong vòng được yên ổn lắm. Như vậy tiết kiệm được mạng người, đủ bù vào số sắt nặng phải chở thêm. Nhưng tất nhiên là lữ đoàn không chịu. Từ xưa chưa có lữ đoàn nào làm như vậy, và họ thấy không có lý gì để tốn thêm tiền vào việc đó. Sau này họ mới ân hận là không nghe lời tao.

Jody ngó má, thấy vẻ mặt bà chẳng chú ý mảy may gì tới câu chuyện cả. Còn ông chồng thì nạy chỗ chai tay ở ngón cái, chú Billy Buck thì ngó một con nhện bò trên tường.

Ông cụ lại cho giọng nói theo cái ngấn của câu chuyện. Jody biết trước ông ngoại sẽ dùng những tiếng nào. Câu chuyện tiếp tục, giọng xì xào rồi gấp gấp một chút trong cuộc chiến đấu, ủ rủ khi tả những kẻ bị thương, lầm rầm khi làm đám tang ở giữa cánh đồng mênh mông. Jody ngoan ngoãn ngồi yên ngắm ông ngoại. Cặp mắt xanh nghiêm nghị có vẻ bình thản. Hình như chính cụ cũng không thích câu chuyện đó lắm.

Khi câu chuyện đã kể xong và mọi người đã ngồi yên một chút cho phải lễ, Billy Buck mới đứng dậy, vươn vai, kéo quần lên, nói:

– Tôi phải về thôi.

Rồi lại đứng trước mặt ông cụ:

– Ở trại đây cháu có cái sừng cũ đựng thuốc súng và một cây súng tay có thông nòng, không biết cháu đã đưa cụ coi chưa?

Ông cụ gật đầu nhẹ nhẹ:

– Rồi, hình như coi rồi. Nó làm cho tao nhớ tới cái súng tay tao dùng hồi chỉ huy lữ đoàn của tao.

Billy lễ phép đứng nghe hết câu chuyện ngắn đó rồi xin cáo biệt:

– Kính chào cụ.

Và đi ra sân.

Lúc đó Carl Tiflin rán xoay hướng câu chuyện:

– Trên đường từ đây tới Monterz ông thấy đồng áng

ra sao? Nghe nói là ít mưa.

– Khô khan. Không có một giọt nước trong đầm Laguna Seca. Nhưng chưa thấm vào đâu với năm 87. Hồi đó tất cả xứ này chỉ là cát bụi; và năm 61 nữa, không một con chó sói nào là không chết đói. Năm nay còn mưa được bốn tấc nước.

– Vâng, nhưng mưa trễ quá. Nếu bây giờ mưa cho được một chút thì tốt.

Rồi ông ta ngó Jody:

– Con không thấy rằng tới giờ ngủ rồi ư?

Jody ngoan ngoãn đứng dậy:

– Ngày mai con được giết chuột trong đống cỏ cũ không ba?

– Giết chuột? Được, giết cho không còn một mống đi. Chú Billy bảo cỏ khô hư hết ráo rồi.

Jody nháy ông ngoại, vẻ bí mật và khoái chí:

– Mai con sẽ giết hết cho mà coi.

Nằm trong giường, Jody nghĩ tới cái thế giới kì dị của tụi Da đỏ và loài bò rừng, một thế giới đã mất hẳn rồi. Nó tiếc không được sống vào thời đại anh hùng đó, nhưng nó biết rằng nó không có bản chất anh hùng. Tất cả những người đương sống, có lẽ trừ Billy Buck, không ai là đáng làm những việc mà người trước đã làm. Thế hệ trước là một hạng người khổng lồ, những người không biết sợ là gì, những người mạnh mẽ phi thường, ngày nay không còn nữa. Jody nghĩ tới những cánh đồng mênh mông,

những đoàn xe chạy trên đó như những con rết. Nó nghĩ tới ông ngoại nó cưỡi một con ngựa trắng cao lớn để chỉ huy cả đoàn. Những hình ma to quá đỗi diễn qua óc nó, tiến tới chân trời rồi biến mất.

Lúc đó óc nó trở về trại một lát. Nó nghe thấy tiếng xào xạc và gấp trong không gian tĩnh mịch. Nó nghe thấy chó trong cũi gãi bọ chét, khuỷu chân đụng vào ván. Rồi gió lại nổi, cây trắc bá đen rên rỉ và Jody ngủ lúc nào không hay.

Nó tỉnh dậy nửa giờ trước khi người ta gõ cái khánh tam giác để báo giờ điểm tâm. Khi nó đi qua bếp, má nó đương nhóm lò cho lửa reo. Bà hỏi nó:

– Con dậy sớm thế? Con đi đâu?

– Con đi kiếm một cây gậy tốt. Hôm nay giết chuột đây.

– Ai giết?

– Ngoại và con.

– Vậy ra con muốn ngoại làm hả? Con muốn có thêm người để nếu có bị rầy thì khỏi phải một mình nhận lỗi hả?

– Con sẽ trở vô liền. Con chỉ muốn có cây gậy tốt để ăn sáng xong là sẵn sàng.

Nó khép cửa lưới sắt rồi ra sân. Buổi sáng mát mẻ. Chim ríu rít chào bình minh, và những con mèo của trại từ trái đồi trở về, y như những con rắn mập. Chúng săn ong ban đêm, no nê, ngồi quay quần thành hình bán nguyệt ở cửa sau và kêu meo meo để đòi sữa. Hai con chó Doubletree

Mutt và Smasher theo ven bụi rậm, đánh hơi một cách trịnh trọng, nhưng khi Jody huýt còi gọi thì chúng ngẩng ngay đầu lên và vẫy đuôi, chạy xuống, vừa ngáp vừa rũ lông. Jody nghiêm trang vuốt đầu chúng rồi tiến lại đám đồ vụn dãi dầu dưới mưa nắng. Nó lựa một cái cán chổi cũ và một khúc cây cũ dày hai ba phân. Nó móc trong túi ra một sợi dây giày cột đầu hai cây gậy đó lại mà không thắt, để làm thành một cái đòn. Cầm khí giới mới đó nó vút trong không khí rồi đập xuống đất, để thử, trong khi hai con chó nhảy ra bên để tránh, kêu ẳng ẳng lo ngại.

Jody đi vòng căn nhà định tới đống cỏ cũ để nhận xét địa thế chỗ sẽ xảy ra vụ tàn sát, nhưng Billy Buck, kiên nhẫn ngồi trên những bực thềm ở sau, bảo nó:

– Trở về đi, sắp ăn sáng rồi.

Jody đổi hướng và trở về nhà. Nó gác cái đòn của nó vào những bực thềm, bảo:

– Để đuổi chuột cho chúng ra đây. Tôi cam đoan là chúng mập dữ. Tôi cam đoan là chúng không ngờ gì hết về tai nạn sẽ xảy ra hôm nay.

Billy đáp, giọng một triết nhân:

– Phải, chúng không biết được việc sẽ xảy ra, mà em cũng vậy, tôi cũng vậy, chẳng ai biết được đâu.

Ý tưởng đó làm cho Jody hoang mang. Nó biết rằng điều đó đúng. Óc tưởng tượng của nó không hướng về cuộc săn chuột nữa. Má nó ra hiên phía sau, gõ vào cái kiểng hình tam giác, và tất cả mọi ý tưởng tan hết.

Khi họ ngồi vào bàn thì ông cụ chưa vô. Billy lấy đầu ra dấu, chỉ cái ghế của cụ, hỏi:

– Cụ mạnh chứ? Có sao không?

Bà Tiflin đáp:

– Cụ thay đồ lâu lắm. Còn chải râu, đánh giày, chải áo.

Carl rắc đường lên món ăn nấu bằng sữa bột.

– Một người đã chỉ huy một đoàn xe băng qua đồng thì phải săn sóc y phục của mình chứ.

Bà Tiflin quay lại:

– Mình, đừng nên vậy! Thôi đi!

Giọng có vẻ dọa hơn là năn nỉ, nên làm cho Carl nổi quạu:

– Thế thì bắt tôi phải nghe bao nhiêu lần nữa câu chuyện miếng sắt và câu chuyện ba mươi lăm con ngựa? Thời đó đã qua rồi. Nó đã qua rồi thì tại sao không chịu quên nó đi?

Càng nói lại càng giận, giọng cao lên:

– Tại sao cứ lặp đi lặp lại hoài hủy vậy? Ừ thì ba mình đã băng qua những cánh đồng. Tài giỏi lắm! Nhưng bây giờ xong việc rồi. Không ai còn muốn nghe hoài nghe hủy câu chuyện đó nữa.

Cánh cửa nhà bếp nhè nhẹ khép lại. Cả bốn người ngồi ở bàn bỗng lạnh toát đi. Carl đặt cái thìa lên bàn rồi đưa tay lên cằm.

Cánh cửa nhà bếp mở ra và ông cụ vô. Miệng mỉm cười gượng gạo và mắt như trốn tránh mọi người. Cụ cất tiếng chào, ngồi xuống, nhìn đăm đăm vào đĩa sữa bột.

Carl không thể làm thinh được.

– Ông… ông đã nghe lời tôi nói?

Ông cụ khẽ gật đầu.

– Thưa ông, không biết hôm nay tôi làm sao ấy. Tôi không muốn nói như vậy. Chỉ là vui miệng nói thôi ạ.

Jody mắc cỡ, liếc mắt nhìn mẹ và thấy bà nín thở ngó chồng. Ông chồng làm cái việc ấy bậy quá. Nói câu đó chắc ông đứt ruột ra. Đã nói rồi mà chối là điều gớm ghiếc lắm đối với ông, chối mà lại tự hạ mình xuống mới là vô cùng xấu xa chứ.

Ông cụ ngó chỗ khác, giọng nhã nhặn:

– Tôi luôn luôn rán nhìn cái phía tốt của mọi sự. Tôi không giận đâu. Anh nói gì tôi cũng không chấp, nhưng điều anh nói đó có thể đúng, và chính chỗ đó, chỗ đó mới làm cho tôi buồn.

Carl đáp:

– Lời tôi nói không đúng đâu. Sáng nay trong người tôi không được bình thường. Tôi ân hận đã thốt ra câu đó.

– Đừng nên ân hận điều gì cả, anh Carl. Già như tôi đâu còn sáng suốt nữa. Có lẽ anh nói đúng. Cuộc băng qua đồng đã xong rồi. Nó xong rồi thì có lẽ nên quên nó đi.

Carl đứng dậy:

– Tôi ăn đủ rồi. Tôi đi làm đây. Cứ thủng thẳng mà ăn, chú Billy!

Ông ta vội bước ra. Billy nuốt cho xong bữa rồi theo ra. Nhưng Jody không thể rời cái ghế được, hỏi ông ngoại:

– Từ nay ngoại không kể chuyện nữa ư?

– Có chứ! Ông cũng vẫn kể, nhưng chỉ khi nào… ông biết chắc là người ta muốn nghe kìa.

Jody đứng dậy:

– Thưa ngoại, cháu đợi ngoại ở ngoài. Cháu có một cây gậy để đuổi chuột rồi.

Nó ra sân đứng đợi ở cửa cho đến khi ông cụ bước ra hiên.

Nó gọi:

– Thôi đi giết chuột bây giờ đi, ngoại.

– Để ông ngồi sưởi nắng ở đây. Cháu đi giết chuột đi.

– Nếu ngoại muốn, ngoại cầm cây gậy của cháu này.

– Không, ông chỉ ngồi đây một lát thôi.

Jody buồn rầu đi về phía đống cỏ cũ. Nó nghĩ tới những con chuột mập mạp, nung núc để cho thêm hăng hái. Nó lấy đòn đập xuống đất. Bầy chó ăng ẳng mơn trớn chung quanh nó, nhưng nó tiến không được. Nhìn lại sau lưng, nó thấy ông ngoại ngồi dưới hiên, nhỏ bé, gầy ốm và đen.

– Sao mà trở về sớm vậy? Cháu giết chuột rồi ư?

– Thưa ngoại không. Để hôm khác sẽ giết.

Ruồi buổi sáng vo ve mặt đất và kiến lăng xăng ở trước bực thềm. Mùi hăng của cây từ bi từ trên đồi tỏa xuống. Cái hiên bằng ván phơi ra dưới nắng.

Khi ông cụ bắt đầu nói, Jody còn vơ vẩn chưa nhận ra:

– Buồn như vậy thì ông không nên ở đây nữa.

Ông cụ nhìn những bàn tay già nua và mạnh của mình:

– Ông có cảm tưởng rằng cái việc băng qua đồng đó không đáng làm.

Ông cụ ngước mắt lên nhìn những ngọn đồi và thấy một con ó yên lặng đậu trên một cành khô.

– Ông kể lại những chuyện cũ đó nhưng ông không muốn nói như vậy. Kể lại là ông muốn cho thiên hạ cảm thấy một cái gì mà cái đó thì ông biết. Cái quan trọng không phải là tụi Da đỏ, cũng không phải là cuộc mạo hiểm, cũng không phải là cái việc tới được đây. Cái quan trọng là biến đổi được một đám người rời rạc thành một con vật thuần nhất, khổng lồ, bò qua cánh đồng. Và ông là khúc đầu của con vật đó. Con vật đó tiến về phương Tây, tiến hoài về phương Tây. Mỗi một người cũng muốn một cái gì cho riêng mình, nhưng con vật khổng lồ gồm tất cả những người đó thì chỉ muốn mỗi một điều này là tiến về phương Tây. Ông là người dẫn đường nhưng nếu không có ông thì cũng có người khác lên cầm đầu. Vật đó cần có một cái đầu.

"Giữa trưa nắng mà dưới những bụi rậm nhỏ, bóng tối cũng đen ngòm. Khi người ta nhìn thấy dãy núi ở xa thì ai nấy đều khóc… Nhưng cái quan trọng không phải là cái việc tới được đây mà là cái việc tiến về phương Tây.

Bọn ông đã đem đời sống lại miền này, cho nó an trí ở đây, cũng như một bầy kiến tha trứng lại. Và ông là người dẫn đường. Cuộc tây tiến đó lớn như Thượng đế vậy, và những bước chậm chạp để thực hiện cuộc di cư đó, mỗi ngày một chồng chất lên nhau cho tới khi xuyên qua được đại lục.

Rồi bọn ông tới biển và thế là hết".

Ông cụ ngừng lại, chùi mắt, mí mắt đã hóa đỏ.

– Đó, đáng lẽ ông phải nói như vậy, chứ đừng kể chuyện.

Khi Jody nói, ông cụ giật mình, ngó nó:

– Một ngày kia có lẽ cháu có thể cầm đầu một bọn người được.

Ông già mỉm cười:

– Còn nơi nào nữa mà đi. Biển rộng ở đó để cản đường các người rồi. Suốt dọc bờ biển, có một nhóm người già oán ghét biển cả vì nó đã ngăn cấm bước đường của họ.

– Thưa ngoại, đi tàu thì cháu có thể tiến được nữa chứ?

– Không còn chỗ nào để đi nữa, cháu ơi. chỗ nào cũng có người chiếm rồi. Nhưng cái đó, không phải là cái đáng

buồn nhất. Không, không phải là cái đáng buồn nhất. Đáng buồn nhất là con người ngày nay không còn ước vọng tây tiến nữa. Cuộc tây tiến không còn là một khao khát nữa. Nó chết hẳn rồi. Ba con nói đúng. Hết hẳn rồi.

Ông cụ chắp tay lại ôm gối, ngồi nhìn ngón tay của mình.

Jody thấy buồn lắm.

– Ngoại muốn uống nước chanh, để cháu pha?

Ông cụ định từ chối nhưng thấy vẻ mặt đứa cháu, bảo:

– Ừ, pha cho ông một li đi, uống cho vui.

Jody chạy vô bếp; má nó đương rửa chén.

– Má, cho con một trái chanh làm nước chanh cho ngoại nhé?

Má nó nhái giọng của nó:

– Và một trái nữa để làm nước chanh cho con.

Bỗng nhiên bà ngừng lại:

– Jody! Con đau ư?

– Không, con không xin cho con.

Bà ngọt ngào bảo nó:

– Lấy một trái trong chạn đó, con. Đợi đấy, má lấy đồ ép chanh cho.

MỘT CUỘC RÁP
THE RAID

André Gide khen truyện này là tả được một bi kịch của thời đại bằng những nét không đậm quá, không nhạt quá, làm cho ta vừa hồi hộp vừa mỉm cười, tâm trạng hai nhân vật trong truyện có thể là tâm trạng chung của mọi đảng viên các hội kín trên thế giới, dù là Cộng sản đảng ở Trung Hoa, Pháp, Mã Lai hay Quốc dân đảng ở Việt Nam thời trước... Chúng ta đều biết tác giả không theo Cộng, thái độ của ông trong bài này cũng như trong truyện In dubious battle. Đoạn kết mỉa mai rất kín đáo. Dick vô tình diễn một ý trong Thánh kinh mà khi Root nhắc lại câu diễn ý đó thì bị Dick mắng là không nhớ lời dạy của đảng.

I

Trời đã tối đen khi hai người đàn ông nhảy từ một toa xe lửa xuống rồi vội vàng tiến vô khu hẻo lánh của châu thành nhỏ đó tại California. Không khí nặc mùi lờ lợ trái cây thối từ những xưởng đóng thùng đưa ra. Tại các ngã tư, những ngọn đèn điện xanh ở tít trên cao đong đưa dưới gió và chiếu lên mặt đất những bóng dây điện chao đi chao lại. Những căn nhà bằng gỗ nghỉ ngơi trong tĩnh mịch. Ánh đèn thê thảm rọi lên những cửa kính dơ dáy.

Hai người đàn ông đó cao suýt soát nhau, nhưng một

người lớn tuổi hơn người kia nhiều. Tóc họ hớt kiểu bàn chải, quần xanh kẻ ô. Người lớn tuổi bận một chiếc áo ngắn, thứ áo của thợ, còn người nhỏ tuổi bận một chiếc áo nịt tay dài, màu xanh, cổ cuộn lại. Họ rảo bước trên những con đường tối, tiếng chân họ dội vào những căn nhà gỗ. Người nhỏ tuổi bắt đầu huýt sáo điệu *Come to me, my melancholy baby* (1). Bỗng gã ngừng huýt:

– Sao nó cứ lởn vởn hoài trong óc tôi suốt ngày nay, cái điệu hát mắc dịch đó. Muốn quên đi mà không được. Điệu đó cổ quá rồi mà.

Người kia quay lại bảo:

– Root, mày sợ rồi. Thú thật đi. Hoảng vía rồi.

Lúc đó họ bước tới chân một cột đèn điện. Nét mặt của Root dữ dằn lạ lùng. Mắt gã hóa lé, môi gã mím lại, chua chát: "Không, tôi không sợ". Họ đã bước ra khỏi vòng ánh sáng. Mặt gã dịu bớt đi. "Tôi chỉ muốn được biết rõ hơn một chút thôi. Anh Dick, anh đã làm đại diện. Anh biết việc sẽ xảy ra sao. Còn tôi, tôi chưa hề làm đại diện".

Dick đáp ra vẻ ông thầy lắm:

– Không có trường học nào bằng trường học hoạt động. Trong sách mà học được cái gì đâu.

---

(1) *Cô em u sầu, lại đây với anh.*

Họ bước qua đường rầy. Ở phía trên một chút, là chỗ bẻ ghi, lốm đốm vài ngọn đèn xanh.

Root bảo:

– Tối gì mà như mực thế này. Không biết lát nữa trăng có ló không. Thường thường hễ trời tối đen là trăng mọc. Anh Dick, anh nói đầu tiên phải không?

– Không, mày nói chứ. Tao có kinh nghiệm hơn mày. Trong khi mày diễn thuyết, tao nhận xét họ, để hễ thấy họ cắn câu là tao hạ một cú cho đích đáng. Mày biết mày phải nói gì với họ không?

– Biết mà. Ở cả trong đầu tôi rồi. Tôi đã viết lên giấy rồi học thuộc lòng. Có nhiều thằng tướng bảo rằng khi họ đứng dậy bỗng hóa bí, không biết nói gì cả rồi thình lình tự nó tuôn ra như có người khác nói thay cho họ và cứ thế mà thao thao như nước ở miệng một ống bơm vậy. Big Mac Sheane bảo chính hắn như vậy. Nhưng tôi thì tôi không muốn có gì vấp váp, nên tôi viết cả lên giấy.

Một chuyến xe lửa hú lên thê thảm và một lát sau từ một khúc quẹo hiện ra, đẩy làn ánh đèn hoảng hốt trên đường rầy. Những toa xe có đốt đèn rầm rầm chạy qua. Dick quay lại ngó chuyến xe rồi khoan khoái bảo:

– Chuyến xe đó ít khách. Phải mày nói rằng lão già đó làm sở hỏa xa phải không?

Root rán giữ cho giọng khỏi chua chát:

– Phải. Lão coi đường rầy. Siết thắng. Khi lão hay

công việc của tôi, lão tống cổ tôi. Lão sợ bể nồi gạo. Không chịu hiểu gì cả. Tôi giảng giải mà vô phương, lão không chịu hiểu.

Có chút ân hận trong giọng của Root. Thình lình gã cảm thấy rằng gã đã xuống tinh thần, có thể đã lộ vẻ quá bi quan, nhớ tiếc.

Gã nói tiếp, giọng gay gắt:

– Cái đó mới là tai hại ghê gớm cho họ. Họ chỉ nhìn thấy cái nồi gạo của họ thôi. Không nhìn xa hơn được. Họ không thể thấy cái gì xảy ra cho họ. Họ cứ bám vào những xiềng xích của họ.

Dick bảo:

– Đừng phí lời: Những câu đó đập mạnh đấy. Trong diễn văn của mày có những lời đó không?

– Không. Nhưng nếu anh nghĩ là nên, tôi sẽ cho vô.

Cột đèn điện thưa lần. Bên đường mọc một hàng cây xiêm gai vì nhà cửa đã bắt đầu thưa thớt mà đồng quê lần lần chiếm lại ưu thế. Đường không lát đá, lác đác vài nóc nhà, vườn tược không được săn sóc.

Root lại phàn nàn một lần nữa.

– Tối gì mà như mực thế này, hở trời! Tôi tự hỏi không biết có xảy ra chuyện lộn xộn gì không đây. Nếu có xảy ra thì đêm tối như thế này, xoay xở cũng tiện nhỉ?

Dick khịt mũi, cổ áo thợ kéo lên tới mũi. Họ làm thinh đi một lúc.

Root hỏi:

– Anh Dick, có gì thì anh kiếm cách tẩu thoát chứ?

– Không khi nào. Cấm ngặt. Có gì thì phải chịu đựng. Chỉ thị bảo vậy. Mày còn con nít. Tao có cảm tưởng rằng để mặc mày làm thì mày tẩu!

Root làm bộ gan:

– Anh tự cho là "yêng hùng" vì anh đã làm đại diện hai ba lần. Làm như đã sống trăm tuổi.

Dick đáp:

– Dù sao tao cũng không đái trong quần.

Root cúi đầu đi, hỏi nho nhỏ:

– Anh Dick, chắc chắn là anh không bỏ chạy chứ? Anh chắc chắn rằng anh có thể ở lại mà chịu đựng chứ?

– Dĩ nhiên là tao chắc rồi. Tao đã chịu đựng một lần rồi. Chỉ thị như vậy, phải không? Với lại, nghĩ coi, như thế là quảng cáo tốt cho mình chứ? - Mắt chú ta tìm Root trong bóng tối - Tại sao lại hỏi tao như vậy chú mày? Mày sợ rằng mày sẽ bỏ chạy ư? Nếu sợ thì vô làm cái gì?

Root rùng mình:

– Anh Dick à, anh là người tốt. Điều tôi nói với anh, anh đừng kể cho ai nghe nhé? Tôi chưa bị thử thách lần nào. Làm sao tôi biết được tôi sẽ làm gì nếu có kẻ cầm dùi cui đập túi bụi vào mặt tôi. Ai mà biết được lúc đó mình sẽ làm gì, phải không? Tôi không tin rằng tôi bỏ chạy. Tôi rán không chạy trốn.

– Được đấy chú mày. Thôi đừng nói tới nữa. Nhưng nếu mày kiếm cách chuồn thì tao sẽ ghi tên mày lên tờ báo cáo đa. Chúng tao không chứa quân đê tiện nhát gan đâu. Đừng quên điều đó, nghe, chú mày.

– Lúc nào cũng chú mày, chú mày, chán quá. Ai chả biết anh già tuổi đảng hơn tôi.

Họ càng tiến thì những cây xiêm gai càng khít rậm. Gió xì xào trong lá. Họ đi ngang qua một cái sân, chó trong sân gừ gừ. Sương nhẹ bắt đầu vương trong không khí, các ngôi sao chìm trong màn sương.

Dick hỏi:

– Mày chắc chắn đã sửa soạn kĩ mọi thứ rồi chứ? Có đèn không? Những tờ giấy in nữa. Tao đã để hết cho mày.

Root đáp:

– Tôi đã làm xong cả chiều nay rồi. Chưa dán bố cáo, như có đủ trong thùng ở dưới ấy.

– Đã châm dầu vô đèn chưa?

– Đầy nhóc. Này anh Dick, tôi cam đoan rằng có một thằng nào đó dò xét mình, có không, anh?

– Chắc chắn. Luôn luôn có kẻ dò xét.

– Nhưng thỉnh thoảng, có lần nào anh hay tin chúng xuống bắt không?

– Mẹ kiếp, làm sao mà tao biết được? Mày tưởng mỗi lần chúng muốn đập bể mỏm tao, chúng báo trước cho tao

hay sao? Rán lấy lại tinh thần đi Root. Xuống quá rồi. Cứ điệu đó, riết rồi tao cũng hoảng lây.

II

Họ tới gần một căn nhà nóc bằng, thấp đen, bè bè trong bóng tối. Tiếng chân họ vang nặng nề trên lề đường bằng gỗ.

Dick bảo:

– Vẫn chưa có ma nào. Chúng mình mở cửa và đốt đèn đi.

Họ vô một cửa tiệm bỏ trống. Mặt kính của tủ bê bết một lớp bẩn, coi đục đục. Một đầu, một tấm quảng cáo *Lucky Strike* dán lên mặt kính; còn đầu kia thì tấm hình cô *Coca-Cola* to lớn bằng giấy các-tông, y như một hình ma. Dick đẩy hai cánh cửa và họ bước vô. Chú ta đánh một cây quẹt, đốt một ngọn đèn dầu, đậy thông phong lại và đặt đèn trên một cái thùng lật úp, trước kia đựng trái táo.

– Root, thôi sửa soạn cho đủ đi.

Tường quét vôi còn loang lổ những vết cọ.

Một chồng báo bụi bặm nằm trong một góc. Hai cửa sổ phía trong đầy mạng nhện. Ngoài hai thùng để đựng táo, trong phòng tuyệt nhiên không có đồ vật gì khác.

Root tiến lại một cái thùng, lấy ra một tờ yết thị lớn, in hình một người đàn ông, những nét đỏ và đen rất phản nhau. Gã lấy ghim ghim tấm hình trên tường quét vôi

trắng sau ngọn đèn. Rồi gã ghim một tấm yết thị nữa ở ngay bên cạnh, một tờ tuyên truyền lớn, mực đỏ trên nền trắng. Sau cùng gã trở lại thùng kia, chồng lên mặt thùng những tờ truyền đơn và những tập sách nhỏ bìa thường. Bước chân gã vang lên trên mặt sàn trống trơn.

– Đốt cây đèn kia lên, anh Dick! Ở đây tối quá trời.

– Chú mày cũng sợ tối nữa ư?

– Không, họ sắp tới rồi. Khi họ tới, phòng phải sáng sủa một chút chứ. Mấy giờ rồi?

Dick nhìn đồng hồ:

– Tám giờ thiếu mười lăm. Chắc họ sắp tới.

Chú đút hai tay vào túi áo thợ, uể oải đứng gần thùng truyền đơn. Không có chỗ để ngồi. Tấm hình như in người đỏ và đen ngó trừng trừng trong phòng, vẻ tàn nhẫn, nghiêm khắc. Root dựa lưng vào tường.

Một ngọn đèn ngả ra màu vàng rồi từ từ hạ xuống. Dick đi lại gần cây đèn.

– Tao nhớ đã bảo mày rằng có đủ dầu đấy. Thế mà tim khô dầu rồi nè.

– Tôi cứ tưởng nó đầy dầu chứ. Ngó này. Một cây thì đầy ăm ắp. Có thể san qua cây này được.

– San cách nào được? Phải tắt cả hai ngọn đi rồi mới san được. Mày có quẹt không?

Root nắn túi:

– Còn có hai cây.

– Mày thấy không! Thế là chỉ đốt được mỗi một ngọn đèn trong cuộc hội họp này. Đáng lẽ chiều nay tao phải đích thân kiểm soát mọi việc mới phải. Tao mắc việc ở thành. Tao tưởng tin cậy ở mày được chứ.

– Có lẽ có thể san vội một chút dầu ở đèn này vô một cái thùng nhỏ rồi lại rót vô đèn kia.

– Phải đấy. Để rồi đốt luôn cả cái quán này hả? Mày thật hết chỗ nói.

Root lại dựa lưng vào tường:

– Sao mà họ vẫn chưa tới? Mấy giờ rồi anh?

– Tám giờ năm.

– Vậy thì họ còn làm cái gì nữa? Còn đợi gì nữa? Anh bảo họ tám giờ phải không?

– Câm miệng lại, nhãi con! Riết rồi mày làm tao nổi quạu. Làm sao tao biết được họ đợi cái gì? Có lẽ đợi tuyết tan. Có lẽ họ lạnh. Bây giờ thì mày im đi một lúc cho tao nhờ.

Chú nhét sâu hai tay vào túi áo thợ của chú:

– Có thuốc lá không, Root?

– Không.

Cảnh rất tĩnh mịch. Gần khu trung tâm châu thành, xe hơi qua lại; người ta nghe thấy tiếng máy rồ và thỉnh thoảng có tiếng còi. Một con chó sủa bâng quơ ở căn nhà

bên cạnh. Gió rít từng luồng trong lá, thổi bù những cây xiêm gai lên.

– Nghe này, anh Dick! Anh thấy có tiếng nói không? Chắc họ tới.

Hai người quay đầu lại, lắng tai nghe.

– Tao không nghe thấy gì cả. Mày tưởng tượng đấy thôi.

Root lại gần một cửa sổ cáu những dơ và ngoái ra ngoài. Khi trở về chỗ cũ, gã ngừng lại trước chồng truyền đơn, xếp lại kĩ lưỡng.

– Mấy giờ rồi anh Dick?

– Mày có yên không, thằng kia! Riết rồi mày làm cho tao hóa điên mất. Làm cái việc này phải có gan mới được. Tỏ ra cho chúng tao biết rằng mày có gan đi nào!

– Anh Dick ơi, tôi chưa làm đại diện lần nào mà.

– Bộ người ta không thấy điều đó hay sao? Mà còn cố ý tỏ ra như đâm vào mắt người ta nữa!

Những luồng leng keng ở cửa sổ. Một cánh cửa từ từ mở ra, bản lề rít lên nhè nhẹ. Gió thổi vào phòng, quất vào chồng giấy báo dơ ở trong góc, mấy tờ yết thị ở tường bay phất phất như tấm màn.

– Root, khép cửa lại… Không, để vậy, có người tới mình nghe rõ hơn.

Chú coi đồng hồ. Gần tám giờ rưỡi.

– Anh tin rằng họ tới chứ? Nếu họ không tới thì mình phải đợi họ bao lâu?

Người lớn tuổi ngó chăm chú về phía cửa để mở:

– Sớm lắm là chín giờ rưỡi mới được đi. Chỉ thị bảo rằng phải có cuộc hội họp.

Cửa để mở, tiếng động ban đêm nghe rõ hơn - tiếng lá khô của cây xiêm gai nhảy múa trên đường, tiếng chó sủa rời rạc và đều đều. Ở tường, tấm hình người in đỏ và đen hóa ra có vẻ dọa nạt trong chỗ tranh tối tranh sáng. Mép dưới tấm đó lại bay phất phất. Dick nhìn vào đấy, rồi bình tĩnh bảo Root:

– Nghe này, chú mày. Tao biết rằng chú mày sợ. Khi thấy sợ thì ngó ổng. Chỉ vậy là đủ. - Chú đưa ngón tay trỏ tấm hình - Ai chứ ổng thì không sợ. Nhớ lại tất cả những việc ổng làm.

Người trẻ tuổi ngó tấm hình:

– Anh tin rằng ổng không bao giờ sợ ư?

Dick mắng cho một thôi:

– Nếu ổng sợ thì cũng không ai biết được. Noi gương ổng. Đừng có tỏ cái nhát gan của mày ra cho thiên hạ người ta thấy mà đẹp mặt.

– Anh Dick, anh thật tốt bụng. Người ta mà sai tôi đi một mình thì không biết tôi sẽ làm ra sao.

– Thì chú mày cũng làm được việc lắm chứ. Chú mày có khả năng. Tao cảm thấy vậy. Chỉ chưa thử lửa lần nào thôi.

Root liếc vội ra cửa:

– Nghe, anh. Có tiếng người tới phải không?

– Thôi đi, lúc nào họ tới thì họ tới. Dù sao cũng khép cửa lại. Phòng này không lấy gì làm ấm.

– Nghe, anh. Tôi bảo là có người tới mà.

Có tiếng chân bước vội, vang trên đường, rồi thì chạy băng qua lề đường bằng gỗ. Một người đàn ông bận bộ đồ thợ đội nón thợ sơn, ùa vào phòng. Hắn hổn hển như hết hơi:

– Trốn đi, các bạn. Tụi nó tới làm ráp. Không một bồ nào tới họp đâu. Họ muốn bỏ rơi các bạn để các bạn chịu hết đấy. Tụi nó tới làm ráp bây giờ.

Mặt Root nhợt nhạt, tiều tụy. Gã lo lắng ngó Dick. Dick rùng mình, đút tay vào túi, lưng khòm xuống, nói:

– Cảm ơn anh, cảm ơn anh cho biết tin đó. Anh trốn đi. Tụi tôi xoay xở sau.

Người kia bảo:

– Tụi nó bỏ rơi các anh, chứ không gì đâu.

Dick nhún vai:

– Họ không nghĩ tới tương lai. Họ không nhìn xa hơn cái chót mũi của họ. Anh nên trốn đi, nếu không bị chúng bắt a.

– Thế còn hai anh, không trốn ư? Tôi giúp các anh ôm đồ cho.

Dick cương quyết bảo:

– Tụi tôi ở lại. Chỉ thị là phải ở lại. Phải chịu hết.

Người kia đi ra cửa. Rồi quay lại hỏi:

– Các anh muốn tôi ở lại với các anh không?

– Không. Anh thực tốt bụng. Anh ở lại vô ích. Có lẽ lần khác chúng tôi sẽ cần tới anh.

– Vậy là tôi làm hết sức tôi rồi.

III

Dick và Root nghe tiếng chân người đó băng qua lề đường bằng gỗ rồi chạy tuốt trong bóng tối. Lá rụng như cào mặt đất. Tại trung tâm thành phố tiếng máy xe rồ rồ.

Root ngó Dick. Gã thấy hai bàn tay của người bạn già nắm chặt lại trong túi áo. Bắp thịt ở mặt nổi cứng lên, nhưng Dick rán mỉm cười với gã. Những tấm yết thị bay tung rồi lại áp vào tường như cũ.

– Chú mày sợ hả?

Root sửng cồ lên, toan chối nhưng rồi chịu thú:

– Vâng, em sợ. Có lẽ em không xứng đáng, anh ạ.

Dick có giọng gay gắt:

– Bình tĩnh chứ chú mày! Bình tĩnh lên chứ!

Rồi đọc cho gã nghe đoạn này:

– "Đối với những kẻ thiếu tin tưởng và hăng hái thì

phải nêu gương kiên nhẫn cho họ theo (…) Hiểu chưa, Root? Chỉ thị như vậy đó.

Rồi Dick lại yên lặng. Tiếng chó sủa gấp lên.

Root bảo:

– Chắc là chúng nó đấy. Anh có tin rằng chúng sẽ giết tụi mình không?

– Không, ít khi chúng giết ai lắm.

– Nhưng chúng sẽ đấm đá túi bụi, cái đó thì có chứ? Chúng cầm dùi cui đập vào mặt mình cho bể mũ ra chứ? Big Mike bị chúng đập bể hàm, bể ở ba chỗ.

– Bình tĩnh chú mày! Bình tĩnh lại đi! Và nghe anh nói nè: nếu có kẻ nào đập bể miệng chú mày thì không phải là hắn làm đâu mà là xã hội đấy (…) Nhớ kĩ điều đó không?

– Em không muốn bỏ chạy đâu, anh Dick. Em thề với anh là không. Nếu anh thấy rằng em sắp trốn thì anh làm ơn ngăn cản em nhé.

Dick lại gần gã, đặt bàn tay lên vai gã:

– Được cứ yên tâm. Thằng tướng nào có vẻ chịu đựng được thì anh biết liền.

– Nhưng có nên giấu tất cả các giấy tờ này cho khỏi bị đốt không?

– Không. Một thằng tướng nào đó có thể nhét một cuốn vào túi để sau sẽ đọc. Như vậy cũng có ích chứ. Để sách lại đó. Và bây giờ thì câm miệng đi. Càng nói chỉ càng thêm rối trí thôi.

Con chó lại sủa rời rạc, buồn bã như cũ. Một luồng gió cuốn một đám lá khô vô phòng, qua cửa để ngỏ. Tấm hình phồng lên và một góc bung ra. Root tới cắm lại cây ghim. Tại một nơi nào đó trong châu thành, một chiếc xe hơi thắng mạnh, rít lên.

– Anh Dick, anh nghe thấy gì không? Nghe thấy chúng tới không?

– Không.

– Này anh, Big Mike nằm sóng sượt trên đất, hàm bể nát, mà hai ngày sau mới có người lại khiêng đi.

Chịu không nổi nữa, người đàn anh lão luyện quay về phía thanh niên, một bàn tay nắm chặt rút ra khỏi túi áo. Chú chăm chú nhìn Root rồi quàng vai bạn, bảo:

– Nghe kĩ này, chú mày. Anh không biết gì nhiều, nhưng anh đã trải qua cái vụ đó rồi. Anh có thể nói chắc với chú mày rằng khi té xuống thì chú mày cũng không thấy đau. Không hiểu tại sao nhưng nó vậy đó. Dù chúng có giết chú mày nữa thì chú mày cũng không thấy đau.

Chú ta thả cánh tay xuống rồi tiến về phía cửa, ngó ra ngoài, lắng tai nghe cả hai phía, trước khi trở vô trong.

– Anh có nghe thấy gì không?

– Không, chẳng có gì cả.

– Theo ý anh, chúng đợi gì mà chưa tới hả?

– Làm sao tao biết được?

Root gắng sức nuốt nước miếng:

– Có lẽ chúng không tới đâu. Có lẽ là nói bậy, cái thằng tướng lại đây đó, có lẽ chỉ nói bậy.

– Có lẽ.

– Vậy thì chúng mình đợi đây suốt đêm để chúng lại đập bể mặt mình.

Cuồng phong nổi lên rồi thình lình tắt. Chó ngưng sủa. Một chuyến xe lửa hú lên một hơi dài, báo hiệu tới chỗ tránh, rồi sự tĩnh mịch đêm lại nặng nề hơn trước. Trong một căn nhà gần đó có tiếng đồng hồ reo, Dick bảo:

– Có người nào phải đi làm đêm đây. Có lẽ làm gác dang.

Trong đêm tĩnh, tiếng chú ta vang lớn quá. Cánh cửa nhè nhẹ khép lại, hơi rít lên một chút.

– Anh Dick, mấy giờ rồi?

– Chín giờ mười lăm.

– Trời ơi! Em cứ tưởng là hai ba giờ khuya rồi chứ… Sao chúng không tới phắt cho nó xong đi! Nghe này, anh, hình như có tiếng nói.

Họ đứng ngây ra, đầu đưa ra trước, nghe ngóng:

– Nghe thấy gì không anh?

– Hình như có. Như có tiếng nói nho nhỏ.

Chó lại sủa, lần này dữ dội. Nghe thấy tiếng thì thầm, nhẹ nhàng, bình tĩnh.

– Kìa, anh. Hình như có người ở cửa sổ phía sau.

Dick cười gượng:

– Cái đó là để chặn đường rút lui của mình đây. Chúng bao vây căn nhà rồi. Bình tĩnh chứ, chú mày. Chúng tới kìa. Nhớ rằng có gì thì không phải tại chúng đâu đấy mà tại xã hội.

Có tiếng chân nện vội vàng. Cửa mở tung ra. Một đám người đàn ông ùa vô chiếm phòng, quần áo sơ sài nón đen. Họ cầm dùi cui và đoản côn. Dick và Root đứng ngay ngắn, cằm đưa ra, mắt ngó xuống, lim dim.

Khi vô rồi, bọn người hùng hùng hổ hổ kia thấy hơi khó chịu. Họ vây hai người trong phòng thành hình bán nguyệt, đợi cho có ai quyết định.

Gã thanh niên Root liếc ngang Dick và thấy người bạn lão luyện này ngó mình, nghi ngờ mình, dò xét thái độ mình. Root thọc mạnh hai bàn tay run run vào túi áo. Gã gắng sức thu thập nghị lực thành thử hơi chúi tới trước. Gã la lên, giọng the thé vì sợ sệt:

– Các đồng chí, các bạn cũng là người như chúng tôi. Hết thảy chúng ta là anh em…

Một cái dùi cui cao su rít lên, đập vào một bên đầu gã, nghe độp một tiếng. Root ngã quỵ, hai tay đưa ra chống.

Bọn người kia đứng yên, vẻ hung dữ.

Root khó nhọc đứng lên. Tai gã tét ra, máu chảy lênh láng xuống cổ.

Một phía mặt gã nát bấy, đỏ lòm. Gã lại đứng dậy rồi. Tiếng gã vang lên, nhiệt liệt. Tay gã không run nữa. Bây giờ giọng gã cương quyết, bạo dạn. Mắt gã đỏ lửa vì khoái cảm đến cực độ. Gã la lên:

– Sao các bạn không suy nghĩ. Chúng tôi làm cái đó là vì các bạn. Chỉ vì các bạn thôi. Các bạn không biết mình làm gì.

– Giết chết tụi (…) nhơ nhớp đó đi!

Có tiếng hực hực bực tức. Thế là sóng gió nổi lên. Khi té xuống, Root còn kịp thoáng nhìn thấy nụ cười khiêu khích, gay gắt, gượng gạo của Dick.

IV

Gã đã nhiều lần tỉnh mà không tỉnh hẳn, y như một vật chìm sâu ở đáy, mới nhoi lên được gần tới mặt nước. Sau cùng gã mở mắt ra, nhận được các vật chung quanh. Mặt và sọ hắn quấn đầy băng. Gã chỉ thấy một tia sáng lọt qua mí mắt sưng húp của gã. Gã nằm dài một lúc, rán nhớ lại mọi việc. Rồi gã nghe tiếng Dick nằm bên cạnh hỏi gã:

– Tỉnh rồi hả, chú mày?

Root thử giọng nói của mình, thấy nó oang oang, lạ tai:

– Em có cảm giác đó.

– Sọ chú mày bị nặng! Anh tưởng chú mày tiêu rồi chứ. Lo cho cái mũi của chú mày là phải. Chắc khi lành rồi, nó chẳng ngộ lắm đâu.

– Còn anh, chúng làm gì anh?

– Chúng làm tiêu một cánh tay và hai ba xương sườn của anh.

Phải tập áp mặt xuống đất: Để tránh cho mắt - Dick ngừng nói, thở gượng nhẹ - Xương sườn gãy, thở thấy đau quá. Thế mà hên (…)

– Chúng mình ở trong khám hả?

– Ừ, lao xá dưỡng bệnh.

– Lý do gì?

Root nghe thấy Dick rán hực hực, hổn hển vì đau:

– Vì hô hào làm loạn. Sáu tháng. Đoán vậy (…)

– Anh đừng bảo chúng rằng em làm ở mỏ, anh Dick nhé.

– Không, không bảo đâu. Bây giờ thì im miệng đi. Giọng chú mày có vẻ còn mệt đấy. Nằm yên.

Root nín thinh, nằm dài ra, không nhúc nhích như có một lớp đau nhừ bao bọc toàn thân. Nhưng được một lát gã lại lên tiếng:

– Anh Dick, lúc đó em không thấy đau anh ạ. Lạ thật, lúc đó sao mà hăng thế, hăng dữ.

– Chú mày cừ ra phết. Cừ y như những người cừ nhất mà anh đã thấy. Anh sẽ khen chú mày với ủy ban. Thật là cừ.

Đầu óc còn lộn xộn, Root rán nhớ lại một điều gì.

– Trong khi chúng đập em, em muốn bảo chúng rằng em cóc cần.

– Ừ, như anh đã nói với chú mày mà. Không phải chúng nó đâu. Xã hội đấy. Không nên oán chúng. Chúng không biết.

Root nói bằng một giọng ngái ngủ. Gã đau ê ẩm cả người.

– Anh Dick, anh còn nhớ trong *Thánh Kinh* không, cái đoạn nào đó nói một câu gì như thế này: *Xin cha tha thứ cho họ vì họ không biết họ làm gì*.

Dick nghiêm khắc đáp:

– Thôi mà, bỏ cái ngón tôn giáo đó đi, chú mày. Rồi đọc tiếp câu này: "*Tôn giáo là thuốc phiện của dân chúng*".

Root bảo:

– Vâng, em biết lắm. Nhưng em có nói gì đến tôn giáo đâu. Khi không em nhớ tới câu đó, thế thôi. Hình như

CHARLES DICKENS

Tên Charles Dickens chắc không lạ gì với độc giả. Ông là một tiểu thuyết gia Anh nổi tiếng ở thế kỉ trước (1812 - 1870). Tuổi thơ của ông rất cực khổ; mười hai tuổi đã phải thôi học làm công trong một xưởng chế tạo sáp, sau chỉ nhờ hiếu học, kiên nhẫn và có tài mà lập nên sự nghiệp rực rỡ trên văn đàn, được khắp thế giới biết tiếng.

Dùng một bút pháp linh hoạt, mạnh mẽ, luôn luôn cảm động thường dí dỏm, mỉa mai một cách nhẹ nhàng, ông bênh vực những kẻ nghèo yếu, nhất là những trẻ em cơ cực và mạt sát tánh giả dối, ích kỉ của loài người. Những tiểu thuyết thành công nhất của ông là David Copperfield, Oliver Twist, Nicolas Nicklebv, Truyện Nô-en, Em gái Dorrit, Những may rủi bất ngờ của ông Pickwick.

Nhưng ngoài những chuyện tình cảm, xã hội đó, ông còn viết ít truyện ngắn có tính cách quái đản mà ít người được biết, như câu chuyện lạ lùng dưới đây lần đầu trong tạp chí All the year round *số đặc biệt về lễ Nô-en năm 1866, dưới nhan đề là* Mugby Junction *(Ngã ba Mugby).*

Truyện là một truyện ma trong một bầu không khí lạnh lẽo, ghê rợn, bí mật. Tác giả tả tỉ mỉ từ khung cảnh, trời đất, nhà cửa, đến nét mặt, cử chỉ, tâm lí nhân vật; chi tiết rất nhiều mà không rườm vì chi tiết nào cũng có công dụng riêng, làm cho ta ngạc nhiên, chú ý tới liền và hồi hộp theo dõi để xem kết cục ra sao.

NGƯỜI BÁO HIÊU

– Ê, chú kia.

Khi nghe tiếng tôi gọi, hắn đương đứng trước cửa buồng nhỏ của hắn, tay cầm một cây cờ ngắn, lá cuốn vào cán. Thoạt tiên ai cũng tưởng hắn có thể đoán ngay được tiếng gọi từ đâu tới mà không do dự gì cả vì hai chỗ cao thấp khác nhau xa; nhưng đáng lẽ ngước mắt lên đường cái, chỗ tôi đứng ở bờ đường hào xe lửa, thì hắn lại quay mặt về phía khác mà nhìn đường rầy. Cử chỉ của hắn có cái gì lạ, nhưng tôi không nhận được là cái gì. Tôi chỉ biết rằng cái gì đó làm cho tôi chú ý tới liền; mà hình dáng của hắn đứng ở xa tít dưới sâu, ở đáy hào, có vẻ co rúm lại; còn tôi, đứng ở một chỗ cao, tràn ngập ánh tà huy của một nền trời dông tố đến nỗi tôi phải lấy tay che mắt mới nhìn rõ hắn được.

– Ê, chú kia!

Thôi không nhìn đường rầy nữa, hắn quay lại và ngước mắt lên, trông thấy tôi ở tận trên cao.

– Có đường đi xuống dưới đó không? Tôi muốn nói chuyện với chú.

Hắn vẫn nhìn lên tôi mà không đáp, tôi nhìn xuống hắn mà không dám nhắc ngay lại câu hỏi hơi vô ích đó.

Đúng vào lúc ấy, đất và không khí rung nhẹ và một chút sau chuyển động dữ tợn; rồi hiện ra một đám lù lù phăng phăng chạy làm cho tôi vội nhảy lùi lại, sợ bị lôi cuốn theo. Một đám khói từ chuyến xe lửa tốc hành bốc lên tới tôi rồi tỏa ra xa, là là trên mặt đất; khi khói tan tôi lại ngó xuống hào và thấy chú ta đương cuốn lại lá cờ mà lúc xe lửa qua, chú đã phất ra.

Tôi lặp lại câu hỏi. Chú chăm chú nhìn tôi một lát rồi cầm cây cờ cuốn chỉ cho tôi một điểm ở trên cao chỗ tôi đứng và cách tôi vài ba trăm thước. Tôi đáp lớn tiếng: "Hiểu rồi" và tiến lại điểm đó. Tới nơi tôi nhìn kĩ chung quanh và sau cùng tìm được một lối lờ mờ, ngoằn ngoèo, đục sơ sài đưa xuống hào. Tôi theo con đường đó.

Hào đục trong đá, rất sâu mà vách dựng đứng. Đá càng gần đáy hào càng ướt, nhớp; cho nên tôi thấy đường đi hơi dài và vừa đi tôi vừa nghĩ tới vẻ mặt gượng gạo và u ẩn của người báo hiệu khi hắn chỉ đường cho tôi.

Khi tôi xuống tới một chỗ thấp, lại trông thấy hắn thì hắn đương đứng giữa đường rầy, có vẻ như đợi tôi ló mặt ra. Bàn tay trái hắn đỡ cằm, khuỷu tay đó chống vào lòng bàn tay mặt mà cánh tay mặt đặt ngang trước ngực. Cử chỉ đó cho tôi có cảm tưởng rằng hắn mong mỏi tôi lắm và tôi ngạc nhiên ngừng lại một chút.

Tôi tiếp tục xuống dốc, tới mặt phẳng của đường rầy,

tiến lại phía hắn, và lại gần, tôi nhận ra rằng nước da hắn vàng võ, râu đen mà lông mày rậm. Chỗ hắn làm việc ở vào một nơi cô lậu nhất, thê lương nhất tôi chưa từng thấy. Hai bên là bức vách đá đẽo nham nhở, ướt át; nhìn lên cao chỉ thấy một mảnh trời hẹp; nhìn về một phía thì chỉ thấy cảnh tựa khám đường mênh mông đó kéo dài ra, ngoằn ngoèo; còn nhìn về phía kia thì chỉ thấy một ngọn đèn đỏ ảm đạm để báo hiệu với miệng đường hầm(1) ảm đạm hơn nữa, đen ngòm, đồ sộ, kiến trúc cổ lỗ,man rợ, nặng nề. Ánh sáng mặt trời khó khăn lắm mới len lỏi vào nơi đó được, thành thử hơi đất ẩm thấp giết người được lúc nào cũng bốc lên; lại thêm một ngọn gió thổi cuồng bạo tới nỗi thình lình thấy buốt cóng, tưởng như mới rời khỏi dương thế.

Tôi lại gần hắn, gần như chạm hắn mà hắn vẫn trơ trơ. Mãi sau hắn mới lùi lại một bước, đưa tay lên mà mắt vẫn không rời tôi.

Tôi hỏi chuyện: Hắn thấy chỗ này cô liêu không? Người lạ chắc ít khi tới đây lắm? Hắn có bực mình phải tiếp người lạ không? Còn tôi, chỉ là một người bị giam hãm suốt đời trong những khu chật hẹp, bây giờ mới được tự do muốn xem xét những công việc lớn lao của sở hỏa

(1) Xin độc giả lưu ý: đường hào thì lộ thiên đục ở sườn núi; còn đường *hầm* thì không lộ thiên, đục trong lòng núi; xe lửa ở trong đường hầm ló ra, rồi chạy trong đường hào.

xa. Đó đại khái tôi nói chuyện với hắn như vậy, nhưng không nhớ rõ những lời tôi đã dùng, vì tôi vốn không có tài bắt chuyện mà con người của hắn lại có cái gì làm cho tôi ngại ngùng, rụt rè.

Hắn ngó về phía cây đèn đỏ ở gần miệng hầm, vẻ mặt rất kì dị, rồi xem xét chung quanh miệng hầm như có cảm tưởng rằng thiếu cái gì ở đó, sau cùng hắn quay lại nhìn tôi.

Tôi hỏi có phải hắn có phận sự coi ngọn đèn đỏ đó không. Hắn đáp, giọng khàn khàn:

– Thì ông biết rồi mà.

Một ý quái đản hiện trong óc tôi; nhìn cặp mắt trừng trừng đó, nét mặt cau có đó, tôi tưởng như đứng trước một hình ma chứ không phải một con người. Từ lúc đó tôi vẫn tự hỏi không biết tôi có nhiễm ít nhiều tư tưởng của hắn không.

Bây giờ thì chính tôi lùi lại mà cặp mắt hắn tỏ vẻ như sợ tôi vậy. Ý quái đản trước của tôi tiêu tan.

Tôi rán mỉm cười bảo hắn:

– Chú ngó tôi y như chú sợ tôi vậy.

Hắn đáp:

– Không biết tôi đã gặp ông lần nào chưa.

– Ở đâu?

Hắn quay mặt đi, chỉ cho tôi ngọn đèn đỏ.

Tôi hỏi:

– Ở đó ư?

Hắn trân trân ngó tôi, lặng lẽ gật đầu.

– Chú này mới kì dị, tôi lại đó làm gì chứ? Chú có thể tin chắc rằng tôi chưa bao giờ đặt chân tới đó.

– Tôi cũng tin vậy. Vâng tôi tin chắc vậy.

Hắn có vẻ thoải mái hơn, tôi cũng thế. Hắn đon đả trả lời tôi, ăn nói thông minh. Công việc của hắn có nhiều không? Nhiều; thực ra trách nhiệm khá nặng; cần nhất là phải đúng giờ, chứ chẳng có gì mệt sức. Kéo dấu hiệu này hoặc dấu hiệu kia, gạt tim đèn, thỉnh thoảng nhấc một cây đòn bẫy bằng sắt, đó công việc tay chân chỉ có vậy, còn thì suốt ngày ngồi trơ trơ một mình. Tôi bảo như vậy rất khó chịu thì hắn cho rằng lâu cũng quen. Ở chỗ này, hắn đã học được một ngoại ngữ, nghĩa là tập đọc sách, còn giọng thì hắn theo giọng của hắn, đúng lơ lớ; như vậy thực ra không thể nói là học ngoại ngữ được. Hắn cũng đã học được phân số và số lẻ, bắt đầu bước vô môn đại số, nhưng từ nhỏ hắn không có khiếu về toán. Trong những ngày làm việc, hắn có bắt buộc phải ngồi hoài trong cái hào ẩm thấp, lộng gió này không, hay là có thể thỉnh thoảng leo lên khỏi những bức tường cao này mà tới chỗ có ánh nắng kia không? À cái đó thì còn tùy lúc. Trên con đường này không phải xe lúc nào cũng qua lại thường như vậy, có giờ ít, có giờ nhiều; lại tùy trường hợp nữa. Hôm nào đẹp trời thì thỉnh thoảng hắn leo lên đó dạo chơi, ra khỏi cái miền

tối om này; nhưng vì lúc nào chuông điện cũng có thể réo lên được, nên hễ hắn tiến xa một chút thì lại càng phải chú ý nghe chuông thành thử đi chơi cũng hết thú.

Hắn mời tôi vô căn phòng trong đó có một lò sưởi, một mặt tủ trên mặt đặt một cuốn sổ lớn để ghi chép việc sở, một máy điện tín có mặt đồng hồ và nhiều kim với một cái chuông nhỏ. Tôi tỏ vẻ thân mật, khen hắn có vẻ một người gia giáo, học thức cao hơn địa vị xã hội hiện thời của hắn (tôi hy vọng hắn không vì thế mà giận tôi); hắn trả lời rằng trong xã hội vẫn thường có trường hợp đó, như trong các nhà dưỡng bần, trong ty cảnh sát và cả trong quân đội nữa, chỗ trú chân cuối cùng của những kẻ thất bại; và ngay trong công ty hỏa xa cũng có một số nhân viên như vậy. Hồi trẻ hắn học môn vạn vật (hắn ngồi trong cái chòi tồi tàn này thì khó tin điều đó quá, chính hắn cũng không tin nổi) hắn đã ăn học đàng hoàng rồi sống một đời phóng đãng, bỏ lỡ cơ hội, đến nỗi xuống dốc và không sao leo lên được nữa. Hắn không có quyền phàn nàn. Lỗi tại hắn thì hắn phải chịu. Trễ quá rồi, không làm lại cuộc đời được nữa.

Hắn bình tĩnh kể lại đời hắn mà tôi tóm tắt lại như trên trong lúc đó cặp mắt đen nghiêm trang của hắn hết ngó ngọn lửa lại ngó tôi. Thỉnh thoảng ở giữa câu hắn lại kính cẩn "Thưa ông", nhất là khi hắn kể tuổi xuân của hắn như muốn cho tôi hiểu rằng hắn chẳng cao quí gì hơn cái bề ngoài của hắn đâu. Nhiều lần chuông kêu làm hắn ngừng câu chuyện để bắt tin và trả lời. Có một lúc hắn

phải đứng ở trước cửa phất cờ khi xe lửa qua và truyền một tin cho người thợ máy. Tôi nghiệm thấy hắn làm phận sự một cách đứng đắn, cần mẫn lạ thường: đương nói hắn ngừng ngay lại, làm xong việc rồi mới nói tiếp.

Tóm lại nếu không nhận xét thêm điều dưới đây thì tôi phải nhận rằng không ai đáng tin cậy và hợp với công việc báo hiệu hơn con người ấy: hai lần trong câu chuyện tôi nhận thấy hắn ngưng nói, tái mặt đi, quay về phía cái chuông mà *chuông không kêu*, rồi mở cửa phòng (mà hắn đã đóng lại cho khí độc ẩm thấp ở ngoài khỏi vô) và nhìn về phía đèn đỏ ở miệng hầm. Cả hai lần, khi hắn trở lại gần lò sưởi: mắt hắn đều có vẻ bí mật không thể giảng được mà tôi đã nhận thấy từ khi nhìn ở xa.

Khi đứng dậy ra về tôi bảo hắn:

– Tôi có cảm tưởng rằng chú là một người thỏa mãn về số phận (Tôi hơi xấu hổ mà thú thực rằng tôi nói vậy để kích thích hắn thố lộ tâm sự với tôi).

Hắn đáp, vẫn cái giọng khàn khàn tôi để ý từ lúc đầu.

– Trước kia, tôi thỏa mãn về đời tôi, nhưng thưa ông, bây giờ thì tôi lo lắng lắm, lo lắng lắm.

Tôi thấy hắn chua chát, ân hận đã lỡ thốt ra như vậy, nên hỏi ngay:

– Tại sao vậy? Tại sao lại lo lắng?

– Thưa ông, khó giảng lắm. Rất khó nói. Khó nói vô cùng. Nếu ông có dịp trở lại đây, tôi sẽ rán kể ông nghe.

– Thế nào tôi cũng trở lại. Chú cho biết bao giờ tôi có thể tới được.

– Thưa ông, sáng mai tôi phải đi sớm, nhưng tôi sẽ trở về làm việc từ mười giờ tối.

– Vậy mười một giờ khuya tôi sẽ lại.

Hắn cám ơn tôi rồi cũng bước ra ngoài với tôi.

– Thưa ông, để tôi cầm đèn rọi đường cho tới khi ông tìm được đường mòn - Giọng hắn khàn khàn một cách kì dị - Khi ông tìm được đường rồi, ông đừng kêu lớn tiếng nhé và khi leo lên tới đỉnh, cũng đừng lớn tiếng nhé!

Nghe hắn nói vậy tôi bỗng thấy lạnh người hơn, nhưng tôi chỉ đáp:

– Đồng ý.

– Và tối mai ông cũng đừng la lớn nhé. Ông cho phép tôi hỏi một câu nữa. Tại sao ban chiều ông gọi tôi: "Ê! Chú kia!"?

Tôi đáp:

– Tôi cũng không hiểu nữa. Phải, lúc đó tôi đã gọi lớn đại khái như vậy…

– Thưa ông không, không phải "đại khái như vậy", mà là đúng như vậy. Tôi nhớ rõ lắm.

– Ừ, thì cho rằng tôi nói đúng như vậy. Nhưng có gì lạ? Có lẽ chỉ vì tôi thấy chú ở xa, nên gọi thế thôi.

– Ông không có lý do gì khác chứ?

– Vậy chứ theo chú, còn có thể có lí do gì nữa?

– Ông không có cảm giác có một thần linh nào khác cho ông những tiếng đó ư?

– Không.

Hắn chào tôi và giơ cao đèn lên. Tôi theo đường mà đi xuôi xuống (có cảm giác rất khó chịu rằng một chuyến xe lửa chạy tới sau lưng tôi) cho tới khi tìm được đường mòn. Lần leo lên dễ hơn lần xuống và tôi về lữ quán không khó khăn gì cả.

*

Y hẹn, tối hôm sau tôi trở lại, vừa bước tới đường mòn thì nghe đồng hồ gõ mười một tiếng ở xa. Hắn đợi tôi ở dưới chân dốc, tay cầm đèn.

Tới nơi tôi bảo hắn:

– Tôi đã nghe lời chú, không la một tiếng đấy nhé, bây giờ chú cho phép tôi nói không?

– Xin ông cứ tự nhiên ạ.

– Vậy thì chào chú. Và tôi chìa tay ra.

Hắn cũng chìa tay ra:

– Xin chào ông.

Rồi chúng tôi tiến song song tới căn phòng; vô rồi, hắn đóng cửa lại và chúng tôi ngồi ở gần lò sưởi.

Đợi tôi an tọa rồi, hắn ghé sát tôi, nói nho nhỏ:

– Thưa ông, bây giờ thì tôi nhất định không để ông hỏi một lần nữa nguyên do nỗi lo lắng của tôi. Tối hôm qua tôi ngỡ ông là kẻ nào kìa. Đó, tôi lo vì vậy.

– Lo vì nhận lầm?

– Không. Vì kẻ đó.

– Ai vậy?

– Tôi không biết.

– Kẻ đó giống tôi?

– Tôi cũng không biết nữa. Tôi chưa trông thấy mặt mũi hắn bao giờ vì hắn luôn luôn lấy tay trái che mặt, trong khi đưa tay phải ra vẫy. Hắn xua tay mạnh mẽ lắm. Như vầy nè.

Tôi nhìn theo cử động của hắn. Cánh tay hắn gạt gạt một cách hăng hái, cuồng nhiệt lạ lùng, như để bảo: "Trời ơi! Dang ra!".

Hắn kể với tôi:

– Một đêm trăng tròn tôi ngồi góc này bỗng nghe một tiếng kêu: "Ê! Chú kia!" Tôi nhảy phắt dậy, ngó ra ngoài và thấy kẻ đó đứng dưới ngọn đèn đỏ báo hiệu ở miệng hầm, tay hắn gạt gạt như tôi mới làm cho ông coi. Hắn la lớn quá thành thử giọng hắn khàn, hắn la: "Coi chừng! Coi chừng!" rồi lại la: "Ê, chú kia! Coi chừng". Tôi lượm cây đèn lên, quay nó về phía tấm kính đỏ, rồi vừa chạy lại hắn vừa la: "Cái gì đó? Xảy ra cái gì đó? Nguy hiểm ở đâu?" Kẻ đó đứng ngay giữa miệng đường hầm tối đen.

Lại gần tôi lấy làm lạ sao vẫn đưa cánh tay lên che mặt. Tôi chạy tới, đưa tay ra nắm tay áo hắn, kéo xuống để xem mặt hắn thì vừa lúc đó hắn biến mất.

Tôi hỏi:

– Biến vô hầm?

– Không. Tôi chạy vô hầm, tiến năm trăm thước nữa. Rồi tôi ngừng lại, đưa đèn lên khỏi đầu, thấy trên vách hầm những con số chỉ quảng đường; tôi nhận rõ những vết ẩm ướt, những giọt nước rỉ và chảy từ trần hầm xuống. Tôi chạy trở ra, gấp hơn lần vô (vì không khí ghê rợn, chịu không nổi) và tôi xem xét chung quanh cây đèn báo hiệu bằng ngọn đèn nhỏ cầm tay của tôi, tôi leo thang sắt lên nóc đường hầm ở trên cây đèn rồi tôi leo xuống, chạy trở về đây. Tôi đánh điện tín cho hai trạm ở hai đầu: "Có người báo nguy cho tôi. Ở phía đó có gì bất thường không?" Cả hai phía đều đáp: "Mọi sự như thường".

Chuyện đó làm tôi lạnh xương sống. Chống cự lại cảm giác đó và rán chứng thực cho hắn rằng sự ma hiện hình đó chỉ là một ảo ảnh; tôi bảo một số bệnh nhân mà những dây thần kinh rất tế nhị ở mắt không được bình thường thỉnh thoảng cũng thấy hiện lên những hình kì dị; điều đó ai cũng biết và chính bệnh nhân rốt cuộc cũng hiểu được căn do của bệnh, có khi tự thí nghiệm về bản thân mà tìm ra được căn do nữa.

Tôi nói thêm:

– Còn những tiếng kêu tưởng tượng kia thì trong lúc chúng ta nói chuyện nho nhỏ với nhau đây, tiếng gió thổi trong cái thung lũng nhân tạo này làm rung những dây điện thành những điệu kì dị, chẳng khác gì làm rung dây một chiếc phong cầm.

Chúng tôi lắng tai nghe một lúc rồi hắn cãi rằng tôi nói gì thì nói, hắn cũng không tin; hắn biết rõ tiếng gió và tiếng dây điện. Vì mùa đông, một mình ở nơi này, hắn thường thức suốt đêm để nghe những tiếng đó. Và hắn bảo câu chuyện chưa hết mà.

Tôi xin lỗi đã ngắt lời hắn; hắn bèn đặt bàn tay lên cánh tay tôi, chậm rãi kể tiếp:

– Không đầy sáu giờ sau lần ma hiện đó, một tai nạn khủng khiếp xảy ra trên đường rầy, và không đầy bốn giờ sau nữa, người ta chở những kẻ bị thương và chết từ trong đường hầm ra; chắc họ đã đi qua đúng chỗ mà tôi đã trông thấy gã đó.

Tôi rùng mình nhưng gắng sức bình tĩnh bảo:

– Nếu vậy thì phải nhận rằng đã có một sự ngẫu hợp khác thường gây cho chú ấn tượng mạnh đó. Nhưng cũng chắc chắn rằng những sự ngẫu hợp kì dị như thế vẫn thường xảy ra và ta cần nhớ lẽ ấy mỗi khi gặp một trường hợp tương tự.

Để rào đón trước lời phản đối của hắn, tôi nói thêm:

– Tôi sẵn sàng nhận rằng cả những kẻ sáng suốt nhất

cũng không đoán trước được những ngẫu hợp đó khi dự tính công việc hằng ngày.

Lần này hắn cũng lại bảo tôi hãy nghe hắn kể nốt câu chuyện đã. Tôi lại xin lỗi hắn. Hắn lại đặt bàn tay lên cánh tay tôi, mắt sâu hoắm liếc vội về phía sau, rồi nói:

– Tai nạn đó xảy ra cách đây đúng một năm. Mãi sáu bảy tháng sau tôi mới bình tĩnh lại được thì một buổi sáng, lúc hừng đông, đứng trước cửa này đây, ngó về phía đèn đỏ, lại thấy hình ma đó.

Hắn ngừng nói và ngó tôi trừng trừng.

– Nó có la không?

– Không. Nó yên lặng.

– Nó có xua tay không?

– Không, nó dựa người vào cột đèn, hai bàn tay che mặt, như vầy nè.

Lần này tôi lại ngó theo điệu bộ của hắn. Điệu bộ kinh khủng. Tôi đã thấy những ngôi mộ có những tượng khắc điệu bộ đó.

– Chú có đi lại phía nó không?

– Tôi trở vô đây ngồi một phần vì muốn thu lại can đảm một phần vì hình ảnh đó làm cho tôi đứng không muốn vững nữa. Khi tôi trở ra thì mặt trời đã lên, hình ma biến mất.

– Rồi sau không xảy ra gì chứ? Không có tai nạn chứ?

Hắn đưa ngón tay trỏ chạm tôi hai ba lần, mỗi lần hắn gật gật đầu, vẻ bi thảm.

Đúng ngày hôm đó, một chuyến xe ở trong hầm ra; khi nó qua ngang mặt tôi, tôi thấy lờ mờ lố nhố những đầu người và cánh tay túm tụm lại ở cửa một toa nọ, họ đương vẫy vẫy cái gì. Vừa kịp nhận thấy là tôi kéo dấu hiệu bảo ngừng. Người thợ máy tắt hơi, thắng lại, nhưng chiếc xe còn trớn, chạy thêm khoảng trăm rưỡi thước nữa. Tôi chạy theo, vừa chạy vừa nghe thấy những tiếng kêu la rùng rợn. Một thiếu phụ rất đẹp mới chết trong phòng của cô ta, người ta khiêng xác lại đây, đặt trên sàn này, ở đó, từ chỗ ông ngồi lại tôi.

Bất giác tôi kéo lùi chiếc ghế lại, mắt rời chỗ sàn hắn chỉ cho tôi để quay lại nhìn mặt hắn.

– Thưa ông, đúng hết. Đúng hết. Những chuyện đó xảy ra sao, tôi kể lại đúng như vậy.

Tôi không biết nói gì nữa, nói gì cho hợp lúc bây giờ? Họng tôi khô. Tiếng gió thổi trong dây điện rên rỉ não nuột như để điểm thêm cho câu chuyện.

Hắn kể tiếp:

– Bây giờ đây xin ông chăm chú nghe tôi rồi ông sẽ hiểu tôi lo lắng tới bực nào. Hình ma đó trở lại cách đây một tuần. Thỉnh thoảng hiện lên, không có giờ nhất định gì cả.

– Ở gần ngọn đèn đỏ?

– Vâng, gần ngọn đèn đỏ báo hiệu.

– Nó làm những cử động nào?

Hắn làm lại, y như lần thứ nhất, nhưng hấp tấp hơn, mạnh mẽ hơn, những cử động như để bảo: "Trời ơi! Dang ra!".

Rồi hắn tiếp:

– Từ bữa đó nó không để yên tôi một chút nữa. Nó kêu tôi, hằng mấy phút liền, giọng lo lắng: "Chú kia! Coi chừng! Coi chừng!" Nó ra dấu cho tôi. Nó rung chuông của tôi…

Nắm được cơ hội, tôi ngắt lời hắn:

– Tối hôm qua, trong khi tôi ở đây, nó có rung chuông trước khi chú bước ra cửa không?

– Có. Hai lần.

Tôi bảo:

– Nếu vậy thì chú thấy đó, rõ là thần hồn nhát thần tính rồi. Lúc đó tôi chăm chú ngó và lắng tai nghe. Mà đúng là chuông không reo, chắc chắn vậy. Không. Trừ những khi nó reo vì có một nhà ga nào nói chuyện với chú, còn thì tuyệt nhiên nó không reo.

Hắn nhún vai:

– Thưa ông, tôi chưa hề lầm bao giờ. Tôi không bao giờ lẫn lộn tiếng chuông reo của ma với tiếng chuông của nhân viên hỏa xa. Tiếng chuông reo của ma chỉ là một điệu ngân rất đặc biệt không do một nguyên nhân nào

khác; tôi không thể nhận được là mắt tôi có thấy nó rung không. Ông không nghe thấy tiếng ngân đó, tôi không lấy làm lạ. Nhưng tôi, tôi đã nghe thấy.

– Và chú có cảm tưởng rằng hình ma ở đó, khi chú ngó ra ngoài không?

– Nó đích thị ở đó.

– Cả hai lần?

Hắn lặp lại, giọng cương quyết:

– Cả hai lần.

– Chúng ta thử cùng ra cửa ngó xem hiện lúc này nó có ở đó không nào.

Hắn cắn môi, có vẻ do dự, nhưng cũng đứng dậy. Tôi mở cửa, tiến ra ngoài còn hắn đứng ở trong khung cửa. Chúng tôi nhìn thấy ngọn đèn đỏ báo hiệu. Thấy miệng buồn thảm của cái hầm. Thấy những vách đá đồ sộ và ẩm ướt của đường hào. Thấy sao trên trời.

Tôi hỏi:

– Có thấy nó không?

Vừa hỏi tôi vừa ngó kĩ thấy mắt hắn như lồi ra, gắng sức; nhưng khi tôi nhìn về ngọn đèn đỏ thì mắt tôi có lẽ cũng như vậy chứ không kém.

Hắn đáp:

– Không, nó không ở đó.

– Đúng.

Chúng tôi trở vô phòng, khép cửa lại, ngồi xuống. Tôi đương suy nghĩ nên triệt để lợi dụng thắng thế ra sao nếu quả thực tôi đã thắng thế, thì hắn tiếp tục câu chuyện, giọng hoàn toàn tự nhiên; cơ hồ hắn không nghĩ rằng chúng tôi không đồng ý nhau về vấn đề sự kiện, thành thử cái thế của tôi hóa ra rất yếu. Hắn bảo:

– Thưa ông, bây giờ chắc ông đã hiểu rằng điều làm cho tôi lo lắng tới nỗi đó, là điều này: Con ma đó muốn gì tôi?

Tôi thú thực là chưa hiểu rõ. Hắn trầm ngâm nhìn ngọn lửa, chỉ thỉnh thoảng quay lại phía tôi. Rồi hắn tiếp:

– Nó muốn báo cho tôi cái điềm gì? Tai nạn ra sao? Ở đâu? Có một tai nạn lớn vởn đâu đó trên con đường này. Một tai nạn ghê gớm sắp xảy ra. Lần này thì tôi không có quyền nghi ngờ nữa, sau khi đã mục kích hai lần trước. Bị ma ám như vậy ông nghĩ có rùng rợn cho tôi không? Tôi làm được cái gì đây?

Hắn rút khăn mùi xoa ra chậm mồ hôi trán. Người hắn nóng bừng.

– Nếu tôi đánh điện báo nguy cho ga trước hay ga sau, hoặc cho cả hai ga - hắn vừa nói vừa chùi tay - thì là vô cớ, đã chẳng giúp ích cho ai mà còn có hại cho tôi nữa. Người ta sẽ ngỡ là tôi điên. Đây, việc sẽ như vầy: Tin thứ nhất: "Coi chừng! Nguy hiểm đấy! Đáp: "Nguy hiểm vì cái gì? Ở đâu?" - Tin thứ nhì: "Tôi không biết, nhưng tôi

van ông hãy coi chừng đấy!" Rồi người ta tống cổ tôi đi. Có cách nào khác đâu?

Vẻ đau đớn của hắn làm tôi não lòng. Đó là sự dày vò của một người có lương tâm, bị trách nhiệm hành hạ vô cùng, một trách nhiệm không hiểu nổi về sinh mạng của kẻ khác.

Hắn vuốt ngược mớ tóc đen, đưa tay lên trán mấy lần trong một cơn lo lắng như nung nấu, rồi tiếp tục:

– Lần đầu tiên tôi thấy nó ở dưới ngọn đèn báo hiệu, tại sao nó không bảo cho tôi biết tai nạn sẽ xảy ra ở đâu - nếu nhất định tai nạn phải xảy ra? Còn như trái lại, nếu tai nạn có thể tránh được thì tại sao nó không chỉ cho tôi cách phải làm ra sao để tránh? Tại sao lần thứ nhì nó lại che mặt mà không bảo tôi: "Thiếu phụ đó sắp chết đấy. Cô ấy phải ở nhà"? Và nếu hai lần đầu nó chỉ hiện ra để chứng thực cho tôi biết điều nó báo đều đúng cả, như vậy lần thứ ba tôi phải tin nó thì tại sao bây giờ nó không bảo cho tôi biết rõ đi? Và tại sao nó lại báo cho tôi? Trời ơi! Tôi, một tên báo hiệu khốn nạn lạc loài trong cái trạm cô liêu này! Tại sao nó không báo cho một ông lớn nào ở trên cao được mọi người tin cậy và có đủ quyền để hành động?

Thấy hắn ở trong tình trạng đó, tôi hiểu rằng chỉ còn cách là an ủi hắn, như vậy mới lợi cho hắn mà cũng lợi chung nữa. Cho nên bỏ cuộc cãi lý về sự hư thực của những ảo ảnh hắn đã thấy, tôi bảo hắn rằng kẻ nào tận tâm làm tròn bổn phận cũng là theo đường phải cả và hắn

nên yên lòng rằng ít nhất đã thấy bổn phận của mình, còn chuyện ma hiện kì quặc đó thì kể làm gì. Lần này an ủi như vậy tôi thành công hơn là cứ cố chứng minh rằng hắn lầm, như những lần trước. Hắn bình tĩnh lại; đêm càng khuya thì công việc càng bắt hắn chú ý hơn,và hai giờ khuya tôi từ biệt hắn. Tôi ngỏ ý ở lại suốt đêm với hắn cho vui mà hắn không chịu.

Tôi phải thú rằng khi leo đường mòn lên, mấy lần nhìn ngọn đèn đỏ tôi thấy nó làm sao ấy, và tưởng tượng nếu kê giường ở dưới ngọn đèn đó thì tôi khó chợp mắt được. Tôi cũng không ưa câu chuyện tai nạn và câu chuyện thiếu phụ chết trong xe. Tôi phải thú thực như vậy.

Nhưng điều tôi băn khoăn nhất là đã được nghe những lời tâm tình đó thì thái độ của tôi phải ra sao bây giờ? Chắc chắn là hắn thông minh cần mẫn, chịu khó và đứng đắn; nhưng tinh thần thác loạn như vậy thì còn giữ những đức đó được bao lâu? Chức vụ tuy là hạ cấp, nhưng trách nhiệm lại quan trọng. Như tôi đây tôi có chịu giao phó tính mạng cho hắn không trong trường hợp mà công việc của hắn quan hệ tới sự an toàn của tôi?

Tôi vơ vẩn nghĩ hoài nếu cho bề trên của hắn biết những điều hắn kể cho tôi nghe mà không bảo trước cho hắn rõ để tìm một giải pháp ổn thỏa thì tôi có mang tội bất tín không? Sau cùng tôi quyết định dắt hắn lại viên y sĩ nổi danh nhất trong miền để hỏi ý kiến (tạm thời tôi sẽ giữ kín bí mật, không cho ai biết, ngoài viên y sĩ). Hắn đã bảo tôi rằng tối hôm sau, giờ gác của hắn sẽ đổi; hắn sẽ được

nghỉ từ khoảng một hay hai giờ sau khi mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn. Tôi đã báo trước là lúc đó tôi sẽ tới.

*

Chiều hôm sau nhân trời rất tốt, tôi đi chơi sớm một chút. Khi đi ngang qua con đường đất ở gần đường hào thì mặt trời chưa lặn hẳn. Tôi tự nhủ sẽ đi dạo độ nửa giờ nữa; phải mất nửa giờ để về, hết thảy là một giờ, lúc đó xuống phòng của người báo hiệu là vừa.

Trước khi tiếp tục dạo mát, tôi lại bờ hào, vô tình ngó xuống đáy hào, vì hôm đó tôi đứng đúng vào chỗ tôi đứng lần đầu tiên khi thấy hắn. Tôi rùng mình một cách không thể tả được khi thấy ở miệng hầm hiện lên một hình người tay trái đưa lên che mắt, còn tay phải thì xua xua mạnh mẽ.

Tôi sợ ghê gớm nhưng chỉ một lát sau, về sau tôi nhận ra rằng cái hình hiện ra đó chính là một người và có một đám đông người khác ở gần đó, tôi có cảm giác rằng kẻ kia xua xua tay lần nữa để ra dấu cho đám đông. Ngọn đèn đỏ báo hiệu chưa thắp. Ở dưới chân cột đèn người ta đã dựng một cái lều rất thấp bằng vài cái nọc và một tấm bố; lều đó không hơn một cái giường và lần đó là lần đầu tiên tôi thấy nó ở chỗ ấy.

Linh tính báo cho tôi chắc chắn rằng có tai nạn, tức thì tôi vừa sợ vừa ân hận đã bỏ người báo hiệu ở lại một mình mà cũng không báo cho công ty hỏa xa phải kiểm soát hành động cùng công việc của hắn, để đến nỗi xảy

ra cái họa vô phương cứu vãn này. Tôi rán hết sức chạy xuống dốc, hỏi những người tại chỗ:

– Cái gì đó?

– Thưa ông, chú báo hiệu chết sáng nay.

– Chú báo hiệu ở trong cái phòng đó phải không?

– Vâng.

– Chú mà tôi quen ấy hả?

– Nếu ông quen chú ấy thì ông có thể nhận mặt được - Người trả lời tôi câu đó vừa nói vừa kính cẩn giở nón trước khi vạch một góc lều - Mặt chú ấy không thay đổi gì cả.

– Tội nghiệp! Làm sao?… Tai nạn xảy ra làm sao? Tôi vừa hỏi vừa ngó chung quanh từng người một, trong khi tấm bố hạ xuống.

– Thưa ông bị đầu xe lửa húc ạ. Có ai thạo nghề bằng chú ấy đâu. Nhưng chú ấy đứng sát đường rầy quá. Đúng lúc mặt trời mọc. Chú vừa mới tắt ngọn đèn đỏ báo hiệu, cây đèn nhỏ còn trong tay. Khi xe lửa ở trong miệng hầm ra chú quay lưng về đầu xe, bị xe húc văng ra trước. Đây anh chàng cầm máy đã tả cho chúng tôi thấy tai nạn xảy ra sao. Tom đâu, kể lại cho ông nghe đi!

Chàng Tom đó bận một chiếc áo giản dị màu sẫm, đi lại đứng ở miệng hầm rồi nói:

– Thưa ông, tôi đã qua khỏi khúc quẹo cuối cùng trong hầm thì thấy chú ta hiện ở đằng xa, như trong một

ống kính. Tôi không kịp bớt tốc độ mà vốn biết rằng chú ấy cẩn thận lắm. Nhưng thấy chú ấy như không để ý tới tiếng còi mà xe chạy tới sát rồi, tôi tắt còi, la lên.

– La ra sao?

– Tôi la: Ê, chú kia! Coi chừng! Coi chừng! Trời ôi! Dang ra!

Tôi giật nảy mình lên.

– Thưa ông, ghê quá ông ạ. Tôi la hoài la hủy. Tôi đưa cánh tay lên che mắt để khỏi thấy và tôi xua xua bằng cánh tay mặt cho tới cùng. Nhưng vô ích.

Tôi không muốn kéo dài câu chuyện này mà nhấn mạnh đặc biệt vào một trong những hoàn cảnh kì dị nào đó. Nhưng để kết luận, tôi muốn độc giả chú ý tới sự ngẫu hợp này: những lời người cầm máy la chẳng những đúng y những lời chú báo hiệu khốn nạn đó đã lặp đi lặp lại cho tôi nghe vì đã ám ảnh chú, mà còn đúng y với câu mà theo tôi (theo tôi chứ không phải theo chú báo hiệu), hợp với ý nghĩa những cử động mà chú đã bắt chước diễn ra cho tôi coi.

JACK LONDON

Tuổi thọ của Jack London (1876 - 1916) chỉ gần bằng nửa tuổi thọ của Léon Tolstoi, mà ông viết nhiều hơn Tolstoi: 51 cuốn trong 18 năm! Hầu hết là những tác phẩm mạo hiểm, phiêu lưu, tả sự chiến đấu của con người giữa sự yên lặng hoặc sự biến động dã man của thiên nhiên. Nhân vật là những kẻ tìm vàng, những tay giang hồ, những nhà truyền giáo, những tên buôn lậu... mà sức sống cuồn cuộn như sóng, ào ạt như bão. Nổi danh nhất là cuốn Tiếng gọi của rừng *tả một con chó tinh khôn ở miền Klondike, không chịu sự giam cầm mà bỏ đi hoang; rồi tới những truyện* Đứa con của chó sói, *kể sự xung đột tàn bạo giữa người da đỏ và người da trắng*, Cô con gái của xứ tuyết, Những đứa con của miền băng giá, Nanh trắng, Truyện Nam hải, Mạo hiểm *(hai tập sau này tả đời sống ở các quần đảo Salomon)... Ngoài ra còn hai cuốn có tính cách xã hội: cuốn* Gói sắt *và cuốn* Con đường, *cả hai buồn thảm, nhất là cuốn sau có những nét tả chân tối tăm quá.*

Nhiều người bảo: "Muốn viết thì trước hết phải có cái gì để mà nói đã". Đời của Jack London minh chứng cho lời đó.

Ông học rất ít - trước sau chỉ được năm sáu năm, mà

học trong những điều kiện cực kì gian khổ: vừa kiếm ăn vừa học, chịu nhịn đói mà học, học được ít tháng rồi phải bỏ, rồi tiếp tục học lại - nhưng ông đọc sách rất nhiều (chỉ thích truyện du kí, mạo hiểm, sách về xã hội chủ nghĩa và tiểu thuyết của Kipling mà ông thờ vào bậc thầy); và nhất là ông sống rất nhiều: ông trôi giạt khắp nơi, vốn là người Mĩ mà lên Alaska, qua Nhật Bản, xuống miền Nam Hải, làm đủ các nghề: thủy thủ, phu giở hàng, hải khẩu, gát dang, thợ trong xưởng, rửa chén trong khách sạn, đào vàng, có hồi lại ăn xin, bị nhốt khám, trước sau bị nhốt khám cả trăm lần ở Huê Kì, Mễ Tây Cơ, Mãn Châu, Nhật Bản, Triều Tiên…

Nhờ cuộc đời ba đào đó mà ông được thấy rất nhiều điều lạ, gặp rất nhiều nghịch cảnh, rồi say mê chép thành những truyện dào dạt như sóng, làm say mê cả thanh niên và người lớn. Cuốn Tiếng gọi của rừng *đã được dịch ra hai chục thứ tiếng và đã bán được ba triệu cuốn. Theo Van Wyck Brooks trong cuốn* The Condident years *thì Lénine khi hấp hối còn thích đọc London.*

Ông khuyên một người bạn muốn viết văn:

"Trong óc anh chưa có gì đáng kể lại đâu. Đi nhiều đi và học trong đời như tôi đã học. Bất kì ai cũng có thể viết đúng ngữ pháp được nhưng điều cốt yếu là phải biết diễn tả cho linh động (…) Tôi cam đoan với anh rằng tôi không khi nào thiếu đề tài để viết (…). Những cảnh đời ta đã trải, dù ghê tởm đến đâu cũng có cái đẹp của nó".

Ông rất ghét đời "buốc gioa", đời công chức. Có lần một thiếu nữ mà ông muốn cưới, khuyên ông kiếm một chân

thư kí, ông nổi giận, tuyệt giao liền; sau kể lại tâm sự với một người bạn thân như vầy:

"Nếu tôi nghe lời cô ấy thì bây giờ tôi đã thành anh cạo giấy mãn nguyện được sống như một thằng múa rối, chết như một thằng múa rối (…) Ngày nào mà tôi phải sống như vậy, ngồi bôi nguệch ngoạc trong một phòng giấy thì tôi sẽ tự cứa cổ cho xong cái kiếp nợ đi".

Vậy mà ông viết văn lại đều đều như một công chức, định số chữ phải viết cho xong mỗi ngày: từ ngàn rưỡi tới hai ngàn; ngày nào viết không đủ thì ngày sau phải viết bù; như vậy liên tiếp hàng chục năm.

Bí quyết thành công của ông là ở đó.

Vì phải chiến đấu từ hồi nhỏ, (15 tuổi đã phải kiếm ăn) nên Jack London rất thích tư tưởng của Nietzsche, Darwin và diễn những tư tưởng đó trong các tiểu thuyết mạo hiểm của ông; và vì cực khổ quá, nên ông thích xã hội chủ nghĩa. Ông đã từng trải các đời làm thợ ở cuối thế kỉ trước:

"Dù là mệt lử đi nữa, chúng tôi cũng không có thì giờ ngước mắt lên hoặc thở dài. Chỉ vô ý trong một giây thôi là ngón tay văng ra (…) Buổi chiều bọn con trai chúng tôi được nghỉ vài phút để nói chuyện. Con gái cũng làm việc nhiều như con trai mà không được nghỉ như con trai. Ngoài những phút nghỉ đó ra, chúng tôi phải chăm chú làm việc như bị cực hình, tới đứt gân gãy cốt được". *Có khi ông phải ngồi luôn ở máy suốt ba mươi giờ liên tiếp; lúc đứng dậy mệt quá, không còn biết gì nữa, thất thểu bước về nhà như một người máy.*

Hầu hết các nhà phê bình đều khen truyện ông rất hay - sống nhiều như vậy, làm sao không hay? - nhưng văn ông nhiều chỗ dở - viết nhanh như vậy làm sao mà không có chỗ dở?

Đọc truyện Ngôi nhà của Mapouhi *dưới đây, độc giả sẽ nhận thấy lời đó rất đúng. Truyện thật hấp dẫn, linh động, ta hồi hộp đọc một hơi cho hết, nhưng văn không chuốt, thường quá dễ dãi. Tuy nhiên đoạn tả cơn dông kinh hồn ở Nam Hải quả là bất hủ: trong văn học Anh, Pháp, chưa có một cây bút nào cho tôi một cảm giác rùng rợn đến như vậy về sức tàn bạo man dã của thiên nhiên! Mà cái dục vọng có một ngôi nhà theo kiểu thực dân của gia đình Mapouhi, cái tánh tham lam bóc lột thổ dân của bọn văn minh da trắng cũng man dã như những hiện tượng thiên nhiên ở miền đó vậy.*

Ngôi nhà của Mapouhi *trích trong tập* Contes des mers du Sud *(Bản dịch của nhà Hachette). Trong tập còn hai truyện nữa cũng nên đọc: truyện* Le paien *nhà xuất bản Phượng Giang đã dịch (trong cuốn* Chiếc lá cuối cùng) *và truyện* La graine de Mac Coy *mà văn sĩ Anh George Orwell khen là tế nhị, có tính cách nhân đạo.*

*

NGÔI NHÀ CỦA MAPOUHI (1)

Mặc dầu đóng một cách nặng nề, hình dáng thiếu hẳn sự mảnh khảnh, chiếc tàu buôn Aorai vậy mà chạy cũng khá.

Nó lượn dưới ngọn gió hiu hiu, tiến sát lại đảo Hikouérou(2) và khi nó tới cái vòng san hô kinh khủng sủi bọt ở chung quanh đảo, thì viên thuyền trưởng vội vàng hạ buồm xuống, cho tắt máy.

Vòng san hô đó bị cát lấp tới một nửa, sóng vỗ dập dồn, hiện lên lè tè trên mặt nước. Chu vi nó dài tới khoảng hai chục cây số mà chỉ ló ra khỏi mặt nước có một hay hai thước.

Phía trong vòng là một vũng nước rộng, phẳng như tấm gương và chứa rất nhiều trai có ngọc. Đứng trên sàn chiếc tàu Aorai người ta thấy thợ lặn đương mò trai.

Không có lấy một cái lạch cho ghe tiến vào trong vũng đó được. Chỉ có vài chiếc thuyền nhỏ một buồm,

(1) Dịch theo bản tiếng Pháp của Paul Gruyer và Louis Postif.
(2) Một trong quần đảo Polynésie, ở phía đông Tahiti, và thuộc Pháp.

gặp lúc gió thuận, mới dám mạo hiểm lách vô cái eo hẹp và nông từ biển khơi vào trong vũng.

Còn những loại ghe tàu khác phải neo ở ngoài vòng san hô rồi cho thuyền nhỏ vô đảo.

Chiếc Aorai làm theo cách đó. Người ta hạ thủy ngay một chiếc ca-nô và sáu người thủy thủ da đồng đen, quấn choàng rực rỡ, nhảy xuống ngồi trong ca-nô.

Họ cầm chèo, còn người cầm lái là một thanh niên bận đồ vải trắng thường, thứ y phục chung cho tất cả những người Âu ở miền nhiệt đới.

Tuy tóc đã hung hung mà gã không phải là một người Âu. Da gã nắng rám màu nâu như da thổ dân quần đảo Polynésie và thỉnh thoảng trong cặp mắt xanh nhợt của gã hiện ra những tia vàng.

Tên gã là Raoul, Alexandre Raoul, con trai út của Marie Raoul, một người đàn bà lai giàu có ở Tahiti, làm chủ sáu bảy chiếc tàu buôn in hệt chiếc *Aorai* và đứng ra khai thác, lấy nguồn lợi.

Tới cái lo, bị nước hút và gặp những xoáy nước những làn sóng dội lại sùng sục, họ phải chèo mạnh tay mới qua được, vô cái vũng phẳng lặng như tấm gương rồi ghé vào bờ.

Raoul nhảy lên bãi cát trắng và đụng đầu một thổ dân đương đứng đợi gã ở đó vì đã thấy gã vô vũng.

Người thổ dân đó vai u, ngực nở. Nhưng cánh tay mặt chỉ còn là một khúc cụt ghê tởm, ở đầu ló ra một cái

xương trắng hếu vì mưa gội, coi y như xương một hài cốt.

Thấy vậy, người ta biết ngay rằng trước kia đã có lần hắn bị cá mập táp, hết làm nghề thợ lặn được nữa, và bây giờ phải làm thằng ăn mày, xin tiền thưởng.

Hắn bảo:

– Thầy Alex, thầy hay tin không? Mapouhi đã mò được một hạt trai… Trời ơi! Một hạt trai đích đáng… Chưa bao giờ người ta mò được một hạt như vậy, ở Hikouérou, ở Touamotou, khắp thế giới không đâu có. Nó còn giữ đấy, hỏi mua ngay đi. Và thầy đừng quên rằng em mách thầy tin đó nhé. Nó khờ dại, thầy mua thế nào cũng hời. À thầy, thầy có thuốc lá đấy không?

Raoul liệng cho hắn một gói thuốc lá rồi tiến vô trong đảo, về phía một căn nhà tranh lấp ló trong tàu lá xum xuê của một bụi dứa dại.

Làm trọng mãi cho mẹ, Raoul có nhiệm vụ vắt cho kiệt quần đảo Touamotou để lấy cho hết những bảo vật nơi đó, từ dừa khô tới đồi mồi, xà cừ và hạt trai.

Gã mới học nghề, đi chuyến đó là chuyến đầu tiên nên thiếu kinh nghiệm để đánh đúng giá hạt trai và lúc nào cũng chỉ sợ bị gạt.

Nhưng khi Mapouhi đưa cho gã hạt ngọc thì gã khó giấu được vẻ ngạc nhiên. Của đó quả là của quí.

Vốn là con buôn lanh lợi, gã làm bộ thản nhiên.

Hạt ngọc lớn bằng trứng bồ câu, tròn vo, trong như

mắt mèo mà rực rỡ kì dị, đủ màu của cầu vồng. Nó có vẻ như rung động và sống thực vậy. Chưa bao giờ Raoul thấy cái gì đẹp bằng.

Và khi Mapouhi đặt hạt ngọc vào tay gã thì gã ngạc nhiên, thấy nó nặng làm sao.

Gã lấy trong túi ra một cái kính hiển vi, kĩ lưỡng xem xét hạt ngọc. Tuyệt nhiên không tì không vết.

Ra mặt trời, hào quang của nó tan hòa trong ánh sáng ở chung quanh. Ở trong tối, hào quang nó tỏa ra êm đềm như ánh trăng lưỡi liềm.

Raoul thả nó vào một ly nước, nó chìm ngay xuống đáy vì nặng, và nó trong suốt tới nỗi khó mà nhận ra được nó nữa.

Gã hờ hững hỏi:

– Muốn đòi bao nhiêu?

Mapouhi đáp:

– Tôi muốn…

Đằng sau nó, hiện lên ba cái mặt đen thui, bao vây cái mặt cũng đen thui của nó. Hai người đàn bà, Téfara và Naouni, vợ và mẹ, với đứa con gái Ngakoura, đứng đó để sẵn sàng xác định lời nói của nó. Cả ba đều nghiêng mình ra phía trước, mắt long lanh thèm thuồng.

Mapouhi tiếp:

– Tôi muốn một ngôi nhà. Một ngôi nhà như ngôi nhà mà các người da trắng thường cất. Nó phải có một cái nóc

bằng tôn uốn, và trong nhà phải có một cái đồng hồ quả lắc, mặt đồng hồ phải đẹp. Nó phải dài mười hai thước, có hiên ở chung quanh. Căn giữa là một phòng rộng kê một cái bàn và tường treo đồng hồ. Rồi thêm bốn phòng nữa, hai phòng bên mặt, hai phòng bên trái, trong mỗi phòng kê một cái giường sắt, hai cái ghế, và một cái bàn rửa mặt. Sau nhà cũng có bếp và bình chứa nước, có xoong và một cái lò. Và thầy phải bảo người ta cất nhà đó tại đảo Fakarava, đảo của tôi.

Giọng giễu cợt, Raoul hỏi:

– Hết chưa?

Téfara xen vô:

– Thêm một cái máy may nữa.

Naouri nhấn mạnh:

– Đừng quên cái đồng hồ…

Mapouhi bảo:

– Thôi, hết!

Raoul phá lên cười. Gã vui vẻ cười một lúc lâu, vừa cười vừa tính nhẩm giá trị phỏng chừng của ngôi nhà đó.

Về cái đó, gã chỉ biết lờ mờ thôi. Tiền mua vật liệu, tiền chở chuyên từ Tahiti lại Fakarava, rồi đem lên bờ, xây cất, tốn hết thảy là bao nhiêu?

Cứ tính số chẵn mà tính cho rộng ra để đề phòng sự bất ngờ thì có lẽ tới hai vạn quan tiền Pháp[1].

Nhất định là tốn kém rồi. Mà hạt ngọc đáng cái giá

đó không? Gã nghĩ không nên khinh suất mà quyết định vội vàng, gã thương lượng thay mẹ, tiền là tiền của mẹ, gã không có quyền liều một số tiền lớn như vậy.

Gã đáp:

– Mapouhi, anh khùng rồi. Đừng nói tới ngôi nhà của anh nữa, cho tôi biết cái giá trả bằng tiền đi.

Nhưng Mapouhi khăng khăng giữ ý kiến. Nó lắc đầu và sau lưng nó, cả ba cái đầu kia cũng đồng thời lắc.

Nó bảo:

– Tôi muốn một ngôi nhà. Một ngôi nhà dài mười hai thước, có hiên chung quanh.

Raoul ngắt lời:

– Thôi thôi… Tôi biết cái nhà anh muốn rồi. Nhưng tôi không chịu. Tôi trả ngàn đồng bạc Chili đấy.

Lặng lẽ, cả bốn cái đầu đen cùng lắc một lúc.

– Tôi thêm cho anh ngàn đồng bạc Chili bằng hàng hóa nữa đấy.

Mapouhi lặp lại:

– Tôi muốn ngôi nhà.

– Nhà mà dùng được cái gì cho anh? Ở cái xứ này, nhà có bền đâu. Hễ cơn dông thổi là nó quét sạch hết. Về điều đó anh còn hiểu nhiều hơn ai nữa.

---

(1) Tiền vàng, trước năm 1914.

– Đúng, ở Hikouérou này thì nhà không bền. Nhưng ở Fakarava thì lại khác. Đảo đó cao hơn, nhà đứng vững được. Nó phải dài mười hai thước, có hiên ở chung quanh.

Raoul lại kiên nhẫn nghe nó tả lại ngôi nhà.

Suốt một giờ gã rán đập vào óc Mapouhi để nó bỏ cái ý đương ám ảnh nó đi. Nhưng để chống lại, mẹ, vợ và con nó kéo giằng nó lại và làm cho nó càng bám chặt lấy quyết định của nó.

Nhưng trong khi nghe kể lần này là lần thứ một trăm những điều kiện của ngôi nhà mơ tưởng đó, thì Raoul ngó qua cửa để mở, thấy chiếc ca nô thứ nhì của chiếc tàu buôn tiến vào bờ.

Muốn mau rời đi nơi khác, thủy thủ vẫn ngồi cầm chèo đợi. Chỉ có người phó thuyền trưởng chiếc *Aorai* là nhảy lên bờ nói vài tiếng với thằng cụt tay vẫn đứng canh trên bãi cát, rồi hấp tấp tiến lại căn nhà tranh của Mapouhi.

Trời thình lình tối sầm lại, một đám mây đen lớn che mặt trời.

Người phó thuyền trưởng không chào, nói ngay:

– Ông thuyền trưởng Raffy bảo tôi lên nói với cậu rằng phải về ghe gấp ngay bây giờ. Muốn mua đồi mồi gì thì để đến lần khác. Phong vũ biển xuống hoài không ngừng.

Cơn gió lớn đã báo trước đó, mới đầu làm cho mặt vũng gợn sóng, thành những luống nước lưu động, và

tung lên thành bọt nhẹ tựa làn khói trắng.

Nó tiến lại, gầm lên, đâm bổ vào bụi dứa dại ở chung quanh căn nhà tranh. Rồi nó len được một đường giữa những gốc dừa làm cho thân dừa lắc lư như điên và trái dừa khô rớt ào ào xuống đất, kêu đốp đốp.

Đồng thời, những giọt mưa đầu tiên lộp bộp trên tàu lá.

Raoul đứng phắt ngay dậy, bảo:

– Mapouhi, tôi trả mặt một ngàn đồng Chili và trả bằng hàng hóa hai ngàn đồng thứ tiền đó.

Mapouhi lặp lại:

– Tôi muốn một ngôi nhà…

Raoul phải thét lên vì gió át cả tiếng:

– Mapouhi, thôi để lần khác! Anh chỉ là thằng khùng.

Gã băng qua khỏi nhà rồi cúi mình xuống, đi sát người phó thuyền trưởng, trở ra bờ biển.

Mưa ở miền nhiệt đới này lớp lớp trút lên đầu họ, chung quanh họ mù mịt không còn nhìn thấy chiếc ca nô nữa. Họ chỉ thấy cát ở dưới chân và những đợt sóng của cái vũng, như điên như dại ùa vào, đập vào, như gậm cắn bãi cát.

Trong cơn hồng thủy từ trên trời đổ xuống đó, một bóng người hiện ra: bóng thằng cụt tay.

Nó hét vào tai Raoul:

– Thầy mua được hạt ngọc không?

Raoul cũng hét lại:

– Mapouhi là một thằng điên.

Rồi họ không còn trông thấy nhau nữa.

*

Mưa độ nửa giờ thì tạnh.

Hourou-Hourou (tên thằng cụt tay) tiếp tục dò xét ngoài biển thấy chiếc *Aorai* quay mũi ra khơi trong khi một chiếc tàu thứ nhì được gió đưa vào bờ.

Hắn nhận ra là chiếc *Orohéna* của tên mọi lai Toriki tự lái lấy để đi mua bán.

Tới vòng san hô, chiếc *Orohéna* hạ buồm xuống, thả một chiếc ca nô xuống nước.

Trời đã hoàn toàn quang đãng và dưới mặt trời gay gắt, cái vũng lại sáng rực rỡ như một tấm gương.

Gió cũng đã tạnh và không khí nhơn nhớt như keo, đè nặng lên ngực, làm cho người ta khó thở.

Thấy Toriki ngồi trong ca nô, tên cụt tay nhe răng cười vì hắn biết rằng Mapouhi thiếu tên mọi lai đó một số tiền lớn, tiền hàng mua chịu từ năm trước.

Toriki tới bờ thì Hourou-Hourou hỏi:

– Thầy hay tin không? Mapouhi đã mò được một hạt trai… Trời ơi, một hạt trai đích đáng… Chưa bao giờ người ta mò được một hạt như vậy ở Hikouérou, ở Touamotou, ở khắp thế giới không đâu có. Mapouhi là thằng khờ. Nó

lại thiếu tiền thầy… Đừng quên rằng em mách thầy tin đó nhé. Thầy có thuốc lá đấy không?

Toriki liệng cho hắn một điếu xì gà rồi đâm bổ lại căn nhà tranh của Mapouhi.

Toriki là một thằng tướng to lớn, thân thể cứng rắn như đẽo bằng búa, dáng điệu thô lỗ. Nó lơ đãng ngó hạt ngọc tuyệt đẹp mà Mapouhi đưa cho coi, cầm trong tay rồi nhét ngay vào túi, khen:

– Mapouhi, anh có phước mới được một hạt trai đẹp như vậy. Tôi bằng lòng mua cho, và tôi sẽ ghi vào sổ sách của tôi cho anh.

Mapouhi kinh hoảng, bảo:

– Tôi muốn một ngôi nhà… Nhà phải dài mười hai thước…

Toriki đáp:

– Trước hết anh phải trả nợ tôi đã. Anh thiếu tôi hết thảy một ngàn hai trăm đồng bạc Chili. Được lắm. Tôi chịu nhận hạt ngọc này với giá đó và từ nay anh không còn thiếu nợ tôi nữa.

Mặt Mapouhi dài thòng ra:

– Tôi lại ghi thêm cho anh một số tiền là hai trăm đồng nữa, cũng thứ tiền Chili. Và nếu đem lại Tahiti bán được giá thì tôi ghi cho anh thêm ba trăm đồng nữa là năm trăm đồng. Nhưng, nhớ kĩ đấy. Tôi bảo: nếu bán được giá. Vì có thể rằng tôi phải bán lỗ.

Mapouhi buồn rầu khoanh tay trước ngực, cúi đầu ngồi thừ ra.

Thế là Toriki cướp giật hạt ngọc của nó rồi. Đáng lẽ đổi được ngôi nhà thì chỉ trả được món nợ.

Khi tên mọi lai ra khỏi nhà. Téfara la lên:

– Đồ ngu!

Naouri mắng thêm:

– Chúa ngu! Tại sao mày lại đưa cho nó cầm hạt ngọc đó?

Mapouhi rên rỉ:

– Đâu phải lỗi con… Con thiếu nợ nó mà nó biết rằng con có hạt ngọc. Con có cho nó biết đâu. Chính nó hỏi đấy chứ. Chắc có ai cho nó hay. Làm sao con từ chối được vì con thiếu nợ nó mà.

Ngakoura cũng nói theo:

– Ba ngu quá.

Đứa nhỏ mới độ mười hai tuổi, nó bắt chước mẹ và bà nội mà nói vậy.

Thật dại dột. Vì Mapouhi nắm lấy được cơ hội để hả giận, bạt tai cho nó một cái nên thân, làm cho nó lảo đảo văng lại một xó nhà.

Trong lúc đó Téfara và Naouri òa lên khóc và vốn lắm miệng, đay nghiến chua chát Mapouhi.

*

Vẫn đứng một chỗ trên bãi biển, Hourou-Hourou thấy một chiếc tàu thứ ba lại gần đảo, neo ở ngoài vòng san hô rồi thả một chiếc ca nô xuống nước.

Chiếc tàu này nó cũng biết nữa, chiếc Hiram[1]. Cái tên hợp với quốc tịch của chủ nhân, một người Đức gốc Do Thái tên là Lévy, thân hình mập, thô, không cân đối, nổi danh về tài lùng hạt trai vào bực nhất ở miền này. Hắn được bọn mò trai và bọn ăn cắp ở Tahiti coi như thánh sống.

Lévy mới lên bờ, tên cụt tay đã hỏi ngay:

– Ông hay tin không? Mapouhi đã mò được một hạt trai… Trời ơi một hạt trai đích đáng… Chưa bao giờ người ta mò được một hạt như vậy ở Hikouérou, ở Touamotou, khắp thế giới không đâu có. Nó là một thằng khờ. Lúc nãy nó đã bán cho Toriki lấy một ngàn bốn trăm đồng bạc Chili. Tôi đứng rình ở ngoài và đã nghe được. Chính Toriki cũng chẳng biết giá trị hạt ngọc. Ông hỏi mua lại đi sẽ có lời nhiều, vì hạt ngọc chắc chắn có giá trị hơn nhiều. Và ông đừng quên rằng tôi mách ông tin đó nhé.

– Toriki hiện giờ ở đâu?

– Ở nhà thuyền trưởng Lynch, đương cùng nhau uống rượu mạnh. Ông có thuốc lá đấy không?

Lévy quay lưng đi, mau mau tiến lại nhà của thuyền

---

(1) Theo truyền thuyết, Hiram là Kiến trúc sư xứ Phénicie đã chỉ huy việc xây cất đền Jérusalem.

trưởng Lynch.

Hourou-Hourou len lỏi trong các bụi cây lén lút đi theo, ghé tai vào vách nhà thuyền trưởng. Nó nghe thấy tên Do Thái và Toriki thỏa thuận với nhau về cái giá kinh khủng của hạt ngọc quí đó: hai vạn rưỡi quan.

Đúng lúc đó thì từ ngoài khơi bắt đầu vang lên một loạt tiếng súng.

Đó là dấu hiệu báo nguy của hai chiếc *Orohéra* và *Hiram* cho biết rằng tàu phải ra khơi gấp, nếu không sẽ bị sóng đánh văng vô bờ.

Khi Lévy và Toriki ra khỏi nhà thuyền trưởng Lynch thì quả nhiên thấy hai chiếc tàu đã hạ buồm lớn buồm nhỏ, bị sóng nhồi chạy ra khơi.

Toriki bảo:

– Qua cơn gió lớn mới nổi này, tàu sẽ trở vô.

Thuyền trưởng Lynch nói:

– Phong vũ biển vẫn xuống. Không biết sẽ ra sao đây?

Ông ta là một thủy thủ lão luyện, râu bạc phơ, già quá phải nghỉ, và đã kinh nghiệm rằng chỉ có ở tại quần đảo này là mới khỏi bị bệnh suyễn nó hành. Vì vậy ông ta đã định cư ở Hikouérou.

Cả ba người lo lắng ngó trời, biển. Gió cứ nổi lên rồi lại tạnh, tạnh rồi lại nổi lên mà thay hướng hoài hoài.

Hai chiếc tàu đảo hoài và ráng trở vô bờ để đón chủ. Người ta hạ thêm buồm nữa, có cánh buồm bị gió bứt rồi

cuốn đi. Chiếc *Aorai* xuất hiện trở lại và cũng làm như chiếc kia.

Tiếng sóng đập vào vòng san hô mỗi lúc một vang tai thêm lên. Nhân một lúc gió hơi ngớt. Toriki bảo:

– Tôi tưởng nên dông gấp là hơn, về tàu đi.

Lévy nhận là phải:

– Tôi cũng nghĩ vậy.

Và hai người chạy lại ca nô của họ.

Tên Do Thái mập, hoảng hồn cắm cổ chạy, nặng nề như con hà mã.

Sau cùng cả hai xuống được ca nô và đúng lúc ca nô của họ ra khỏi vũng thì ca nô của chiếc *Aorai* vô.

*

Ngồi sau lái, thúc thủy thủ chèo cho mau, Raoul bị hình ảnh rực rỡ của viên ngọc ám ảnh, trở lại, để chịu nhận cái giá của Mapouhi, nghĩa là chịu cất ngôi nhà nó muốn.

Gã lên bờ đâm bổ vào thằng cụt tay trong khi sấm vang lên kinh khủng gấp bội.

Hourou-Hourou hét lớn:

– Trễ rồi. Mapouhi đã để lại cho Toriki lấy một ngàn bốn trăm đồng bạc Chili và Toriki đã để lại cho Lévy lấy hai vạn rưỡi quan. Thầy có thuốc lá đấy không?

Mới đầu Raoul hơi thất vọng nhưng rồi nghĩ rằng như

vậy là xong chuyện, khỏi phải do dự nữa. Gã chỉ hơi ngạc nhiên về số hai mươi lăm ngàn quan mà Lévy đã chịu trả cho Toriki. Hạt ngọc có thực đáng cái giá đó không?

Tên Do Thái đó vốn có tiếng là đá mà phải bỏ ra một số tiền lớn như vậy… Hay là thằng cụt tay đã lầm chăng?

Muốn cho khỏi bận tâm, gã lại hỏi thuyền trưởng Lynch cho biết rõ hơn.

Gã thấy người thủy thủ già há hốc miệng trước cái phong vũ biển. Ông ta lau cặp kính, bảo:

– Thầy thử ngó coi. Hay là lão trông lầm. Cây km bắt đầu đảo ngược lại này.

Raoul đáp:

– Đúng đấy. Trong đời tôi, chưa bao giờ tôi thấy như vậy.

Thuyền trưởng Lynch càu nhàu, giọng lo lắng:

– Lão cũng vậy! Suốt năm chục năm trời, từ nhỏ cho đến già, lão chiến đấu với sóng gió trên khắp các mặt biển. Mà chưa bao giờ, thực là chưa bao giờ… Sắp có cơn bão kinh hồn đây. Nghe này.

Tiếng sóng gầm trên vòng san hô, lớn tới nỗi làm rung rinh căn nhà.

Raoul hỏi rõ về việc đổi chác hạt ngọc, thấy đúng như lời thằng cụt tay nói, rồi trở về ca nô. Nhưng các thủy thủ chỉ cho gã những lớp sóng bạc cuồng loạn và chiếc Aorai đương bắt buộc phải lui ra khơi. Gã ra lệnh cho họ kéo ca

nô lên bờ rồi mạnh ai đi kiếm chỗ mà trú. Còn gã thì trở lại nhà thuyền trưởng Lynch xin tá túc đến hôm sau.

Người thuyền trưởng trợn mắt, lại trân trân đứng ngó phong vũ biển, bảo Raoul:

– Ngó này! Ngó này! Bây giờ cây kim đã quay ngược hẳn rồii Trời đất ơi! Mũi kim trút xuống dưới, cây kim đã dựng ngược rồi.

Hai người ngồi yên trên bực cửa, trong khi một ngọn sóng lớn ghê gớm, dài mấy hải lý, nặng tới mấy chục ngàn tấn, vượt một hơi cái vòng san hô mà không hề ngừng, rồi băng qua cái vũng, tới đập vào bờ.

Không khí oi ả tới nỗi mặt hai người đầy những giọt mồ hôi lấm tấm. Những giọt đó tụ lại rồi chảy như sối trên trán, trên má họ, rỏ xuống đất.

Một lượn sóng thứ nhì còn mạnh hơn lượn trước quét sạch bãi cát, liếm những gốc dừa rồi tỏa ra trước thềm nhà.

Thuyền trưởng Lynch nói:

– Nước dâng lên, vượt hẳn mực thủy triều cao nhất rồi, vượt hơn bộn rồi. Lão ở đảo này đã mười một năm mà căn nhà này cất trên chỗ cao nhất trong đảo. Chưa bao giờ, quả thật là chưa bao giờ… Toàn đảo sẽ bị ngập.

Ông ta coi đồng hồ. Đúng ba giờ chiều.

*

Một người da đen hiện ra với người vợ. Cả hai có vẻ hoảng hốt, dắt theo một bầy con nít và đủ thứ súc vật.

Họ ngừng lại ở gần nhà, do dự một chút rồi buồn rầu ngồi bệt xuống đất.

Vài phút sau, nhiều gia đình khác từ mọi phía chạy tới, đàn ông đàn bà, ôm theo những vật kì lạ mà họ quí nhất. Chỉ một lát là có mấy trăm người da đen, trai gái, già trẻ, túm tụm lại chung quanh nhà thuyền trưởng Lynch.

Vì hồi đó đương giữa mùa mò trai và dân da đen ở tất cả các đảo chung quanh, cả ở Tahiti, đều tụ lại Hikouérou.

Thuyền trưởng Lynch nói với Raoul:

– Ở đây có gần tới một ngàn hai trăm người, đàn ông và đàn bà. Không biết ngày mai đây sẽ còn được bao nhiêu.

Một lượn sóng thứ ba đập vào bờ rồi tàn bạo xoáy ở chung quanh nhà, luồn dưới ghế của Raoul và Lynch, làm ướt chân họ.

Đàn bà thì rên rỉ, trẻ con thì chắp tay lại, khóc lóc thảm thiết. Mèo, gà lội trong bùn rồi cùng leo hoặc bay cả lên mái nhà thuyền trưởng.

Một người đàn ông bưng một cái rổ đựng một bầy chó con, leo lên một cây dừa, cột cái rổ vào một chỗ cách mặt đất bảy thước; con chó mẹ đứng ở dưới, đi đi lại lại ở trong vũng nước, sủa ai oán.

Bây giờ thì những núi nước xanh đập vào bờ không

ngớt.

Thuyền trưởng Lynch thấy cơn hồng thủy đó, thất vọng, đưa hai tay lên trời, rồi vô nhà kiếm một cuộn thừng, cắt ra từng khúc nhỏ, mỗi khúc dài vài thước.

Ông ta đưa một khúc cho Raoul, giữ một khúc cho mình, còn bao nhiêu phân phát cho đàn bà, khuyên họ nên đi lựa ngay một cây nào đó, leo lên rồi cột mình vào cây.

Ông ta bảo:

– Địa ngục sắp tung ra đấy.

Một giây sau, căn nhà rung chuyển, cửa sổ bung ra và mặt kính bể vụn, bay tứ phía. Một luồng gió mạnh làm cho hai người lảo đảo, suýt ngã.

Cửa kêu răn rắc, khóa gãy, quả nắm bằng sứ rớt xuống sàn, bể vụn ra. Tường phồng lên y như vỏ một trái cầu được bơm thình lình.

Rồi thì có tiếng như tiếng súng hỏa mai nổ rền, do bọt nước bắn vào tường.

Thuyền trưởng Lynch coi đồng hồ: bốn giờ chiều.

Ông ta khoát một cái áo cụt bằng vải sơn, gỡ cái phong vũ biểu nhét kĩ vào trong túi.

Một lượn sóng nữa đập vào nhà nghe ầm một tiếng. Căn nhà nhẹ đó lắc lư, quay đi một góc vòng tròn rồi sập xuống, sàn chĩa lên trời.

Raoul thoát ra khỏi đám đổ nát đó trước nhất, bị gió thổi quay tròn như một sợi lông. Gã vội vàng nằm rạp

xuống cát, móng tay bấm vào cát.

Thuyền trưởng Lynch cũng bị gió thổi tung lên như một cọng rơm, rồi rớt xuống ở bên cạnh gã, tay chân gập lại.

Hai thủy thủ của chiếc ca nô đương bám vào cây, cúi rạp mình xuống rán tiến lại cứu ông già.

Những khớp xương ở chân tay ông già, vì té xuống, cứng ngắc lại không cử động được mảy may nữa.

Hai người thủy thủ lấy khúc thừng mà ông ta không rời ra, cột ông rồi khó nhọc đẩy, kéo ông lên một cây dừa và sau nhiều đợt, mới buộc được ông vào ngọn cây, cách mặt đất mười lăm thước.

Ánh sáng mặt trời đã tắt, cảnh chiều tối thật ảm đạm. Những giọt mưa bị gió thổi bay ngang, đập vào mặt Raoul như những viên chì.

Bọt nước mặn đập vào mặt như có ai bạt tai gã. Má gã rát như bỏng và đau quá, gã bất giác khóc.

Hàng trăm người mọi trốn ở trên các cây dừa, và trong những hoàn cảnh không bi đát như vậy, thì nhìn từng chùm người lủng lẳng trong đám lá như trái cây đó, người ta sẽ thấy ngộ nghĩnh, buồn cười lắm.

Nước đã lên đến đầu gối, Raoul đành làm theo họ. Vốn là dân Tahiti, gã ôm lấy cây dừa rồi co mình lên, hai bàn chân đạp vào thân cây để leo.

Lên đến ngọn cây gã thấy một người đàn ông, hai

người đàn bà và hai đứa trẻ, một đứa là con gái, ôm một con mèo trong tay.

Từ chỗ ngồi của gã, nhìn ra trước mặt, ngang tầm mắt, gã thấy thuyền trưởng Lynch, giơ tay chào; ông già dũng cảm đó chào lại.

Điều làm cho Raoul kinh hoảng hơn hết thảy, là cái vẻ bất thường của nền trời; trời thấp tới nỗi tưởng chừng như chỉ đưa cánh tay lên là rờ được. Từ màu chì trời đã biến ra màu bồ hóng.

Nhiều thổ dân còn túm tụm ở dưới đất, mình cột chặt bằng dây thừng vào những gốc dừa.

Một linh mục đạo moóc-mông (mormonisme) len lỏi trong đám, khuyến khích đồng đạo, tụng kinh với họ và bảo họ hát những bài thánh ca.

Trong sự tung hoành của dông tố, những âm thanh nhịp nhàng đưa lên tới tai Raoul, nho nhỏ như tiếng ve ve của ve sầu văng vẳng đưa lại.

Nhìn ra xa một chút, gã thấy những nhóm khác cũng mở miệng ra nhịp nhàng, nhưng không nghe thấy gì cả.

Thực là không thể tin được rằng gió như vậy rồi mà vẫn còn mạnh thêm lên được. Không có cách nào tính được sức mạnh của nó, nhưng do một bản năng huyền bí nào đó, người ta cảm thấy rằng sức mạnh của nó có tăng.

Một gốc cây ở gần Raoul bị trốc rễ, và những người bám trên cây đó văng cả xuống đất.

Cùng lúc đó một lượn sóng từ vũng dâng lên và khi nó lùi ra thì không còn một người nào ở trên mặt đất.

Chỉ trong một giây, Raoul thoáng thấy một bả vai đen nhô lên khỏi mặt nước, một cánh tay đưa ra, bàn tay nắm lại. Rồi thì biến mất, nhanh như khi xuất hiện.

Nhiều cây khác chịu không được, đổ chồng chất lên nhau y như những que diêm.

Cây dừa mà Raoul bám lúc lắc một cách đáng lo. Một người đàn bà ghì chặt con gái vào lòng mà khóc, đứa nhỏ cũng ghì chặt con mèo vào lòng một cách âu yếm.

Người đàn ông ngồi gần Raoul nhất rờ cánh tay gã, bảo gã nhìn về phía mà hắn trỏ.

Raoul ngó và thấy giáo đường đạo moóc-mông cất bằng gỗ, bị bứt khỏi nền, chạy lăng quăng như người say rượu cách đó khoảng ba chục thước.

Gió thổi ngôi nhà đó về phía vũng, nhưng giữa đường nó đâm bổ vào một bụi dừa, làm cho những người bám trên ngọn dừa rớt cả xuống đất như dừa khô.

Đàn ông, đàn bà, trẻ con vùng vẫy như đàn kiến trong lớp sóng sùng sục, chỉ trong một nháy mắt, ngọn sóng vét hết, rồi cuốn theo khi nó rút đi.

Raoul lạnh lùng ngó những cảnh rùng rợn đó, tưởng chừng như chiêm bao.

Gã còn thấy một lượn sóng lớn hơn cả những lượn sóng trước, đập vào giáo đường rồi cuốn ra ngoài vũng.

Ngôi nhà với gác chuông nổi trên mặt nước được một lát như chiếc tàu của Noé trong hồi đại hồng thủy. Rồi nó bắt đầu chìm và thình lình đâm thẳng xuống đáy vũng.

Bất giác Raoul ngó về phía căn nhà của thuyền trưởng Lynch. Không còn thấy vết tích gì cả.

*

Bảy giờ tối, cơn dông lên tới tột điểm và sự tàn phá tăng lên. Cây gãy răng rắc.

Trời ơi! Gió đâu mà gió! Không bao giờ Raoul tưởng tượng nổi sao mà có thể có thứ gió như vậy được.

Nó không phải là không khí chuyển động nữa, mà là một bức tường đặc rú lên, chắc nịch chứ không phải lỏng.

Gã tưởng chừng như nếu muốn thì có thể nắm lấy bức tường đó được, bám vào nó như bám vào một bờ dốc đá ở gần biển.

Dưới áp lực kinh hồn đó, cây dừa của Raoul hết lúc lắc rồi. Nó cúi rạp xuống đất, không còn ngóc lên được nữa, mà run lật bật một cách ngán ngẩm y như những cây bằng thép của một âm xích.

Tất nhiên là trong cái thế đó, cây không chịu đựng được lâu. Hoặc là bật rễ lên, hoặc là cây sẽ gãy chưa biết lúc nào đây, cũng như những cây khác ở chung quanh đã gãy rắc rắc hết trong cảnh ào ào của tiếng khóc, tiếng gió, tiếng sóng.

Cây của thuyền trưởng Lynch đã bị như vậy. Phần

trên ngọn bứt ra khỏi gốc và đáng lẽ rớt xuống đất thì bay đi, chở theo như một chiếc phi thuyền ông thuyền trưởng và hai người thủy thủ của chiếc *Aorai*.

Khúc cây đó bay trên vũng khoảng một trăm thước rồi rớt xuống nước, đánh "hụp" một tiếng kinh khủng. Mắt mở lớn. Raoul còn ngờ không biết có phải ông thuyền trưởng già đã đưa tay ra chào vĩnh biệt gã không.

Tất cả những người da đen vội vàng tụt xuống gốc cây, và Raoul tính bắt chước họ. Gã chạm tay vào vai người đàn ông ngồi bên, ra dấu bảo nên làm theo mình.

Nhưng hắn trỏ hai người đàn bà ngồi chết trân vì kinh hoảng và đứa con gái ôm hoài con mèo trong lòng.

Gã bèn xuống một mình, và trong khi mưa trên trời và sóng dưới biển xối vào người gã như thác, gã tự cột chặt mình vào gốc một cây dừa, cây này đã bứt ngọn và như vậy mới có hy vọng chịu đựng nổi.

Gã thức suốt đêm như vậy, có cảm tưởng rằng đã đến giờ tận thế mà vũ trụ sẽ chìm trong cảnh hỗn mang.

Khi hừng đông, Raoul vẫn còn ở đó. Và gã thấy cảnh tượng dưới đây.

Bụi dứa dại ở gần gã, mà Mapouhi cùng mẹ, vợ và đứa con gái bám vào, mặc dầu rễ cứng làm vậy mà cũng bị bứng khỏi đất, trôi ra vũng.

Vũng thành ra một thứ vôi hồ, trong đó nước như điên như khùng, nhào, nghiền, trộn lung tung đủ thứ: thân cây gãy, xà nhà, tàn vật, người sống sót và thây ma.

Do một sự trớ trêu của vận mạng, Mapouhi được cái may lạ lùng là sóng đẩy lên bờ, bị đến hai chục vết thương đẫm máu, và đương nâng đầu đứa con gái lên khỏi mặt nước.

Ngakoura gần chết ngộp, cánh tay trái gãy, ngón tay mặt bị nghiến. Má và trán bị cắt đứt thấu xương.

Ba giờ sáng gió bắt đầu dịu. Khoảng năm giờ sáng nó chỉ còn hây hẩy. Tới sáu giờ thì hoàn toàn êm lặng và mặt trời lại rực rỡ trên nền trời xanh. Biển cũng hết động. Bãi biển đầy những thây ma sóng đưa vào, mặt mũi tàn phá ghê gớm.

Mapouhi, đi kiếm mẹ và vợ trong đám thây ma. Nhất định phải ở trong số đó.

Hắn lật một đống thây lên, từng cái từng cái một, thấy Téfara nằm nửa người ở dưới nước vũng, hết sinh khí.

Hắn ngồi trên cát, bên cạnh vợ, theo tục mọi, khóc lóc, than vãn, khàn khàn, như con vật.

Rồi bỗng hắn thấy vợ cử động một cách khó khăn và rên rỉ. Hắn cúi xuống, thấy vợ còn sống. Mụ chỉ mới chết ngất đi thôi và cũng gặp may lạ lùng như chồng.

Trong số một ngàn hai trăm người hôm trước, chỉ sống sót có ba trăm người. Nhà cửa trên đảo sập hết ráo.

Năm chục gốc dừa mới có một gốc chịu được; nhưng những tàn vật đó, coi mà thảm hại: không còn lấy một trái.

Thiếu nước ngọt. Giếng đào nông, bình thường có

nước mưa thấm vào, bây giờ đầy nước mặn.

Vài bao bột, người ta tìm thấy được, đều sũng nước như bọt biển, bột hư hết.

Những kẻ sống sót phải cắt ruột cây dừa mà ăn.

Ông mục sư moóc-mông chế một thứ đồ chưng nước thô sơ nhưng không sao đủ dùng cho ba trăm người.

Ngày thứ nhì, Raoul khát dữ dội, nghĩ cách ngâm mình trong vũng để cho trong người được mát.

Gã mách mọi người hay và đàn ông, đàn bà, trẻ con bắt chước gã, ngụp xuống tới cổ để uống nước bằng chân lông.

Qua ngày thứ ba, những thây ma còn nổi lều bều, được vớt lên, chôn cùng với những thây trên bãi.

Trong khi đó, người ta cất tạm những chỗ núp bằng những vật liệu có thể gom góp được.

Rồi đây thế nào ở Tahiti người ta cũng sắp gởi đồ tới để cứu tế.

*

Người mẹ của Mapouhi trong cơn tai biến, lạc gia đình, không tìm thấy xác. Mụ đã bị lôi cuốn vào một cuộc mạo hiểm lạ lùng.

Mụ bám vào một tấm ván bào không kĩ nó làm cho da trầy ra, bầm lại, bị cả ngàn cái dầm đâm vào. Rồi một lượn sóng nâng mụ lên, vượt được cái lũy san hô, lôi mụ

ra biển.

Ở ngoài khơi, nước quất vào người mụ một cách ghê gớm và tấm ván văng đi.

Mụ đã già, gần sáu chục tuổi, nhưng sinh trưởng ở miền này nên quen với biển từ trong huyết quản quen ra.

Mụ bơi trong đêm tối, nghẹt cổ, nghẹt thở, và một trái dừa nổi đập vào vai mụ.

Vẫn bình tĩnh, mụ quơ lấy trái dừa, nắm được những sợi dừa còn dính vào trái.

Trong giờ đồng hồ sau, mụ bắt được bảy trái dừa nữa, cột cả lại với nhau thành một trái nổi, nhờ vậy mà mụ sống sót.

Rồi vừa khấn thầm thần Cá mập để khỏi bị cá mập táp, mụ kiên nhẫn đợi cho cơn dông dịu xuống.

Hừng sáng, sóng đánh mụ vào một cù lao nhỏ có cát. Nhưng lúc đầu mụ mê man đi vì kiệt sức.

Ánh nắng mặt trời làm mụ tỉnh lại, mụ vô phía giữa cù lao cho sóng khi rút ra khỏi cuốn mụ đi.

Mụ biết rằng khu đất nhỏ đó chỉ có thể là đảo Takakota, không có người ở và cách Hikouérou hai mươi lăm cây số về phía Bắc.

Luôn tám ngày, mụ sống nhờ tám trái dừa trước kia đã giúp mụ khỏi chìm và bây giờ cho mụ thức ăn, thức uống, mặc dầu là rất thiếu thốn.

Nhưng chắc chắn là sẽ có người lại cứu mụ.

Mụ thấy khói của nhiều chiếc tàu đi từ Tahiti lại Hikouérou; không một chiếc nào đi vòng lại phía cù lao của mụ.

Chỉ có vô số thây ma lại thăm mụ khi biển dâng lên, sóng đánh dạt vào. Mỗi buổi sáng, những thây đó viền cái đảo một lớp ghê tởm rùng rợn. Mùi hôi thối làm cho mụ khó chịu, và hễ còn sức là mụ chịu khó liệng trả xuống biển cho cá mập ăn. Tới lúc mệt quá, mụ đành đi xa những thây ma đó, nhưng đảo nhỏ thành thử không lánh được xa lắm.

Khi đã ăn hết trái dừa cuối cùng rồi, mụ rán kiếm những trái khác, nhưng không có dừa mà chỉ có thây ma.

Mụ nằm lăn trên cát, tuyệt vọng. Thế là hết. Chỉ còn có đợi chết.

Nhưng sinh lực trong người mụ già đó còn dai lắm. Sau một lần cực suy nhược, mụ thấy thây một người đàn ông nổi trên mặt nước mà sóng đánh vào bờ. Thây một người da trắng tóc hung hung.

Mụ lết lại, tò mò coi xem là ai. Nhưng mặt mũi bị cá táp hết ba phần tư rồi, không còn nhận ra được.

Naouri lại nằm lăn trên cát.

Một giờ sau mụ ngồi dậy, trở lại coi cái thây ma ghê tởm đó. Ý, người đàn ông này, mụ biết mà.

Một tia sáng hiện trong óc mụ. Kẻ nằm đó chính là Lévy người Đức gốc Do Thái, đã mua của Toriki hạt ngọc đẹp đó và mang nó theo xuống chiếc tàu Hiram.

Vậy có một điều chắc chắn là chiếc Hiram trong cơn dông đã chìm cả người lẫn của. Thần ăn trộm đã không phù hộ tên Do Thái đó nữa.

Naouri hổn hển.

Mụ moi bộ quần áo ướt, tìm thấy chiếc dây lưng, ngón tay mụ run rẩy nắm chặt lấy nó. Đường khâu đứt tung ra, và mụ già lục hết túi này tới túi khác ở phía trong chiếc dây lưng.

Không thấy hạt ngọc… Có, có! Nó đây, ở trong cái túi cuối cùng.

Naouri la lên một tiếng khàn, vồ lấy nó, ngắm nghía một lúc lâu.

Không còn lầm được. Đúng là viên ngọc quí mà Mapouhi đã mò được. Mụ nhắc lên xem nặng nhẹ, để nó lăn trong lòng bàn tay, âu yếm vuốt ve nó.

Không phải vẻ đẹp của hạt ngọc thôi miên mụ đâu, mà trước mặt mụ đã tái hiện ngôi nhà mơ tưởng, nóc bằng tôn uốn, có một chiếc đồng hồ quả lắc, mặt bát giác, treo ở tường trong phòng lớn.

Thế này thì đời đáng sống lắm!

Mụ xé ở manh vải phủ làm áo ra một miếng rộng, để quấn hạt ngọc lại rồi cột chặt hết thảy vào chung quanh cổ.

Mụ hăng hái trở lại, đi khắp bãi cát kiếm trái dừa.

Mụ kiếm được một trái. Mụ kiếm được hai trái.

Mụ đập trái thứ nhất ra, khoan khoái uống nước dừa nó đã chua chua, rồi ngồm ngoàm cạp hết nhẵn cái cùi, chạm cái sọ mới thôi.

Cách đó hơi xa xa, mụ moi ở cát lên một chiếc xuồng. Thiếu mất tấm ván thăng bằng.

Nhưng mụ tràn trề hy vọng và vài giờ sau mụ kiếm được tấm ván đó.

Thôi! Thế là mọi sự hoàn hảo. Hạt ngọc quả là linh không bùa nào bằng.

Chiều tối hôm đó mụ thấy một thùng gỗ nổi. Mụ kéo lên bờ, gỡ ván ra. Thùng chứa mười hộp thiếc cá hồi.

Dùng một hòn cuội nhọn, mụ đục một lỗ trong một hộp rồi rất khó nhọc, rất tốn công, vừa đập, vừa moi, mụ lấy ra được từng miếng cá một.

Tám ngày đã trôi qua mà vẫn không thấy bóng một chiếc tàu nào cả.

Naouri dùng thời gian để cột tấm ván thăng bằng vào cái xuồng, làm bằng một thân cây khoét lõm. Mụ phải dùng tất cả những sợi dừa mà mụ có, và chiếc áo của mụ, còn được mảnh nào dùng nốt vào việc đó.

Thân cây dùng làm xuồng đã hơi nứt, Naouri không biết làm cách nào cho nó khỏi rịn nước, đành phải dùng một sọ dừa để tát nước vậy.

Còn cần một chiếc dầm nữa. Khó nhọc vô cùng,mụ tạo ra một chiếc bằng những ván thùng chứa cá hộp, mụ

cột những ván đó vào một cành cây lượm được trên bờ biển.

Phải cột cho chặt. Cho nên Naouri phải dùng một miếng thiếc của hộp cá để cắt tóc cho sát da đầu rồi kết tóc thành một dây thừng.

Ngày thứ mười tám, lúc nửa đêm trăng tỏ, Mapouhi đẩy xuồng xuống nước rồi bơi về Hikouérou.

Naouri đã già. Vì cực khổ, thiếu ăn từ hôm đó đến nay, mụ gầy chỉ còn xương với da.

Xuồng lớn, để cho ba người lực lưỡng chèo mà mụ bơi một mình, thỉnh thoảng phải ngừng lại để tát nước.

Tới hừng sáng, đảo Takokota đã xa mà đảo Hikouérou thì chưa thấy.

Trong khi Naouri bơi về phương Nam thì một luồng nước mạnh làm cho nó tạt về phương Tây.

Mụ vừa sửa hướng vừa tiếp tục công việc khó nhọc đó, và tới chiều thì mụ thấy khoảng ba hải lý trước mặt mụ, đảo Hikouérou hiện lên, trơ trẽn, không còn những hàng dừa đẹp đẽ trang sức cho nó nữa.

Thấy đảo, mụ phấn khởi lên. Nhưng luồng nước chảy mạnh hơn và dùng tạm mái dầm mụ tạo ra đó thì không đủ sức.

Tới khi mặt trời lặn, mụ mới tiến được một hải lí.

Naouri hiểu rằng tiếp tục chiến đấu trong điều kiện đó là vô ích vì mụ mỗi lúc một yếu đi. Thứ nhất là cái việc tát nước, nó làm cho mụ kiệt lực.

Còn một hộp cá, mụ rán moi ra ăn cho hết, rồi thành tâm cầu nguyện thần Cá mập xong, mụ nhảy xuống nước, lội.

Dưới ánh trăng rằm, mụ khoan khoái nhận thấy rằng mụ tiến khá mau lại gần bờ.

Nhưng chính lúc đó xảy ra cái mà mụ sợ nhất. Cách mụ không đầy sáu thước, một cái vây lớn chặt mạnh nước.

Mụ vẫn tiếp tục lội. Vài phút sau cái vây cá mập vờn sát mình mụ rồi tiến ra xa.

Con quái vật đó mấy ngày trước ăn no quá rồi, cho nên lúc này không thấy tham lắm. Nhưng nếu nó muốn thì nó cũng có thể cắn mụ một cái, đứt làm hai được.

Mụ vẫn bơi, bơi ngửa để cho con cá mập không thấy rõ mụ khi nó trở lại.

Nửa giờ sau con cá hóa bạo hơn. Nó bơi chung quanh Naouri, mỗi lúc vòng tròn một thu hẹp lại.

Đừng mơ tưởng hão nữa, vô ích. Sớm muộn gì con cọp biển dài năm thước đó cũng đâm sả vào con mồi của nó. Naouri quyết tâm đánh bạo một cái. Một là sống, hai là chết, mụ tấn công nó trước.

Khi con cá mập bơi lại gần sát mụ, mụ nắm chặt tay lại, thình lình thoi cho nó một cái vào hông.

Con vật vừa ngạc nhiên, vừa sợ sệt một cách ngu xuẩn, quẫy đuôi rất mạnh rồi bỏ đi. Nó tiến ra xa, bơi theo vòng tròn, mỗi lúc vòng một mở rộng, và sau cùng, mất dạng.

Còn bàn tay của Naouri thì chạm vào lớp da như giấy nhám của con vật, trầy trụa ra, máu chảy đầm đìa trong nước biển.

*

Mapouhi, Téfara và Ngakoura còn nằm trên những cái mền dùng làm giường, trải trong một cái hầm đào ngay ở mặt cát, và che bậy bạ bằng một miếng nóc nhà.

Mapouhi và Téfara cãi nhau rất găng.

Téfara lặp đi lặp lại, lần đó là lần thứ một ngàn.

– Nếu nghe người ta thì đâu có mất hạt ngọc. Ai lại đi chìa cho thằng cụt tay nó coi.

Mapouhi đáp:

– Tôi nhắc lại một lần nữa rằng lúc cạy con trai ra thì thằng Hourou-Hourou nó đứng kế bên.

Téfara vẫn gân cổ:

– Thế là chẳng được đồng nào mà cũng chẳng có nhà. Hôm qua thầy Raoul còn bảo rằng nếu chưa bán hạt ngọc đó cho Toriki…

– Tôi có bán cho hắn đâu. Hắn lấy của tôi đấy chứ.

– Lấy hay không lấy thì thầy Raoul về Tahiti hỏi ý bà cụ, trở lại chắc chắn là bằng lòng cất cho tụi mình ngôi nhà đó và lại đưa thêm một vạn đồng bạc Chili nữa.

Mapouhi rên rỉ:

– Đáng tiếc thật. Nhưng làm sao được bây giờ. Với lại dù sao cũng đã trả được nợ cho Toriki, hạt ngọc đâu

phải là mất toi.

Téfara hét lên:

– Toriki chết rồi! Chiếc tàu của hắn chìm lỉm trong cơn dông như chiếc Aorai và chiếc Hiram rồi. Vậy có đòi hắn được ba trăm đồng bạc Chili mà hắn hứa ghi vô sổ cho không? Hẳn là không chứ? Thế thì món nợ mình đem hạt ngọc để trừ đó, bây giờ chết rồi, hắn có đòi được không? Ai mà thiếu nợ người chết bao giờ?

– Tôi cũng nhận là đau lòng lắm… Và bây giờ thì hạt ngọc mất luôn, chẳng về ai cả. Buồn ngủ lắm rồi. Để yên cho tôi ngủ.

Mapouhi sắp nằm dài ra trên tấm mền thì bỗng vểnh tai lên nghe ngóng. Bên ngoài, từ cái ngõ hẹp và dài dùng làm lối vô, có tiếng kì dị đưa lại. Như là có người thở hổn hển, mệt nhọc.

Rồi một bàn tay quơ quơ cái chiếu rủ xuống thay cửa.

Mapouhi hỏi:

– Ai đó?

– Naouri đây. Tôi kiếm con trai tôi. Làm ơn cho biết nó ở đâu.

Téfara giật mình đánh thót một cái, vội vàng nắm cánh tay chồng thì thầm, răng đánh lập bập:

– Ma… Ma!

Mapouhi cũng thấy run cùng mình. Hai vợ chồng nắm chặt lấy nhau.

Rồi hắn run run đáp, rán đổi giọng cho không nhận ra được.

– Bà ơi, tôi biết con trai bà… Anh ấy không ở đây, mà ở phía bên kia vũng.

Có tiếng thở dài đáp lại.

Mapouhi bắt đầu vững bụng. Hắn đã gạt được con ma. Hắn đánh bạo hỏi thêm:

– Bà già ở đâu tới?

Có tiếng rên rỉ thê thảm:

– Ở biển vô…

Téfara vô ý la lên:

– Phải, phải, ở biển vô… Đúng rồi…

Ở ngoài có tiếng nói tiếp:

– A! A! Téfara ở đây ư? Nếu nó ở đây thì con trai tôi cũng ở đây. Không có lẽ nó đi ngủ lang.

Mapouhi lật bật, thì thầm vào tai vợ:

– Mình làm tiết lộ mất rồi.

Hắn vội cãi lại:

– Không! Mapouhi, không từ mẹ đâu. Nhưng tôi không phải là Mapouhi. Mapouhi ở bên kia vũng mà.

Ngakoura kinh khủng như cha mẹ nó, khóc lóc cuống cuồng lên ở trên giường.

Cái chiếu bắt đầu lung lay rồi dỡ lên, trong lúc đó, Mapouhi và Téfara hoảng hốt lăn trong mền, mắt như lòi

tròng, ngó về phía con ma.

Trong ánh sáng mờ mờ của hừng đông, họ thấy Naouri tiến vô, gầy chỉ còn xương với da và trần truồng như con nhộng, nước biển chạy ròng ròng trên người.

Họ lấy mền trùm đầu.

Con ma rên rỉ:

– Mapouhi con cho mẹ uống nước với.

Mapouhi bảo vợ:

– Cho bà ấy uống, Téfara.

Téfara la đứa con:

– Cho bà ấy uống, Ngakoura.

Hai vợ chồng lấy chân đá đứa con, bắt nó đứng dậy.

Nó run rẩy như tàu lá, chìa bình đầy nước cho con ma.

Và con ma lẳng lặng uống, xong rồi đặt cánh tay lên cánh tay Mapouhi.

Bàn tay không phải là bàn tay ma. Nó nặng như bàn tay người sống.

Mapouhi ló ra khỏi mền, và khi Naouri chìa cho hắn hạt ngọc quí thì hắn không còn ngờ gì nữa, tin chắc rằng mẹ hắn đứng đó, trước mặt đó.

Hắn bảo vợ:

– Téfara nhìn này, hạt ngọc này… Má có hạt ngọc!

Thình lình Téfara cũng vững bụng như chồng.

Naouri mệt đừ rồi. Họ mời cụ ngồi xuống một khúc cây và mụ tức thì kể cuộc phiêu lưu của mụ.

Kết luận mụ nói:

– Chúng ta sẽ có ngôi nhà…

Mapouhi tán thành:

– Lại còn thêm một vạn đồng bạc Chili nữa. Đã thỏa thuận với Raoul rồi.

Naouri hỏi:

– Nhà phải có nóc bằng tôn uốn dài mười hai thước đấy chứ?

– Đúng vậy.

– Trong căn phòng lớn ở giữa, có treo ở tường một cái đồng hồ quả lắc và kê một cái bàn tròn đấy chứ?

Téfara đáp:

– Vâng, vâng…

– Như vậy thì được. Bây giờ cho mẹ ăn cái gì đi, mẹ đói quá, Mapouhi. Nhưng phải nghe mẹ, chỉ khi nào Raoul cất xong ngôi nhà và xỉa mười ngàn đồng bạc trên bàn, thì con mới đưa hạt ngọc, nghe không? Trong việc làm ăn, phải cẩn thận đừng tin người là hơn.

ĐỖ QUANG ĐÌNH VÀ LÂM NGỮ ĐƯỜNG

Lão Râu Quăn *là một truyện ngắn mà nhiều nhà phê bình văn học Trung Hoa (Hồ Thích, Lỗ Tấn, Lâm Ngữ Đường) khen là một trong những truyện cổ hay nhất của đời Đường. Kim Thánh Thán ở thế kỉ XVII cũng nhận rằng một trong ba mươi cái vui của ông là đọc truyện đó.*

Sách Đường đại tùng thư *không biết căn cứ ở đâu mà bảo tác giả là Trương Thuyết. Thuyết đó có vẻ không vững vì lẽ dưới đây. Trong truyện có nói nước Phù Dư ở đông nam Trung Hoa mà sự thực là ở phía bắc Vạn Lí Trường Thành, tức ở địa phận Mông Cổ, Trương Thuyết làm tể tướng đời Đường không lẽ lại dốt địa lí mà lầm lẫn như vậy được.*

Lỗ Tấn trong bộ Trung Quốc tiểu thuyết sử lược *cho tác giả là Đỗ Quang Đình (850 - 933). Quang Đình tự là Tân Chí người đất Tấn Vân, mới đầu học đạo ở núi Ngũ Thai, sau vô xứ Thục, giúp Vương Kiến, làm chức gián nghị đại phu, về già từ quan, ẩn trong núi Thành Thành, mất hồi 83 tuổi. Tác phẩm của ông gồm mười sáu quyển chép trong bộ* Toàn Đường thư; *nhưng truyện Lão Râu Quăn (chữ Hán là Cầu Nhiêm Khách) này không chép trong bộ đó mà chép trong bộ* Thái Bình quảng kí *(quyển*

193), có nhiều bản hơi khác nhau.

Trương Phượng Dực đời Minh lấy cốt truyện viết một nhan đề là Hồng phất kí.

Nguyên bản Cầu Nhiêm Khách ngắn, hơi khô khan. Lâm Ngữ Đường viết lại ra tiếng Anh, nhan đề là Curly-beard *trong cuốn* Famous Chinese short stories *(loại sách bỏ túi). Ông đã bỏ một chi tiết: bữa tiệc đầu lâu, và thêm nhiều nét khác cho truyện thêm vui và tâm lí nhân vật thêm sắc. Trong đoạn giới thiệu ở đầu truyện ông nói là đã thêm chi tiết về đoạn ở lữ quán Thái Nguyên (Taiyuan inn).*

Điểm đáng khen nhất của Lâm là đoạn kết. Trong nguyên văn chữ Hán, đoạn đó có tính cách luân lí tầm thường, khuyên ta tin ở mạng trời. Lâm sửa lại và thêm được một nét hợp với tâm lí nàng Trương.

Nghệ thuật của Đỗ Quang Đình khá cao. Tình tiết dồn dập, đột ngột. Tâm lí những nhân vật chính, tả gọn mà sắc. Cử chỉ nhất là ngôn ngữ hợp với người: Lý Tĩnh, cương trực, trung tín, đúng là một trang hảo hán; lão Râu Quăn hiên ngang, giang hồ, bí mật, đại lượng, ôm ấp chí lớn; nàng Trương thông minh, biết thời, biết người nhưng vẫn có chỗ nhi nữ thường tình và rất dễ thương vì vậy. Đặc biệt nhất là từ đầu tới cuối, Lý Thế Dân chỉ hiện có hai lần mà không nói lên một tiếng, âm thầm, xa xăm. Lại thêm mối tình của Trương và Lý đã đẹp mà tình của Râu Quăn với vợ chồng Lý lại càng cao.

Bản tiếng Anh của Lâm Ngữ Đường viết cho người phương Tây nên dùng một số từ ngữ mới. Chúng tôi châm chước, rán giữ chút không khí cổ và tin dị đoan đầu đời Đường - thời đó ảnh hưởng đạo Lão rất mạnh - nhưng vẫn không dám bỏ xa Lâm, nên truyện vẫn có vẻ hơi tân thời.

Ông Giản Chi đã dịch bản Hán của Đỗ Quang Đình và đăng trong Nội san Bưu Điện thông tin *số xuân Canh Tí sau khi cắt mấy hàng luân lí ở cuối truyện.*

LÃO RÂU QUĂN

Xã hội đời Đường là một xã hội võ hiệp, mạo hiểm, đầy những truyện chiến đấu gan dạ và những cuộc chinh phục phiêu lưu, có biết bao hành động kì dị của những nhân vật kì dị. Con người ở thời đại rực rỡ đó vĩ đại hơn, tưởng tượng sâu sắc hơn, đại độ, đại đởm hơn và hành động lạ lùng hơn con người các thời khác. Tất nhiên là từ khi xã tắc nhà Tùy rung rinh thì trong nước đầy những quân nhân gặp thời nổi lên như một khu rừng đầy loài ngân thử. Người ta coi vận mạng như cuộc đỏ đen trong một canh bài lớn, mà đấu mưu đấu trí với nhau. Người ta tin tưởng dị đoan, thù ghét ai thì cay độc mà trung thành với ai thì cũng nhiệt liệt. Trong thời đó xuất hiện một vị hảo hán da sắt, tim vàng.

*

Lúc đó vào khoảng đầu giờ Hợi. Lý Tĩnh một chàng khoảng ba chục tuổi, ăn cơm xong, đương nằm ở giường, buồn rầu, lo lắng và bực mình. Chàng cao lớn, gân guốc, tóc xòa trên cổ và vai mà cổ chàng rất đẹp. Chàng uể oải vận động những con chuột ở cánh tay vì chàng có tài lạ,

không cần co tay lại mà cũng làm cho các bắp thịt nhảy lên được. Chàng đầy cao vọng, giàu nghị lực mà chẳng có cách gì thi thố tài năng.

Buổi sáng hôm đó chàng vào yết kiến quan Tư Không là Dương Tố để dâng một sách lược vãn cứu giang san. Bây giờ nhớ lại, chàng chắc chắn rằng lão Tư Không mập ú già nua đó chẳng buồn đọc sách lược của chàng. Thật là công toi.

Quan Tư Không giữ việc phòng thủ Tây kinh trong khi Tùy Dạng Đế vui thú với mỹ nữ ở Nam kinh. Lão ngồi chễm chệ trên sập, vẻ tự mãn. Mặt lão như mặt heo, môi dày, mắt hum húp, cằm xệ xuống một lớp mỡ, lỗ mũi hếch đều đều phát ra hơi thở ột ột. Hai chục mỹ nữ đứng sắp hàng hai bên, bưng chén đĩa, bánh trái, ống nhổ, phất trần. Những phất trần dùng để trang sức đó làm bằng đuôi ngựa, dài khoảng gang rưỡi, buộc vào một cái cán bằng ngọc thạch hoặc gỗ sơn đỏ. Lông ngựa trắng mướt như tơ, mềm mại rũ xuống.

Lý Tĩnh nước da sạm nắng; thân hình cao lớn như một lực sĩ, yên lặng đứng đợi (…) Chàng nghĩ rằng xã tắc như một trái táo chín rục, sắp rớt đến nơi rồi. Toàn quốc nổi loạn mà ở đây cái mặt lợn ỉ này cứ ung dung núp sau những bức bình phông bằng da thịt đàn bà kia để cho được ấm áp.

Dương Tố nhìn tấm thiếp của khách rồi hỏi, giọng chán chường, mệt nhọc:

– Thầy là ai?

– Một tên vô danh. Tôi nghĩ trong những thời như thời này, tướng công nên chiêu hiền, tìm người có kế hoạch để hoạt động chứ và nên có lễ độ hơn một chút. Đáng lẽ phải mời tôi ngồi chứ.

Dương Tố đáp:

– Ừ, ngồi chơi, ta vô tình đấy, thôi bỏ qua cho.

Lão ta luôn luôn tiếp khách mà không thèm đứng dậy, nhưng chưa ai dám nói thẳng vào mặt lão như thế.

Có tiếng thở gấp như hổn hển. Một chiếc phất trần rớt xuống đất và một thiếu nữ dong dỏng cao, mảnh khảnh, bận áo hồng, vội vàng cúi xuống lượm. Lý Tĩnh nhìn lên, thấy một cặp mắt đẹp, đen lánh, sáng ngời kinh ngạc ngó mình. Chàng ung dung ngồi xuống.

– Thầy muốn gì?

– Tôi không muốn gì hết. Còn tướng công, ngài có muốn gì không?

Thấy giọng xấc láo đó, lão Tư Không lắp bắp:

– Ta ư?

– Ngài cứ thản nhiên thôi, chẳng chịu tìm một kế hoạch cứu quốc, và một người cương quyết…

Những tiếng sau nhỏ dần rồi ngưng bặt.

– Một kế hoạch ư?

– Tôi biết trước rồi, ngài chẳng có chủ trương gì cả.

Tôi sợ làm mất thì giờ của ngài thôi.

Nhưng khi lão Tư Không hỏi thì chàng cũng rút trong túi ra bản sách lược, và lão ta đặt nó ngay ngắn trên chiếc ghế đẩu thấp ở bên mặt, tỏ vẻ lễ độ một cách gượng gạo, rồi hỏi:

– Hết rồi chứ?

Lý đáp:

– Hết.

Rồi đứng dậy cáo từ.

Trong khi chàng nói, thiếu nữ bận áo hồng đăm đăm ngó chàng và hai cặp mắt gặp nhau. Lúc nàng quay lưng đi ra nàng lại đánh rớt cây phất trần một lần nữa. Chỉ có chuyện đó là vui vui và lúc này đây nằm trên giường, chàng mỉm cười nhớ lại vẻ nhìn chăm chú của thiếu nữ.

Có tiếng gõ nhè nhẹ ở cửa phòng. Ai mà tới thăm chàng giờ này đây? Hay là lão Tư Không đã đọc sách lược của chàng chăng? Vô lý, không thể như vậy được. Chàng ngồi dậy và thấy một người lạ đứng ở cửa, bận áo tía, đội mão, tay cầm một cái gậy gác lên vai; đầu gậy kia là một cái túi.

– Khách là ai?

Có tiếng đáp nhỏ nhẹ:

– Thiếp là kĩ nữ cầm phất trần ở dinh họ Dương. Thiếp vô được không?

Lý vội vàng khoác chiếc áo dài rồi mời vô, ngạc nhiên

về cuộc viếng thăm bí mật và về sự giả trang của khách. Nàng khoảng mười tám mười chín tuổi, lột bỏ áo ngoài và mão ra, để lộ một chiếc áo thêu và một chiếc xiêm đỏ vẽ mây. Chàng ngó giai nhân yểu điệu, e lệ đó, tưởng chừng như một ảo ảnh. Nàng cúi mặt hoa, vái rồi thưa:

– Chắc ông quên thiếp rồi. Thiếp được gặp ông trong cuộc hội kiến sáng nay với quan Tư Không. Thiếp lén đọc địa chỉ trên tấm thiếp của ông và lại đây thăm ông.

– Vậy ư?

Nàng theo dõi cử chỉ của Lý trong khi chàng vừa thắt chiếc dây lưng vừa đăm đăm ngó qua cửa sổ.

– Thưa ông, xin ông nghe thiếp, thiếp lén lại đây đấy ạ.

– Lén lại đây! Cả gan nhỉ? Lính tráng khắp kinh sư này sẽ lùng bắt cô, cô biết chứ?

Thiếu nữ mỉm cười rất tươi và quyến rũ:

– Xin ông đừng lo. Thiếp có một cô bạn nhỏ muốn thay chân thiếp và cái xác già nua suy nhược kia không nhận ra được đâu. Trong nhà đó cũng như trong nước lúc này không ai trung với chủ cả - thực ra họ ghét lão ta và chỉ muốn bòn rút của lão thôi.

Lý mời nàng ngồi xuống chiếc ghế tốt nhất. Cặp mắt nàng vẫn không rời chàng.

– Thưa ông, thiếp đã đọc sách lược của ông.

– Đã đọc? Cô thấy nó ra sao?

– Thật là châu ngọc, dâng cho con heo đó thiệt uổng.

Lý thấy vui vui, ngồ ngộ, hỏi:

– Lão ta có đọc không?

– Không. Làm gì có chuyện đó.

Lý thấy cặp mắt nàng rất thông minh, mỉm cười với nàng.

– Vậy cô định trốn ư?

Nàng khoan thai ngồi xuống chiếc ghế đáp:

– Thiếp xin thưa. Ai cũng biết xã tắc lúc này không còn bao nhiêu ngày nữa mà trận lụt tràn dâng. Ai cũng biết chỉ trừ cái xác không hồn kia. Bọn đàn bà chúng em cũng biết và chúng em phải lo phận mình chứ.

Nàng ngừng một chút rồi tiếp:

– Nhiều người đã bỏ đi rồi. Chỉ khoảng một năm hay hơn một năm nữa là không còn quan Tư Không họ Dương nữa. Sáng nay gặp ông, thiếp nghĩ nên làm quen với ông.

Lý chăm chú nhận xét thiếu nữ. Nàng đẹp thật, nhưng chàng cảm động nhất là thấy nàng đã dám bỏ trốn nhà họ Dương, mà lại thông minh biết nhận xa. Chàng biết rằng nếu chiến tranh lan tới kinh sư, quan Tư Không tẩu thoát không kịp mà bị bắt thì những thiếu nữ trong hoàn cảnh của nàng sẽ khốn đốn ra sao: hoặc bị lính bắt cóc, hãm hiếp, hoặc bị đem bán làm nô tì.

Nàng dong dỏng cao, cặp mắt hơi dài, cách xa nhau; lưỡng quyền hơi cao, mặt thon.

– Hạng đàn bà như thiếp lúc này có làm được việc gì không? Thiếp thành thực hỏi ông như vậy. Xin ông tin thiếp.

Giọng nàng có vẻ buồn, cặp mắt nghiêm, từ cử chỉ đến ngôn ngữ của nàng đều làm cho Lý mê mẩn.

Chàng hỏi tính danh thì thưa:

– Họ Trương.

– Thứ mấy?

– Đầu lòng.

Thiếu nữ chăm chú nhìn chàng.

– Thưa ông, thiếp đã thấy hằng trăm người vô yết kiến lão Tư Không nhưng không có ai được như ông.

Rõ ràng là nàng có ý muốn trốn từ lâu và lựa chàng để gởi thân. Chàng nghĩ rằng có được một người bạn như nàng cũng là điều may.

– Cô Trương à, sống chung với một chiến sĩ như tôi thì đời sẽ vất vả đấy, nay đây mai đó, hành binh rồi chinh chiến, nguy hiểm mà không chắc chắn gì cả.

– Thiếp đọc sách lược của ông, đã rõ điều đó.

– Cô mới gặp tôi sáng nay. Vậy có gì làm cho tin rằng tôi là người đáng cho cô quí mến?

– Thiếp thấy ông làm cho lão Tư Không phải xin lỗi về thái độ bất nhã của lão. Không ai cả gan như vậy. Ông dám nói, thiếp tự nhủ ông là người thiếp đang tìm. Nếu

ông không chê thì thiếp xin trở về để thu xếp ít việc nữa cho xong.

Khoảng một giờ sau thiếu nữ trở lại, Lý càng ngạc nhiên, khó tin được. Chàng vừa vui vẻ hãnh diện, vừa lo lắng vì chàng nghèo. Thỉnh thoảng, chàng lại nhìn lén ra phía cửa sổ xem có ai tới kiếm nàng không.

Lạ thay, thiếu nữ tỏ vẻ rất bình tĩnh. Mắt nàng âu yếm chăm chú ngó chàng và theo dõi chàng.

Lý Tĩnh hỏi:

– Cô không có thân thích gì cả?

Nàng trả lời vội vàng:

– Không ạ. Nếu có thì thiếp đã không gởi thân ở đây. Thiếp có phước quá.

Chỉ có lời đó là tỏ ra cái vẻ nồng nhiệt ẩn trong tia sáng của cặp mắt nàng suốt buổi ấy.

– Cô biết tôi không có công việc làm ăn gì cả chứ?

– Nhưng ông có cao vọng. Ông sẽ làm được đại sự.

– Sao cô biết?

– Bản sách lược đó.

Chàng mỉm cười chua chát:

– Phải, bản sách lược đó!

Không phải chàng coi rẻ bài văn của chàng đâu. Chàng có văn tài mà kế hoạch của chàng phô diễn một cách rõ ràng mạnh bạo, sắc bén. Chàng nói tiếp:

– Thôi đừng nói bậy nữa, không có lý cô lại mê mấy trang giấy đó.

– Thật đấy ạ, thiếp mê nó, nói cho đúng là mê người viết nó. Đáng tiếc lão Tư Không đã không ngó tới.

Nhưng còn điều này thì mãi về sau nàng mới cho chàng hay, là nàng cũng mê cái vẻ đẹp trai của chàng nữa: đầu ngay ngắn, cổ lớn mà tròn, vai rộng mà hiên ngang, cặp mắt sáng, rõ ra phong độ một hảo hán, một quân nhân.

*

Ít bữa sau, Lý nghe đồn lính thị vệ của quan Tư Không đến tìm nàng. Mặc dầu họ tìm kiếm cho có lệ đúng như nàng nói, chàng cũng bảo nàng cải trang làm đàn ông, đỡ nàng leo lên lưng ngựa rồi đưa nàng đi trốn.

Nàng hỏi:

– Chúng mình đi đâu bây giờ?

– Đi thăm một người bạn ở Thái Nguyên.

Thời loạn lạc đó, đi xa là một chuyện mạo hiểm. Nhưng riêng về bản thân mình thì Lý không ngại: dù có mười hai tên cướp hèn nhát mai phục ùa ra một lúc chàng cũng chống cự được. Chàng chính là hạng dũng sĩ có cao vọng, gan dạ, cảm thấy xã tắc nhà Tùy rung rinh nên giao du để kết bạn, nghiên cứu tình hình chính trị và địa lí để hễ gặp thời là phất cờ. Có nhiều người như chàng hoặc giả trang mà ngao du sơn thủy, hoặc bí mật hành động,

tìm những người can đảm tín cẩn và trung thành kết làm đồng chí.

Ngựa đương phi, Lý hỏi Trương:

– Em tin số không?

– Anh muốn nói gì ạ?

– Tin ở số mạng ấy mà. Có một thanh niên con thứ của quan châu tướng Thái Nguyên. Một người bạn của anh là Lưu Văn Tinh biết hắn rõ lắm và cùng với hắn âm mưu nổi loạn mà không cho gia đình hay, Lưu tin hắn vô cùng bảo hắn có chân mạng đế vương.

Thiếu phụ kinh ngạc:

– Chân mạng đế vương?

Lý rầu rầu đáp:

– Ừ, chắc hắn sẽ lên ngôi báu một ngày gần đây. Diện mạo hắn kì dị lắm. Em tin tướng số không?

– Dạ, có. Có tin mới tìm tới mình chứ. Hắn kì dị ra sao?

– Không thể nói được. Tất nhiên là đẹp trai, cân đối, đủ. Nhưng anh không thể tả được. Hễ hắn lặng lẽ vô phòng thì dù không nhìn thấy, em cũng có cảm tưởng hắn ở sau lưng mình. Có cái gì tự hắn phát ra y như trời sinh hắn để làm thủ lãnh mọi người. Anh muốn em gặp hắn để rồi sẽ hiểu lời anh nói.

– Tên hắn là gì?

– Lý Thế Dân. Người ta thường gọi hắn là Thứ lang

vì hắn là con thứ của quan Châu tướng.

Quả nhiên Lý Thế Dân là người sau này sáng lập ra nhà Đại Đường, ông vua được quí mến nhất trong ngàn năm nay, can đảm, khôn khéo, nhân từ; triều đại của ông thành một hoàng kim thời đại trong lịch sử (…).

*

Khi vợ chồng Lý tới một quán nhỏ ở Linh Thạch thì giường đã dọn sẵn. Trong góc phòng đặt một chiếc lò nhỏ lửa đương cháy và trên lò có một nồi thịt hầm đương sôi. Thiếu phụ cởi bỏ bộ đồ giả trang rồi đứng trên giường chải đầu cho tóc khỏi quết đất vì tóc nàng rất dài. Lý đương săn sóc con ngựa ở ngoài sân.

Một người tầm vóc trung bình, râu đỏ mà quăn, cưỡi một con lừa ốm tiến vô quán. Chẳng kiểu cách gì cả mà cũng chẳng để ý rằng có nàng Trương ở đó, khách liệng túi da xuống làm gối, nằm dài trên đất rồi nhìn nàng, bằng cặp mắt sáng ngời, đầy khí lực. Lý bất bình về thái độ vô lễ của khách, nhưng vẫn tiếp tục chải ngựa, chỉ thỉnh thoảng coi chừng khách.

Nàng Trương cũng ngó trộm khách. Mặt khách xám như đồng, quần áo bằng lông thú. Một cái vỏ đoản đao lủng lẳng ở dây lưng. Khách có vẻ nghiêm trang đáng kính. Nàng quay đi, tay trái đỡ mớ tóc, tay phải ra dấu cho Lý đừng giận cứ để mặc khách.

Vấn tóc xong, nàng tiến lại phía khách, lễ phép hỏi

tên họ để làm quen. Khách chậm chạp ngồi dậy, đáp mình họ Trương.

– Thưa thứ mấy?

– Thứ ba.

Nàng dịu dàng nói:

– Thiếp cũng họ Trương, vậy thiếp xin nhận làm em.

Khách hỏi:

– Cô thứ mấy?

– Đầu lòng ạ.

– Vậy tôi gọi cô là cô Nhớn. Gặp được người cùng họ như cô, còn gì bằng.

Lý bước vô phòng. Nàng Trương bảo:

– Anh Tĩnh à, anh lại chào anh Ba đi.

Khách tỏ vẻ thân mật, nhưng giọng cộc cằn. Đúng là một kẻ giang hồ từng trải. Khách nhìn Lý và thiếu phụ, có vẻ đã hiểu được cặp này ra sao rồi. Lý dò xét cử chỉ và y phục của khách, đoán cũng là bậc hảo hớn như mình.

Lý thích gặp hạng người như Lý, không nhà cửa, ăn nói cộc lốc, khinh lối sống nền nếp của bọn cầu an, thận trọng, ôn hòa; hạng người gặp thời cơ thì tung hoành, hạng người gang thép, trung thành với bạn và tàn nhẫn với kẻ thù.

Khách Râu Quăn hỏi:

– Nấu gì trong nồi đấy!

– Nàng Trương đáp:

– Thưa thịt cừu. Cũng gần chín.

– Ta đương đói đây.

Lý ra ngoài, lấy ít bánh để cùng ăn với khách. Khách Râu Quăn rút con dao bén cắt thịt cừu, liệng ít xương sụn cho lừa ăn. Chẳng giữ ý tứ trong khi ăn uống và ăn mau lạ lùng.

Râu Quăn bảo nàng Trương:

– Cặp vợ chồng này kì dị đấy. Nghèo mà phóng túng. Vớ đâu được anh chàng đó? Ta biết hết rồi. Chẳng cưới hỏi gì đâu, gặp chuyện gì đó nên cô cậu dắt nhau đi trốn. Đúng không? Không sao, đừng sợ, cô Nhớn.

Có cái gì âu yếm, ấm áp trong giọng nói của lão.

Cặp mắt chàng Lý không hề chớp, chàng bình tĩnh nhưng lấy làm lạ sao lão ta lại biết rõ như vậy. Hay là lão biết coi tướng. Có lẽ những móng tay dài của nàng Trương đã tố cáo đời sống xa hoa của nàng trong một dinh thự chăng?

Chàng cả cười, đáp:

– Có phần đúng đấy.

Cặp mắt họ gặp nhau; Lý rán dò ý của khách rồi mỉm cười nói tiếp:

– Đúng như ông anh nói, cô ấy đã để ý tới tôi. Đừng coi thường hạng phụ nữ. Cô ấy biết rằng sắp có trận hồng

thủy rồi.

Mắt Râu Quăn sáng ngời:

– Hồng thủy.

– Vâng, nói cho bóng bảy vậy mà.

Râu Quăn liếc thiếu phụ, vẻ thán phục. Rồi hỏi:

– Hai người ở đâu tới?

Lý chăm chú nhìn khách bình tĩnh đáp:

– Từ kinh sư.

– Có rượu không?

– Bên cạnh đây có quán rượu.

Râu Quăn đứng dậy ra đi.

Nàng Trương hỏi chồng:

– Sao anh nói toạc cả ra thế?

– Em đừng lo. Bọn thảo dã anh hùng trọng danh dự hơn bọn quan lớn quan bé. Trông bác ấy anh đoán được là cùng bọn với nhau rồi.

– Lúc không có anh ở đây bác ta cắt lấy một miếng thịt cừu rồi cho lừa ăn mà chẳng thèm hỏi em, em không thích như vậy. Y như là thức ăn của bác ấy vậy.

– Đó mới là điều đáng khen nhất. Nếu bác ấy lại lễ độ và trơn tru thì anh mới ngại. Anh nghĩ một người như bác ta không nên để ý tới vài miếng thịt cừu. Rõ ràng là bác ấy mến em.

– Em cũng thấy vậy.

Râu Quăn đem rượu về. Mặt đỏ gay và bắt đầu nói nhiều. Mạch máu ở thái dương nổi lên. Giọng khàn khàn và thấp, lời chậm rãi, rõ ràng, thận trọng. Lão coi thường tất cả những tướng quân đã phất cờ khởi nghĩa. Không có thằng cha nào ra hồn cả. Nghe nói, Lý chắc Râu Quăn cũng đương mưu tính chuyện gì.

Để dò xét, Lý hỏi:

– Còn Dương Tố là người ra sao?

Râu Quăn cắm phập lưỡi dao vào mặt bàn, cả cười. Lưỡi dao bén tóe ánh sáng rực rỡ, tiếng thép ngân lên, run run rồi lần lần yên hẳn.

– Nói tới tên đó làm quái gì.

– Tôi muốn biết ý kiến ông anh.

Lý kể cho Râu Quăn cuộc hội kiến với họ Dương và cuộc trốn thoát của nàng Trương.

– Bây giờ cô chú đi đâu?

– Đi Thái Nguyên mai danh ít lâu.

– Đừng tưởng mai danh được đâu. Chú có nghe nói Thái Nguyên có một dị nhân không?

Lý kể chuyện về Lý Thế Dân mà người ta đồn là chân mạng đế vương.

– Chú thấy hắn ra sao?

– Kỳ dị lắm.

Râu Quăn có vẻ suy nghĩ lung, một lát sau hỏi:

– Ta gặp mặt hắn được không?

– Anh bạn tôi là Lưu Văn Tĩnh quen thân hắn. Có thể nhờ Văn Tĩnh giới thiệu được. Nhưng bác muốn gặp để làm gì?

– Ta sành coi tướng.

Lý không ngờ mình mới hứa một cuộc hội kiến mà kết quả sau này sẽ nghiêm trọng.

Họ hẹn với nhau tới Thái Nguyên hôm trước thì sáng hôm sau đợi nhau ở cầu Phần Dương. Râu Quăn nhất định đòi trả tiền phòng, bảo rằng trả cho cô Nhớn của lão. Rồi leo lên lưng lừa, cho chạy nước kiệu, biến mất.

Hai vợ chồng trở vô. Lý bảo Trương:

– Anh chắc bác ấy muốn gặp chân nhân vì một lý do riêng và quan trọng. Con người kì dị.

*

Đúng hẹn, Lý Tĩnh và Râu Quăn gặp nhau ở cầu Phần Dương lúc mờ sáng mù sương, chưa rõ mặt người. Lý khoác tay bạn, tới tiệm điểm tâm qua loa rồi dắt bạn đến nhà Lưu Văn Tĩnh. Cả hai không nói năng gì cả, cảm thấy một cái gì thân thiết hơn tình bạn, một mục đích chung. Lý cao lớn hơn, có vẻ một dũng sĩ. Râu Quăn có dáng đi nhẹ nhàng uyển chuyển như một người lão luyện, cứng gối, coi cuộc đi bộ trăm dặm là thường.

Lý nghĩ đến chân nhân, hỏi:

– Bác tin khoa coi tướng là đúng à?

– Tính tình con người lộ ra ở diện mạo. Mắt, môi, mũi, cằm, tai, sắc diện, hễ biết coi tướng thì trông qua là có thể đọc được như đọc trong sách. Bẩm tính mạnh hay yếu, xảo trá hay ngay thẳng, cương quyết và tàn bạo hoặc dâm dật và quỷ quyệt đều hiện ra trong diện mạo hết. Cuốn sách đó khó đọc nhất vì tính tình con người rất phức tạp, có đủ các lối kết hợp.

– Vậy số mạng con người đã định trước từ khi mới sanh?

– Gần như vậy. Khó tránh khỏi được lắm, cũng như khó thay đổi được tính tình của mình (…)

Gần tới nhà Lưu, Lý nhận thấy rằng hơi thở của Râu Quăn gấp lên như bị xúc động.

Tới nhà, Lý vô trước và nói:

– Một ông bạn tôi muốn gặp Lý thứ lang. Ông ta giỏi coi tướng. Còn đứng ngoài kia.

– Mời ông ta vô đi.

Lý vội vàng ra đón Râu Quăn vào, Lưu đã mưu tính một cuộc khởi loạn với Lý Thứ Lang, tức Lý Thế Dân, và nghe nói có ai coi tướng đoán được vận mạng thì thích lắm. Râu Quăn vô và Lưu giữ lại dùng cơm trưa, trong khi đó viết thư mời Lý Thế Dân tới.

Một lát sau, Râu Quăn thấy một thanh niên bước vô

phòng, áo lông quàng lên vai, đẩy ngửa ra sau, trán cao, nét mặt vui vẻ chân thành, quả quyết. Bảo là đẹp trai thì không đúng. Khi gã bước vô phòng thì như có hào quang tỏa ra. Cặp mắt không liếc ngang liếc dọc mà thu được hết những cái gì xảy ra trong phòng. Sống mũi cao, thẳng; dưới chót mũi nhọn là hàng ria đỏ, cứng, uốn cong ngược lên như có thể móc vào đó một cây cung được. Lý thấy cặp mắt diều hâu của Râu Quăn chăm chú nhận xét nét mặt phương phi của thanh niên đó.

Sau bữa cơm, Râu Quăn nói nhỏ với Lý:

– Ta muốn có đạo huynh của ta ở đây để coi tướng người đó.

Thật là khó tin, khi họ ra về, nét mặt Râu Quăn có cái gì như bị ai đập mạnh vào đầu. Cúi gầm xuống mà đi, sắc mặt sầm lại, do dự, hoang mang. Hơi thở phì phì.

Lý Tĩnh hỏi:

– Bác thấy Lý Thế Dân ra sao?

Không thấy đáp, hỏi lại:

– Bác thấy hắn ra sao?

Chậm rãi, Râu Quăn lầm bầm như nói một mình:

– Ta chắc tám chín phần mười rồi. Hắn có thể là chân nhân lắm. Nhưng ta còn muốn đạo huynh của ta coi lại cho kĩ. Chú ở trọ nơi nào?

Lý đáp là trọ tại một lữ quán.

– Ở tạm ít bữa thì được. Đi theo ta lại đây một chút.

Râu Quăn dắt Lý lại một tiệm tơ lụa. Một lát gặp lão ở trong tiệm ra cầm một gói bọc giấy đựng lụa, nặng chừng một hai cân, bảo:

– Này, mang về sắm sửa cho cô Nhớn.

Lý ngạc nhiên:

– Đừng ngại mà. Cầm lấy đi.

Bọn anh hùng lục lâm vẫn có những hành động như vậy.

– Ông anh bắt chủ tiệm nộp thuế đấy ư?

Râu Quăn cười:

– Không. Chủ tiệm là chỗ bạn bè. Chú cần gì nữa không? Ta sẽ viết cho hắn mấy chữ. Chú cứ nói, muốn thứ gì thì lấy thứ đó. Ta thấy cô chú không dư dả gì mà ta không muốn cô em của ta phải thiếu thốn. Ta chắc cô chú không ở đây lâu chứ? Lại Lạc Dương ở với ta. Khoảng một tháng nữa hãy lại.

Lão ngẩng đầu lên, đếm trên đầu ngón tay:

– Mùng ba tháng hai ta sẽ về đó. Tới nơi kiếm một tửu lầu ở phía Đông các tàu ngựa cửa Đông. Thấy con lừa này với một con la đen cột ở ngoài thì chú biết rằng ta và đạo huynh của ta ở trên lầu. Cứ đi thẳng lên.

Họ về quán trọ của Lý, nhưng Râu Quăn không cáo biệt mà theo Lý vô quán. Lão coi cô Trương y như em ruột và coi Lý như em trai. Tối đó lão bảo dọn một bữa

thịnh soạn và có vẻ chưa muốn đi. Cả ba ngồi trò chuyện tới khuya.

– Cô Nhớn vô nghỉ trước đi, để mặc anh.

Rồi lão cứ ngồi lì đó, không có vẻ buồn ngủ. Cô Trương mắt díu lại, đi ngủ trước. Nàng ngượng nghịu, nhưng vui. Sinh lực của Râu Quăn thực siêu quần. Quá nửa đêm lão vẫn còn nói mà Lý thì ngủ gà ngủ gật rồi.

Sáng hôm sau lão đánh thức Lý dậy.

– Đêm bác ngủ ở đâu?

– Nằm ngay trên sàn đây.

– Bác tưởng em cần có lính thị vệ chăng?

Râu Quăn vẫn tươi tỉnh như thường.

– Ta sắp lên núi[1] có ít việc phải lo cho xong. Mùng ba tháng hai ta sẽ về Lạc Dương. Đừng quên nhé. Tất nhiên, cô Nhớn cũng phải tới đấy.

Có lẽ thái độ đó là thái độ thường của những vị nghĩa hiệp giang hồ, đi lại rất mau mà kết bạn cũng mau, lòng cởi mở mà đại lượng. Khi một người coi ta như em ruột và coi vợ ta như em gái thì ta không thể không mến người đó được.

*

(1) Nguyên văn là Mount Wutai. Trong bản chữ Hán của Đỗ Quang Đình không có, chắc Lâm Ngữ Đường thêm chi tiết đó chúng tôi chưa tra được Wutai là gì.

Đúng hẹn, hai vợ chồng Lý tới Lạc Dương. Họ tìm ra tửu quán và khi trông thấy một con lừa một con la cột ở ngoài thì họ lên lầu.

Râu Quăn đứng dậy chào:

– Ta biết rằng thế nào cô chú cũng tới.

– Lão giới thiệu hai vợ chồng Lý với đạo sĩ (…) Đạo sĩ ăn nói khoan thai, tính tình trầm mặc (…) nhưng thân mật.

Đạo sĩ đột ngột hỏi Lý Tĩnh:

– Vậy là bỏ bút nghiên theo việc đao cung ư?

– Thưa vâng, thời buổi này cần đao cung chứ không cần bút nghiên.

Lý lấy làm lạ rằng sao đạo sĩ nhận xét đúng như vậy. Chàng làu thông kinh sử và thú rằng hồi mười sáu, mười bảy tuổi chàng đã do dự lâu lắm, không biết nên lựa nghề văn hay nghề võ.

Râu Quăn dắt hai vợ chồng lại một căn phòng, bảo:

– Cô chú có thể ở đây. An toàn. Đừng ngại gì cả. Ta đoán cô chú nghĩ gì rồi. Tửu quán này của ta. Ở dưới quầy có hộc tiền, cứ tự nhiên, nhớ mua cái gì đẹp đẹp cho em gái ta nhé.

Thế là họ ở lại tửu quán và thỉnh thoảng Râu Quăn lại nói chuyện tới khuya, bàn về binh pháp. Lý Tĩnh học được nhiều điều sau này đem ra thực hành có kết quả.

Điều quan trọng không phải là luyện tập cho được khỏe mạnh can đảm như nhiều người tưởng. Cần nhất là phải hiểu biết địch thủ, tìm cho được nhược điểm mà đập một cái thật mạnh, như vậy hơn là đập cả trăm cái (…) Những cuộc đàm luận như vậy luôn luôn kéo dài quá nửa đêm. Vị đạo sĩ luôn luôn ngó trời về phía Thái Nguyên, coi thiên văn xem các tinh tú gặp nhau ra sao, mờ tỏ ra sao, cái đó Lý Tĩnh và Râu Quăn chẳng hiểu gì cả.

Được ít tuần, đạo sĩ ngỏ ý muốn gặp Lý Thế Dân. Râu Quăn bảo Lý:

– Chú giới thiệu đạo huynh của ta với Lý Thế Dân nhé. Ta muốn đạo huynh của ta xét xem hắn phải là chân nhân hay không. Sắp tới lúc quyết định rồi, và mọi sự sẽ được quyết định.

– Nếu hắn là chân nhân thì bác tính sao? Chiến đấu với hắn hay hợp tác với hắn?

– Ta không chiến đấu với số mạng.

– Vậy theo hắn?

– Nói bậy nào.

Râu Quăn cười để cắt ngang câu chuyện. Lão dẫn một câu tục ngữ có nghĩa rằng thà làm đầu con gà còn hơn làm đuôi con bò.

*

Họ tới nhà Lưu ở Thái Nguyên. Lý Tĩnh giới thiệu đạo sĩ là một nhà lý số biết được tương lai. Lưu đương

đánh cờ và mời đạo sĩ chơi với mình một ván, trong lúc đó sai người mang thư đi mời Lý Thế Dân lại chơi coi đánh cờ. Râu Quăn và Lý Tĩnh đứng "chầu".

Lý Thế Dân vô và lẳng lặng ngồi vào một cái ghế ở bên cạnh bàn cờ. Không thốt một lời, đúng là thái độ đứng đắn của kẻ đứng ngoài coi. Râu Quăn thúc cùi chỏ ra hiệu cho Lý. Trong nước không thiếu gì hạng dũng sĩ và hạng anh hùng đeo kiếm, nhưng một vị chân mạng đế vương phải là hạng khác. Vị đạo sĩ bề ngoài thì chăm chú vào ván cờ nhưng thầm dò xét hơi thở, đo lường hào quang của Lý Thế Dân. Lý Thế Dân ngồi rất thẳng, vai ngang, chân dạng, tay đặt ngay ngắn trên đầu gối. Thỉnh thoảng cặp chân mày đen nhướng lên một chút để theo dõi ván cờ. Và từ phía trong con người tỏa ra một tia sáng như là trông thấy hết, hiểu rõ hết. Một lát sau, đạo sĩ đẩy bàn cờ về phía Lưu Văn Tĩnh, bảo:

– Ván này không nước gỡ. Ông thí quân cờ đó, đi một nước hay quá. Tôi chịu thua.

Những người đứng ngoài đều thấy rằng ván cờ chưa đến nỗi như đạo sĩ nói. Rõ ràng là đạo sĩ nhất định không chịu phí sức trong một cuộc đấu vô ích. Đạo sĩ đứng dậy thở dài.

Rồi cả ba người cám ơn chủ nhân ra về.

Khi họ tới cửa, đạo sĩ bảo Râu Quăn:

– Ván cờ của bác thua rồi. Người có chân mạng đế vương ở trong nhà đó. Đừng gắng sức nữa vô ích. Nhưng

có thể kiếm một đất khác mà chiếm.

Lần đầu tiên Lý Tĩnh thấy lưng Râu Quăn khòm xuống và toàn thể gân cốt gần như dãn ra. Có cái gì biến chuyển trong tâm hồn lão.

Râu Quăn nói:

– Tình thế đã thay đổi và tôi e rằng chính tôi cũng đã thay đổi kế hoạch. Đợi tôi ở Lạc Dương. Khoảng nửa tháng tôi sẽ trở về.

Nói xong rồi bỏ đi.

Lý cũng chẳng hỏi đi đâu, mà cùng về Lạc Dương với đạo sĩ.

*

Khi Râu Quăn trở về, gọi nàng Trương lại bảo:

– Anh muốn cô lại thăm chị. Anh có việc quan trọng muốn bàn với cô chú.

Lý Tĩnh chưa hề biết Râu Quăn ở đâu. Chàng luôn luôn lạ lùng về con người đó. Người ta đưa chàng tới một cái cổng nhỏ có mỗi một cánh. Qua khỏi sân thứ nhất, tới một phòng trang hoàng rực rỡ. Hàng chục thị tỳ đứng hầu. Người ta dắt vợ chồng Lý vào phòng phía đông để trang điểm. Bàn trang điểm, gương cổ, chậu đồng bằng thau, đèn bằng pha lê; bàn, tủ, bình phong toàn là đồ thượng hạng, nhiều đồ quí giá vô cùng.

Một lát sau, Râu Quăn cùng ra với vợ và giới thiệu vợ với vợ chồng Lý. Thiếu phụ khoảng hai mươi tám, ba

chục tuổi, rất đẹp. Hai vợ chồng Lý được tiếp đón cực kì niềm nở, trang trọng như hàng thượng khách.

Trong bữa tiệc, một đội nữ nhạc tấu những khúc lạ tai, du dương mà Lý chưa hề được nghe. Tiệc gần tàn, gia nhân bưng vô mười cái khay gỗ quí phủ nhiễu và đặt trên những chiếc ghế đẩu thấp ở sát tường phía đông. Khi mọi sự xong xuôi, Râu Quăn bảo Lý:

– Tôi cho chú coi cái này.

Mở lớp khăn phủ rồi, Lý thấy các khay đều đựng giấy tờ, chứng thư, sổ sách và những chùm chìa khóa lớn.

Râu Quăn bảo:

– Kể cả châu báu và các bảo vật khác, thì hết thảy vào khoảng trăm ngàn lượng vàng. Xin biếu hết cô chú đấy. Sao? Anh đã trù tính, thu thập số đó để đợi thời cơ lập một đội binh mua vũ khí quân nhu, hy vọng làm nên đại sự. Nay thì không dùng tới nữa. Anh tin chắc rằng thanh niên họ Lý ở Thái Nguyên đó có chân mạng đế vương. Chú giữ lấy những món này, sau sẽ giúp người đó làm nên việc Trời đã giao phó cho hắn. Hắn sẽ là chúa công của chú; mà đừng nên quên chiến lược ta chỉ cho đấy nhé. Trong khoảng năm mười năm nữa, Lý Thế Dân sẽ bình định được giang san. Dốc lòng thờ người đó thì sẽ vĩnh viễn phú quí đấy. Còn anh, anh phải lo việc của anh. Khoảng mười hai năm nữa, khi nào nghe bên kia biên giới có người chiếm được đất, lập nên một nước mới thì người đó là bạn cũ của cô chú đấy. Lúc đó chú và cô Nhớn nên

quay mặt về phía đông nam mà uống một ly rượu mừng anh nhé.

Rồi lão quay lại nói với bọn nô tỳ và gia nhân:

– Từ nay ông Lý sẽ là chủ các ngươi và làm chủ cả gia tài của ta, mà cô em của ta đây sẽ là bà chủ của các ngươi.

Dặn dò mọi việc xong rồi, lão vô bận quần áo đi đường rồi cùng với vợ leo lên lưng ngựa, chỉ có mỗi một người tớ trai theo hầu, từ đó biệt tăm.

*

Mấy năm sau, Lý mắc đánh dẹp khắp nơi trong những trận dai dẳng để thống nhất Trung Hoa thành một đại đế quốc đời Đường, Lý Thế Dân lên ngôi thiên tử, trị dân trong cảnh thanh bình và Lý Tĩnh được vua tin yêu nhất, giao cho chức Bình Chương sự.

Một hôm Lý đọc được trong một bản phúc bẩm của quân đội rằng có một người - không thấy chép tên họ - đã đem một đạo quân khoảng ba bốn chục ngàn người đổ bộ lên nước Phù Dư ở bên kia biên giới về phía nam và đã chiếm nước đó mà xưng vương. Lý chắc chắn rằng người đó là ông bạn cũ đã giúp hai vợ chồng mình hồi trước.

Một người không chịu ở dưới quyền kẻ khác mà tự mai danh cho người đời quên mình và tự đày mình ra khỏi nước thì thật là một điều khó tin. Lão Râu Quăn đã quyết

chí làm vua chúa một nơi nào đó và bây giờ nguyện vọng đã thành.

Tối đó Lý về nhà kể lại cho vợ nghe.

Nàng rất cảm động, nói:

– Chắc là bác Râu Quăn rồi, mừng quá!

– Ừ, bác Râu Quăn đấy. Đáng mừng thật. Bác ấy đã đạt mục đích.

Họ nhớ lại lời dặn cuối cùng hồi xưa nên sau bữa cơm, đốt hai cây nến đỏ, bày ở ngoài sân rồi quay mặt về phía đông nam uống rượu mừng bạn cũ.

Giọng người vợ bỗng kì dị, như nghẹn ngào:

– Mình có thể giúp bác ấy được việc gì không - chẳng hạn tâu với Hoàng thượng phong hầu cho bác ấy?

Lý Tĩnh đáp:

– Để yên bác ấy! Chức tước gì của Hoàng thượng ban ra chỉ làm cho bác ấy thêm rầu thôi. Tại cái xứ bác ấy ở, bác ấy là chúa tể, chẳng thuộc quyền ai cả. Thực là một dị nhân.

Rồi thở dài nói thêm:

– Một bậc vĩ nhân.

.....90

MỤC LỤC

Lời nói đầu 5
1. Thùng nước lèo 10
2. Sợi dây chuyền.....70
3. Mưa 84
4. Cái đầm 150
5. Johnny gấu 214
6. Người chỉ huy 248
7. Một cuộc ráp 276
8. Người báo hiệu.....298
9. Ngôi nhà của Mapouhi.....324
10. Lão râu quăn 363

MƯA

NGUYỄN HIẾN LÊ

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Biên tập: HOÀNG THỊ HƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1
ĐT: 38225340 – 38296764 – 38247225
Fax: 84.8.38222726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1414-2012/CXB/47-145/THTPHCM ngày 22/11/2012